

KHOA HỌC NHÂN DẠNG



NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HÓA DÂN TỘC

KHOA HỌC NHÂN DẠNG

LÊ GIẢNG *biên soạn*

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ DÂN TỘC
HÀ NỘI - 1997

LỜI NÓI ĐẦU

Đã qua nhiều thế kỷ tồn tại, lúc hưng thịnh, lúc trầm lắng, khoa học nhân dạng - môn khoa học thông qua nhận xét tướng mạo con người để đoán định lành dữ, hung cát - vẫn là môn khoa học thần bí đầy hấp dẫn. Tự khám phá và chiêm nghiệm bản thân mình là một điều lý thú. Đến nay, theo thời gian, cộng với sự phát triển không ngừng của trí tuệ và khoa học, nhận xét nhân dạng càng được phát triển dưới nhiều dạng thức với nhiều trường phái, nhiều thuyết khác nhau. Biên soạn cuốn sách này trên cơ sở những tri thức đã được học, được đọc từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau, chúng tôi mong muốn mang đến cho những ai quan tâm đến môn khoa học này những hiểu biết nhất định. Song, như chúng tôi đã nói, vì bản thân nhận xét nhân dạng là môn khoa học thần bí cho nên có nhiều điều dường như chưa giải thích nổi; có nhiều thuyết, nhiều phái khác nhau nên không phải bao giờ quan điểm cũng đồng nhất.

Cuốn sách không tránh khỏi những khiếm

khuyết nhất định, rất mong được sự lượng thứ và
tham góp ý kiến của bạn đọc gần xa.

*

* *

Chúng tôi đặc biệt cảm ơn tác giả Nguyễn Vinh
Phúc - người đã biên soạn cuốn sách "Tìm hiểu cá
tính khả năng con người qua tướng mạo và bàn
tay", cuốn sách mà chúng tôi thấy có những điều
bổ ích nên đã tham khảo, trích dẫn. Chúng tôi cũng
xin tỏ lòng cảm ơn đến bạn bè gần xa đã tham gia
góp ý trong quá trình thực hiện cuốn sách.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

LÊ GIẢNG

CHƯƠNG I

GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT

1. Nhân dạng là gì?

Thời xưa, trong thế giới Nguyên thủy, ông cha ta đã cùng chung sống với các loài dã thú. Sống, chết, tồn tại, nguy hiểm chẳng thể lường trước được. Sự việc thiên biến vạn hóa nên nhu thế nào, con người sẽ ra sao đều là những con số bí ẩn. Những câu trả lời chẳng biết từ đâu, khiến ông cha ta đành phó mặc, tất cả đều chờ đợi vậy!

Qua tổng kết kinh nghiệm, kết hợp thực tế với khoa học, kết hợp tư duy với hiện tượng tự nhiên, con người có xu hướng chú ý đến tổng thể tư duy hình tượng, vén được bức màn mù mịt, thoát khỏi bến mê.

Muốn vậy, việc trước tiên là tự khám phá và hiểu biết chính bản thân mình với tư cách là một cơ thể sống và một tế bào xã hội.

Thực tế khoa học đã chứng minh được rằng hình

dáng của con người biểu hiện tính cách, phẩm chất số mệnh, thời vận...

Vậy nhân dạng là gì?

Nhân dạng là những hình nét của từng người mà thông qua quan sát có thể đoán định được cái gì sẽ xảy ra trong tương lai đối với con người đó. Những bộ phận cơ thể quan sát được trên thân thể con người như: hình dáng, xương, mặt, thân thể, tay chân, nốt ruồi v.v...

Khoa học về nhân dạng còn đi xa hơn là có thể xem xét đến hiện trạng trong con người biểu hiện ra ngoài như: mạch, khí sắc, dáng đi, những động tĩnh khi con người hoạt động. Cho nên, nhân dạng có thể nói cái cụ thể bên ngoài và những nét còn tiềm ẩn bên trong.

2. Nhận xét nhân dạng - Quan sát nhân dạng

Quan sát nhân dạng là một khoa học tinh tế, biểu hiện trí tuệ nhận biết của loài người.

- *Chỗ dựa của thuật quan sát nhân dạng là gì?*
Vấn đề này cần đề cập đến một cách cụ thể. Tại sao quan sát nhân dạng lại giúp nắm được những điều thần bí của cả cuộc sống dài đằng đẳng của người mình đã quan sát? Tại sao có những người

thụ động trước "số mệnh", trước hình thể tướng mạo mà cha mẹ đã sinh ra? Có thể biết trước để chống đỡ, xoay chuyển được không? Có thể quan sát nhân dạng để ứng xử, tránh mọi điều có thể tránh được chăng? Tất cả lệ thuộc vào tài năng của từng người.

Có nhiều ông thầy xem tướng ngồi ở đầu đường xó phố mà lại có tài tùy cơ ứng biến phán những lời làm cho một số người coi như lời thần dạy.? Các ông này có thật thà gì hay nhai lại những mớ lý lẽ hỗn độn? Quan sát nhân dạng có thật linh nghiệm không?

Khi nói đến nhân dạng trước hết cần nói đến xuất phát hàm nghĩa của từ này.

Quan sát nhân dạng là việc xem xét, nhận định một vật chung quanh hình thể của nó. Đối tượng xem xét thường là đối tượng để đánh giá. Theo sự thay đổi hoàn cảnh sống và điều kiện làm việc, từ cuộc sống nguyên thủy trong rừng sâu tiến lên xã hội cây cấy, nội dung quan sát đã có nhiều thay đổi. Ở phương Đông, sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi đã khiến người dân xem các loại công cụ canh tác như trâu, bò, ngựa vô cùng quan trọng. Chúng tự nhiên trở thành đối tượng để người ta xem xét đánh giá. Trước khi có việc xem xét nhận định

nhân dạng của con người thì người thời xưa đã nhận xét được tướng mạo của trâu, ngựa. Chỉ cần xem dáng đi, thân hình, mắt, chân, đôi tai là người xà ích có thể chọn được cho anh ta một con ngựa kéo xe tốt. Bác nông phu chọn trâu để cày phải xem vai, xem đôi chân, đôi mắt.

Thời Chiến Quốc (từ 403 đến 221 trước Công nguyên) đã có hai chuyên gia nổi tiếng về xem tướng mạo loài ngựa là Vương Lương và Bá Nhạc.

Một tri thức nổi tiếng của Trung Hoa là Trang Tử đã nói: "Quan đại phu Hoàng Trục chỉ vì xem tướng ngựa giỏi mà nổi danh thiên hạ".

Ở châu Âu người ta dựa vào thời tiết để xét các nhân dạng. Ví như gió rét nên nhận xét về miệng, về răng; trời mát mẻ nhận xét về dáng đi, biểu hiện trên mặt của đối tượng. Còn nhu muốn nhận xét thật tinh tế tỉ mỉ thì căn cứ vào tình hình, hoàn cảnh biểu hiện nhân dạng. Nhận xét về cô gái, tốt nhất là nhìn vào mắt của cô ta. Ngược lại, ngực của chàng trai biểu hiện tính tình của anh ta. Xem xét một chàng trai có làm nên sự nghiệp gì nên lắng nghe giọng nói từ thanh quản của anh ta phát ra; nhìn vào đôi chân có thể biết tướng đi đứng có dụng nổi cơ đồ được không?

Do đó cần nói ngay: tư duy lô gich về nhân quả có thể xác định được nhân dạng, và rồi từ xem xét tướng mạo trâu ngựa, chuyển sang xem xét nhân dạng. Súc vật nuôi trong nhà, súc lục, tính tình khác nhau do xương cốt, hình thể, lông, sắc mặt, khác nhau. Con người do trời đất sinh ra là một sản vật có khí chất, tất nhiên chẳng ai giống ai về mọi mặt. Đối với con người, nhiều nhà nghiên cứu khoa học cho rằng: "Đời sống của con người, ngay từ khi sinh ra đã có khí chất, mà tụ hợp được khí chất mới sống được, nếu để tán phát sẽ chết ngay". Từ đó nảy sinh ra các hiện tượng: trái tính, thông minh, ngu dần, thọ yếu, làm giặc, làm vua quan, điều lành, điều dữ, điều phúc, điều họa. Tất cả đều có liên quan đến đặc trưng có qui luật của hình thể từng con người.

Một chuyên gia xem tướng ngựa thời cổ Trung Hoa cho rằng: toàn thân con ngựa đều có tướng mạo rất tỉ mỉ, bởi vì các bộ phận khác nhau đều có các đặc trưng khác nhau.

Tướng mạo loài vật hay Tướng mạo con người (nhân dạng) đều là sự phát triển lý tính tự nhiên.

Tướng mạo của loài vật hay nhân dạng đều là kết quả của quan sát và phải quan sát cẩn thận tỉ

mì, nếu không quan sát thì không thể nào phân biệt được.

Từ xưa, ở phương Đông, chuyện quan sát nhân dạng đã trở thành thông tục trong dân gian. Người bấy giờ quan sát nhân dạng tập trung vào 2 điểm:

Một là: xuất phát từ mặt y học mà quan sát, bởi lẽ bên trong và bên ngoài thường là sự biểu hiện của nhau. Nếu bên trong có bệnh thì nét mặt và hình vóc được thể hiện ngay. Chẩn đoán bệnh của đông y là thông qua quan sát hình sắc trên mặt người bệnh.

Thông qua các loại đặc trưng bên ngoài, khí sắc của 5 giác quan biểu hiện rõ rệt trên mặt có thể phán đoán tương đối chuẩn xác tình trạng các loại bệnh của một người, thông qua đó cũng có thể phân tích tính tình của một người, như:

- Thiếu độ tin cậy
- Nhận xét sự việc minh mẫn.
- Âm mưu nổi loạn.
- Dũng cảm, coi thường cái chết.
- Sống lâu hoặc chết yếu.

Hai là: thông qua quan sát đặc trưng hình dáng tướng mạo đoán được số mệnh.

Đặc trưng hình dáng tướng mạo với số mệnh có quan hệ tương ứng kỳ lạ.

Nhà tướng học phương Tây Ta-lét-xo đã nói:

..." Tình trạng nét mặt của một con người cùng các đặc trưng khác thể hiện rõ tính cách của người đó, và còn thể hiện rõ số mệnh của người đó nữa".

Số mệnh là sự giải thích về xã hội học của trạng thái cuộc sống, loại giải thích này lúc mới đầu chỉ thuần lý tính, không dựa vào vật cố định nào. Quan sát nhân dạng có thể liên hệ được đặc trưng diện mạo với điều lành, điều dữ của số mệnh, từ đó đặc trưng hình dáng diện mạo trở thành tượng trưng về số mệnh con người. Hậu vận của một người, là tượng trưng cho vận khí của người đó trong những năm cuối đời. Tại sao có loại tượng trưng này? Đây là nội dung của việc nghiên cứu tướng lý một cách khoa học. Thuật ngữ tướng lý chỉ sự quan sát nhân dạng và xét đoán số mệnh.

Cuối cùng quan sát nhân dạng là cái gì? Thực ra quan sát nhân dạng là một loại quan điểm đối với số mệnh. Nó là một học thuyết cho rằng đặc trưng hình thể của con người bộc lộ tính cách, vận hạn của người đó. Hoặc nói, quan sát nhân dạng là một loại quan điểm về cuộc sống vì nó thông

qua lời nói, việc làm và hình thể của con người, đưa ra một loại giải thích gương ếp để phù hợp với đạo đức xã hội và tiêu chuẩn cuộc sống. Lại có thể nói, quan sát nhân dạng là một loại học thuyết dự báo cuộc sống, dự báo sinh mệnh, vì nó thông qua đặc trưng bản thể của con người dự báo động thái tương lai của con người.

Hầu như "nhân dạng" trở thành từ thông tục, đồng thời "tướng mạo" đã có hàm nghĩa "hình dáng tướng mạo".

Có một số người đến nay cứ đánh lộn giữa nhân dạng với việc "xem tướng" là không khoa học; có lúc lợi dụng sự mê tín. Thái độ của chúng ta là phải dùng nhãn quan khoa học để nghiên cứu lĩnh vực này.

3. Đặc trưng thần bí của quan sát nhân dạng.

Nói đến đặc trưng thần bí của quan sát nhân dạng, trước hết nên điểm qua một số ý kiến của các nhà nghiên cứu cổ đại về vấn đề này.

Trong cách quan sát mặt người, nét mặt là một trong những bộ phận quan trọng nhất. Cho nên trong các sách nói về nhân dạng đại bộ phận đều đề cập đến vấn đề này. Bí ẩn của cách quan sát

nhân dạng là tìm những biểu hiện điển hình trong nét mặt.

Các nhà nghiên cứu cổ đại cho rằng điều bí ẩn của cách quan sát nhân dạng là không thể nào biết được, họ đã bỏ qua việc nghiên cứu các mối liên hệ tất nhiên khi nhận xét về tính tình chân thật, gian xảo, sống lâu, chết yếu thể hiện trên nhân dạng. Ví dụ như: "Sắc mặt trắng bệch, vàng như thóc chín, tím tái đi" thay đổi theo trạng thái tâm lí". Thân thể mạnh khỏe, trong người nhiều chất dinh dưỡng, tại sao nhất định lại "đại phú quý"? Những người có sắc mặt như thế, đương nhiên không phải là những người lao khổ, thế thì phải là con em của gia đình giàu có mới "đại phú quý" được? Còn như "da mặt dày, tính nết hiền hậu, hiếu thảo; da mặt mỏng, tính tình cần mẫn nhưng nghèo". Da mặt dày hay mỏng, làm sao có thể chỉ rõ được tính tình, cuộc sống giàu nghèo được? Càng không thể khẳng định được "Vàng mặt thì vinh hoa phú quý; mặt xanh là một nhà hiền triết". Loại so sánh này, ngoài những bí ẩn của nó ra, còn có điểm quá mê tin. Lại có quan niệm: "Nếu giữa trán với mũi phát tím, chỉ một ngày thôi có thể được bổ nhiệm làm quan, tiến chức phát tài, trong

thời gian mấy tháng đã có nhà của ruộng vườn". Ấn đường phát màu tím thì thăng quan tiến chức, phát lộc phát tài như thần cho vậy, thế chỉ có thần làm mới được. Đơn thuần từ góc độ y học, khí sắc trên mặt con người chỉ có thể phản ánh tình trạng sinh lí của lục phủ ngũ tạng, không thể biết được có cái gì làm nên phúc họa giữa nó với con người. Có lẽ đây là những thú bí ẩn mà các vị thầy tướng vẫn nói.

Cụ thể, đặc trưng của việc quan sát nhân dạng, chủ yếu biểu hiện ở mấy mặt dưới đây.

Thứ nhất: Kết hợp tướng trung bản thể của tướng mạo với số mệnh.

Người xưa cho rằng: trời đất vạn vật đều có tướng mạo. Tướng mạo là biểu hiện tinh vi sự luôn thay đổi của sinh mệnh vạn vật trời đất. Con người sống trong trời đất vạn vật, hình thái là sự phản ánh hình thái sinh mệnh của con người. Từ hiện trạng của hình thái sinh mệnh này có thể biết được tương lai. Các nhà quan sát nhân dạng nhận định: tướng mạo với số mệnh có mối liên hệ bản chất. Nhưng tại sao trời đất vạn vật lại có các tướng mạo khác nhau? Cùng một loại vật, tướng mạo có đến hàng nghìn hàng vạn, số mệnh không phải là thứ

có thể y xi như nhau, thế mà người xưa luôn cầu mong cho số mệnh tốt lành. Thế thì số mệnh là cái gì? Kết quả vấn đề còn mù mịt tối tăm. Nhà thơ Khuất Nguyên (Trung Quốc) đã có bài thơ "Thiên Vấn" (Hỏi ông trời) để mong muốn giải đáp các vấn đề còn bí ẩn. Nhưng ông cha ta rất thông minh, khi chưa giải đáp được những điều chưa rõ, vẫn không ngừng tìm tòi suy nghĩ, cuối cùng đưa ra những ngộ giải một số bí ẩn của sinh mệnh, cái sống cái chết của sinh vật và giới tự nhiên, từ đó liên tưởng đến quỹ đạo sinh mệnh của bản thân. Người xưa, đã đưa ra được một loại so sánh có tính tượng trưng giữa sinh vật tự nhiên với sinh mệnh con người.

Tượng trưng của quan sát nhân dạng đối với sinh mệnh, chủ yếu bao gồm tượng trưng ngũ hành (Kim, mộc, thủy, hỏa, thổ) với tượng trưng của các loại động vật (chim muông cầm thú).

Tượng trưng ngũ hành là căn cứ vào đặc tính ngũ hành để so sánh hình thái số mệnh con người.

Ví như lửa thì có xu hướng mãnh liệt, màu đỏ của lửa là động thể của đột biến mạnh, lấy nó để tượng trưng cho người có tính nét giống như thế. Cụ thể:

"Người có tóc đen mặt vàng, sống mũi nhô, gò xương cao, mắt đỏ, lông mi rậm, tay lòng không, gầy nổi gân, đi trên đường tai luôn vểnh, giọng nói cao the thé, mồm hở răng là tướng hỏa, giống như ngọn lửa đỏ.

Người tướng hỏa có phẩm chất và hình thái nóng như lửa, loại người như vậy tính tình nóng, xương thịt nổi, đối xử với người khác có phần thô bạo khó có thể thay được định hướng đời sống cho họ. Đây chỉ là một thứ tượng trưng. vì con người có thể có đặc trưng nhiều hướng của ngũ hành, do đó cần phân tích toàn diện tỉ mỉ, cho nên khi xét con người có tướng mạo như ngọn lửa cần xét thêm:

"Tướng hoá bộc lộ ở gân cốt. Ví dụ mặt đỏ nhưng có chút lạnh tanh, tóc ít, mắt đỏ, như ngọn lửa ngả màu vàng là tướng bốc hoá. Còn mặt xanh, có mang chất gỗ. Xương đầu nặng, mang chất kim khí; mặt vuông dày, màu vàng, có mang chất đất; mặt trắng mà tròn là mang chất kim khí".

Hình trạng động vật có thể tượng trưng cho tướng mạo con người. Mỗi loại hình trạng của động vật nhất định đều mang tính thực tiễn bằng không chẳng có chút ý nghĩa gì. Nói chung loại hàm nghĩa

này là sự giải thích có liên quan đến động thái sinh mệnh hoặc là một số văn hóa khác có thể nhận biết. Ví dụ người xưa vẫn cho loài chim "Phượng" là loài chim tốt lành, so sánh chim Phượng với người quân tử. "Hình dáng đẹp, mắt to, lông mày thưa, mũi cao quặp, thân cao, tiếng nói trong là người có tính tình nhã nhặn; nếu béo, trì trệ, trán cao, đó là ứng với tướng người tính tình tầm thường". Hoặc "lông mày lông mi thưa, thân đi hơi nghiêng là người có hình dáng chim Phượng nhỏ. Nếu người cao, mặt to, mũi dô, nhanh nhẹn, là hình dáng chim Phượng đỏ. Hình dáng này làm cho người ta có cảm giác người đó hết sức sáng giá, đem lại mỹ cảm trang nhã hài hòa. Người có loại hình thái này, các nhà quan sát nhân dạng cũng cho rằng có tướng phúc hậu, sang trọng. Thực ra chẳng qua người ta lấy sự may mắn của "chim Phượng" gắn ghép vào con người. Chúng ta có thể thấy được, sự kết hợp tượng trưng mạo với bản thể sinh mệnh, chỉ là nhận thức sinh mệnh. Con người tài khôn hơn vạn vật, thuộc tính bản chất của con người khác với trời đất, với ngũ hành, động vật. Các nhà xem tướng mạo căn cứ vào hình thái động vật, tính chất ngũ hành để chia số mệnh con người thành từng loại rất thần bí.

Thứ hai: khoa trương âm thị tướng mạo với trạng thái tâm lí.

Tướng mạo của con người dù cho khác nhau, nhưng có thể chia làm mấy loại chính như: Người phương Bắc, người phương Nam. Trong mỗi phương lại có thể chia người vùng này, người vùng khác. Tướng mạo con người, lại được chia thành những nét đặc trưng tỉ mỉ, như loại người mũi cao thẳng dọc dừa, loại người thấp gầy v.v... Người xưa, đã chú ý đến những sự khác nhau và giống nhau của tướng mạo con người, đó tức là quan sát nhân dạng để tìm ra một cơ sở vật chất. Quan trọng là, người ta còn gắn tướng mạo với trạng thái tâm lý có liên hệ. Loại liên hệ này trước hết là một loại âm thị, tức là từ cuộc sống của một loại người rút ra đặc trưng tướng mạo của loại người đó. Ví dụ từ tướng mạo của các ông vua đời xưa, của các vị danh tướng mà các thầy tướng kết luận "những người nào có hình dáng kỳ lạ" đều là "thánh nhân". Người Pháp, người châu Âu đều cho rằng hoàng đế Na-pô-lê-ông là người có "kỳ hình dị tướng", người Nga cho Ku-tu-dốp có nét hình dạng khác người thường. Người Trung Hoa cho Khổng Tử có tướng mạo quái dị, miệng của ông ta giống như mỏ

chim. Nếu căn cứ vào đó mà nói rộng ra, những người có mồm mặt quái tinh làm tiên làm thánh là điều không tưởng.

Loại ám thị này được các ông thầy tướng khoa trương thổi phồng lên cộng vào đó ý nghĩa mê tín để tăng thêm độ tin. Loại ám thị này nguyên là ảo tưởng. Một loại muốn cải tạo hiện thực bằng ảo tưởng, tin vào lễ bái cầu phúc, do trình độ nhận thức mà hạ thấp năng lực, hoặc bất lực trước thiên nhiên, không cố gắng cải tạo hiện thực mà lại duy ý chí dựa vào tướng mạo. Ví dụ điển hình nhất là trước đây nhân dân đều qui "lành", "dữ" là do tướng mạo. Có người nói: "Những người mặt tròn, tai tròn gọi là mặt chữ "Viên", như thế thì "âm vượng dương suy" không thể là quý tướng được. Nam mà như thế thì cha mẹ chết sớm, anh em phân tán, không thọ..." Cuộc sống vui vẻ, trường thọ là ý tưởng của con người nhưng nếu sinh ra mà mặt đã hình chữ "Viên" thì lý tưởng trở thành vô vọng, tứ cố vô thân, buồn phiền vô kể.

Nếu như đem lòng mong ước của nhân sinh giao phó cho mặt mày, thì nguy hiểm, đồng dạng với thần bí. Trên thực tế, tướng mạo với trạng thái tâm lý làm thế nào có thể là một loại liên hệ tất nhiên

được? Tất cả những điều này không có cách nào giải thích nổi, vì thế càng tăng thêm vẻ thần bí của nó.

Thứ ba, khó mà kết hợp giữa tướng mạo với quan niệm luân lý.

Trong xã hội phong kiến, hiếu để trình tiết là một trong những nội dung chủ yếu của luân lý. Điều kỳ quái là người ta đã đồng nhất loại quan niệm luân lý này với tướng mạo, tức là một con người không hiếu để trình tiết là do tướng mạo lúc bố mẹ sinh ra. Điều này phải nói đến sự "chuyển đổi" thần bí. Cách quan sát nhân dạng cho rằng người có hiếu sẽ có phúc, bất hiếu sẽ gặp tai họa. Đồn rằng có một người con có hiếu, mẹ bị mù nhiều năm, anh đã tận tụy nuôi mẹ, tìm thầy thuốc khắp nơi. Về sau nghe nói có một ông thầy tướng mạo hiền từ, lại giỏi nghề xem bói, gieo quẻ bói cho bà mẹ tàn tật, rồi xem tướng mạo của anh, nói: "Màu sắc đỏ vàng bốc lên đến mũi, Ngũ Nhạc có khí giống như đám mây, khí chất lương thiện nếu gặp điềm dữ cũng hóa lành". Lại bảo: bệnh của bà mẹ không thuốc cũng khỏi.

Anh con hiếu để nghi hoặc, về nhà xem thử thì chính mắt thấy mẹ mình ngồi dậy. Anh vội chạy lại đỡ mẹ thì thấy đôi mắt mẹ đã sáng ra.

Môn "xem tướng mạo cho phụ nữ" giải thích tường tận, nhưng tất cả đều không ra ngoài cách từ tướng mạo để giải thích: "làm điều chân, điều ngụy" "biết ứng xử" là đều từ tướng. Người ta cho rằng:

Xương trán dô, răng không đều, lưng thô, mặt có nốt ruồi, mồm vẩu, nói năng lấp bắp, thấy người mặt nhìn xuống hoặc giấu mặt đi, ngồi đâu chẳng yên thường là tướng của những người đàn bà dâm dướng hay làm điều xằng bậy. Một khi bị "ông thầy xem tướng" phát hiện ra có tướng dâm dướng thì người đàn bà đó có dùng đủ cách để thanh minh cũng đành phải than ngán thở dài trách mình là hẩm hiu.

4. Vài nét về chuyên ngành quan sát nhân dạng

Quan sát nhân dạng ảnh hưởng sâu sắc đến hành vi và động thái tâm lý của người xưa, là một trong những hiện tượng văn hóa xã hội phổ thông. Nhưng phương pháp nhận xét nhân dạng lại "chưa khắc phục được nhược điểm, còn rất phức tạp, không thể nói mơ hồ được", bởi vậy mọi người còn phiền diện khi xét đến giá trị văn hóa có nhiều đặc thù của nó. Cho đến ngày nay chúng ta còn chưa thấy

được những công trình nghiên cứu tương đối có hệ thống về phương pháp quan sát nhận xét nhân dạng. Đối với việc nghiên cứu văn hóa cổ đại không thể không nói đến di sản này. Hiện nay, việc nghiên cứu văn hóa cổ đại, đặc biệt đi sâu nghiên cứu văn hóa thần bí sẽ có những vấn đề khiến nhiều người quan tâm chú ý.

Khái niệm về văn hóa, trước mắt có nhiều quan điểm. Loại quan điểm phổ biến cho rằng, văn hóa là tổng hòa thành quả tư duy cùng với hiện vật của loài người. Văn hóa quan sát nhân dạng có thể nói là một loại thành quả tư duy hướng về sinh mệnh, là một loại nhân sinh quan "hình nhi thượng". Văn hóa quan sát nhân dạng không phải là siêu nhiên một thứ quái lạ mà bắt nguồn từ một truyền thống văn hóa nào đó. Do đó, nghiên cứu phương pháp nhận xét nhân dạng, điều quan trọng nhất là tìm cho được mối liên hệ bên trong của nhân tố văn hóa truyền thống: triết học, luân lý, tôn giáo, khoa học; tìm cho được văn hóa nuôi dưỡng từ bên trong cùng với sự thay đổi cá tính.

Thứ nhất: Nhận xét nhân dạng với triết học

Triết học là nhận thức cảm tính đối với vũ trụ, tự nhiên, cụ thể "hình nhi hạ", rồi nâng lên khái

quát lý tính đến "hình nhi thượng". Nhận xét nhân dạng ở phương Đông tùy theo diễn tiến không ngừng của triết học mà thành thuộc; ở phương Tây có chậm hơn, nhưng xét ra cũng khá sâu sắc.

Cơ chế bên trong của triết học cùng nguồn gốc của trời đất tự nhiên, hình thái sinh mệnh, nhân sự xã hội, nhân dạng tướng mạo là mô hình bản thể biểu hiện bên trong, là trình tự thay đổi đồng bộ, có liên quan đến mọi sự phát triển. Sự hưng thịnh của phương pháp nhận xét nhân dạng giống như một hành tinh bên trong mô hình vũ trụ. Trong con mắt của các nhà nhận xét tướng mạo, con người là một vật của tạo hóa sinh ra, tuần hoàn trong quỹ đạo của vũ trụ. Vũ trụ là trời đất, thiên nhiên cùng với hình thái sinh mệnh và nhân sự xã hội là ba mô hình cơ cấu nhất thể. Nội dung bên trong của vũ trụ lớn cũng có thể chứa đựng một vũ trụ nhỏ.

Cho nên, phương pháp nhận xét nhân dạng có thể có nhiều cách nói. Tóm lại, cơ sở căn bản của phương pháp nhận xét nhân dạng là: con người phải theo đất, đất theo trời, trời theo đạo, đạo theo thiên nhiên. Các nhà nhận xét nhân dạng đã nắm vững nguyên lý chung của sự vận động biến

hóa của mô hình vũ trụ này để rồi chỉ cần nắm vững một loại trong sự vật cùng loại, để có thể từ đó chiếu rọi với đồng loại, quên đi dĩ vãng, dự đoán tương lai, hoặc từ tiền đề hình nhi thượng để diễn giải sự vật cụ thể ứng đối của hình nhi hạ. Cho nên nói, cái gọi là nhận xét tướng mạo, thực ra phù hợp với nguyên lý trời - con người, âm-dương.

Từ vũ trụ, trời đất, thiên nhiên mà có được quy luật để có thể hiểu được hình thái sinh tồn đặc biệt trong vũ trụ nhỏ bé của con người, thiên định tương quan với số mệnh sau này. Triết học mà phương pháp nhận xét tướng mạo tiếp thu là các loại mật mã của: Lý, Khí, Tượng, Số. Những cái này là cuộc sống sinh hoạt, bí ẩn.

Ngay buổi ban đầu, nguyên tắc chúng quyết định vạn vật sinh ra đã được tồn tại. "Khí" là nguyên tố sinh mệnh mà thế giới vạn vật đã sản sinh ra, nó là cái gốc của vạn vật trời đất. Kết quả của tác dụng Lý và Khí đã tạo nên hình thái vật chất cụ thể. Nội dung chủ yếu của Lý là quy luật cơ bản của âm dương, động tĩnh, khí hóa vạn vật. Sự vận động tuần hoàn của khí âm dương có quy luật, phản ánh được tự nhiên, xã hội, rồi thông qua

nguyên lý ngũ hành âm dương mà sinh ra vạn vật... Đây là một quá trình từ không thành có. Vận động tuần hoàn của Khi có quy luật, trong thời gian khác nhau, giai đoạn khác nhau, do tỷ trọng phối hợp giữa âm dương qua lại khác nhau, khác nhau giữa động và tĩnh mà sinh ra hàng loạt sự khác nhau về chất lượng hết sức tinh vi. Đây là "Số". Số là giá trị chất lượng của vạn vật tạo hóa. Nó quyết định hình thái sinh tồn của vạn vật, nó tuần hoàn trật tự trong quỹ đạo tất nhiên của sự phát triển.

Bây giờ nói sang chữ "Tượng".

"Tượng" không những là biểu tượng cụ thể của hình thần sự vật khách quan cá biệt mà quan trọng hơn là truu tượng cao của "tiêu bản tương ứng" sinh ra hình thần sự vật khách quan cùng loại. Nhìn từ độ cao của triết học, bản chất của nhận thức sự vật khách quan đồng thời là biện pháp để phân đoạn tương lai là lấy sự truu tượng "Sinh cờ" của sự vật khách quan làm tin hiệu âm dương. Do khi âm dương phối hợp giá trị đồng nhất nên có thể sinh ra các loại vật giống nhau, các sự vật khách quan đồng bộ phát triển. Hình thái của nó hoặc lớn hoặc nhỏ, khoảng cách nhận biết hoặc xa hoặc gần đều hoàn toàn nhất trí trong quỹ đạo phát triển.

Tướng thuật là như thế đấy, nó lắm vũng nhũng điều linh nghiệm nhất của các sự vật chưa biết đang sống bằng cách mượn hình thức sinh thái sự vật cùng loại đã biết để tiến hành phân biệt, so sánh, từ đó đạt được một quan điểm hoàn chỉnh về sự vật chưa biết căn cứ vào các nguyên lý đã nói trên trong triết học phương Đông: trời đất thiên nhiên, hình thái sinh mệnh, nhân sự xã hội cùng nguồn cùng gốc. Phương pháp quan sát và nhận xét nhân dạng của thời cổ đại phương Đông cho rằng: sinh mệnh của con người không thể vượt qua được sự ước thúc của 4 nguyên tố: Lý - Khí - Tượng và Số

Có thể nói như thế này về sự bắt nguồn của sinh mệnh con người: "Đạo sống của con người rất tinh vi, nó hình thành do âm dương và ngũ hành vốn rất giàu hình và lí. Tuy vạn vật đều có đạo của mình nhưng không thể tối linh như đạo sống con người"

Trời sinh nước, người có thân.

Đất sinh lửa, người có tâm.

Trời sinh gỗ, người có gan.

Đất sinh kim, người có phổi.

Trời sinh đất, người có tỳ.

Số mệnh của con người phức tạp và đa dạng, đều là mối liên hệ nhân quả tất yếu và quyết định nên tướng thịnh hay suy. Khí chất của con người do trời sinh quyết định bản tính thông minh, ngu dốt, quyết định tiền đồ của con người, đây là logic mệnh lý của tướng thuật.

Thứ hai, phương pháp quan sát nhận xét nhân dạng với luân lý.

Điều này là một trong những đặc trưng đáng chú ý của phép thần bí. Nhận xét tướng mạo không giải thích khiên cưỡng mối quan hệ tướng mạo và luân lý.

Trong xã hội phong kiến phương Đông, đạo đức luân lý phong kiến "tam cương ngũ thường" đã lấy tướng mạo làm mô hình vũ trụ, lấy âm dương ngũ hành làm cơ sở căn bản. Nhưng trên thực tế, nếu lấy âm dương làm mô hình vũ trụ của nguồn gốc sinh mệnh vạn vật thì các nhà triết học cổ đại phương Đông đã cho đây là kết quả tất nhiên phát triển lịch sử văn hóa.

Trời đất, âm dương có thể là chỗ dựa của con người, đó cũng là nguyên lý sinh hóa tự nhiên. Vũ trụ vạn vật âm dương hòa hợp làm cho nam nữ, vợ chồng thành vật hóa sinh âm dương dưới sự kiểm soát của đạo.

Quan hệ nhân luân: nam tôn nữ ti, phu xứng phụ tòng làm cho khí chất âm dương vốn có của vũ trụ sẽ có tôn ti, chính phụ, đó là điều cần thiết. Cái gốc sinh mệnh của mô hình vũ trụ: trời đất thiên nhiên, hình thái sinh mệnh, nhân sự xã hội cùng nguồn cùng gốc đồng bộ phát triển là từ khí chất âm dương.

Tôn ti của khí chất âm dương quyết định quan hệ đẳng cấp tôn ti của vạn vật. Do đó có thể nói, bản thân mô hình vũ trụ xa xưa đã mang màu sắc luân lý đậm nét. Nhận xét nhân dạng cần tìm cho được tính nét con người: trung, nghịch, vinh nhục, tôn ti, hung ác, tình cảm thân thiết và hợp hôn có liên quan đến số mệnh luân lý.

Âm dương có phân biệt, dương chính âm phụ, nam tôn nữ ti là nguyên tắc của đạo đức luân lý phong kiến, cũng là nguyên tắc chung của cách nhận xét tướng mạo con người.

Căn cứ vào nguyên tắc này, nhận xét nhân dạng cho rằng con người từ cái khí của âm dương mà sinh ra, hình thể của nam nữ cũng có tương quan nhưng mang đặc trưng khác nhau. Con trai thì lấy đặc trưng hình thể cương dương, con gái lấy đặc trưng âm nhu là tốt, ai cũng có cái đặc biệt riêng

rẻ, ngược lại cũng có lúc âm dương đảo lộn. Ví dụ Người đàn bà nào cang cường, hiếu thắng, thì số thường hại chồng, hại con.

Còn người đàn ông quá yếu mềm, thiếu khí chất cương dương, tất nhiên không có lợi cho bản mệnh, không có công danh.

Nhận xét nhân dạng còn đề cập đến 5 loại tướng mạo: diện mạo, lời nói, cặp mắt, tai nghe và sự suy nghĩ, tất cả đều có mối liên hệ với nhau. Con người thiện, ác đều liên quan với dáng người: cao, thấp gầy, béo. Con người có nhân thì "mi thanh mục tú", có "nghĩa thì hình dáng rất chắc, lùn nhưng phương phi; hay nói, hình bằng phẳng như đất thì đôn hậu; người như lửa thì trên xem thường dưới xem trọng; người theo mệnh nước thì đa mưu nhiều trí.

Nhận xét tướng mạo là một trong những căn cứ lí luận cho quan niệm luân lí. Phẩm chất luân lí trong quan niệm chính thống đã trở thành nguyên tắc kiểm tra quan trọng của hình thể, còn vượt lên trên lí luận nhận xét về nhân dạng. Trong triết học phương Đông, quan niệm luân lí "trung" và "hiếu" cũng là điểm xuất phát và điểm cuối cùng của việc nhận xét tướng mạo. Đạo đức hiện lên hình trạng. Một điển hình của phương pháp quan sát nhận xét

nhân dạng là tiêu chuẩn đánh giá đối tượng. Tiêu chuẩn này là: "Thất đức thì hình dạng ác, có đức thì hình dạng thiện".

Tất nhiên nếu một người có đức mà hình dạng đẹp thì sẽ trở thành một người cao quý mà các nhà xem xét tướng mạo tôn sùng.

Thứ ba: phương pháp nhận xét nhân dạng với tôn giáo.

- Ở phương Tây có nhiều loại tôn giáo nhưng chủ yếu là đạo Kitô. Nhiều nhà nghiên cứu tôn giáo cho rằng đạo Kitô thiên về tâm linh, đối với nhân dạng và tướng mạo có đề cập đến nhưng chưa cụ thể, còn mờ nhạt.

Mô hình tôn giáo ở phương Đông chủ yếu là Đạo Giáo và Phật giáo. Lúc ban đầu chúng không có quan hệ gì với tướng thuật. Vì tướng thuật đã dung hợp được tiêu chuẩn luân lý cao nhất của đạo Nho và nguyên tắc nhân sinh, cho nên có thể xem như tướng thuật đứng bên ngoài các nhà Nho. Các nhà Nho chủ yếu là nhập thế, tôn sùng thực tế, không nói những điều viễn vông kỳ quặc, những lời làm rối loạn tinh thần. Còn những người theo Đạo Giáo lại nói những điều cực đoan, tà thuyết. Người theo đạo Kitô tin vào số mệnh và chấp nhận sự an bài

của Thượng đế, không lấy sự việc trong tương lai để bàn về số mệnh.

Thời gian trôi, năm tháng làm cho phương pháp quan sát và nhận xét nhân dạng chuyển biến theo. Những điều còn mơ hồ khi nhận xét tướng mạo con người dần dần được nghiên cứu tìm tòi ngày càng sáng tỏ. Ở phương Đông, phương pháp quan sát nhận xét tướng mạo dần dần trở thành phương pháp có nghệ thuật pha trộn ba thứ tôn giáo Nho, Đạo và Phật.

Đạo giáo có nhiều cao thủ tinh thông quan sát tướng mạo con người, nổi danh một thời, về điều này Đạo giáo có phần cực đoan. Họ cho rằng trong đời người tất cả đều do thần linh thao túng còn Phật giáo có thuyết luân hồi, quả báo.

Những người theo Đạo giáo và Phật giáo khi bàn về phương pháp xem xét tướng mạo, tuy có dựa hẳn vào nguyên tắc chính thống, nhưng vẫn phải đề cập đến quỷ thần.

Có một câu chuyện lí thú. Một vị cao tăng đến nước Cao Ly, quan đại thần nước đó hỏi rằng: ông và thuộc hạ của ông có ai có thể làm đại thần, làm tể tướng. Vị cao tăng nói "không", quan đại thần

không vui. Lúc đó vợ quan đại thần cần việc cho gọi một viên quan đi tuần đến. Vị cao tăng nọ vừa trông thấy đã quì rạp xuống nghênh tiếp và nói vị quan đi tuần nọ có "tướng rồng". Quan đại thần không hiểu gì hỏi vị cao tăng "rồng" là vật gì?

Vị cao tăng:

- Rồng có thể làm tế tướng, e rằng giỏi quá làm quan sẽ dư tài.

Đây là một ví dụ điển hình về tướng mạo và số mệnh con người. Kết quả ra sao, hu hu thực thực.

Đạo Phật đã lợi dụng nhận xét nhân dạng để làm công cụ truyền giáo, có khi dùng người như ông đồng bà cốt để thực hiện mục đích của họ. So sánh với Phật giáo, Đạo giáo càng thực dụng. Cái chung của Phật giáo và Đạo giáo trong phương pháp nhận xét nhân dạng là lúc đầu đều cho rằng tướng mạo con người quyết định số mệnh.

Thứ tư: Phương pháp nhận xét nhân dạng với khoa học.

Con người phải theo đất, đất theo trời, trời theo đạo, đạo phải theo thiên nhiên. Đây là điểm xuất phát của cơ cấu xây dựng lý luận về cách đoán số mệnh của con người; nhận thức căn bản của qui

luật số mệnh là nguyên lý sinh thái đối với con người. Tuy nói về tổng thể khi xét nhân dạng tướng mạo có rất nhiều thú mê tín, nhưng trong phương pháp nhận xét tướng mạo đã chú ý đến thông tin khoa học của phương Đông cũng như phương Tây. Căn cứ vào chuyển động của âm dương, nguyên tắc chính của giao lưu trời đất, tuy phương pháp nhận xét nhân dạng chưa có nguyên lý khoa học để nói rõ việc hình thành vũ trụ, chưa dùng lý luận khoa học giải thích vật vô cơ trong giới tự nhiên, giải thích điều bí ẩn sinh mệnh của vật hữu cơ, càng không thể vạch rõ những điều bí ẩn của "đạo âm dương", nhưng nó cho rằng vũ trụ là một loại thể giới vật chất, tự nhiên có qui luật sinh hóa của tổng thể, nhất là nêu lên vũ trụ là một sinh mệnh lớn; cá nhân là một đơn vị nhỏ trong cuộc sống lớn, là 1 dạng sinh mệnh của mọi vật trong trời đất, có nguyên lý sinh tồn nói chung. Nguyên lý này nên nhất trí với nguyên lý lớn của vũ trụ, chủ trương "con người phải theo ý trời", mà do đó cho rằng "phép tắc nói chung của thiên nhiên", có thể giải thích số mệnh được dự báo từ đặc thù cá nhân. Dù cho các nhà nhận xét tướng mạo không thấy được hoặc căn bản phủ nhận mặt nào đó ("nhân định

thắng thiên" (người có thể thắng được trời) lẫn lộn giữa sinh lý học với xã hội học, nhưng quan niệm về cuộc sống này đã chú ý đến mối liên hệ phức tạp của thế giới khách quan với quỹ đạo số mệnh con người và những ước thúc số mệnh của qui luật tự nhiên đối với con người, muốn vận dụng quy luật tự nhiên mà họ phát hiện để vạch ra những mối liên hệ tất nhiên còn tiềm ẩn.

Như những nghiên cứu về sinh lí loài người, cái mà người nhận xét tướng mạo cần là mối quan hệ tương ứng giữa đặc trưng sinh thái cá nhân với số mệnh; đó là mối liên hệ với việc xây dựng qui luật sinh lý.

Một điểm chủ yếu của lý luận quan sát nhân dạng là trời sinh ra con người, phú cho con người những khả năng, chỉ cần dựa vào quy luật đạo trời là có thể giải thích được những bí ẩn trong cơ thể con người.

Dưới con mắt của khoa học hiện đại, nhiều người cho rằng phương pháp nhân dạng không có loại giá trị khoa học nào đáng giá.

Quả thực, mặc dù nhận xét nhân dạng có nhiều có nhiều cách chiêm nghiệm, lý giải nhưng vẫn

không sao giải thích được hết những điều bí ẩn.

Xuất phát từ các quy luật sinh trưởng tốt đẹp không đồng đều của các sinh vật trong thiên nhiên, khoa học nhân dạng cho rằng tướng mạo của con người phù hợp với quy luật chung của tự nhiên.

Xuất phát từ cấu tạo sinh lý và chức năng sinh lý của những bộ phận cá biệt, khác nhau, nhận xét nhân dạng đã đưa ra được một số tiêu chuẩn để qua sát, đánh giá sức khỏe, mệnh thọ, phú quý của con người. Đó cũng là sự hấp thụ những thành quả ưu tú của y học cổ truyền từ ngàn xưa, làm cho mối liên hệ giữa y học và tướng mạo trở lên chặt chẽ.

Toàn bộ lý luận y học phương Đông có thể khái quát để làm cái gốc cho mô hình vũ trụ âm dương, ngũ hành. Có thể nói học thuyết con người được khoa học nhân dạng xây dựng trên cơ sở Trời-Đất-Người.

Về đông y: lục phủ ngũ tạng, ngũ quan, cửu khiếu, chẳng những là 1 chỉnh thể thống nhất mà còn là sự phối hợp với bốn mùa, bốn phương. Năm âm thanh, năm sắc, năm tình cảm, 5 mùi vị, có tác dụng cùng sống cùng phát triển. Âm dương hòa

vào nhau, bốn mùa đồng điệu; thanh hòa với ngũ âm, sắc hòa với ngũ hành. Con người thông minh thì sống lâu là thuận với đạo thiên nhiên, còn không thì phải hứng chịu tai họa bệnh tật. Do sinh lí của con người có mối liên hệ nội tại: nên hình dáng bên ngoài và các bộ phận tương ứng nhau, đều được biểu hiện. Do đó 5 giác quan, cửu khiếu, da dẻ, khí sắc đều là biểu hiện tinh vi tương ứng với lục phủ ngũ tạng, thông qua hình dáng bên ngoài của từng người mà có thể thấy được đặc tính nội tạng của con người mà biết được sinh cơ bệnh lý. Người ta cho rằng y học phương Đông lúc ban đầu cũng là 1 loại thuật số ngũ hành tồn tại giữa chân và ngụy. Phương pháp nhận xét nhân dạng với y học phương Đông là 2 phương pháp lưu truyền cùng nguồn, chẳng qua khi nghiên cứu thì không thống nhất nội dung. Phương pháp quan sát nhận xét nhân dạng ngày càng huyền ảo, còn y học phương Đông ngày càng có xu hướng chứng thực và khoa học. Nhưng do nhiều lí luận y học phương Đông bị phương pháp nhận xét nhân dạng đánh đồng đều, nhập cả vào thành một, do đó phương pháp quan sát nhận xét nhân dạng trong phạm vi nhất định mang yếu tố khoa học. Ví như phương

pháp nhận xét nhân dạng cho rằng: mũi cao quá
mày thì người đó sống lâu trăm tuổi; tai tròn dày
thì mệnh thọ, tai tròn mà mỏng không lộ thì sống
yếu, tổn thọ. Thực ra y học phương Đông tất cả
những biểu hiện này đều được chứng thực trên
lâm sàng.

Phương pháp quan sát nhận xét nhân dạng cho
rằng sắc thái hình dạng là quan trọng nhất, có liên
quan đến sống lâu và yếu mệnh. Điều này về y học
cũng có căn cứ nhất định. Một số nhận xét của
quan sát tướng mạo như: "khí sắc", "tiếng nói" nếu
vứt bỏ những phần hư ảo thì đó chẳng qua cũng
là những biện pháp "hội chẩn" trong y học. Đối
với quan hệ giữa y học phương Đông với phương
pháp nhận xét nhân dạng chúng ta cần phân tích
tương đối dựa theo chuyên môn về học thuyết y
học phương Đông với nguyên lý nhận xét nhân
dạng. Những điều nói trên chỉ là dẫn chứng
chung chung.

Ngoài ra, mệnh lý của quan sát nhân dạng
còn bao gồm một số nguyên tố khoa học khác,
như khoa học sinh mệnh, di truyền học, phân
tích tâm lý...

Chúng ta cần phân biệt lý luận khoa học với những tà thuyết. Nếu mơ hồ, không rõ ràng sẽ làm cho phương pháp nhận xét nhân dạng trở thành 1 thứ huyền học. Kết quả của nó tưởng như chân thực mà không chân thực, tưởng như có mà chính là không. Trong tình trạng như vậy, phương pháp quan sát nhận xét nhân dạng sẽ trở thành huyền bí.

*

*

*

CHƯƠNG II

CÁC SÁCH VIẾT VỀ TƯỚNG MẠO

Trong quá trình phát triển của môn khoa học nhận xét tướng mạo, đã sản sinh ra hàng loạt các nhà tướng thuật nổi tiếng và nhiều công trình về tướng thuật, đặc biệt ở Trung Hoa.

A. SÁCH TƯỚNG Ở TRUNG HOA.

Thời đại Xuân Thu - Chiến Quốc (722 đến 221 trước Công nguyên), thuật xem tướng dần dần thịnh hành, ngày càng tinh thạo, có một số sách được tung ra xã hội, nhưng chưa có quyển nào có hệ thống, có nội dung nghiêm chỉnh. Từ thời Chiến Quốc đến đầu nhà Tần, đặc biệt bắt đầu từ đời Hán, thuật xem tướng đã trở thành bộ môn có hệ thống lý luận, một số sách tướng có giá trị bước đầu được đến tay bạn đọc.

Có nhiều sách tướng từ thời cổ, có giá trị. Căn cứ vào "Đề cương tứ khối toàn thu", thời kỳ Đôn

Hoàng đã có 3 quyển, hiện đã mục nát:

Quyển A: giới thiệu tướng thân thể từ đầu đến chân.

Quyển B: nói về tướng đầu và trán (quyển 18)

Nói về dáng đi, tướng chân (quyển 30).

Quyển C: nói về 5 giác quan (quyển 3).

Có quyển 35 chuyên nói về tướng mặt và sắc khí.
Vì thế bộ sách nói trên là loại "Sách tướng" được đánh giá:

- Là một bộ sách phân tích tường tận tướng mạo của các bộ phận trên thân thể con người.

- Một bộ sách được lưu hành rộng rãi lúc bấy giờ. Nói về chuyện xưa, nhưng câu văn khác thường. Do đó, người đời đã cho là đỉnh cao của các trước tác tướng thuật trong lịch sử.

Sách của Hứa Phụ có:

- 16 thiên tướng pháp

- Đức, Khí ca

- Bàn về sự phức tạp của 5 giác quan.

- Xem tướng bằng cách nghe thanh âm

Đặc biệt có "*Tướng thư*" (Sách xem tướng) hiện vẫn còn lưu giữ được.

Vì vậy, có thể nói Hứa Phụ không những là một

nhà thực tiễn về tướng thuật, còn là một nhà viết sách tướng thuật có giá trị.

Trong "*Nghệ văn chí*", Hán thư ghi chép: Hứa Phụ thu thập được 32 quyển sách tướng, trong đó có 24 quyển nói về tướng người. Điều này cho thấy vào đời Hán, lý luận tướng thuật đã được chỉnh lý có quy mô, có hệ thống. Từ đó về sau, sách viết về tướng thuật ngày càng nhiều và đổi mới, phát triển liên tục.

Thời Đường - Tống, tướng thuật rơi vào con đường mê tín, các loại truyền thuyết về tướng thuật tung ra xã hội khá nhiều, sách nói về tướng thuật đạt đỉnh cao, không đếm xuể, hiện nay chưa thống kê đầy đủ, đại loại có 73 bộ có thể chia nhỏ như sau:

- *Tướng thư*: 46 quyển
- *Tướng kinh yếu lược*: 3 quyển
- *Tướng kinh*: 30 quyển
- *Bàn đồ tướng*: 7 quyển
- *Sách tướng của Viên Thiên Cương*: 7 quyển
- *Nhân luân quy giám*: 1 quyển
- *Nhân luân qui giám phú*: 1 quyển
- *Phép xem tướng của Cô Bố Tử Khanh*: 3 quyển

- *Kinh Ma Tử*: 3 quyển
- *Nhục nhân thông thần luận*: 3 quyển
- *Nguyệt ba động trung ký*: 1 quyển
- *Phép xem tướng của Hiến Linh Sư*: 1 quyển
- *Sách tướng sưu tập của 17 nhà xem tướng*: 1 quyển
- *Bản đồ của Chiêm Khí Sắc*: 1 quyển
- *Bí quyết quan trọng của Viên Thiên Cương*: 3 quyển.
- *Phép xem tướng xương của Đường Cừ*: 1 quyển
- *Phép đoán sống chết của Tạ Công Luận*: 1 quyển
- *Sách tướng của Hứa Phụ*: 3 quyển
- *Sách tướng của Vũ Hầu (Gia Cát Lượng)*: 1 quyển
- *Khí, thần, kinh Viên Thiên Cương*: 5 quyển
- *Trương Thiệp nhân luân chân quyết*: 10 quyển
- Và rất nhiều sách nữa.

Điểm qua nội dung của hơn 200 quyển sách nói về tướng thuật, tất cả đề cập đến nhiều mặt, về tướng thuật ở Trung Hoa, từ đời Hán đến đời Đường - đời Tống, có giá trị cao.

Đời Minh - Thanh, tướng thuật tiếp tục phồn

vinh. Đồi Minh, cha con Viên Cung và Viên Trung Triệt có "*Phép xem tướng ở Liễu Trang*", một truyền thuyết lưu truyền trong dân gian.

Từ xưa đến nay tướng thuật chỉ có thịnh hành không có suy thoái, sách viết về tướng thuật vẫn tiếp tục ra đời. Được xem như một tập đại thành của sách tướng là bộ "*Tướng lí hoành chấn*" đời Thanh.

Muốn nghiên cứu khoa học nhân dạng, đi sâu vào tướng thuật, người Trung Hoa thường tập trung vào 3 bộ sách.

- *Thái Thanh thần giám*
- *Nhân luân đại thống phú*
- *Thần tướng toàn biên*

Ba bộ sách là công trình tập thể, có quá trình biên soạn nhiều năm, hết sức công phu của các tác giả.

Dưới triều Minh, niên hiệu Vĩnh Lạc (1403), hoàng đế Minh Thành Tổ đã hạ lệnh biên tập bộ "*Vĩnh Lạc đại điển*" (Từ điển Vĩnh Lạc) đưa thư tịch tướng thuật vào trong từ điển, ở đó các sách viết về tướng thuật trong xã hội được tập hợp lại. Đối với việc nghiên cứu tướng thuật, các nhà viết

Từ điển Vinh Lạc có công rất lớn. Ngày nay nhiều nhà nghiên cứu tướng thuật không những ở Trung Hoa mà ngay cả các nước phương Đông cũng phải sử dụng *Từ điển Vinh Lạc*.

Đời Thanh, niên hiệu Khang Hy (1662) đã biên soạn bộ sách "*Cổ kim đồ thư tập thành*", tác giả Trần Mộng Lôi. Đây là một bộ sách đã sưu tập các loại tư liệu từ đời Khang Hy trở về trước, nội dung phong phú.

Toàn bộ "*Cổ kim đồ thư tập thành*" có một vạn quyển, chia thành 6 thiên, 32 điển, 6109 bộ, cộng tất cả là hơn 160 triệu chữ. Trong đó có thiên thứ tư nói nhiều về tướng thuật:

- Bộ tinh mệnh (nhìn sao đoán số mệnh)
- Bộ thuật xem tướng
- Bộ đạo thư
- Bộ phương sĩ (xem đáng diệu)
- Bộ tinh động
- Bộ phục thực (xem đáng ăn, mặc)

Nội dung phân tích tướng thuật tương đối cao.

Cũng ở đời này còn có bộ sách tướng "*Thần tướng toàn biên*", nội dung thiên về lý luận tướng thuật. Người Trung Hoa cho rằng đây là một bộ

sách thành công nhất trong việc nghiên cứu tướng thuật.

Một số sách viết về tướng thuật thời cổ đã được đời sau phát triển, chỉnh lý, sửa chữa như:

- *Tuân Tử, phi tướng thiên* (không nói về tướng không được)

- *Luận hoành, cốt tướng thiên*

(Bàn về cân đối, tướng xương)

- *Tiền phu luận - Tướng liệt* (Bàn về người ẩn tướng, các loại tướng).

Các tư liệu trong bộ sách "*Cổ kim đồ thư tập thành*" được chỉnh lý rất thuận lợi cho người nghiên cứu.

Giữa triều vua Càn Long, triều Thanh (1766) có bộ sách "*Tứ khố toàn thư*" ra đời. Bộ sách sưu tập các trước tác cổ đại quan trọng trước đời Càn Long trong đó có rất nhiều trước tác tướng thuật.

"*Tứ khố toàn thư*" có quan hệ mật thiết với "*Vĩnh Lạc đại điển*". So sánh hai bộ sách với nhau thì "*Tứ khố toàn thư*" tinh tế hơn "*Vĩnh Lạc đại điển*".

Các nhà tướng thuật nổi tiếng Trung Hoa.

- Đời Chu có Cô Bố Tử Khanh, Đường Cử.

- Đồi Hán có Hứa Phụ, Chu Kiến Bình
- Đồi Tống có Vi Tấu
- Đồi Bắc Tề có Hoàng Phủ Bình, Ngô Sĩ, Giải Pháp Tuyền.

- Đồi Tùy có Vi Đình, Lai Hòa
- Đồi Đường có Viên Thiên Cương, Trương Cảnh Tang, Ất Phát Hoàng Lễ, Kim Lương Phụng, Trần Chiêu, Hạ Vinh, Lạc Sơn Nhân, Long Phục Bản, Đinh Trọng.

- Đồi Hậu Đường có Chu Nguyên Bảo
- Đồi Tống có Ma Y Đạo Giả, Tăng Diệu Ứng, Lưu Hư Bạch, Bồ Bào Đạo Giả, Diệu Ứng Phương,

- Đồi Nguyên có Lý Quốc Dụng, Sái Hòe
- Đồi Minh có Ngô Quốc Tài, Viên Cung, Viên Trung Triệt, Lý Hòe, Hồng Hạc Lộc, Tăng Nhu Lan, Trương Điền, Vương Nhân Mỹ, Đường Cổ Phong, Ngô Tùng Thiện, Mao Đồng.

B. ĐIỂM QUA TỪNG TÁC PHẨM

Sách viết về tướng thuật ở Trung Hoa khá nhiều, nhưng nội dung các quyển sách đó đều "Đại đồng

tiểu-dị" (Phần lớn giống nhau, khác nhau ít). Có một số sách là tinh hoa của các sách tướng thuật, hay nói cao hơn là khoa học tướng thuật. Xin giới thiệu những quyển có giá trị.

1. "Tướng thư" của Hứa Phụ đời Hán

Gồm 12 tập nói về tướng người. "*Tướng thư*" chưa hoàn chỉnh còn phải biên tập lại, nội dung sách lấy tư liệu từ sách tướng thời Đôn Hoàng, nhất là tướng mặt, sau đó là tướng toàn thân (quyển 2) tướng chân tay (quyển 30), tướng trán tướng đầu (quyển 18), tướng 5 giác quan (bộ thứ 3 của thiên thứ 3). Hứa Phụ cho rằng: Tướng mày, tướng mặt, tướng mũi, tướng tai, tướng cằm, tướng trán, tướng chân tay, đều rất quan trọng. "*Tướng Thư*" nói khá nhiều đến tướng thuật nên được người đương thời đua nhau đọc và đánh giá là "Ưu vi tường tận" (hết sức rành mạch tỉ mỉ).

2. "Ngọc Quán Chiếu thần cục".

Bộ sách của họ Tề thời Nam Đường, gồm 10 quyển, chủ yếu là nhận xét về hình dáng của con người, chữ "Cục" trong "*Ngọc Quán Chiếu thần cục*" có nghĩa là hình dạng trạng thái. Trong bộ sách có

câu: hình dáng hiện rõ có thể nhận xét trực tiếp gọi là "Dương cục"; còn lợc và mệnh của người thì "xuất hình chi ngoại, vô tượng khả quan" (hình lộ ra ngoài, không hiện rõ cũng có thể quan sát được) như thế gọi là "Âm cục".

Trong *Từ điển Vĩnh Lạc* cũng nói đến "*Ngọc Quán Chiếu thần cục*".

3. "**Thái Thanh thần giám**".

Bộ sách được đề là tác giả Vô Danh. Nhưng qua điều tra thì các nhà nghiên cứu khoa học nhân dạng xác định là của Vương Phác viết. Âu Dương Tu đời Tống đã có lời khen: "Vương Phác là người minh mẫn, nhiều tài, đã đem sức mình phục vụ cho đời. Cứ đọc sách của Vương Phác thì hiểu được ông là một tri thức đã từ giả núi rừng, ba lần xuống núi, sưu tập tư liệu cổ kim, viết bộ sách này". Vương Phác là một nhà nghiên cứu rất kỹ lưỡng thuật, tinh thông tướng số, người đời đã xếp bộ "*Thái thanh thần giám*" là bộ sách có tên tuổi.

Trong "*Tứ khố toàn thư*" cho biết bộ sách này lúc đầu có 6 quyển chuyên nói về phép xem tướng, có thể xếp hàng sau các loại sách tướng của Viên Thiên Cương, Hứa Phụ và Đào Ân Cư. Bộ sách

này đã kết hợp giữa tư liệu "cổ" và kinh nghiệm "kim", đó là một viên ngọc sáng. Xin trích một vài ý về tướng thuật trong nội dung bộ sách: "Gan hiện ra mắt, cũng xuất ra gân, mạch, móng và bộ giáp; tim xuất ra lưỡi, cũng xuất ra khí huyết, tóc lông; phổi xuất ra mũi, chỉ ra được da, hơi thở thế nào? Tỳ xuất ra môi, cũng là cơ sở để nhận xét về thịt; thận xuất ra tai, cũng có thể chỉ rõ tình trạng của xương và răng". Đoạn văn trên cũng là lý luận của y học phương đông lấy tướng lý làm cơ sở, là chỗ dựa lý luận cho luận chứng tướng thuật 5 giác quan: mắt, lưỡi, mũi, môi và tai. Trong "Giáp Ất Kinh" có viết: "Mũi là giác quan của phổi; mắt là giác quan của gan; miệng là giác quan của tỳ; lưỡi là giác quan của tim, tai là giác quan của thận. Cái xuất ra của ngũ tạng là tương ứng với nhau".

Quyển 2 của bộ "*Thái Thanh thần giám*" có tên là "Ngũ hành tướng sinh ca" có vận dụng nguyên lý tướng sinh ngũ hành để giải thích nguyên do lành và phúc của tướng 5 giác quan, tướng lý. Sách nói rõ: "Tai rũ xuống mũi là tốt, tướng sinh kim thù là hết sức quý. Mắt sáng tai tốt thì thần khí hưng, giàu có, miệng vuông, mũi thẳng thì quý, tướng sinh kim thổ là người được làm quan. Môi vuông, mắt

đen là mộc sinh hỏa, người nhu thế có chí, nhiều tài.

Luôi dài, môi dày là hỏa sinh thổ, người nhu thế có phúc, trung vận hưng thịnh.

Mắt dài mày đẹp thì phong lưu, khi ngồi bệ vệ chính giữa nhà là tướng quý.

Quyển 3 của bộ sách có 2 thiên "Tâm thuật luận" và "Luận đức" nội dung: bàn chữ "tâm" là nói đến "phúc"; bàn chữ "Đức" là nói đến hình. Phúc và đức tạo nên tướng tâm và tướng hình, hai loại này bổ sung cho nhau.

Tóm lại "*Thái thanh thần giám*" là một bộ sách có nhiều tư liệu quý, luận thuyết có căn cứ, một bộ sách tướng học có giá trị.

4. "Nguyệt Ba động trung ký" (*Ghi chép trong động Nguyệt Ba*).

Tác giả vô danh. Ở núi Thái Bạch có động Nguyệt Ba, chính tác giả nói rằng bộ sách đã viết ở đây. Sách có 9 thiên. Nội dung sách là tổng kết kinh nghiệm và lý luận về tướng thuật của bao nhiêu đời trước.

5. "Nhân luân đại thông phú".

Do Kim Trương Hành biên tập. Ông làm Lễ bộ

thượng thư, Hàn lâm học sĩ, Thái Tử thái phó. Ông đã nhiều năm nghiên cứu thiên văn, thuật số, nổi tiếng trong triều đình.

Nội dung cuốn sách được "*Tứ khố toàn thư*" giới thiệu: "Quyển sách này chuyên viết về phép xem tướng, lời văn bình dị, dễ hiểu. Trong sách nhiều đoạn nói về cái "thần" của con người, cũng từ luận thuyết này mà kết hợp với y học để xét đoán tướng mạo con người".

6. "Thần tướng toàn biên"

Do Trần Chuyết, người có tiếng đời Tống viết, Viên Trung Triệt đời Minh biên soạn lại. Bộ sách có 13 quyển. Quyển một là quyển sách tướng được lưu hành rộng rãi ở 2 triều Minh và Thanh. Năm 51 đời vua Càn Long (1787) quyển sách đã được đưa lưu trữ tại "Bảo tàng quốc gia". Nội dung có tổng luận, có phân luận, sưu tầm kiến thức tướng thuật của các sách tướng từ thời xưa, là một tập đại thành của phương pháp xem tướng người.

Giá trị của "*Thần tướng toàn biên*" là đã sưu tầm thu nhập được nhiều tư liệu, biên soạn công phu. Bộ sách có 13 quyển.

- Quyển 1: bàn về cơ sở của lý luận tướng thuật

cùng với các vấn đề có liên quan. Ngũ hành, thần khí, lời nói, hành động có tính thông luân. Quyển này đặt cơ sở cho tướng pháp, chỉ dẫn cho những người có trình độ ban đầu hãy còn thấp; giải thích tỉ mỉ các thuật ngũ tướng mạo như: "Tướng thuyết" dạy cách xem tướng theo trình tự. Chẳng hạn, muốn nhận xét tướng mạo một người, trước hết phải xem xương, rồi đến ngũ hành, đo thử Tam Đình dài ngắn bao nhiêu, các bộ phận trên mặt có đầy đủ không? Phải quan sát mày mắt có thanh tú không, thần khí nhiều hay khô cần, tay chân dày mỏng, râu tóc thưa ngắn thế nào; chiều dài của thân hình bao nhiêu, 5 giác quan có đầy đủ không, lục phủ thiếu gì?... Bộ sách nói đầy đủ, chặt chẽ về vận mệnh con người như: phú quý, sang trọng, nghèo hèn, tươi héo, được mất. Tất cả đều đề cập không thiếu vấn đề nào. Ngoài ra còn bàn vấn đề "Thập quan" (10 cách quan sát), "Ngũ pháp" (5 phương pháp), nêu lên nhiều kinh nghiệm để nhận xét nhân dạng.

- Quyển 2: bàn về 5 giác quan; từ 5 giác quan đến Tam tài, Lục phủ, Tam đình; từ hình thể trạng thái mà phân tích hung cát.

- Quyển 3: bàn về hình tượng Ngũ hành: mặt,

mày, mắt; nói rõ về các loại thuật ngữ như: "Vong Thần", "Lục xung", "Thập sát", "Điện thượng thập đại không vong".

- Quyển 4: tiếp tục bàn về tướng mặt: Ấn đường, Sơn căn, mũi, tai, miệng, lưỡi; các bộ phận liên quan đến: ngực, lưng, sườn, hông và hạ bộ. Người ta chưa xác định được tại sao "*Tướng pháp Ma Y*" cũng có quyển này.

- Quyển 5: bàn về nói năng, hành động, cử chỉ và lý tướng Ngũ hành; các tiêu chuẩn: tướng giàu, tướng sang, tướng hèn. Không hiểu tại sao trong bộ sách "*Quan nhân bát quái pháp*" cũng có quyển này.

- Quyển 6: thiên "Thần Dị Phú" trong "*Tướng pháp Ma Y*"

- Quyển 7: một số bài nói về Tướng học luận

- Quyển 8: một số bài nói về Tướng thư luận

- Quyển 9: một số bài viết về tướng thuật của các nhà tướng thuật có tên tuổi.

- Quyển 10: bàn về đường văn trên bàn tay trong đó có nội dung "bàn về chân" "tướng Tam tài".

- Quyển 11: bàn về tướng hình sang hèn của đàn bà và con người có hình dáng giống cầm thú.

- Quyển 12: bàn về trăn, nốt ruồi và khí sắc.
- Quyển 13: thông luận khí sắc như "Sơn căn thanh sắc", "Bàn về màu đen".

"*Thần tướng toàn biên*" đã thu thập nhiều sách tướng trong dân gian. Trong đó đã ngầm bộc lộ những điều quý giá. Đến đời Minh, nhà tướng thuật Viên Trung Triệt thấy nội dung bộ sách chưa toàn diện, chưa sát, khó hiểu đã chú thích thêm cho phong phú, dễ hiểu.

"*Thần tướng toàn biên*" là tập đại thành của tướng thuật cổ đại Trung Hoa, là thành tựu cao nhất của tướng thuật cổ đại.

7. "Quý tiện định cách Ngũ Hành tướng thư".

(Sách tướng định sang, hèn theo Ngũ Hành)

Sách do Viên Thiên Cương biên soạn.

Về thuật số, nội dung sách nói rõ: "Cái gọi là Xuân, Hạ, Thu, Đông, bốn thời thay đổi, mỗi thời là một mùa, mỗi mùa được sinh ra từ đầu Hoàng Đế (thời cổ), từ tay của Hoàng Đế, từ chân của Hoàng Đế". Nếu sinh ra ở đầu là quý, sinh ra ở chân là hèn hạ.

Về sau vào thời cận đại "*Ngũ Hành tướng thư*"

được vẽ thành các họa đồ, lưu truyền rất rộng.

8. "Thần tướng thiết quan đao"

Do Trần Chuyển đời Tống biên soạn. Người đời sau nhận xét: Tác giả là một văn nhân, đi du lịch nhiều nơi, là một thầy xem tướng giỏi trong thiên hạ. Quyển sách đã nói đến thiên cơ, mọi người không thể xem nhẹ, có nhiều điều bí ẩn đã được giải thích.

Sách có 4 quyển, nói về tướng người, rõ ràng dễ hiểu, đề cập đến nhiều phương pháp xét đoán tướng mạo như: "Xem tay mà định phép", "Bí quyết của tướng tay", "Xem sắc tướng tay". Trong sách còn có các mục nói về "4 cái bí ẩn", "5 cái cấm", "3 cái kỳ lạ".

4 cái bí ẩn là:

- Không khắc thành bản để in
- Không lưu truyền mãi
- Bí ẩn về khẩu quyết
- Bí ẩn về thay đổi hình và thần.

5 cái cấm là:

- Cấm không được bắt trung bất hiếu.
- Cấm không được tàn ác tham lam.
- Cấm không được làm việc mà không có lễ giáo.

- Cấm không được vì có của quý mà quên thầy dạy.

- Cấm xem nhẹ điều nhỏ.

3 cái kỳ lạ là:

- Người ngu có thể học được.

- Không ghi chép mà linh thiêng

- Vừa học vừa tinh thông, biến hóa khôn lường.

Suốt đời Thanh, bộ sách được lưu hành rộng rãi.

9. Liễu Trang tướng pháp.

Do Viên Cùng, thầy tướng giỏi biên soạn. (Liễu Trang là tên hiệu của Viên Cùng. Tác giả nói: "Tôi đi du lịch từ Chiết Giang đến Giang Nam, qua nhiều nơi thấy nhiều tướng lạ. Về nhà ngồi viết sách hơn 3 quyển: 1 quyển nói về trời, 1 quyển nói về đất, 1 quyển nói về con người. Quyển thượng xem xong có thể biết được sang-hèn-cùng khổ-hạnh thông, quyển trung có thể biết năm nay có điều gì lành, hung, phúc, họa. Quyển hạ có thể biết tương lai xảy ra gì, thịnh, suy của con cháu; có 42 bí quyết để xem tướng".

Viên Cùng là một nhà tướng thuật nổi tiếng đời Minh, "*Liễu Trang tướng pháp*" của ông có ảnh

hưởng lớn, đó là một sách tướng lưu hành rộng rãi.

10. "Tướng lý hoành chân".

Do Trần Chiêu biên soạn, có 10 quyển, hoàn thành vào năm thứ 13 đời vua Đạo Quang (1834). Bộ sách có ảnh hưởng lớn trong giới tướng thuật. Nội dung toàn diện, lời lẽ bình dị, là sách quen dùng của các thầy tướng lang thang.

11. Ma Y tướng Pháp.

Tác giả và năm phát hành của bộ sách này chưa xác định. Theo "*Thần tướng toàn biên*": tác giả của bộ sách dấu tên, là một "ẩn sĩ". "Ma Y" là một thứ đạo lấy tên như thế. Theo sách chép thì nhiều người có tên tuổi đã đến nhờ Ma Y xem tướng, từ đó có thể xác định Ma Y sinh vào khoảng thời gian cuối đời Ngũ Đại đầu đời Bắc Tống. Lục Huyền Tông cho rằng: người đời sau chỉ dựa vào tương truyền mà nói Ma Y, không nắm kỹ về Ma Y.

"*Ma Y tướng pháp*" có ảnh hưởng lớn đối với người đời sau, được lưu truyền rộng rãi và đi vào lòng người. Nội dung sách phức tạp, được các nhà tướng thuật chỉnh lý, nhất là các thầy tướng giỏi đời Thanh đổ sức biên soạn.

Nội dung cuốn sách còn có giá trị phủ định màu sắc thần bí trong tướng thuật, xây dựng được một hệ thống cơ bản lấy tướng thuật sau đời Tống làm thực dụng.

Nội dung cơ bản của "Ma y tướng pháp"

1. *Khái luận*: Bàn về khái niệm cơ bản của tướng thuật, gồm các tập nói về:

- 13 bộ phận.
- Vận khí lưu niên
- 12 cung
- Ngũ tinh lục diện
- Ngũ nhạc tứ độc
- Lục phủ, tam tài, tam đình
- Cửu chân bát quái
- Tứ học đường, bát học đường

2. *Toàn thể luận*: còn gọi là Tổng hợp luận, là những cuộc tranh luận về tinh thần, khí sắc, xương thịt, thanh âm, tư thế, dung mạo (luận thần, luận hình; luận thần hữu dư, luận hình hữu dư, luận xương (cốt), luận nhạc, luận khí, luận thanh).

3. *Ý nghĩa luận*.

Lấy ý nghĩa của tốt lành, hung ác, phúc họa và

những điều đặc biệt để bàn về: sinh tử, phúc họa, cát hung, như: "Bàn về 12 cung", "Lục phủ, tam tài, tam đình", "Tứ học đường", "Ngũ hành hình tướng", "Tài bạch", "Nam nữ", "Quan lộc".

4. *Phân biệt luận*: Từ các bộ phận: đầu, mặt, 5 giác quan, tứ chi, cùng với nốt ruồi, đường vân thảo luận về số mệnh, thời vận, quả báo của con người, cũng như về tốt lành, hung ác, cùng khổ, hạnh thông.

Có những đề mục đặc biệt làm thành nội dung chủ yếu của "*Ma Y tướng pháp*" như "5 giác quan". Thực tế lý luận cơ bản của "*Ma Y tướng pháp*" là nòng cốt cho lý luận cơ bản của tướng thuật Trung Hoa. Về điểm này, từng mục trong sách đều có bàn về những ý kiến khác nhau.

Đối với những điểm mâu thuẫn trong tướng hình, lý luận của "*Ma Y tướng pháp*" đều có biện pháp giải quyết phù hợp với tướng thuật. Do đó, khi nghiên cứu, các nhà khoa học nhân dạng thường xem xét kỹ các phần lý luận và phương pháp giải thích mâu thuẫn trong tướng hình con người.

"*Ma Y tướng pháp*" đưa ra những điều cần chú ý khi nhận xét tướng mạo:

1. Cân bằng và đối xứng.

Khi nói đến cân bằng và đối xứng của tướng mạo phải chú ý đến các bộ phận tướng mặt của con người, phải quan sát rồi rút ra được những mâu thuẫn giữa các bộ phận trên mặt người để có cách xử lý.

+ Khi nói đến sự cân bằng là nói về các bộ phận của 5 giác quan có thống nhất hài hoà hay không, có lớn quá hoặc nhỏ quá, cao quá hoặc thấp quá hay không? Mất độ tiêu chuẩn là mất đi sự cân bằng về kết cấu.

+ Khi nói đến đối xứng là nói đến sự hoàn chỉnh đồng nhất của 2 tai, 2 mắt, đôi mày, nhị phù trên, nhị phù giữa, nhị phù dưới; các bộ phận này không thể to nhỏ, cao thấp, dày mỏng khác nhau được.

Các nhà tướng thuật cho rằng 5 giác quan nếu được sắp xếp cân đối: Ngũ nhạc, lục phủ, tam tài, tam đình cân đối thì hiệp lực cho nhau, tạo nên tướng phần trên.

Nếu không cân đối sẽ tạo nên mâu thuẫn về hình thể.

"Ma Y tướng pháp" rất xem trọng sự cân đối của các bộ phận trên mặt. Sách có viết: "Nói tướng mạo là nói về sự cân bằng của Tam đình, nếu Tam đình

cân bằng được thì sinh tướng, bằng không sẽ tầm thường", "Tam đình cân đối, sinh ra đã có bổng lộc, áo mũ. Ngũ nhạc qui tụ, tiền tài giàu có nhất đời. Đây chính là tôn ti trật tự cần có của tướng thuật. Tam đình Bát quái phải tương xứng, Ngũ nhạc và Tứ độc quyết định việc cao sâu".

2. Tướng xứng và tướng hợp.

Tướng xứng với tướng hợp của khoa học nhân dạng chú ý đến xương thịt và các bộ phận khác của toàn thân thể con người. Bàn về tướng xứng và tướng hợp là bàn về mâu thuẫn cùng với sự điều chỉnh giữa toàn bộ cơ cấu hình thể một con người.

Tướng xứng chủ yếu là nói về sự cân bằng, đối xứng giữa bộ mặt với tứ chi, thân thể, các bộ phận khác trong cơ thể con người.

Tướng xứng cũng nói về sự cân bằng giữa xương với thịt. Xương không thiếu, thịt không quá nhiều là đạt, nếu thịt không tương xứng với xương thì lộ xương, còn thịt nhiều quá thì khí huyết không lưu thông, như thế không đạt.

"*Tướng pháp Ma Y*" nói: "Người gầy, lộ xương. người nhiều thịt, phì nộn, béo trực béo tròn là tướng xấu". "Đầu nhỏ thân hình lớn, trên ngắn dưới dài thì hình dáng chưa đủ". Trong "Ngũ hành hình

tuống" thì: "Kim không tị hiềm với vương, mộc không tị hiềm với gậy, thủy không tị hiềm với béo".

3. *Đầy đủ với thông suốt.*

Đầy đủ và thông suốt của tuống diễn đạt tinh thần của động thái, bàn về tinh thần bên trong hình thể con người có đầy đủ sung thực hay không? Hệ thống tinh thần có điều hòa hay không?

"*Tuống pháp Ma Y*" nhấn mạnh: quan hệ của tinh thần đối với hình thể con người là phải xem trọng sự đầy đủ và thông suốt.

Gọi là đầy đủ thì tinh thần phải sung thực, không khô cằn, thiết hụt, thiếu thốn.

"*Tuống pháp Ma Y*" nói: "Mặt mà đỏ vàng thì người đó phát tài, gia đình an khang", "Thần sắc không sáng sủa, thế nào cũng gặp sự ám muội, u trệ". Phải làm cho người khác thấy được tinh thần của mình sung mãn, đầy sức sống, khí sắc nhuần nhả, thanh tao, sáng sủa, hoặc trấn áp tinh thần người khác, hoặc thần thái tỏa sáng khắp người. Nếu được vậy, tuy hình dáng diện mạo không đẹp nhưng cũng làm cho kẻ khác cảm thấy mình cao quý khác thường, tưởng như thế là tuống người trên. Nếu để kẻ khác cảm thấy tinh thần người

mình uỷ mị, bạc nhược, thiếu sức sống, sắc mặt hôn ám, hoặc u mê, ô trọc, hoặc nông cạn thì tuy hình dáng diện mạo đẹp nhưng vẫn bị coi là dung tục, ti tiện, loại tướng như thế là tướng của kẻ dưới.

Gọi là thông suốt khi tinh thần đầy đủ nhưng không lộ ra, không muốn phát ra, mà có phát cũng có mức độ; một khi phát thì thông suốt, linh hoạt, không để thần lộ, thần tán. Nếu cứ muốn phát đạt mà bị phát tán thì chẳng được gì hoặc bạc nhược bất lực, thần sắc hôn ám, có phát nhưng không thông suốt.

"Tướng pháp Ma Y" nói "Đã định thì không được lộ, đã xuất phải có thần; thoát ra được, gặp biến không kinh sợ". Đạt được yêu cầu của loại "thần" này, trước hết phải có khả năng thông suốt.

4. Trật tự với cơ cấu tư thế.

Trật tự và cơ cấu tư thế của tướng mạo là nói về 5 giác quan tướng mạo với khí sắc tinh thần; là sự tổng hợp, phối hợp khí thế, sắc thái của bản thân con người với tổ chức chính thể cơ cấu 5 giác quan của bộ mặt con người.

Gọi là trật tự khi có sự bố trí hợp lý giữa kết cấu bố cục chính thể xương thịt của 5 giác quan với cơ cấu xương thịt của mỗi một giác quan, tất

cả đều phải có trật tự, không xâm phạm lẫn nhau, không nhô lên không lõm xuống, không thiên theo, không tán loạn; phối hợp trên dưới hài hòa. "Tướng pháp Ma Y" cho rằng 5 giác quan của bộ mặt, nếu thiên theo là người có lòng tà; đứng đắn tề chỉnh là người biết ứng xử; tán loạn là làm việc gì cũng không đủ, chẳng chịu phục tùng ai; lồi lõm thì làm nhiều chuyện quái đản.

Gọi là cơ cấu tu thể là nói về xương thịt của 5 giác quan phải đầy đủ, hiện ra thực trạng có khí thể, phải phát huy đầy đủ chức năng. Phát huy đầy đủ chức năng là dựa vào sự cấu tạo hợp lý giữa các vị trí với bố cục tổng thể xương thịt 5 giác quan, hài hòa đến từng bộ phận, lại phải có khí thể, lấy việc phát huy đầy đủ chức năng này làm tiêu chuẩn. Trong bố cục tổng thể của bộ mặt, nếu các khí quan kết cấu hợp lý, có trật tự, mặt đầy thần khí, sáng sủa, mũi cao, miệng ngay thẳng đỏ tươi, hai tai to, cao, tươi tắn, vành tai rõ; Ngũ nhạc đều, đầy, kết hợp với nhau .v.v.. thì đó là khí thể. Cơ cấu khí thể đẹp, thì cuộc đời của người đó hanh thông hạnh vận, hưởng phú quý. Ngược lại, cơ cấu tu thể các bộ phận không đẹp, thì nghèo và bất hạnh, gặp nhiều tai họa.

"*Tướng pháp Ma Y*" cho rằng trật tự và cơ cấu tu thế của tướng có ý nghĩa vĩ mô và chủ đạo. Sách có viết "Nửa cuộc đời rồi mà vẫn lao khổ, là vì Hạ đình dài".

Muốn nhận xét tướng mạo của một người, trước tiên phải quan sát Ngũ Nhạc có đầy đủ không?

- Những người Ngũ Nhạc đầy đủ thì quý phú, vinh hoa.

- Những người Ấn Đường hẹp thì có con muộn, lấy vợ chậm.

- Những người mũi thấp, mềm thì nghèo và chết yếu.

- Quan sát Hạ đình có thể biết được con người khó nhọc vất vả, quý, phúc, phú, bần, thọ, yếu.

Vì thế "*Tướng pháp Ma Y*" đã nhấn mạnh vị trí quan trọng của trật tự và cơ cấu tu thế.

5. *Bổ xung và bù đắp.*

Tướng hình của một con người không thể nào thập toàn, tất cả đều đẹp-đẽ. Vậy, khi gặp phải những điều khiếm khuyết không đầy đủ, xấu xí thì thế nào? Các nhà tướng thuật cho rằng các bộ phận có thể bổ sung, bù đắp cho nhau.

Trong "*Tướng pháp Ma Y*", bổ sung và bù đắp đều nhằm vào 5 giác quan. Có mấy loại ngược nhau và bổ sung cho nhau:

- Thuận và nghịch của chính bản thân
- Tương quan của thuận và nghịch
- Tương xứng của thuận và nghịch
- Thuận và nghịch giữa hình và thần
- Thuận nghịch giữa tâm và hình
- Thuận lớn nghịch nhỏ
- Nghịch lớn thuận nhỏ.

Các bộ phận, khí quan, tổ chức bên ngoài con người được điều tiết có trật tự. Khí sắc tinh thần bên trong đầy đủ, sáng sủa, nhuần nhị, toàn bộ cảm giác đều đẹp. Nếu miệng dài, không đẹp hoặc miệng rộng, không mím, sắc không đỏ thì môi có thể bổ sung để cứu vãn tướng miệng xấu. Những người có tướng miệng như thế nếu môi đẹp thì giảm bớt ảnh hưởng bất lợi về phú, quý, phúc, thọ của những con người đó.

Mắt có vị trí quan trọng đối với tướng mặt, bổ sung cho chính thể chưa đủ, cứu vãn cái xấu của toàn bộ mặt người.

Nói chung nếu kết cấu tư thể toàn bộ con người

không đẹp cá biệt có bộ phận rất xấu thì cần xét đến sự bổ sung của các bộ phận khác.

Tướng hình đẹp thì số mệnh thời vận tốt. Nhưng do trời sinh ra tướng hình không đẹp mà lại có lòng lương thiện, tu nhân tích đức thì số mệnh sẽ được chuyển từ hung sang cát, như thế là tướng hình và tướng tâm đã bổ sung cho nhau.

Bàn về mối quan hệ giữa tướng hình với tướng tâm là nói đến mối quan hệ thuận nghịch của tâm và hình.

"*Tướng pháp Ma Y*" rất xem trọng mối quan hệ thuận nghịch này. Ngoài ra cũng có rất nhiều sắc thái tinh vi như: "Có tướng mà không có tâm, tướng là tùy tâm linh; có tâm mà không có tướng, tướng là tùy ở tâm sinh ra. Tuy "*Tướng pháp Ma Y*" tồn tại không dài, nhưng nội dung phong phú, không những có giá trị để nghiên cứu về mặt tướng thuật, mà còn thể hiện tinh hoa của các ngành khoa học: triết học, văn hóa truyền thống, tâm lý, phong tục tập quán.

CHƯƠNG III

KHOA HỌC NHÂN DẠNG THẾ KỶ XX

Đến thế kỷ XX ở phương Đông cũng như phương Tây, khoa học nhân dạng trôi nổi, biến tướng nhiều dạng: Xấu nhiều, tốt ít, phản khoa học và bị lợi dụng, trở thành 1 công cụ để truyền bá mê tín, có lúc phục vụ cho ý đồ và âm mưu chính trị. Khoa học nhân dạng được chuyển thành 2 xu hướng: một là được những người cầm quyền sử dụng làm thành một công cụ thống trị có tác dụng, được đề cao trong xã hội. Hai là bị đào thải vì quá nhiều bợn xấu lợi dụng trở thành nghề bói toán lừa bịp, không ai còn tin nổi. Hai xu hướng trên tự nhiên dẫn đến sự phân hóa những người làm nghề xem tướng, bói toán và khiến nhiều người nghiên cứu khoa học nhân dạng cũng không muốn đi sâu. Đầu thế kỷ XX, bộ môn nghiên cứu khoa học nhân dạng bị các nhà trí thức chê bai, chỉ trích; những người xem tướng bị khinh thường như những kẻ vô nghề nghiệp, mù lòa, thiếu thốn.

Sự suy tàn của khoa học nghiên cứu nhân dạng là do hoàn cảnh xã hội thay đổi, mặt khác do chính bản thân ngành khoa học đó. Từ góc độ của ngành nghiên cứu khoa học nhân dạng, các nhà khoa học thời kỳ này đã chấn chỉnh và bổ sung về lý luận chuyên ngành, cho rằng đây là một việc cần nghiên cứu kỹ càng.

Khoa học nghiên cứu nhân dạng cho dù là một "học vấn" có bị suy thoái đi nữa thì thói quen nhận xét nhân dạng, tướng mạo cũng không bao giờ mất được, bởi vì tâm lý mê tín vẫn còn tồn tại trong mọi xã hội.

Chúng tôi lấy một ví dụ cụ thể để bàn về điểm này.

Một tên quân phiệt tỉnh Quảng Tây, Trung Hoa sống trong thập kỷ 20 (1859 đến 1928) là một con người hết sức mê tín, nhiều lúc hắn rất thích thủ việc nhận xét tướng mạo. Hắn sinh ra và lớn lên ở vùng rừng núi, thân hình cục mịch, to béo, mặt phèn phẹt lúc vàng lúc đỏ, tai to, mũi cao, lông mày rậm rì, mắt quắc. Khi còn làm một tên cướp ở Long Châu, hắn thường ở trong hang, tay kiếm, tay súng luôn làm náo động cả một vùng rộng lớn. Bạn của hắn họ Trương tuy cùng hành nghề cướp

bóc nhưng cũng có lúc bất đồng với hành động quá hung ác của hắn. Có một lần, tên quân phiệt giết người man rợ quá, họ Trương thấy hận thay cho những người bị hắn hành hạ nhân lúc hắn đang ngủ trong hang, xông vào, chém ngay. Nào ngờ, bị chém vào bên trái miệng, tên quân phiệt vùng dậy, người họ Trương vội chạy. Tên quân phiệt vì vết thương mà miệng méo, môi dưới sút, mặt trông xấu xa thảm hại nhưng ngược lại bộ mặt đó lại tăng thêm vẻ uy nghiêm, cương nghị. Nếu ai chỉ trông thấy một lần, thì không thể nào quên được tướng mạo của hắn. Có một lần trong lúc hắn đang đốc thúc tay chân, những người đứng gần hắn người nói mặt hắn giống mặt vua, người cho rằng mặt hắn giống tướng ác cầm quân. Tên quân phiệt không dùng được quay lại hỏi:

- Mặt của ta giống chữ gì?

Người bên cạnh nói:

- Mặt của chủ soái giống chữ "mẫu" (mẹ)- Nói xong cười lớn, tên quân phiệt ha hả cười theo. Thực tế thì mặt của hắn không có gì khác thường. Nhưng sau khi hắn làm được một số việc, mặc dù là ác độc đi nữa, các thầy xem tướng đổ xô đến tâng bốc, nào là hắn có "quí tướng" như: lông mày

như lưỡi kiếm, mắt hổ, miệng như cửa sông, nhìn xa vẫn thấy rõ; còn nữa: mắt âm dương lúc nằm thì lông mày hình con tôm, miệng to mà chúm. Từ những lời nói đó, tên quân phiệt cho rằng nó khó có thể chết được, trở nên xông xáo hơn. Có một lần đang đốc quân ở Quảng Đông, trên đường phố Quảng Châu hắn thấy một người xem tướng treo cái biển "Ma y tinh tướng", còn xưng là "Toán mệnh tiên sinh". Hắn vốn không tin các thầy tướng, cho rằng các thầy tướng đã biết trước hắn là một chủ soái, cho nên nói dựa. Lần này hắn bèn hóa trang thành một nông dân, dẫn theo hai hộ vệ, tìm thầy xem tướng. Nhìn hình dáng khôi ngô, không mang vũ khí nhưng lại mang theo tùy tùng người hầu, thầy tướng đoán đây không phải là loại giang hồ, có thể đây là một nhân vật đáng giá, có mệnh quý. Nào ngờ khi nhìn kỹ vào mặt tên quân phiệt, mắt to mắt nhỏ, miệng mặt đều có dị tướng thầy số cười rồi nói: "Ông vốn làm quan to, sao lại cải trang như thế? Thật chẳng có gì, đã xuống dốc lại càng xuống dốc!". Nghe xong, tên quân phiệt không trách mắng gì thầy tướng, quay một vòng phố trở về phủ. Từ đó, ở Quảng Châu truyền đồn một câu chuyện "Tên tướng cướp họ Lục đã xem tướng,

cuộc đời suy tàn lại càng suy tàn".

Sự thực, bọn quân phiệt lúc bấy giờ đều mê tín cả. Thậm chí có tên trước lúc ra trận còn đem theo cả thầy tướng, thầy bói dùng làm mưu sĩ nữa. Có một thời ở Trung Hoa phong trào xem tướng, nhận xét nhân dạng lan tràn.

Từ đó chúng ta nên thấy rằng việc xem tướng trong xã hội cũ là có hại lớn cho xã hội. Lời nói, tin tức sai lạc dẫn đến nhiều hành động sai lạc. Nếu như không giáo dục, vạch trần chân tướng của bọn hành nghề xem tướng, không ngăn chặn những hành động xấu thì ngành khoa học nhân dạng sẽ bị tổn thất, đáng tiếc cho xã hội loài người.

Có một số người nói: khoa học nhân dạng là một sản vật được sinh ra do trình độ nhận thức và trình độ kinh tế thấp. Thế nhưng, các nhà nghiên cứu về nhân dạng cho biết: Ở nước Nhật kinh tế phát triển, con người được giáo dục, trang bị kiến thức ngày càng tăng, có thể nói đây là nước mà khoa học kỹ thuật một ngày đi được ngàn dặm, thế mà khoa học nghiên cứu nhân dạng rất được chú ý xem trọng. Đây là một vấn đề mới mà những nhà khảo sát tướng mạo, nhân dạng cần quan tâm. Chúng ta đã từng nói: mê tín là mảnh đất cho xem tướng

sinh tồn; chỉ cần có đất cho mê tín tồn tại, thì việc hành nghề xem tướng sẽ có hơi thở để nẩy nở. Ở Nhật Bản và một số nước có trình độ văn hóa và cuộc sống kinh tế tương đối cao, khoa học phát triển nhưng mê tín vẫn ẩn tàng trong tâm lý các tầng lớp nhân dân. Có nguồn gốc sâu xa thì không dễ gì một chốc lát mà mất được. Trong trường hợp đó nó còn biểu hiện rất đa dạng, đặc biệt trong các tầng lớp nghèo khó, tư tưởng mê tín vẫn tồn tại hàng ngày trong từng người. Sự phát đạt của kinh tế sẽ mang lại sự phong phú của cuộc sống vật chất nhưng lại mang đến cảm giác trống trải trong tâm hồn. Cảm giác này là một loại bệnh tật trong thời văn minh hiện đại. Loại cảm giác này sẽ làm tăng thêm và sâu sắc hơn tư tưởng mê tín. Mặt khác, theo đà biến đổi và phát triển của xã hội, trong sinh hoạt thường ngày, sự giao lưu giữa mọi người ngày càng phức tạp, sự phát triển sự nghiệp cá nhân, sự thành công trong mọi việc càng bị trói buộc bởi nhiều nhân tố: ô nhiễm môi trường, sự cố giao thông, các loại bệnh tật, thất nghiệp, phá sản... Tất cả những cái đó khiến con người hiện đại phải lo lắng và không có cảm giác an toàn, lúc nào cũng lo lắng, nảy sinh ngầm tư tưởng hy vọng hoặc

thất vọng đối với số mệnh. Lúc đó người ta thường dùng đến biện pháp mời người đoán trước số mệnh của mình.

Thế kỷ XX, ngành khoa học nhân dạng đã chứng lại, trì trệ, phát triển theo chiều hướng xấu; những sách vở đánh giá việc nhận xét khoa học nhân dạng với nhãn quan khoa học hiện đại bị xuyên tạc bóp méo. Có một số sách hiện đang lưu hành đã xảo quyệt vận dụng các thành quả tư duy mới của khoa học đương đại, mưu đồ thông qua mối quan hệ tổng hợp giữa triết học, luân lý, tôn giáo, khoa học, văn hóa, giải thích nhận xét nhân dạng là một loại cơ sở để tồn tại và phát triển các hiện tượng văn hóa. Cái lối dùng phương pháp, quan điểm và kết luận như mới đó làm cho người ta tin. Những sách vở nghiên cứu nhân dạng trở lên có giá trị về học thuật

Nghiên cứu nhân dạng tuy rơi vào trạng thái đình trệ, lý luận về tướng mạo chưa có được sự phát triển mới, nhưng do nhu cầu của thói quen cần được xem tướng, những sách vở nói về phương pháp nhận xét nhân dạng có rất nhiều. Ở Trung Hoa có các loại:

- Ma Y tướng pháp.

- Thần tướng thiết quan đao.

- Tướng lý hoành chân,

Ở phương Tây có:

- Nhìn tướng mặt

- Tướng tay và tướng mặt.

Các loại sách này được bán đầy ở các hiệu sách, có tranh vẽ, lưu hành rộng rãi. Các sách nói về nhận xét tướng mạo được phiên dịch ra tiếng các nước, giới thiệu cho nhiều độc giả. Trước đây, ngành khoa học nghiên cứu nhân dạng chỉ hạn chế trong một nước, nay đã mang tính chất nhiều nước; văn hóa thế giới đi vào thời đại mới thì ngành nghiên cứu khoa học này cũng có bước phát triển mới.

Một số nhà nghiên cứu tướng mạo Nhật Bản đã cho ra một loạt sách như:

- Sức khỏe và tướng tay

- Học thuyết tướng mạo con người.

Thuật xem tướng ở Pháp có:

- Từ tướng mặt mà phán đoán tính cách.

*

* *

CHƯƠNG IV

CÁC NHÂN VẬT TÀI NĂNG VỀ NHẬN XÉT NHÂN DẠNG

Khoa học nhận xét nhân dạng có một quá trình lịch sử lâu dài, và được đẩy lên thành một học thuyết có vị trí. Nhiều nhà nghiên cứu môn khoa học này được người đời tôn làm "bậc thầy về nhận xét nhân dạng" được coi là những nhà trí thức đáng quý.

Ở đây chúng tôi xin chủ yếu nói đến ngành khoa học này ở phương Đông và Trung Hoa là nước mà ngành khoa học này được nghiên cứu có hệ thống, được giới khoa học quan tâm và có nhiều tác phẩm có giá trị được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới.

A. Ở TRUNG HOA

1. Đội ngũ.

Ở Trung Hoa trước Tần Hán chưa có đội ngũ

những nhân vật có tài năng nhận xét tướng mạo con người. Những người xem tướng mạo chưa được chuyên nghiệp hóa, chỉ có một vài người nổi danh. Thời Xuân Thu (770 đến 403 trước Công nguyên) có Thúc Phục. Thời Chiến Quốc có Đường Cừ. Những người như Thúc Phục và Đường Cừ không vị lợi, lòng thanh thoát, tài năng bộc lộ rõ rệt.

Sau đời Hán, việc nhận xét tướng mạo trở thành nghề chuyên nghiệp, hàng loạt bàn xem tướng công khai xuất hiện ở các đô thị, khá nhiều nhà tri thức hoặc các viên quan bất mãn với thời cuộc về bày bàn làm "thầy tướng".

Được người đời tôn là "Bậc thầy của các thầy tướng" phải có nhiều cống hiến cho việc xem tướng. Bởi lẽ ngành nghiên cứu nhân dạng đòi hỏi đi sâu vào các tri thức: dịch số, bát quái, âm dương ngũ hành, Nho gia, Đạo gia; đồng thời còn phải chú ý đến những diễn biến nghiêm khắc, phức tạp, biến hóa khôn lường của "học thuyết" này nên nó đòi hỏi sự tập hợp lòng tâm huyết của nhiều thầy xem tướng giỏi.

Nếu cho nhận xét nhân dạng chỉ là một thú mê tín, không đưa ngành khoa học này lên vị trí quan trọng thì sẽ để mất mát những vốn quý tri thức mà

từ xưa đã để lại. Các nhà nghiên cứu khoa học nhân dạng là những nhà nghiên cứu, nhà thực tiễn xứng đáng là một loại nhân vật được ghi vào sử sách. Những nhà xem tướng giỏi, lời nói của họ phải là lời dự đoán chuẩn xác về điều hay điều dở, hung dữ tốt lành, phúc họa của số mệnh một con người. Nhà tướng thuật phải tìm hiểu sâu sắc cuộc sống của con người, nhất là qui luật cùng với mối liên hệ nội tại của nó với hình thể, phải biết kết hợp các nguyên lý y học phương Đông với kinh nghiệm thực tiễn nhất định, phải nghiên cứu thấu triệt đủ các nguyên tố biến hóa của xã hội như chính trị, kinh tế, nhân tình, vật lý cùng với "hình ảnh đời người", "cái ác cái thiện của con người".

Những vấn đề này đòi hỏi các thầy xem tướng đời xưa phải nắm được lí luận triết học cao thâm, các yếu tố tư duy lô gích nghiêm túc, sự từng trải xã hội phong phú, phải có năng lực biểu đạt chữ nghĩa, nói năng. Nếu dùng ngôn từ ngày nay mà nói, thầy tướng là người có năng lực tổng hợp, có tri tuệ cao, là nhà mỹ học, nhà y học phương Đông, nhà triết học, nhà lô gích, nhà hoạt động xã hội. Họ lại phải có vị trí trong xã hội, bậc lộ được phong độ của một nhà chính trị.

Nói tóm lại, thầy tướng thời xưa là một nhân tài đặc biệt, được mọi người chú ý.

Việc nhận xét tướng mạo dần dần trở thành một phong tục, hầu như ai cũng chú ý, từ vua chúa đến dân thường, bàn luận có lúc say mê, nhưng qua tổng kết thì nhiều nhất vẫn là những thành viên thống trị phong kiến.

Những bậc thầy nhận xét nhân dạng:

Cô Bố Tử Khanh (năm 500 trước Công nguyên thuộc thời Xuân Thu - Chiến Quốc).

Một hôm, Cô Bố Tử Khanh gặp Triệu Giản Tử một viên quan của nước Tấn. Giản Tử đòi Cô Bố Tử Khanh xem tướng.

Tử Khanh nhìn qua, nói:

- Mấy đứa con này của ngài, không có đứa nào làm nên trò trống gì!

Giản Tử nóng nảy nói:

- Lẽ nào nhà họ Triệu chúng ta mà lại suy đồi thế?

Tử Khanh nói:

- Trên đường đi tôi gặp một chàng thanh niên, có lẽ đó mới là con trai của ông.

Triệu Giản Tử gọi thêm một chàng trai vào, Tử

Khanh vừa trông thấy nói ngay:

- Đây mới là một vị tướng quân chân chính.

Giản Tử mãi mới nói được:

- Mẹ của nó địa vị thấp hèn, xuất thân là nô tì của ta, làm sao thằng này lại có quý tướng được?

Tử Khanh nói:

- Đây là ý trời, thấp hèn thì đã làm sao? Nhất định đã lộ quý giá sang giàu!

Từ câu chuyện này có thể thấy nhận xét nhân dạng của Tử Khanh phản ánh đặc trưng tâm lý thời đại điển hình. Thời Xuân Thu Chiến Quốc là thời kỳ cả xã hội đã phá quan hệ kế thừa máu mủ thân nhân cũ. Thú dân có thể làm quan được. Hiện tượng người áo vải làm khanh tướng là phổ biến, con trai của Giản Tử "Tuy hèn nhưng tướng quý" nên sẽ làm nên Khanh tướng.

Cô Bố Tử Khanh là ông tổ mở ra môn phái quan sát nhận xét nhân dạng "Kỳ hình tức thánh nhân" (hình thù kỳ lạ là người thánh). Theo truyền thuyết, ông đã từng xem tướng cho Khổng Tử. Ông nói, Khổng Tử có 4 đặc trưng hình mặt của một thánh nhân, đó là:

- Mặt giống mặt vua Nghiêu

- Mắt đỏ như mắt vua Thuần
- Có cổ cao như cổ vua Vũ
- Miệng giống chim có mỏ cao

Về sau này, theo truyền thuyết ngày càng phóng đại Cô Bố Tử Khanh trở nên người tài năng tuyệt vời.

Người đời sau đã tôn ông là ông tổ về xem tướng người.

Đường Cử: Nhà xem tướng thời Chiến Quốc, người phủ Khai Phong, tỉnh Hà Nam.

Đường Cử đã từng xem tướng cho Lý Doài, đoán rằng: "100 ngày nữa sẽ nắm được quyền hành cả nước". Lại đoán cho Sái Trạch: "Ngài mũi to, vai ngang, mặt khôi ngô, số thọ còn sống được hơn 40 năm nữa". Tất cả đều đúng.

Ông cũng là người đã nêu thuyết "Thánh nhân dị tướng".

Hứa Phụ là một phụ nữ ăn nói đi đúng thiên về nam tính. Bà người tỉnh Hà Nam.

Câu chuyện Hứa Phụ xem tướng được người đời sau hết lời ca ngợi.

Theo truyền thuyết, bà đã xem tướng cho quan

đại thần Đặng Thông được Hán Văn Đế yêu mến. Bà đã nói với Đặng Thông: "Xem miệng của ông thì sau này ông sẽ chết đói". Quả nhiên về sau mặc dù được Hán Văn Đế ân sủng nhưng Đặng Thông vẫn chết đói.

Hứa Phụ khi xem tướng cho viên Đại tướng Châu Á Phu cũng căn cứ vào cái ấn tàng bên trong như thế. Chuyện kể. Khi Á Phu chưa được phong tước hầu, Hứa Phụ xem tướng nói: "Ông 3 năm nữa được phong tước hầu, 8 năm sau làm tướng nắm quyền cả nước, rất đáng quý, nhưng 9 năm sau thì sẽ bị chết đói". Châu Á Phu cười, nói:

- Ta làm sao mà được phong hầu khi bây giờ chẳng khác gì một tên lính, còn như nói ta tướng quý thì sao lại chết đói? Đừng lừa ta.

- Có cái "lí" nhập vào miệng, thế là chết đói.

Theo cách nói của bà: xem nhân dạng nếu trên miệng và môi có hoa văn phải quan sát tỉ mỉ, nếu hoa văn thẳng đứng thì thế nào cũng lâm vào số chết đói.

Trong "Tướng pháp Ma Y" có viết:

"Quan sát kỹ, nếu môi nhiều hoa văn, lại có màu

xanh nhạt thì số chết đói". Còn nếu như: "các hoa văn màu đỏ, tươi đẹp lại uơn uớt như có nước thì phú, quý, phúc, thọ đều có cả".

Trong sách còn viết:

"Hoa văn nhiều thì đông con cháu, nếu kéo dài ra khỏi miệng môi thì ít tài lộc và gánh chịu nhiều tội". Cách xem của Hứa Phụ đã đặt cơ sở cho việc sáng lập loại lý luận này.

Trong xã hội phong kiến những người đàn bà có tài như Hứa Phụ rất hiếm. Cái tài của Hứa Phụ là cái tài quan sát có trí tuệ, nhất là quan sát miệng người.

Tài xem tướng của Hứa Phụ chứng minh rằng bà không phải người bình thường. Bà có mối quan hệ với tầng lớp trên, cũng có khả năng tiếp xúc với tầng lớp dưới và cuối cùng có thể sống cùng với các quan bà trong xã hội thượng lưu. Trình độ nhận xét tướng mạo của Hứa Phụ được mọi người thần phục nhưng ngược lại, bà không thể gần gũi với xã hội thượng lưu, càng không thể xem tướng cho các quan đại thần cũng như vua vì làm sao bà có thể nhìn vào những đường thẳng đứng ở miệng họ mà dám cho rằng những người cao sang như thế chết đói được!

Hứa Phụ khi nhận xét nhân dạng, chú ý vào: lông mày, mũi, tai, miệng, trán, nắm tay, chân. Bà cho đây là những bộ phận quan trọng mà một người nhận xét nhân dạng cần chú ý. Và từ đó ở đời Hán đã hình thành phạm vi và cục diện cơ bản của môn khoa học nghiên cứu nhân dạng được Hứa Phụ xuất phát từ thực tiễn. Về sau quan điểm này ngày càng phát triển.

Chu Kiến Bình: Nhà nhận xét nhân dạng bậc thầy thời Tam Quốc, người tỉnh Giang Tô.

Ông là một thầy xem tướng ngựa rất giỏi.

Có một lần Ngụy Văn Đế Tào Phi xuất quân đi tuần, quan hầu dắt đến một con ngựa, Chu Kiến Bình trông thấy con ngựa, nói với mọi người chung quanh: "Con ngựa này, hôm nay sẽ chết, ta xem tướng nó ta biết". Văn Đế lên ngựa, con ngựa ngửi thấy mùi thơm của áo quần Văn Đế, hoảng sợ hất ngã nhà vua, vua tức giận sai người chém chết con ngựa, ứng với lời của Kiến Bình.

Chu Kiến Bình đã chuyển từ xem tướng ngựa sang xem tướng người. Lúc Tào Tháo đang còn là Ngụy Công, nghe tin Kiến Bình có tài xem tướng, mời ông vào cung làm quan. Lúc đó Tào Phi đang

làm tướng, trong nhà có hơn 30 người khách. Tào Phi hỏi Kiến Bình xem mình sống được bao lâu. Giữa đám đông khách như vậy, Kiến Bình nói: "Tướng quân có thể thọ đến ngoài 80 tuổi mặc dù đến năm 40 tuổi bị hạn nhỏ, cần phải thận trọng, giữ gìn tính mạng". Sau đó quay sang Hạ Hầu Uy, Kiến Bình nói: "Năm 49 tuổi ông sẽ làm Châu Mục nhưng gặp tai họa, nếu tránh được sẽ thọ đến 70 tuổi, có địa vị", rồi lại nói với Ứng Cư: "Lúc ông 63 tuổi làm Thường Bá gặp tai họa, trước khi nhận chức 1 năm, ông sẽ gặp một con chó trắng, nhưng người khác không trông thấy, chỉ một mình ông thấy thôi". Rồi lại nói với Tào Bưu: "Ông có chức quyền ở nước Phiên, đến lúc 57 tuổi, có loạn binh biến, phải để tâm phòng bị". Tất cả những lời nói của Kiến Bình đều linh ứng. Tào Bưu về sau được phong làm Sở vương, năm 57 tuổi bị Vương Tắc làm phản giết chết.

Kiến Bình khá nhiều bạn thân, có một lần Đinh Xuyên xin Kiến Bình xem tướng cho mình, nhưng Kiến Bình chẳng chịu nói, mà chỉ sang người bạn thứ hai là Tuân Du cho biết: Tuân Du sẽ chết trước, con còn nhỏ, nên cho vợ hãy còn tuổi xuân đi lấy chồng. Sau này Đinh Xuyên để lại một lá thư, kể lại: "Ta với Tuân Du có yêu cầu Chu Kiến

Bình nhận xét tướng mạo, Kiến Bình nói: Anh Tuân Du chết trẻ, mọi việc quan trọng sau này đều phó thác cho ta cả. Ta nhìn Tuân Du cười: "Đến lúc đó đành phải để cho người vợ trẻ của anh đi lấy chồng thôi". Về sau Tuân Du chết trước, người vợ trẻ đi lấy chồng, sống những ngày tốt đẹp.

Nhưng cách xem tướng của Kiến Bình cũng có lúc chưa chuẩn xác. Ví dụ trường hợp đoán cho viên tướng Vương Tiên là thọ được 70 tuổi, nhưng ông này chỉ sống được 62 tuổi.

Ở Trung Hoa có những tên hôn quân bạo chúa hết sức mê tín như Tùy Dương Đế. Tướng mạo của Tùy Dương Đế, theo lời vua cha của hắn là Tùy Văn Đế Dương Kiên: "Lông mày rậm, tiếng cười như có khí giết người, không sâu não, không phú quý. E rằng chuyên phá hoại người, đó là con ta vậy!" Trong triều lúc bấy giờ có một viên quan cũng biết xem tướng là Hồng Lễ, ông đoán xét khá chuẩn xác. Tùy Dương Đế rất phục Hồng Lễ, luôn lưu Hồng Lễ trong cung. Tùy Dương Đế hoang dâm vô độ, Hồng Lễ biết rằng Tùy Dương Đế sắp đến ngày suy vong, nhưng khi Dương Đế cho gọi Hồng Lễ vào hỏi, Hồng Lễ sợ nên không dám nói

thực, chỉ nghĩ trong bụng, quả nhiên về sau Tùy Đường Đế bị chém chết. Hồng Lẽ trở về Kinh Châu xem tướng cho Đại Đô Đốc Trường Sử Tiết Đại Đình. Cha của Tiết Đại Đình là quan triều Tùy làm phản nên bị chém chết. Tiết Đại Đình bị giáng chức xuống làm quan hầu, bị lưu đầy đi Thần Châu. Vào giữa đời Trinh Quán Đường Thái Tông, Tiết Đại Đình nhờ Hồng Lẽ xem tướng cho mình. Hồng Lẽ nói: "Ngài là quan hầu, còn định hỏi gì nữa?" Nói xong bảo Đại Đình cởi hết quần áo, sau khi nhìn kỹ một lượt, Hồng Lẽ chỉ vào lưng nói: "Tương lai ông sẽ làm quan đầu tỉnh, là loại quan có chức quyền". Đại Đình nghe xong, vui mừng lắm, còn Hồng Lẽ vui vẻ ra đi.

Viên Thiên Cương. Đây là một chuyên gia vào bậc thầy về thuật xem xét nhân dạng, nổi tiếng ở Trung Hoa. Ông người Thành Đô, tỉnh Tứ Xuyên, sinh năm nào không rõ. Những câu chuyện xem tướng mạo của ông được sách sử nói đến nhiều. Lúc làm chức quan nhỏ ông hay bàn đến thuật xem tướng mạo, và hay chơi bời với những người quan tâm đến thuật nhận xét nhân dạng.

Có một lần, Viên Thiên Cương nhìn vào mặt 3

người bạn thân nói: "Đỗ Yêm sẽ là một con người vinh hiển về văn chương vì cả 3 bộ phận trên mặt: mũi thẳng học đường, lỗ tai to. Vương Giai tướng hợp với trời đất, chưa đến 10 năm sau đã làm đến quan ngũ phẩm. Còn Vi Đình mặt oai như hùm là một vị quan võ oai nghiêm". Viên Thiên Cương còn cảnh cáo: "Cả 3 người không giữ sẽ bị cách chức, đuổi về nhà. Đấy, các anh cứ xem thử". Quả nhiên về sau cả 3 đều làm quan to, nhưng đều phạm tội, bị lưu đày. Ba người gặp lại Thiên Cương, Viên Thiên Cương an ủi họ: "Cuối cùng các anh lại sống những ngày sung sướng cho mà xem". Cả ba về sau được phục hồi chức quan làm đến tam phẩm, riêng Đỗ Yêm sống thọ. Dự đoán của Viên Thiên Cương rất ứng nghiệm. Một câu chuyện khá lý thú là Viên Thiên Cương xem tướng Võ Tắc Thiên.

Lúc Võ Tắc Thiên còn nằm trong bụng mẹ, Thiên Cương gặp Dương Thị là mẹ của Võ Tắc Thiên, ông nói luôn: "Bà sẽ đẻ ra con gái". Võ Tắc Thiên là con gái thứ 2 của Dương Thị, khi còn nằm trong bụng mẹ đã đập, quấy chẳng khác gì con trai. Đẻ ra, bảo mẫu bế đi chơi mặc quần áo con trai, Thiên Cương quan sát kỹ tai mắt cô bé, kinh ngạc: "Mặt như rồng, lưng như phượng, tướng rất quý, sẽ

làm đến thiên tử". Bà mẹ là Dương Thị hết sức vui mừng, từ đó đối xử rất tử tế với Thiên Cương. Lúc Vô Tắc Thiên quyền nắm thiên hạ, bà rất tôn trọng quý mến Thiên Cương.

Viên Thiên Cương còn dự đoán rất chính xác mệnh thọ, mệnh yếu của con người, ông còn biết được vòng quay của cuộc sống bản thân. Có lần quan đại thần Cao Sĩ Khiêm hỏi: "Cuối cùng ông làm quan gì?", Thiên Cương nói:

- "Tôi vào tháng 4 mùa hạ năm nay thì tận số".

Quả nhiên đúng ngày giờ đó ông qua đời.

Tài xem xét nhận định tướng mạo của Viên Thiên Cương thật tinh tế, độ chính xác là có căn cứ. Ví dụ như khi Thiên Cương nói: "Mã Chu không thọ, là vì Mã Chu mặt đỏ, tai không có góc, xương phía sau không to". Trình độ vào bậc thầy này làm cho giới giang hồ kinh ngạc. Con của Viên Thiên Cương là Viên Khách Su, kế thừa học vấn của cha, cũng tinh thông thuật xem tướng. Theo truyền thuyết: có một lần Viên Khách Su cùng mọi người sang sông. Thuyền vừa rời bến, ông hô lớn "Lái đò quay ngay thuyền vào bờ". Những người cùng đi ngạc nhiên nhao nhao hỏi nguyên do. Viên Khách Su nói: "Lổ mũi của những người trên

thuyền đều có hơi thở màu đen, không thể nào qua nổi sông dâu, sẽ gặp nguy hiểm đấy". Chính lúc đang nói như vậy có một người đàn ông bước lên thuyền, Viên Khách Su lại nói:

- Có quý nhân đến, chúng ta lại có thể qua sông được.

Quả nhiên, thuyền đến giữa sông gặp gió to, chao đảo lắc lư, rất nguy hiểm, nhưng cuối cùng vẫn sang được bờ. Mọi người ngồi trên thuyền đều thấy tài năng của Viên Khách Su mà thán phục.

Quan sát, nhận xét, rút ra được những kết luận chính xác, cha con Viên Thiên Cương đã nổi danh trên trường khoa học nhân dạng.

Trương Kính Tàng. Sinh cùng thời với Viên Thiên Cương, thời Vương triều Đường. Ông là một bậc thầy về nhận xét nhân dạng, người tỉnh Hà Nam, năm sinh ngày mất không rõ, có lẽ sống vào triều đại Đường Thái Tông Lý Thế Dân. Lúc đó có quan hầu cận của Thái Tử, con Đường Thái Tông biết tài ông xin hỏi tương lai, Kính Tàng nói: "Tuổi của ngài chỉ 6 năm nữa sẽ rất phú quý, ngoài 60 tuổi mới có bổng lộc".

Sau này Đường Thái Tông đem quân chinh phạt

nước Cao Ly, viên quan hầu cận họ Trường nọ xung phong làm sứ giả, giữa đường bị giặc bắt, nhiều lần bị hành hạ, nhưng trung thành bất khuất, bị giam giữ. Sáu năm sau, Cao Ly bị thua, người họ Trường nọ mới được thả về nước. Thái Tông ca ngợi lòng trung nghĩa của ông, phong cho làm đại phu. Mãi đến sáu mươi tuổi, người họ Trường mới được làm quan vinh hiển.

Người đương thời là Lưu Nhân Quý và Tinh Hiền cùng quê, mời Kính Tàng xem số mệnh, Kính Tàng nói: "Lưu Công làm quan đến tước ngũ phẩm". Lại nói với Tinh Hiền: "Anh bị chết ở nhà người". Tinh Hiền nhìn lướt qua Kính Tàng tức giận nói: Ba con ta đều giàu có, ta làm sao mà chết?". Lúc đó nào ai biết được chẳng lâu, ba con của Tinh Hiền đều chết cả, gia sản đều bán hết. Quả nhiên, Tinh Hiền chết ở nhà bạn. Lưu Nhân Quý về sau là Thượng Thư Bộc Xạ kiêm tân khách của Thái Tử, đến thời Võ Hậu do biết việc triều chính được làm quan đến tước tam phẩm.

Lúc Ngụy Nguyên Trung hãy còn trẻ, tìm Kính Tàng để xem tướng cho mình, hỏi đi hỏi lại Kính Tàng vẫn không nói. Ngụy Nguyên Trung tức giận:

- Ai cũng có mệnh mình, hà tất phải nhờ đến

anh?- Nói xong vẫy tay áo đi luôn. Kính Tàng lập tức đứng dậy nói:

- Cái tướng của ông lúc giận dữ cho biết rằng, tất phải làm khanh tướng.

Ngụy Nguyên Trung là quan can gián trong triều, có khí tiết, trọng đại nghĩa, thường bị bạn cùng chức quyền ganh ghét. Có một lần Võ Hậu nói với ông:

- Khanh hay can gián, tại sao lại thế?

Ông trả lời:

- Thần như con hươu, các quan trong triều như người đi săn, cho nên tai thần phải thính. Mục đích của họ là muốn giết thần để tiến thân, vì thế thần phải luôn chú ý.

Sau này sự việc diễn ra đúng như lời nói của Kính Tàng.

Kính Tàng có 3 người bạn: Yếu Sùng, Lý Hồi Tú, Đỗ Cảnh. Lúc chưa vinh hiển, Kính Tàng nhìn tướng mạo 3 người, nói với họ:

- Dáng của 3 người làm quan to ngang tể tướng, nhưng Yếu Sùng có dáng quý nhất.

Nhận xét của Kính Tàng là cổ vũ lớn cho cả 3 người. Thời Võ Hậu, Yếu Sùng chăm học, thân

hình khôi ngô tuấn tú, sau được Đường Huyền Tông yêu mến, trở nên hiển vinh.

Qua những lời nhận xét tướng mạo chính xác của Kinh Tàng, có thể nói: "lời người xem tướng mạo có thể làm cho lòng người phấn khích, từ đó có thể thay đổi được đời sống".

Triệu Thị là vợ của Bùi Giai, có cặp mắt lúng liếng. Trương Kinh Tàng nói với cô ta: "Nhìn cô đậm dăng", lại nói tiếp: "Mắt sáng quắc, trong nhà có đến 5 chồng. Cô thật có tội". Chẳng bao lâu, quả nhiên Triệu Thị mắc tội thông dâm.

Lại có khi lời các thầy xem tướng mạo phần phát thôi thúc con người mau đạt được dự vọng. Kinh Tàng nhận xét Lưu Tư Lễ là một người tâm không trong sáng, đầy dự vọng, cuối cùng dẫn đến cái chết thảm hại. Lúc còn trẻ Lưu Tư Lễ cùng Kinh Tàng đi học thuật xem tướng. Kinh Tàng nói với Tư Lễ: "Tướng anh làm quan cao đến Thái Sư". Tư Lễ nghe thấy vậy lòng dự bưng bưng như điên cuồng. Thời Võ Hậu, Tư Lễ làm quan, nhưng không kim được dã tâm, muốn chóng được làm Thái Sư, nên đã câu kết với bọn tham quan mưu phản. Nào ngờ triều đình phát hiện, sự việc không thành, bị tội chết. Cái chết của Lưu Tư Lễ là do

lòng quá ham quyền nhưng về một mặt nào đó thì cũng có thể nói rằng chính lời của thầy tướng đã hủy hoại đời hắn.

Nhiều người vì nghe lời nói láo của một số thầy tướng ngu dốt; không tỉnh táo vội vã theo ngay, hoặc cuồng nhiệt làm những chuyện sai lầm, hoặc luôn buồn phiền. Cho nên phải cảnh giác với những loại người nhận xét tướng mạo không khoa học không có trình độ, vô lương tâm.

Tôn Tư Mạo (581-682) Một danh y, một học giả Đạo giáo nổi tiếng đời Đường, người tỉnh Thiểm Tây. Ông là một người tinh thông học thuyết Lão Trang, Bách gia chư tử, tinh thông y học và thuyết Âm Dương. Ông thường ở Chung Nam Sơn, không thiết danh lợi, đóng cửa viết sách, trị bệnh cho người, người đời sau tôn là "Được Vương" (Vua thuốc). Ông vào đời bằng những trước tác, nhưng đồng thời cũng có nghiên cứu về khoa học nhân dạng. Ông có nhiều cống hiến cho ngành khoa học này. Ông đã ứng dụng các nguyên lý y học vào nhân sự xã hội, từ y lý mà nắm tương lai số mệnh. Nguyên lý cơ bản của khoa học nhân dạng cho rằng giữa trời và con người có sự thống nhất chức năng,

cơ cấu sinh lí, và việc sinh ra con người phải thuộc trời; sinh tồn và phát triển của con người phải ứng vào quỹ đạo vũ trụ thiên nhiên, ngược lại sẽ mang họa vào thân. Tôn Tư Mạo tiến bộ hơn mọi người là từ góc độ y học mà dẫn rõ về loại lý luận nghiên cứu khoa học nhân dạng. Sách xưa có viết: "Lô Chiếu Lân là một trong Tứ Kiệt của văn đàn đời Đường, đã từng cùng ở ẩn với Tôn Tư Mạo ở núi Thái Bạch. Có một lần Lô Chiếu Lân bị bệnh, chữa mãi không khỏi, bèn đến hỏi Tôn Tư Mạo, nhờ ông chữa giúp. Tôn Tư Mạo vừa chữa bệnh vừa giảng cho nghe những học vấn lẽ trời, việc người đời nội dung như sau: "Trời có 4 mùa ngũ hành, nóng lạnh rõ ràng, thuận hòa làm mưa, giận dữ có gió, nghi ngại có tuyết sương, trướng lên có cầu vồng, thường của trời. Người có tứ chi ngũ tạng, lúc nằm ngủ hô hấp hít thở, Lưu làm vinh vệ, Chương làm khí sắc, Phát làm thanh âm, mấy thứ thường có của người. Dương là hình, âm là tinh, con người và trời đều như thế"... Lô Chiếu Lân lại hỏi: - Chuyện con người như thế nào? Tôn Tư Mạo: - Tấm lòng con người do ở anh, anh mà cung kính, lòng ham muốn bé nhỏ thì như gập hồ sâu, như phải băng mỏng, cái gì cũng là nhỏ. Có gan thì làm tướng, lấy quả

quyết làm nhiệm vụ, chẳng nên muốn cái hơn. Còn như vũ phu muốn chiếm thành thì đừng nên nói đến. Con người nhân đức thì cầu yên tĩnh, đất cũng giống thế, không nên muốn nhiều. Không nên làm theo cái lợi, không làm điều ác, đừng quá tham vọng. Người có trí thì động cũng giống như trời, nên mong cho tròn. Kinh Dịch có nói: "Thấy cơ hội là làm, không nên để hết ngày".

Bởi vì con người với trời cùng sinh cùng biến "Việc người đời" do con người tạo nên.

Quy luật vận động của vũ trụ trời đất không tách khỏi hiện tượng tự nhiên. Cho nên triết học, y học Trung Quốc vẫn rất xem trọng mối quan hệ khoa học giữa nhân dạng với trời đất, chuyện con người. Người ta gọi trời là một cái chậu lớn, có lúc gặp nguy, không cẩn thận, khó sống".

Tôn Tư Mạc cho rằng: Con người trong xã hội cần cẩn thận và mạnh dạn. Cẩn thận là bất cứ chuyện lớn nhỏ nào cũng phải chú ý, không thể để trôi nổi, sau khi kiểm tra suy nghĩ mới hành động. Mạnh dạn là gặp việc phải quyết đoán cho nhanh, như tướng lĩnh cầm quân công thành, nếu chậm chạp nghi ngờ sẽ bỏ lỡ mất thời cơ tốt. Mạnh dạn không phải là hồ đồ, phải lấy cái tâm làm tiền đề.

Hành động của con người nếu đạt được chữ "Nhân" chữ "Tri" cao độ thì giống như đất, chính trực, công minh, không cầu danh lợi.

Cần làm theo cách "Giống như trời" trông thấy thời cơ thuận lợi phải lập tức hành động, không đợi chờ. Lòng như tấm gương sáng.

Đặt con người vào trong vũ trụ trời đất, con người là một phần bé nhỏ của thiên nhiên to lớn, phải tuân thủ pháp chế của thiên nhiên, đây là xuất phát điểm ban đầu của khoa học nghiên cứu nhân dạng.

Bệnh tật, thay đổi trong thân thể con người đều thông qua hình thể mà biểu hiện. Điều này cũng giống như gió mưa sấm sét, núi lở nước dâng, một hình thái vận động của trời đất. Quan sát hình thể là bước thứ nhất của việc chẩn đoán bệnh tật của y học phương Đông, là quá trình chủ yếu của ngành khoa học nghiên cứu nhân dạng. Do đó, giữa tướng mạo và y học có mối quan hệ sâu sắc. Người ta nói y học và tướng mạo cùng nguồn gốc là không nói quá. Con người hoạt động trong một quần thể xã hội, tất nhiên có quan hệ đến các loại luân li, cũng như thế, khoa học nghiên cứu nhân dạng đã đặt luân li làm một loại cơ sở quan trọng. Khoa học

này cho rằng: con người ngoài việc phải thuận theo qui tắc của thiên nhiên, còn phải điều chỉnh, tuân thủ các tiêu chuẩn nhân luân trong xã hội. Là một nhà y học, Tôn Tư Mạo hiểu sâu sắc tầm quan trọng của việc chẩn bệnh dựa vào khí sắc hình thể. Khi làm một nhà nghiên cứu tướng mạo càng phải hiểu rõ hơn. Nhận xét hình thể chỉ là một góc độ và thủ đoạn quan sát phán đoán chuẩn xác quá trình số mệnh con người, ngoài ra còn phải dựa nhân sự xã hội làm điều soi chiếu quan trọng.

Tôn Tư Mạo tài giỏi cao thâm về y học, về tướng mạo con người như thế, có lúc người ta xem ông như một bậc thầy "thần nghiêm". Tôn Xú Ước nhờ ông xem tướng mạo, nhìn qua một lượt rồi ông nói: "Con người tuần tú, về cuối đời phú quý, nhưng cầm quân sẽ chuốc lấy họa". Về sau quả nhiên rất ứng nghiệm.

Ma Y đạo giả. Người nước Tống, cùng ở ẩn trong hang đá ở Hoa Sơn với Trần Chuyển. Tên họ chẳng biết, người đời vẫn thường gọi là "Ma Y". Sách cũ có viết: Ma Y, con người khác thường, giấu tên tuổi. Ma Y tuy bình sinh giấu tung tích nhưng theo khẩu truyền cũng biết được ông người cuối Ngũ Đại đầu đời Tống. Ma Y quan sát hình dáng rất

thần tình. Có một người tên là Kim Nhược Thủy, dáng hình tiên phong đạo cốt, nhờ Ma Y xem tướng mạo, ông chỉ đề dưới đất "Làm chẳng được". Có thể ông đã cảm thấy Nhược Thủy nợ trần duyên chưa dứt, mà lại ẩn nấu nơi sơn lâm, nấu thuốc luyện đan. Nhược Thủy như hiểu lời nói, quay về phàm tục, về sau quả nhiên được như ý. Sự đoán định tài giỏi của Ma Y đã biểu thị phong độ xuất thần nhập hóa của bậc thầy về tướng mạo. Có một câu chuyện lí thú về Ma Y. Cao Tổ cho Tiết Độ Sứ Hà Nam lên làm Khu Mật Sứ, Ma Y nói với Triệu Phổ:

- Trong thành có khí Thiên Tử, có thể yên ổn lâu ngày. Thành chưa bị phá.

Thành Hà Nam có ba vị Thiên Tử đã từng đóng đô, đó là Chu Cao tổ, Sài Thế Tông, và Cao tổ của đương triều. Ma Y thật là người kỳ lạ. Truyền thuyết này mang nhiều màu sắc thần bí, giống như Ma Y đã xem tướng mạo cho Chu Cao Tổ Quách Y, Chu Thế Tông Sài Vinh, Tống Thái Tổ Triệu Khuông Dã, ứng nghiệm thì mới nói được như thế. Đáng tiếc, quá ít sách ghi chép câu chuyện "Thần thoại" Ma Y xem tướng. Trình độ nhận xét tướng mạo của Ma Y đã khiến người ta nghĩ đến tài năng

của ông, cho rằng ông đã có nhiều đóng góp cho ngành nghiên cứu khoa học nhân dạng.

Trần Chuyển: Năm sinh không biết, chỉ biết chết năm 989, đạo sĩ cuối đời Ngũ Đại, đầu Tống, tự là Đồ Nam, hiệu là Phù Dao Tử. Năm 4 - 5 tuổi, ông đến bên bờ sông chơi, bị một người phụ nữ trung niên dọa nhận chìm, từ đó về sau, trở nên hết sức thông minh. Tuổi càng lớn, ông đọc hết sách Bách Gia, đọc qua là thông, nổi tiếng thơ văn.

Tham gia kỳ thi Tiến sĩ đời Đường bị đánh hỏng về quê, từ đó ông không cầu danh lợi, lấy núi sông làm vui. Ông lên núi ở ẩn, luyện khí ở trong hang hơn 20 năm, ngày chỉ uống mấy chén rượu. Tống Thái Tông khâm phục ông cho ông là người "Lo thiện, giữ mình, không cầu lợi", đãi ngộ rất hậu. Biết ông ở Vân Đài Quan, nhà vua thường hay trao đổi thơ phú với ông, mời ông về triều, nhưng Trần Chuyển lòng lưu luyến núi rừng, sau mấy tháng Thái Tông đành "thả ông trở về núi".

Trần Chuyển là một học trò giỏi của Ma Y Đạo giả. Trong việc nghiên cứu khoa học nhân dạng Trần Chuyển đã dung hòa được các phương pháp nghiên cứu của Đạo gia cho nên giống như phương

pháp nghiên cứu của Ma Y, phương pháp của ông có màu sắc thần bí.

Theo truyền thuyết, ông đã xem tướng cho Tống Thái Tổ Triệu Khuông Dã. Ông nói Triệu Khuông Dã có tướng làm vua. Về sau khi Trần Chuyển cười la vào Biện Châu, giữa đường nghe nói Thái Tổ đã lên ngôi bèn cười lăn ra đất nói: "Thiên hạ đã định rồi".

Có thể nói, phương pháp khoa học nhận xét tướng mạo của Trần Chuyển là một loại lôgic về nhận xét nhân dạng đạt được do lý luận về nhận xét nhân dạng tinh thần và kinh nghiệm phong phú. Nhiều nhà nghiên cứu môn khoa học này còn xa mới theo kịp ông.

Sách ghi: có một người tên là Minh Dật, ẩn cư tại hang Báo Lâm, núi Chung Nam nghe tin Trần Hy Di (Trần Chuyển) ở gần đó, bèn đến ra mắt. Hôm đó Trần Chuyển uống rượu rồi quay về nhà quét sân, tự nhiên nói: Có điềm tốt đến. Minh Dật đến lạy chào. Trần Chuyển đỡ dậy nói:

- Anh có phải là tiểu phu không? Hai mươi năm sau sẽ làm quan vinh hiển, nổi danh khắp thiên hạ!

Minh Dật nói:

- Tôi cứ giữ đạo nghĩa, không dám nói đến chuyện quan lộc.

Trần Chuyển cười nói:

- Con người ta có sang có hèn, không thể tránh được số mệnh. Người sang không thể là hèn, người hèn không thể sang được. Trông dáng vẻ của anh tuy ẩn dật ở núi rừng nhưng không thể ở yên được. Một ngày gần đây sẽ biết.

Về sau Minh Dật làm quan đến Long Đồ Các, bàn chuyện thiên hạ, ngày càng lên chức cao. Trần Chuyển còn nói với Minh Dật: "Anh không lấy vợ, chỉ thọ vừa phải". Minh Dật sống được 60 tuổi.

Trần Chuyển còn viết khoảng hơn 600 bộ sách. Ông nói:

- Tướng là từ lòng mà sinh ra, lòng từ thiện, có dày, có mỏng, cho nên tướng mạo không bao giờ mất.

Viên Cung (1334-1410) người ở Ninh Ba, tỉnh Chiết Giang sống vào cuối triều Nguyên đầu đời Minh.

Xuất thân trong một gia đình quan lại có học, Viên Sĩ Nguyên đã từng làm quan đến chức Hàn Lâm Kiểm Duyệt. Lúc nhỏ ông thông minh, hành

vị khác tục, thơ văn nổi tiếng. Theo sách sử của nhà Minh thì Viên Cùng học môn khoa học nhận xét tướng mạo với một nhà sư. Có một lần du ngoạn, trên núi ông gặp được một nhà sư kỳ lạ. Vị sư này rất giỏi về thuật xem tướng, thấy Viên Cùng tướng mạo khác thường, miễn tiếp khiêm tốn bèn đem hết vốn kiến thức tích lũy từ lâu truyền thụ cho Viên Cùng, luyện tập cho ông nhìn thẳng vào mặt trời, lại cho ông nhìn thấy được hạt đậu nào đỏ, hạt đậu nào trắng; ban đêm nhìn qua cửa sổ có thể trông thấy được sợi giấy ngũ sắc, để đảm to rồi nhiều màu dưới ánh trăng, bắt Viên Cùng phải nhận ra màu sắc.

Có được loại công lực này rồi nhà sư mới dạy Viên Cùng phương pháp nhận xét tướng mạo con người thông qua quan sát khí sắc hình dáng. Nhận xét tướng mạo con người như thế rất chuẩn xác.

Phương pháp nhận xét tướng mạo con người của Viên Cùng đã có tiếng từ cuối đời Nguyên. Một vị đại phu triều Nguyên rất phục tài năng của Viên Cùng, từ Phúc Kiến đi thuyền lên gặp ông, xin ông chỉ bảo cho tương lai tiền đồ. Viên Cùng nói: "Thần khí của ông rất nghiêm, cử động đầy sức sống, là điều quý lớn. Nhưng Ấn đường và Tu

không có màu đỏ, khi làm quan chỉ được 114 ngày là bị cướp ấn, cướp quyền. Nhưng do lòng trung thành, tên lưu hậu thế. Phải như thế thôi, không cưỡng lại được".

Về sau vị đại phu triều Nguyễn được nhận chức quan cai trị cả 1 vùng Chiết Giang. Nhưng lại bị Trương Sĩ Thành cướp ấn đoạt quyền, ông chống cự lại mà chết.

"Ấn đường", theo các nhà xem tướng mạo là một trong 13 bộ phận của con người, nằm ngay chính giữa 2 lông mày, phía dưới trung chính, phía trên sơn căn. Ấn đường vô cùng quan trọng. Tư không nằm ngay chính giữa trán. Các nhà nhận xét tướng mạo con người đã nhận xét khí sắc và hình trạng của 2 điểm này để kết luận về đường quan lộc của cá nhân. Viên Củng nhìn vào mặt Đào Khải nói: "Khí sắc Ngũ nhạc của ông chưa mở ra, ánh sáng của Ngũ tinh chưa thấy rõ, lúc này chưa bộc lộ quan lộc, cứ chờ thời. Chưa đến 10 năm đã tiến, làm quan to đến Nhị phẩm."

Quả nhiên về sau Đào Khải làm quan đến chức Tham chính tỉnh Hồ Quảng triều Minh.

Ngũ nhạc là chỉ 5 bộ phận ở trên mặt: trước trán

là Nam nhạc Hoàn sơn, dưới là Bắc nhạc Hằng sơn, bên trái là Đông nhạc Thái sơn, bên phải là Tây nhạc Hoa sơn, mũi là Trung nhạc Thái sơn. "Ngũ nhạc" được cho là tướng quý làm nên sự nghiệp.

Ngũ tinh: Hòa tinh trán; Thổ tinh ở mũi; Thủy tinh ở miệng; Tai trái: Kim tinh; Tai phải: Mộc tinh. Các nhà nhận xét tướng mạo cho rằng nếu Ngũ tinh rõ ràng nhưng chưa tỏa ánh, tuy lúc đầu nghèo hèn nhưng về sau phú quý.

Đầu đời Minh, Viên Cùng đã nổi tiếng, nhiều người cho biết chính ông đã xem tướng cho vua Minh Thành Tổ. Người đương thời rất mê tín cách xem tướng của Viên Cùng. Do có tài năng nên Viên Cùng bị triệu về Bắc Bình chuyên xem tướng mạo cho những người trong triều. Một hôm ở Bắc Bình, Viên Cùng trông thấy Yến Vương lúc đó chưa làm vua đang chỉ huy quân lính luyện tập cung tên lại cùng nhau uống rượu vui đùa, lập tức Viên Cùng quì xuống nói: "Điện hạ không nên coi nhẹ thân như thế". Bọn vệ sĩ đứng chung quanh đều cười lớn cho là hoang đường, không đếm xỉa. Yến Vương thấy vẻ mặt của Viên Cùng nghiêm nghị bèn mời ông vào cung, Viên Cùng tiếp tục:

"Ngài là con người có tướng mạo, bước đi như rồng như hổ, nhìn được cả trời, là 1 vị thiên tử thái bình, đến năm 40 tuổi râu dài quá rốn, sẽ ra vào nhà lớn". Lại nói thêm "Vừa rồi trong bữa rượu ở trường luyện quân càng lộ rõ tướng mạo công hầu tướng soái của ngài". Yến Vương không bao giờ nghĩ đến việc đó, nghe Viên Cùng nói, lòng nên vui, đang ở nơi loạn lạc, vội vã quay về. Quả nhiên về sau Yến Vương lên ngôi hoàng đế, triệu Viên Cùng về triều lưu lại trong cung lại phong cho ông chức Thái Thường Thị Thừa ban cho mũ áo, yên ngựa, vàng bạc châu báu và nhà ở. Khác với Trần Chuyển, Viên Cùng không từ chối mà nhận của vua ban, mặc quần áo quan chức, cuối tuần mã ra vào nhà cao cửa rộng, như một ông quan.

Phương pháp quan sát nhận xét nhân dạng phải chú ý đến toàn thân, toàn hình thể, đến từng cái lông nhỏ. Về Viên Cùng còn có một câu chuyện khá lý thú. Chuyện kể rằng: Viên Cùng chơi thân với Kim Trung. Một hôm, đến nhà Kim Trung, trông thấy vợ của Kim Trung đang cho con bú. Viên Cùng thấy dáng vẻ của vợ Kim Trung nói: Vợ anh có tướng phu nhân. Về sau Kim Trung làm

quan đến chúc Thuợng Thu, vợ chồng vinh hiển.

Viên Củng chẳng những xét được hình mạo con người mà còn nhận xét được cả lòng người. Ông luôn khuyên mọi người làm việc thiện. Ông nói:

- Con người không sợ làm điều nghĩa, mà chỉ sợ tai họa, cho nên vì thế có thể làm được điều thiện.

Những năm cuối đời, Viên Củng sống nhàn tản, trang trại trồng nhiều liễu, tỏa bóng mát nên lấy hiệu là "Liễu Trang Cư Sĩ". Ông thọ 76 tuổi. Con của Viên Củng là Viên Trung Triệt được cha truyền lại cho phương pháp nhận xét tướng mạo. Nhưng vì Trung Triệt khác cha, tính tình thâm hiểm, lòng dạ độc ác nên Viên Củng hết sức thận trọng. Mặc dù vậy, sau này Trung Triệt vẫn lợi dụng thuật xem tướng để được sự ưu ái, lại lợi dụng thuật xem tướng để hại người. Chẳng hạn, Trung Triệt có nhiều mâu thuẫn với các vị đại thần, đã lợi dụng quan hệ đặc biệt với nhà vua mà làm nhiều điều ác. Tiền vận của Trung Triệt lên như triều, nhưng ngoài 50 tuổi chẳng được như ý, cuối cùng bị tội, âu cũng là số phận của hắn. Sau khi hắn chết, nhà vua không còn ưu ái, lệnh không cho chôn cất hậu tình như Viên Củng ngày trước.

2. Thành phần

Các nhà nhận xét tướng mạo tương đối phức tạp, có người chuyên nghiệp có người nghiệp dư. Thường có 2 phái: Phái thư phòng chuyên nghiên cứu lý luận, có khi còn ở ẩn trong hang sâu tĩnh mịch. Phái giang hồ thì múa gươm mài võ, chuyên lấy nghề này kiếm sống. Cứ nhìn vào đám chuyên đi xem tướng mạo thì thấy họ thường thuộc tầng lớp thầy tăng đạo sĩ, có người là sĩ phu phong kiến, có người lưu lạc trong đám giang hồ. Còn những người nghiệp dư nói chung đã có sinh kế chính đáng trong xã hội: họ xuất thân là các vị tướng của đế vương, văn nhân tài tử, thợ lành nghề, hoặc làm nghề nông, buôn bán. Ngay cả các vua như: Tề Cao Tông, Đường Huyền Tông, Tống Nhân Tông, Nguyên Thái Tổ và Minh Thành Tổ đều là những ông vua tốt, rất thích thú bàn luận về phương pháp khoa học nhận xét tướng mạo, nhân dạng. Thi nhân vĩ đại đời Đường Lý Bạch trong những lúc rỗi rãi uống rượu ngâm thơ, thường đọc sách về tướng mạo, cuối cùng cũng biết xem tướng. Sách sử Trung Hoa có ghi chép những ví dụ cụ thể về những chuyện chung quanh ngành khoa học này. Ví như vị đại công thần Quách Tử Nghi trước khi bình

định loạn An - Sử chỉ là 1 anh lính bình thường. Lý Bạch nhìn Quách Tử Nghi nói với mọi người:

- Tráng sĩ này lông mày dài, mắt sáng quắc miêng như tường thành, tiếng nói vang cách núi cũng nghe được, có thừa xương cốt giống như thần thánh, ngày sau tất sẽ làm quan đại thần.

Từ lời đoán này chúng ta thấy tài nhận xét nhân dạng của Lý Bạch có thể vượt quá trình độ chuyên nghiệp.

Âu Dương Tu, Tô Đông Pha là các đại văn hào Trung Hoa đời Tống, sau những lúc làm việc quan cùng nhau thủ tiếp đọc thơ văn cho nhau nghe, cũng có nhiều hứng thú đối với việc nghiên cứu khoa học nhận xét nhân dạng. Tô Đông Pha có ghi lại rằng:

"Âu Dương Văn Trung nói: lúc ta còn nhỏ có 1 nhà sư xem tướng cho ta thấy tai trắng, mặt đẹp nói rằngta sẽ nổi danh khắp thiên hạ; moi không để lộ răng, không có chuyện ai nói xấu được, cứ theo lời đó mà nghiệm. Tai trắng mặt đẹp thì nhiều người trông thấy. Moi không để hở răng, ta chẳng dám hỏi lại ông ta, không biết là như thế nào."

Tô Đông Pha còn chơi bời giao lưu với nhiều

bạn bè, những lúc rỗi rãi đều thảo luận về số mệnh. Tô Đông Pha rất thán phục một thầy xem tướng tên là Trình Kiệt. Ông đã làm 1 bài thơ ca ngợi Trình Kiệt rằng đây là 1 thầy tướng có tấm lòng vô tư muốn truyền bá những điều khác lạ đã học được, không chút mưu lợi cho bản thân.

Các quan lại cao sang, các văn hào nhân sĩ cũng không thể nào thoát tục, đều bị cuốn hút vào trào lưu xem xét tướng mạo. Những người làm ruộng, người đánh cá, tiểu phu thì lại bàn về nhận xét tướng con người càng nhiều. Động cơ của mỗi người khác nhau.

Khắp mọi nơi, từ kinh thành đến mọi ngõ phố, các gia đình hào kiệt cho đến hoàng cung, từ núi rừng đến đồng ruộng, ở đâu cũng thấy bóng dáng của thầy tướng, đến đâu cũng nghe nói đến nhân dạng.

Do sự li giải, nắm vững, vận dụng về phương pháp nhận xét nhân dạng đòi hỏi phải có kiến thức về các mặt: văn hóa, y học và triết học, đòi hỏi phải có vốn sống phong phú, nói năng lưu loát, cho nên tuyệt đại đa số các thầy xem tướng có tài đương thời đều là trí thức, đọc sách từ lúc còn đang ở trong bào thai. Những con người này coi việc cai

trị thiên hạ là nhiệm vụ của mình. Giả Nghị đòi Hán đã từng nói: "Thánh nhân đời xưa, không ở trong triều đình làm quan thì làm thầy bói hoặc thầy thuốc." Câu nói này có thể khái quát được đường đời của kiểu người đầy khúc mắc và trắc ẩn này. Họ có quyết tâm đóng cửa đọc sách, để ngày sau hiển đạt, trị dân trị nước. Họ nói: "Thông kinh sử sẽ được người đời tôn thờ, sẽ tạo phúc cho cuộc đời đau thương". Nhưng đời sống hiện thực đã đập tan lí tưởng của họ, chế độ tuyển chọn quan lại không hợp lí, tệ quan trường buộc hàng loạt trí thức không có cách nào sống được. Còn những trí thức thuộc tầng lớp quý tộc không thể nào nhảy lên vũ đài chính trị, hoặc tìm lối thoát cho nhân phẩm của mình được trong sạch.

Không làm được "chí sĩ" hay không được làm quan, hai loại người này đều đi "ô ẩn" gửi gắm hình hài vào nơi núi sâu rừng rậm để tinh thần thanh thoát, mặc dầu còn nhiều vấn đề của cuộc đời hiện thực đòi hỏi phải giải quyết, đó là sinh kế và sự nghiệp.

Tuy họ không làm được "chí sĩ" nhưng trong bụng những người đó đầy kinh luân. Không làm quan thì trăn trở. Nỗi khổ này hoàn toàn không

phải vì sinh kế, cho nên nhiều lúc họ ngâm thơ vịnh nguyệt cũng là lẽ tất nhiên.

Những nhà nghiên cứu nhân dạng kiểu này, có người tập trung nghiên cứu, có người chỉ bàn luận. Từ đó đội ngũ nghiên cứu khoa học nhân dạng ngày càng đông, chủ yếu là trí thức.

Phân tích tỉ mỉ có thể chia loại trí thức nghiên cứu khoa học nhân dạng thành mấy loại:

Thứ nhất: sau khi không được vừa ý về khoa trường thì lấy thuật xem tướng làm nghề nghiệp. Loại người này chiếm tỷ lệ cao. Nếu trình độ nghề nghiệp chung chung thì sẽ trôi nổi khắp đầu đường xó chợ, sống cùng cực, chỉ giúp việc cho các thầy giỏi; có người lợi dụng mồm mép lém lỉnh, nói không chính xác. Những người nghề nghiệp tinh thông, thì tình hình khác đi, ngụ cư ở một nơi, chẳng phải chịu cảnh mưa gió, khổ sở, cuộc sống chẳng đến nỗi nào, nếu lại được các nhà quan đại thần nhìn đến mời làm mưu sĩ trong gia đình thì thật đặc biệt. Thời Đường Tống, các nhà quan mời người xem xét tướng mạo trở thành trào lưu, có một số mưu sĩ trở thành khách quý của chủ.

Loại thứ hai: sau khi thất bại trong trường ốc, buồn bã, không muốn sống cảnh hồng trần, mà ẩn

cư trong núi rừng. Đồng thời với nghiên cứu đạo nghĩa của Phật giáo, nhiều người đã có những đóng góp tinh thông đối với khoa học nghiên cứu nhân dạng. Những người này cho rằng họ có nhiệm vụ tu dưỡng tính tình, giải phóng chúng sinh. Thường, họ nhận xét tướng mạo cho người nào thì chỉ làm cho người đó bế tắc, nói chung không giải quyết được gì về số mệnh. Đời Tống có Ma Y Đạo Giả, Trần Chuyển đều là những bậc thầy về nhận xét tướng mạo. Điển hình nhất là Trần Chuyển, ông là người có chí tiến thủ không may hồng thi về nhà, từ đó dứt bỏ ý muốn mang danh tiến sĩ, hết lòng với nghề nghiệp nhận xét tướng mạo.

Loại thứ ba: Cũng có một số nhà nhận xét nhân dạng xuất thân trong gia đình đọc sách làm quan, và được đặc ý. Như Viên Cùng xuất thân là tiến sỹ, cha làm quan chức Hàn Lâm Kiểm Duyệt. Bản thân Viên Cùng làm đến chức Thái Thị Thừa và bỏ nhiều công sức cho khoa học nhận xét nhân dạng.

Nhưng những người thuộc loại này rất ít.

Loại thứ 4: Có một số trí thức vốn ham đọc sách, để cầu hiển đạt, nhưng giữa cuộc đời đã chịu ảnh hưởng của người khác, học bói toán, kinh doanh

để làm ăn sinh sống, có lúc làm cho ngành nghiên cứu khoa học nhân dạng phát triển thịnh vượng. Có một số thầy tướng đem học vấn để kiếm bát cơm, rồi thì cho là "Thiên cơ", "Bí mật".

Trên thực tế, Trần Chuyền, Viên Cùng là những bậc thầy nổi tiếng về nhận xét nhân dạng, lấy con đường "làm thầy để học nghề".

3. Đặc trưng nhân cách

Trước hết do nhận nhanh từ những cái rất nhỏ trên sách vở, chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa truyền thống Trung Quốc, đặc biệt quan niệm chính thống Nho gia đã trở thành quy phạm để họ xử thế đối với con người, trên đại thể nhân cách của họ với trí thức nói chung không khác nhau. Nhưng do phương pháp nhận xét khoa học tổng hợp các tri thức: triết học, y học, logic học, xã hội học, tâm lý học, đòi hỏi có hiểu biết xã hội rộng rãi, có phương thức tư duy của người nghiên cứu khoa học về nhận xét tướng mạo (biết quan sát tướng mạo, phân tích khoa học); mặt khác còn phải có cái nhìn toàn diện, có con mắt sắc bén biết kết hợp hài hòa giữa phương pháp khoa học nhận xét nhân dạng với Nho-Phật-Lão, các nhà nghiên

cửu tướng mạo đã tiếp thu được nhân sinh quan: Phật gia nhân quả báo ứng, Đạo gia "vô vi, vô bất vi". Nhân sinh quan này đã thấm thấu đến cử chỉ, lời nói, việc làm của họ trong nhận xét tướng mạo. Các nhà xem tướng mạo vì có "thuật lạ" nên dù là "chuyên nghiệp" hay là "nghề du" đều được các giới xã hội cho rằng họ làm một công việc đặc biệt, được hưởng thụ đãi ngộ đặc biệt, cho nên đã hình thành tâm li và đạo đức nghề nghiệp đặc biệt.

Những nhà nhận xét nhân dạng phải có mấy đức tính sau:

- Học vấn phải uyên thâm.
- Không được ngộ nhận về nhân phẩm và con người.
- Nhân phẩm phải trung hậu, nghiêm chỉnh.
- Các việc làm, nghe, xem xét, nói và hành động phải phù hợp với lễ nghi. Việc gì không có lễ nghi thì không học không xem xét, không có lễ nghi thì không nói, không nghe và không hành động. Phải là người liêm khiết, thấy lợi là nghĩ đến nhân đức, thấy tiền không vồ vập, không lấy lời dối trá mà lừa người, luôn luôn lấy đạo mà khuyên răn, làm lợi cho nước nhà và xã hội.
- Phải cứu tế giúp đỡ người nghèo, không để cho

nghèo đi nhưng cũng không tham giàu, ăn nói phải trung thực, không gian dối.

Đặc biệt, sau khi Phật giáo thịnh hành, các thầy xem tướng đều khuyên người làm điều thiện, việc làm này được họ xem như một loại đạo đức phổ biến. Có một người xem tướng ở chùa Tướng Quốc lấy kỹ năng làm chính, mọi người từ nông thôn đến thành phố đều công nhận ông ta khí sắc rất đẹp, là người khôi ngô. Ông ta đoán cho ông bạn có thể thi đỗ Trạng nguyên. Ông bạn không nghĩ đến việc thi tiến sĩ, về sau nghe lời khuyên của thầy tướng thi đậu xếp hạng thứ sáu.

Thầy xem tướng khuyên mọi người làm việc thiện, đó là thái độ nhân sinh của Phật giáo.

Có một số thầy xem tướng là các nhà trí thức không thuộc giới quan trường, thường chê bai dả kích cuộc sống đương thời biểu hiện phẩm chất cao quý, kiêu ngạo với cuộc đời, siêu thoát trần tục. Họ đi ở ẩn không màng danh lợi, những người như thế thường thiên về nhận xét cái thiện cái ác, làm việc không phải vì đồng tiền. Ma Y Đạo Giả, Trần Chuyển là đại biểu điển hình cho loại người này.

Nhưng đại đa số các thầy xem tướng đều thất bại trong sự nghiệp, có người cuộc sống búc bách,

cho nên trước ma lực của kim tiền rất khó giữ nhân phẩm. Những người này thường vì công danh lợi lộc, lấy lời gian dối mà lừa bịp, kiếm tiền bất lương, về nhân cách thể hiện sự gian xảo đáng hổ thẹn cho nhân sĩ.

Nhà đại văn hào Lỗ Tấn đã mô tả hình tượng của loại người này như sau:

- Chuyện các thầy tướng loại này dám khẳng định là rất hiếm. Nếu có giờ học thuyết ra thì nói lộn xộn không thống nhất giữa học thuyết với thực tế, lúc thì nói nghèo, lúc thì nói giàu khiến cho người đến xem tướng không thể tin tưởng vào số mệnh tương lai được. Họ khua môi múa mép, đánh lừa người lấy tiền.

Có một số người hoặc mất lợi trên trường văn chương, cảm thấy tương lai mờ mịt, chạy theo bả vinh hoa phú quý. Họ nghiên cứu khoa học nhận xét nhân dạng, lấy đó làm nghề nghiệp. Ngoài chuyện giải quyết no đói, không lúc nào là họ không tìm cơ hội để có được phú quý vốn chưa đạt được trên trường khoa bảng.

Vua Tống Vũ Đế (420) lúc còn hàn vi được người tên là Vi Tẩu đến xem tướng. Vi Tẩu nói: "Ngài có thể làm được quan Châu vùng biên

cương", lại ghé vào tai nói thầm: "Tướng của ngài quý hết chỗ nói". Tống Vũ Đế chăm chú nghe rồi cười nói:

- Sao được, chỉ làm Tư Mã thôi!

Sau khi Tống Vũ Đế lên ngôi, giữ lời ước hẹn ngày xưa mời Vi Tấu đến, nói:

- Vua Thành Vương ngày xưa không phụ lời của Đồng Diệp, cũng không quên lời của Tư Mã, ngày nay xin mời ông ở lại để nuôi dưỡng.

Dương nhiên, những người nhận xét tướng mạo may mắn được gặp thiên tử, nói đúng được nhân dạng, xét đoán được tương lai cho một ông vua thật là hiếm.

4. Địa vị xã hội.

Các nhà nghiên cứu khoa học nhân dạng, tùy theo từng thời đại mà được ưu ái hoặc bạc đãi. Đường, Tống là hai thời đại rất cuồng nhiệt về khoa học nghiên cứu nhân dạng. Ở thời kỳ này cuộc sống của các thầy tướng khảm khá. Cái đáng buồn cười là lý thuyết khoa học họ chẳng cần biết mà vẫn có những người mê tín đến mức chẳng còn biết phân biệt phải trái, bỏ tiền ra mua lấy sự lừa

đào, lại còn mang ơn thầy tướng suốt đời. Các ông thầy tướng chẳng phí công sức, khách xem tướng chẳng quản tốn kém mà vẫn vui vẻ.

Về chính trị: có nhiều người theo nghề này đã lợi dụng sự đối xử tốt của giai cấp thống trị đối với họ để mở rộng giao lưu với tầng lớp xã hội trên, tranh thủ để có được một địa vị, danh lợi tương đối, hình thành 1 tầng lớp đặc biệt mà người đời thường gọi là "Khanh tướng áo trắng". Dần dần họ trở thành những cố vấn nhân sự cho các cấp thống trị, thông qua các thủ đoạn nhận xét tướng mạo, hiến mưu dâng kế nên tiến nên thoái.

Ví dụ đời Hán có Thái Thú Pháp Hùng, đặc biệt có thánh chỉ triệu về kinh giúp đỡ tuyển chọn nhân tài. Hồ Quảng là 1 đại thần nổi tiếng đương thời đã do Pháp Hùng đề cử.

Viên Thiên Cương là bậc thầy về đoán xét tướng mạo cũng được về kinh làm cố vấn cho Đường Thái Tông. Phương pháp khoa học nhận xét nhân dạng của ông được triều đình lẫn dân gian biết tiếng, lúc nào ông cũng được ở cạnh vua. Ông nhìn vào khí sắc ngôn ngữ của ngài để quyết định hành động cho nhà vua, Viên Thiên Cương rất được Thái Tông chú ý. Chính ông đã nhìn hình mạo mà tau

nhà vua đề bạt rất nhiều quan lại. Triều đình nhà Nguyên cũng rất xem trọng các thầy tướng, xem họ như lực lượng tham mưu quan trọng. Sách sử ghi chép: Đời Nguyên ước có chừng hơn 5 nghìn các nhà xem bói và xem chiêm tinh, lương bổng, chi phí đều do Hoàng đế cung cấp. Nguyên Thái Tổ (Thành Cát Tư Hãn) là 1 ông vua hết sức ham thích xem tướng. Sau khi làm Hoàng Đế, không quên ông thầy tướng đã từng dự đoán cho mình là "có tướng Thiên Tử". Minh Thái Tổ đích thân mời Lưu Cơ làm người xem tướng cho mình, còn mời Lưu Cơ xem thủ tướng mệnh cho Dương Hiến có thể làm được tể tướng cho mình không?

Thầy tướng Viên Trung Triệt có thể tùy theo nét mặt vui buồn giận dữ của Thành Tổ để vu cáo hãm hại triều thần.

Như thế đủ biết lời nói khích lệ, bài bác của các thầy xem tướng có thể tác động và ảnh hưởng đến nền chính trị, quân cơ đại sự cùng với sự vinh nhục, thay đổi cho cá nhân.

Một khi đã nổi tiếng, các nhà nhận xét tướng mạo chẳng những có nhiều lợi lộc mà tên tuổi còn lưu sử sách. Có những nhà xem tướng được phong hầu phong tước, được trọng dụng, được yêu mến.

Như bậc thầy tướng mạo đầu đời Hán là Hứa Phụ đã được phong tước hầu. Loại người này đã được hưởng thụ rất nhiều quyền lợi của giai cấp thống trị, tự nhiên được yêu chuộng, đời sống thoải mái đầy đủ. Nói chung trăm quan, dân chúng đều kính trọng và sợ họ, nếu ai dám xúc phạm thì bị tội. Do đó số mệnh, tương lai của 1 số thầy tướng phụ thuộc vào cái miệng của mình. Các quan lại vì muốn con đường làm quan của mình tránh được điều dữ, có được điều lành bèn tìm cho mình người trợ thủ trên trường chính trị là thầy xem tướng mạo. Khi đó những thầy tướng này trở thành người quản gia, nếu tính tình không tốt, phụng sự không trung thành sẽ tác oai tác quái. Các "thành tích" của "khanh tướng áo trắng" tất nhiên đều bắt nguồn từ sự mê tin của giai cấp thống trị, nhưng cũng là việc đầu cơ chính trị và lèo lái của chính họ, những thầy tướng.

Các thầy tướng đều biết nếu chỉ lê la ở đầu đường xó chợ để bốn tẩu kiếm miếng ăn thì không thay đổi được số mệnh, phải có quyết tâm đóng cửa lại mà học, lợi dụng nghệ thuật xét đoán tướng mạo để trở thành một nhà xét đoán có bản lĩnh trên trường chính trị.

Do đó, họ thường đi khắp bốn phương xem tướng để nổi danh, một mặt tìm cơ hội phân tích thời sự, phát hiện ra một số người bộc lộ ra được khả năng "tiềm long ngoạ hổ" (rồng còn ẩn, hổ còn nằm), rồi thông qua các thủ thuật xem tướng mạo, đoán xét tương lai của những người này "quý hết chỗ nói", để cổ vũ "khởi sự". Bậc thầy Viên Cùng đã có quá trình như thế. Viên Cùng đã từng nhận xét Yến Vương có các tướng "Long hành hổ bộ" (Đi như rồng như hổ), "Tướng mạo thiên tử thái bình". Đến lúc Yến Vương kéo quân xuống phía Nam, trở thành Minh Thành Tổ, Viên Cùng được mời về cung và được phong chức vị "Thái Thường Thị Thừa", làm quan trong triều.

Vị đạo sĩ Từ Thuận nổi tiếng về khoa xem tướng mạo, lúc Tùy Văn Đế Dương Kiên còn chưa lên ngôi, Từ Thuận nói: Mặt ông ngang mặt vua. Sau này Tùy Văn Đế đã giết vua mới 9 tuổi của Bắc Chu (580) lập ra nhà Tùy. Lên ngôi Hoàng Đế, Dương Kiên không thể quên được những điều mà thầy xem tướng đã nói với mình bèn mời Từ Thuận về kinh đô ở trong phủ. Ngoài Từ Thuận ra, Tùy Văn Đế còn có một đội ngũ thầy xem tướng khá đông đảo, tất cả đều được nhà vua cho làm quan.

Có những ông thầy chỉ đoán được Tùy Văn Đế sau này sẽ làm chức cao thôi, cũng được đề bạt.

Tôn Sinh thầy tướng đời Đường, ở trong nhà Thôi Hoán chuyên xem tướng, dự đoán là Thôi Hoán tương lai sẽ làm quan ở Hàng Châu. Về sau quả nhiên Thôi Hoán được làm quan đất Hàng Châu. Vô cùng cảm kích, Thôi Hoán quay về đón Tôn Sinh thì ông đã chết. Thôi Hoán bèn đưa con của Tôn Sinh về làm Nha tướng, lại còn cấp thóc gạo cho gia đình Tôn Sinh nữa.

Những người xét đoán tướng mạo như thế này được quý giá là nhờ khách xem tướng. Những quan lại nhờ vào các nhà xem tướng mà thực hiện mục đích chính trị của mình, có thể nói ở đâu cũng có.

B. Ở PHƯƠNG ĐÔNG

Một số nước như Ấn Độ, Nhật Bản và Đông Nam Á có một số nhà nghiên cứu khoa học xét đoán nhân dạng thể hiện phong cách độc đáo, thường dựa vào một thứ Đạo cụ thể.

+ **Ở Ấn Độ:** Nhiều nhà xét đoán tướng mạo cho rằng muốn kết luận bản chất, tính tình một con

người phải dựa vào các hiện tượng cụ thể như hình trạng, dáng chuyển động, cách ăn nói, biểu hiện trên nhiều vẻ. Đặc biệt họ chú ý đến khuôn mặt và hai bàn tay. Đây cũng là điểm nhất trí với các nhà nhận xét nhân dạng phương Đông.

Nói đến các nhà xét đoán nhân dạng, cũng cần nói đến đối tượng của họ. Ở Ấn Độ, nhiều người nói đến tướng mạo của người lãnh đạo nhà nước: Thánh Gandhi, đặc biệt là đôi bàn tay của Người.

Bàn tay của thánh Gandhi có dấu hiệu đáng chú ý nhất là nhánh 3 ở đường trí tuệ có vòng cung ở rìa tay.

+ **Ở Nhật Bản:** Đội ngũ những nhà nhận xét tướng mạo tương đối ít.

+ **Ở Việt Nam:** Theo chúng tôi, chưa có nhà tướng mạo nào nổi trội. Có chăng là một số người hành nghề mê tin, hoặc học hành chưa đến nơi, đoán xét kiểu mò mẫm, lợi dụng để kiếm lợi. Nên chăng nhà nước cần quan tâm, hướng dẫn để thành lập chuyên ngành nghiên cứu về khoa học nhân dạng.

C. Ở PHƯƠNG TÂY

Ở Hy Lạp, từ thời xa xưa, nhiều nhà khoa học đã phân tích ảnh hưởng của các vì sao đối với nhân dạng. A-rit-xtốt khẳng định: Nhân dạng, nhất là nét mặt, bàn tay của con người thể hiện đầy đủ tính tình, bản chất, kể cả số mệnh, tương lai. A-rit-xtốt đã viết sách, còn liệt kê đầy đủ nhiều loại tính tình của con người thể hiện cụ thể ra bên ngoài.

Các nhà chiêm tinh đã vận dụng những tri thức về nhận xét nhân dạng kết hợp với biểu hiện của các vì sao trên trời để xét đoán toàn bộ cuộc đời một con người, khá chính xác.

Đời này tiếp nối đời khác, nhiều nhà nghiên cứu ngành khoa học nhân dạng đã lưu lại tên tuổi cho đời sau như: Haynaus, Le Senne, Corman, Piaget, Bintet Somon, Kurt Lewin v.v...

Đặc biệt ở phương Tây, người ta rất chú ý đến bàn tay của con người. Sắc màu, gò nổi, đường chỉ, đều được nghiên cứu cụ thể.

Có một câu chuyện rất li thú.

Một chuyên gia chuyên nghiên cứu về bàn tay của con người, khi ông nói rằng người nào đến độ

tuổi nào thì chết, ứng nghiệm ngay. Nhiều người tìm đến ông, van nài cầu xin hỏi về ngày tận thế của mình. Một số bạn bè thân hỏi bí quyết gì mà ông có những điều xét đoán, kết luận kinh nghiệm như vậy. Ông thành thực nói rằng ông đã từng đi qua hàng mấy chục nhà xác, lật nhiều bàn tay của nhiều xác chết, nếu có đường chỉ về sinh mạng giống nhau thì ngày tận thế như nhau. Đây là một việc làm đầy công để đi đến sự tổng kết kinh nghiệm thông qua những hiện tượng thực tế.

Ở Áo có một bác sĩ chuyên nghiên cứu về bàn tay, chỉ tay tên là Josef Ranald. Ông có nhiều công trình nghiên cứu khoa học được giới khoa học đánh giá cao.

Ranald bỏ ra một thời gian dài kiên trì nghiên cứu về nhân dạng, nhưng đi sâu vào nghiên cứu bàn tay con người. Ông đã sưu tầm, tập hợp nhiều mẫu bàn tay, cẩn thận hơn ông còn xin được các chữ ký của các vĩ nhân trên thế giới, trong số đó có Gandhi ở Ấn Độ, De Gaulle tổng thống Pháp, họa sĩ Picasso, kể cả tên sát nhân Hitler.

Tác phẩm có giá trị về ngành khoa học này của Ranald là "Bàn tay" (The hand).

Từ năm 1918 đến năm 1933, cuốn sách "Bàn tay" của Ranald được công khai phát hành. Ông đã thành công rạng rỡ trong công trình nghiên cứu khoa học với 2 tập sách hơn 600 trang, nội dung phong phú: xác định mối quan hệ và giá trị giữa đường chỉ trong lòng bàn tay với tướng mạo và nhân dạng. Nội dung cuốn sách là một chỉnh thể tổng hợp của các ngành khoa học: chiêm tinh, y học, tâm lý học..., Ông cho rằng những đường chỉ là những chiếc chìa khóa để mở ra tương lai cho cuộc đời, liên quan đến số phận. Ranald cho rằng số phận cuộc đời của một con người đều thể hiện đầy đủ bằng những dấu vết, đường chỉ ghi sẵn trong bàn tay.

Ý nghĩa của những dấu vết trên bàn tay nếu khám phá được sẽ giúp cho con người nắm được những điều mấu chốt, những điều qui định của đời mình. Từ cái gọi là số mệnh, sẽ nắm bắt được vận mệnh, là những cơ hội để tiến thoái trong cuộc đời. Những dấu vết của bàn tay trong thời gian nào đó có thể thay đổi, nếu phát hiện ra những điều thay đổi đó có thể hiểu được tại sao có những người bỗng thay đổi tình tình, tu tưởng, dực vọng.

Ranald còn khẳng định: Mỗi con người đã biểu

hiện rất cụ thể về cá tính, cuộc sống, và sức khỏe của cá nhân trong bàn tay của mình. Bất cứ một dấu hiệu nào trong bàn tay như: đường chỉ, vân tay, gò tay cũng rất cần thiết để nắm bắt.

Ranald nhận định: mỗi dấu hiệu trong lòng bàn tay đều ứng vào tướng. Nếu muốn nhận xét rút ra được kết luận chính xác nhân dạng một con người qua bàn tay thì trước hết hãy nghiên cứu kỹ, phân tích kỹ bàn tay của chính bản thân mình. Đi sâu vào từng chi tiết, bác sĩ Ranald chỉ rõ bàn tay của mỗi con người được thể hiện rõ rệt vào mỗi buổi sáng. Rửa sạch bàn tay, đặt tay trên bàn ở cửa sổ hoặc ngoài mái hiên, tia nắng mặt trời buổi sáng sẽ làm cho ta có thể nhận định kỹ các đường nét, để tìm các đặc điểm dấu hiệu, những yếu tố cần bản cần thiết cho việc nhận xét. Phân tích và kết luận trước hết trên bàn tay của chính mình sau mới đến người.

CHƯƠNG V

CÁC LOẠI NHÂN DẠNG

I. HÌNH DÁNG

Nhận xét nhân dạng thực ra là rút ra những kết luận về hình dáng con người qua quan sát các bộ phận của thân thể cùng với những thay đổi có liên quan để dự đoán điều lành, điều dữ. Đây là nội dung chủ yếu của phương pháp nhận xét nhân dạng.

Thuật xem hình dáng cho rằng: Trời sinh ra con người ắt có biểu hiện trên thân thể, tính mệnh lộ ra ở hình xương, lành dữ biểu hiện ở khí mao. mệnh người là ở tướng mao, nhất là âm thanh và tiếng vang. Nghe tiếng nói biết gần đúng về thọ yếu, hiền lành, ngu dốt.

Thân thể không có lúc nào là không bộc lộ những "biểu hiện", theo người xưa, phải quan sát hình dáng, biết được tính thì biết được lòng, biết

lòng thì biết đạo. Quan sát hình thì phân rõ được thiện ác, lành dữ.

Từ thời Phục Hy, người Trung Hoa cho rằng mặt vua, mặt vua như vua Thuấn chẳng hạn, có hai đồng tử là hiện tượng cần chú ý. Phương pháp và nội dung cơ bản của nhân dạng là thông qua hình dạng để phân tích thiện, ác, lành, dữ. Quan sát hình thể, mục đích là vạch trần cái thiện, cái ác của tính tình. Cái thiện, cái ác của tính tình là cơ sở của lành dữ. Nhận xét nhân dạng lấy hình thể con người làm đối tượng quan sát, tất cả có thể biểu hiện rõ rệt ở các bộ phận thân thể. Như: cốt cách, da thịt, mày mi, lông, tóc, trán, mắt, mũi, miệng, môi, răng, lưỡi, tai, vai, lưng, vú, bụng, rốn, tứ chi, tay, chân, các ngón tay và các cơ quan sinh dục, khí sắc và tinh thần, lời nói cử chỉ, thậm chí cả đại tiểu tiện, đều mang ý tứ sâu sắc của hình thái số mệnh khác nhau. Có thể nêu lên những nhận xét số mệnh đó. Những bí quyết để nhận xét nhân dạng nằm ở chỗ: do nhân dân không tìm được bí số của các loại số mệnh. Trình độ của những nhà đoán xét tướng mạo thường thô thiển và giản đơn khi quan sát và bình luận các bộ phận hình thể nếu không chính xác. Thực ra không nên làm

lẫn giữa các bộ phận mà phải chú ý đến từng bộ phận khác nhau. Khoa học tướng mạo đã có sự phát triển, tập trung nghiên cứu theo 3 hướng:

1. Sự thay đổi số phận giữa người với người thể hiện tính tế ở các bộ phận.

Tướng mạo hình dáng về sau không còn đơn giản nữa, mỗi một sự khác nhau của các bộ phận của con người là những biểu hiện tính tế của mệnh lộc, đòi hỏi phải qui nạp, phân loại, lúc bấy giờ mới đạt được cái gọi là cực kỳ giá trị, nội dung của hệ thống lớn nhỏ mới phong phú. Ví dụ tướng về mặt người có thể chia làm 13 bộ phận, nhưng riêng cái tai có hơn 20 loại thuộc hệ thống nhỏ. Phối hợp liên hệ giữa hệ thống nhỏ với hệ thống lớn đã giải thích được sự khác biệt rất tinh tế về mệnh lộc giữa người này và người khác.

Đánh giá số mệnh cũng từ thọ yếu, sang hèn phát triển sang các mặt: tương lai, bổng lộc, tật bệnh, sinh dục, gia đình, phúc họa, ăn uống chơi đùa .v.v.. tóm lại là toàn bộ hoạt động con người.

2. Giữa các bộ phận hình thể là một chỉnh thể.

Buổi đầu, thuật nhận xét tướng mạo không phải là nhìn qua toàn thân thể để dự đoán số mệnh mà có người nặng về tướng mặt, có người nặng về

xương cốt. Về sau thuật xem tướng phát triển tinh vi, hầu hết các nhà xem tướng mạo không còn dự đoán thông qua đặc trưng của một bộ phận nào đó của con người. Hình thể được xem là một thể thống nhất, mà giữa các bộ phận chủ, thứ đã biểu hiện số mệnh. Nhận xét tướng mạo hình dáng cũng có bậc thang trình tự nhất định. Trước là xem cốt cách, sau đó mới nhìn vào Tam đình, mới quan sát đến tướng mạo, cuối cùng đến khi sắc, đó gọi là "muội cách quan sát". Xét đoán số mệnh như thế sẽ giải quyết được mâu thuẫn giữa các tướng mạo hình dáng khác nhau của con người.

3. Động thái hóa số mệnh phải được giải quyết.

Tướng mạo hình dáng con người là đặc trưng sinh lý cả một đời người chẳng có gì thay đổi lớn, lấy đó mà bàn về số mệnh xem như "Chém một nhát là được". Cách xem như thế là chỉ xem "mệnh" mà không biết "vận", có nghĩa chỉ biết số mệnh mà không biết cơ hội. Trong thực tế, số mệnh của một người không ngừng thay đổi. Do đó, thuật nhận xét nhân dạng lại phải nói đến khi sắc, tức là căn cứ vào mặt người, sự thể hiện khác nhau của các bộ phận khác nhau để phán đoán tương lai xa hơn, có khi là những điều phúc, họa, lành, dữ hàng nửa đời

người; đồng thời, "xem xét vận khí nhiều năm" (môn khoa học này còn gọi là "thuật số") và mối giao xúc giữa nó với tướng mạo số mệnh của các bộ phận hình thể. Đặc trưng các bộ phận quyết định những số mệnh. Khí sắc biểu hiện sự thay đổi của các điềm lành dữ, phúc, họa cụ thể trong phạm vi nhất thời. Từ đó tạo nên thuyết số mệnh biến hóa vô cùng nhưng lại ổn định tương đối.

II. TƯỚNG MẠCH

Sách xưa cho rằng nhận xét về mạch tức cái gọi là Thái Tổ Mạch, là một phương pháp thông qua sự thay đổi của mạch trong cơ thể con người mà dự đoán: sang hèn, lành dữ, phúc họa của con người. Bởi vì thông qua cách chẩn mạch của đông y để đạt được mục đích này, cho nên phương pháp này được coi là phương pháp nhận xét tướng mạo có đặc thù. Nguồn gốc của ngành khoa học này, hiện nay có nhiều cách nói. Cách nhìn tương đối nhất trí là từ một người ở ẩn trên núi Thanh Thành, đời Minh, Trung Quốc tên là Trương Thái Tổ. Trải qua thực tiễn chỉnh lý mà lưu truyền được đến nay. Trương Thái Tổ cũng viết khá nhiều sách được người

đời nay gọi là "*Phép quan sát Thái Tố Mạch*".

Trương Thái Tố cho rằng, sự thay đổi mạch đập của con người tương thông với cái lý của Ngũ hành, Bát quái, chỉ cần lý giải và nắm vững bí quyết mạch Thái Tố thì không những có thể chẩn đoán bệnh cho người mà còn có thể dự đoán được số mệnh của con người. Người ta đồn rằng cách xem mạch của Thái Tố "linh nghiệm khác thường", có thể dự đoán được số mệnh, lành dữ cả cuộc đời con người, thậm chí có thể nhìn kỹ, thấu suốt tướng mạch của cha mà dự đoán tương lai vận mệnh của con.

Căn cứ vào nguyên lý chẩn mạch của y học phương Đông, Mạch Thái Tố đã quy nạp sự thay đổi của tướng mạch con người thành: Mạch Ngũ dương, Mạch Ngũ âm và Mạch Tứ doanh.

Mạch Ngũ Dương:

- Phù: nhẹ, ẩn ẩn hiện hiện, như vật nổi trên nước, rất đầy. Ba bộ phận đều nổi, chỉ tâm khí không đủ.

- Hoạt: như viên ngọc tròn trĩnh nặng là ưu điểm, cử chỉ tự nhiên, không tiến không lùi, hơi nặng. Cả 3 bộ phận hoạt thì gan, khí chất không đầy đủ.

- Huyền: khẩn bách như ba huyền, chỉ số mệnh nhẹ nhưng khẩn cấp, tụ mà không tán, trường cửu không hao tổn. Nếu cả 3 bộ phận đều huyền, phổi khí không đủ.

- Hồng: lớn, nguồn gốc sâu xa là dòng chảy dài. Không huyền, không phù đều ứng vào nặng nhẹ, phát triển đột nhiên. Cả 3 bộ phận đều là "hồng" thì khí thận không đủ.

- Thực: đối với Hu

Nguồn mạch được giữ mãi, nhẹ thì thừa thái; nặng không lộ cả 3 bộ phận đều thực thì khí không đủ. Đó là 5 loại của mạch ngũ dương.

Mạch Ngũ Âm có 4 loại: vi, trầm, hoãn và sắc.

- Người mạch vi: Yếu, nhỏ, khó tìm. Ba bộ phận trong con người đều vi thì khí huyết không lưu thông, thần không đủ.

- Người mạch trầm: như đá ném xuống nước, sẽ chìm ngay xuống đáy tựa như trốn, phải tìm mới thấy. Mạch như thế khó tìm, sờ vào người đau cũng chỉ thấy xương, cả con người như không có mạch. "Vi" (dạ dày) khí không đủ.

- Người mạch hoãn (trì hoãn): như tơ đưa vào máy dệt không chạy đều, ì ra; trì hoãn sẽ dẫn đến

vi (quá nhỏ). Các bộ phận trong con người đều hoán cả thì thận yếu, tinh thần thiếu minh mẫn.

- Người mạch sắc: trì trệ không linh hoạt, như trúc bị chặt thành từng đoạn, chìm và thô. Nếu nặng tìm thấy ngay, nhẹ thì khó không lần ra. Các bộ phận trong con người đều "sắc" thì "hồn" không đủ.

So sánh với 5 loại trạng chứng của Mạch Ngũ Dương thì Mạch Ngũ Âm mềm yếu và tinh tế hơn. Mạch Ngũ Dương lấy khí huyết của 5 bộ phận giác quan làm đối tượng để chẩn đoán bệnh. Mạch Ngũ Âm thì lấy tinh thần, lấy cái "hồn" của con người để làm mục đích kiểm tra. Vì thế "Mạch Ngũ Âm" khó tìm, nhưng quan trọng, nếu không thông thì con người tàn tạ dần.

Mạch Tú Doanh lẫn lộn cả 4 thứ: nhẹ, nặng, thanh nhâ, ô trọc. Người có dáng nhẹ nhàng, thanh nhâ thì thuộc loại "Dương"; Nặng nề, ô trọc thuộc loại "Âm". Nếu muốn biết: Sang, hèn, nghèo, giàu, thọ, yếu của con người thì phải tìm mạch Tú Doanh.

- Người nhẹ: sờ vào như viên ngọc bình thường, thuần túy ôn hòa, nhuần nhâ, minh mẫn, có lộc, có chúc vị, quyền quý cao sang.

- Người thanh nhâ: bình thường nhưng nổi trội,

nhẹ nhu lông vũ, không chìm, không yếu mềm, hoạt động kín đáo.

- Người nặng nề: trì hoãn, thô thiển, không điềm tĩnh.

- Người ô trọc, toàn thể đáng điều con người tầm thường, khi bình thường thì hành động của con người đó lúc chậm chạp, lúc khẩn cấp, tính tình khó thay đổi. Nếu tức giận thì hết sức thô bạo.

Mạch Tú Doanh mang tính chất tổng hợp khái quát. Sau khi xem xét mạch Ngũ Dương và mạch Ngũ Âm, cần xét tình trạng: nhẹ, nặng, thanh nhả, ô trọc trong con người rồi mới có thể tổng hợp, dự đoán được trạng thái vận động của sinh mệnh và hướng đi của số mệnh thời vận, sang, hèn, giàu, nghèo, thọ, yếu...

Mạch Thái Tổ lấy mạch Ngũ Dương và Ngũ Âm làm cơ sở; lấy mạch Tú Doanh để đối chiếu, nhận xét; lấy tiêu chuẩn giá trị tướng lý, tướng mạch của con người để tham khảo, phán đoán tương lai, số mệnh, thời vận một người.

- Mạch Thái Tổ lấy nhẹ nhàng, thanh nhả nặng nề, ô trọc làm cơ sở để phán định số mệnh con người.

Nhẹ nhàng, thanh nhã là dương, phú quý.

Nặng nề, ô trọc là âm, nghèo hèn.

Người nhẹ nhàng, thanh nhã, người khác sờ vào như sờ viên ngọc, thuần túy ôn hòa. Các loại mạch không xung khắc với nhau, như nguồn nước chảy xuôi, liên tục đó là những người có tướng quý tính tình ôn hòa, trí tuệ minh mẫn, có lộc, có chức vị, nhẹ nhàng.

Người nặng nề, ô trọc không minh, như cát khô, luôn thay đổi, chỉ vì mình, có lúc mâu thuẫn với mình, đáng người đứng trước thì lớn, sau thì nhỏ, hỗn tạp, mạch nặng nề, ô trọc. Người như thế chỉ mất mát, không có gì, tướng xấu.

Xem tướng mạch đàn ông, chủ yếu là nắm vững mạch của gan, từ đó có thể phán đoán được. Các bộ phận thường "hoạt", thì khí gan không đủ, tướng mạch của người đàn ông đó xấu.

Đàn bà phải nắm vững mạch của phổi, từ đó có thể phán đoán được phúc phận của chị ta. Nếu các bộ phận thường "huyền" thì khí phổi không đủ, tướng mạch của người đàn bà đó xấu.

Mạch Thái Tổ đã dung hòa được những tố chất mạch lý đông y, âm dương ngũ hành, hà đồ lạc thư,

lại dùng những tiêu chuẩn chính xác của tướng lý để đối chiếu. Vì loại tướng thuật này lấy việc chẩn mạch của đông y làm ngôn chính danh thuận, cho nên dễ dàng đi sâu vào lòng quần chúng, dễ dàng làm cho mọi người tin tưởng sâu sắc.

Làm thế nào từ góc độ lịch sử tướng thuật để bình giá tướng mạch Thái Tổ? Từ góc độ đông y mà nói, thông qua sự biến đổi của 9 loại mạch trong 3 bộ phận: đầu, tay, chân để quan sát hình khí thân thể mạnh hay yếu, phân tích bệnh nặng hay nhẹ, sau đó có thể điều chỉnh hư thực, âm dương đạt được mục đích chữa bệnh. Phép của Mạch Thái Tổ trên cơ sở nói trên tiến từng bước để giải thích phạm trù tướng lý. Lô-gích của nó là: Âm dương, hư thực, hình thể, khí huyết của thân thể con người nhất định phải thông qua tướng mạch hiện rõ ở các bộ phận thân thể: đầu, tay, chân. Các bộ phận thân thể lại là bản thể của tướng hình. Tướng mạch thay đổi dẫn đến biến dạng hình thể. Qua sự thay đổi biến dạng hình thể, phán đoán được qui trình vận động của sinh mệnh.

Tướng thuật quan niệm: Mày trên mặt người là cung Bảo mệnh, biểu hiện sự sống lâu, hiền ngu sang hèn của con người, lấy hoạt bát thông thoáng

để kết luận tướng quý, tướng thọ, thông minh, lấy bạo ngược, ngắn ngủi, khô héo để kết luận tướng ngu dần, ti tiện, chết yếu. Đó cũng là từ góc độ đông y. Xét quan hệ mật thiết giữa sinh thái với khí huyết âm dương của mây, sách đông y viết: "Mây của con người sinh ra từ "Mộc", nói theo Kinh Lạc thì thuộc vào chân tay, mây có sự khác biệt: rậm thưa, dài ngắn, đều do khí huyết". Các nhà xem tướng căn cứ vào mây để phán đoán con người hiền hay dữ, các nhà y học căn cứ vào sự thay đổi của mây mà phán đoán sống thọ hay chết yếu. Đạo tuy khác nhau, nhưng chỗ dựa về lý luận lại từ một gốc.

Có các loại mây:

- Mây nghiêng, gan hông
- Mây xung, chết sớm.
- Mây sụp xuống, mắc chứng bệnh phong.
- Lông mây rậm, sắc mặt ảm đạm: đau đớn về thể xác.
- Người nhuần nhả, khí huyết có thừa.
- Người khô khan, khí huyết suy thì mây thưa.
- + Mắt màu vàng, mệnh yếu; mắt đen quanh mây thì mắt đau; nếu mắt màu trắng, da xấu thì

bị bệnh phổi. Nếu mầu xanh ngả sang mầu đen thì chết vì bạo bệnh.

Lông mày, mềm mại hay khô cứng là lệ thuộc vào sự đầy đủ, thịnh suy của khí huyết. Nhưng thay đổi của các bộ phận khác của thân thể (đặc biệt là mặt) không thể nào không liên quan đến khí huyết, từ khí huyết mà quan sát sự thay đổi đó. Đây chính là bước đầu của việc chẩn đoán bệnh, cũng từ đó có thể đoán quyết được tướng mạo. Đây cũng là lô gích và cơ sở sinh lý của tướng mạch Thái Tổ. Các nhà xem tướng, các thầy thuốc đều không thể tách rời sự thay đổi của con người với trạng thái của hình thể.

Mạch phản ánh khí mạch trên thân thể con người, chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố. Đông y thông qua sự phản kích tinh thần, sự vận động của khí huyết để biết được tình hình nóng lạnh của thân thể, từ đó bốc thuốc chữa bệnh.

Ngoài những yếu tố như khí hậu, thời tiết, môi trường ảnh hưởng đến lưu thông khí huyết ra, tình trạng của tim có ảnh hưởng quan trọng đối với mạch đập. Cùng thời gian trong một ngày, mạch đập của một người có thể khác nhau. Tướng Mạch Thái Tổ lấy hiện tượng mạch đập để làm chứng cứ

cho những điềm hung và cát. Mạch Thái Tố nhấn mạnh:

Gan nhẹ thì có lộc, no ấm, vinh hoa, phú quý.

- Tim mà nhẹ, thông minh, phát đạt

- Thận nhẹ, dũng cảm, mưu lược.

- Tỳ mà nhẹ, phú quý, có tiếng tăm.

III. TƯỚNG VẬT

Trong lịch sử tướng thuật có một loại ngành chuyên môn lấy những vật có liên quan đến con người làm đối tượng để quan sát, thẩm định, từ đó dự đoán hung, cát của con người. Đó là tướng vật.

Tướng vật "thoát thai" trong quá trình phát triển tướng thuật. Trong quá trình phát triển, tướng thuật hưng thịnh, khiến nhiều người mê tín xem tướng thuật như một phương pháp nghệ thuật dự đoán số mệnh, thời vận lý tướng. Các môn phái tướng thuật mọc lên như nấm, tướng vật ra đời.

Vật có liên quan đến tính tình, tốt xấu, tự nhiên nên có thể căn cứ vào vật đó mà phán đoán hung cát của con người.

Ngoài sự liên tưởng từ tướng hình ra, tướng vật

có liên hệ mật thiết với "vật chiêm" (sao ứng vào vật). "Vật chiêm" là thông qua cảnh vật tự nhiên để phán đoán cát hung.

Trong một thời gian dài, ở phương Đông, dân chúng rất sùng bái tướng vật. Chỉ cần dùng bàn tay thấp hương cho một vật gì đó cũng được coi là một việc làm có lợi cho số mệnh, rộng hơn nữa là thiên mệnh. Ở đời Hán - Trung Hoa có thuật "hô phong hoán vũ" căn cứ vào hướng gió, sức gió, gió thổi để dự đoán hung cát. Vì gió cũng là vật mà con người chịu ảnh hưởng nên người ta cho rằng gió mát là điềm lành, gió to và bão tố là điềm hung, đang yên lặng bỗng nổi gió là điềm đột biến. Nếu có gió vào giờ tốt, ngày tốt thì có phúc; vào giờ xấu thì gặp họa. Người xưa cho rằng các hiện tượng sự vật tự nhiên như gió, núi, sông đều ẩn náu điềm tốt, xấu. Các nhà khoa học ngày nay cho rằng các hiện tượng, sự vật tự nhiên có ảnh hưởng đến con người là "kết quả tư tưởng" của các nhà tướng vật. Họ nói đi nói lại nhiều lần quan điểm này khiến vật tự nhiên trở thành thần tượng sùng bái của con người.

Căn cứ vào các vật khác nhau mà chia tướng vật thành: Tướng ấn, tướng chữ, tướng tên, tướng hốt...

+ **Phép tướng ấn** là phương pháp căn cứ vào nét ấn của các đường Hào được khắc vào con dấu mà bói cát hung, phúc họa.

Trong sách Tướng Ấn đời Hán có viết: "Ấn có 8 góc, 12 mảnh. Nếu đóng ấn ngay ngắn, trên ổn định dưới bằng phẳng thì người cầm ấn quang minh, thanh liêm, gặp nhiều điều lành"

+ **Phép tướng chữ** còn gọi là "Chiết Tự". Phép xem tướng này chia các loại chữ hợp với nét bút, nét bút ứng với nhân sự, từ nét bút mà đoán được hung cát.

Khi xem tướng chữ, người ta thường vận dụng chữ "Cơ". Cơ là hình tích, chứng cứ của thay đổi sự vật. Các nhà xem tướng chữ nói: Có thể đoán cát hung của một người thông qua hình tích của chữ sau khi đã chiết tự.

Các thầy tướng chẳng phải ai cũng biết phép xem tướng chữ, số người xem tướng chữ giỏi đếm trên đầu ngón tay.

Ở Trung Hoa, đời Tống có Tạ An, người Thành Đô (Tứ Xuyên), ngay giữa kinh thành đã đoán phúc họa qua chữ viết của nhiều người. Người cần xem tướng chữ chỉ cần viết một chữ mà Tạ An đoán

rất chuẩn xác, ứng nghiệm phúc họa của người viết. Thượng Hoàng của triều đình viết chữ "Triều", mời Tạ An xem chữ. Tạ An nhìn nét chữ viết nói rằng "ngày 10 tháng 10, đúng tháng này ngày này năm sau sẽ sinh ra người trời cho triều đình". Về sau quả ứng nghiệm, hoàng hậu sinh cho quý tử Thượng Hoàng"

Thế là, khắp nơi trong cả nước, người tới tấp đến xin Tạ An xem tướng chữ rất đông.

Đời Minh có Trương Thừa Sai, dựa theo nét chữ mà luận ra "quẻ". Chuyện kể, có hai ông họ Lưu và họ Vương đến hỏi Trương Thừa Sai về hung cát. Trương Thừa Sai nhìn nét chữ của ông họ Vương, nói: "Nhà ông sắp có tang ma". Quả nhiên mấy ngày sau mẹ ông họ Vương mất. Ông họ Lưu hỏi về mình, Trương Thừa Sai lắc đầu, ông họ Vương cố gạn hỏi cho bạn, Trương Thừa Sai mới chịu nói với ông họ Vương: "Chữ của ông hình chữ "Táng" (chôn người chết), chữ bạn của ông hình chữ "Ai" (đau thương), cả 2 ông đều phải chia sẻ nỗi đau thương".

Phương pháp cấu tạo chữ Hán có 6 loại: Hình tượng, Chỉ sự, Hội ý, Hình thanh, Chuyển chú, Giả tá. Mỗi nét chữ là một nét vẽ, hoặc biểu tượng

hoặc hội ý hoặc là tiêu chí âm thanh, hoặc điển đạt ý tứ.

Khoa học ngày nay nói rằng nếu ghép ý nghĩa nhân sự vào nét chữ là một việc làm khiên cưỡng.

+ **Phép tướng tên:** Từ tên của con người để định đoán cát hung, thanh nhã ô trọc rồi phán đoán giàu sang nghèo khó.

Người xưa có tên mà còn có tự. Tên và tự là một phạm trù đồng nhất về ý nghĩa, nói chung đồng nghĩa. Nhà xem tướng tài ba Viên Cung, đời Minh, tự là Diên Ngọc, chữ Cung là từ thanh 2 chữ Ngọc và Cộng (玉 : Ngọc; 共 : Cộng). Tên và tự đều có liên quan đến chữ 玉 (Ngọc). Yêu cầu của phép tướng tên là phải đối xứng hài hòa giữa hình, âm và nghĩa, họ và tên, giữa tên và tự 名. Hình, âm, và nghĩa của họ, tên và tự của một người có những chỗ kế thừa hoặc nâng lên chút ít, nhiều thầy tướng đã thói phùng điều hung vì thế có nhiều người đổi tên vì nghe lời đoán hung cát của các thầy tướng.

Ngày nay chúng ta đều biết tên là quy ước bên ngoài của một người, không có quan hệ gì với số mệnh thời vận của con người. Nhưng nhiều người mê tín cho rằng tên có liên quan đến thời vận của đời mình. Có người nghe thầy tướng nói mệnh lý

của mình thiếu "kim" lập tức đổi tên có bộ kim đi theo, để phù hợp. Các thầy tướng xảo quyết lợi dụng tâm lý mê tin của mọi người đã lấy tên để giảng giải về hình, âm và nghĩa, chẳng qua là sự lợi dụng chữ nghĩa.

+ **Phép tướng hốt:** "Hốt" là một vật làm bằng gỗ quý, thép vàng hoặc bạc, vừa gọn, cầm tay dễ dàng, trên đầu có cán chạm trổ, các quan cầm khi làm lễ triều bái, trên đầu lưỡi "hốt" có một mảnh gương nhỏ để người cầm hốt soi vào đó mà chẩn chính mũ, áo khôi xộc xệch, tránh tội xem thường vua.

Hốt" còn là thứ như sổ ghi chép, có sự việc gì thì ghi vào đó, để khỏi quên.

Thầy tướng xem tướng hốt là dùng tay sờ vào hốt của vị quan nào đó để phán đoán, dự báo quan lộc được nhiều ít, bao lâu, mệnh thọ yếu ra sao, Xem cách cầm hốt của một người nào đó các thầy tướng nhận xét hung cát cho người đó.

Phép xem tướng hốt bắt đầu từ đời Hán. Trong sách "*Thái Bình ngự lãm*" có quyển "Thủ bản kinh" (Thủ bản là chữ gọi cái hốt) viết: Hốt là do thừa tướng Tiêu Hà cho chế tạo, lúc đầu ít dùng, về sau Đông Phương Sóc thấy có ích đã nói "Hốt có ích, nhiều quan triều thần thần phục", các đời sau dùng rộng rãi.

Từ đời Tùy, Đường trở về sau, các quan triều thần hay bàn về tướng thuật, thì tướng hốt thịnh hành một thời. Qua tướng hốt, các thầy tướng đề cập đến tương lai, con đường quan trường thuận lợi hay khó khăn, dần trở thành điều thích thú cho tầng lớp sĩ đại phu.

Đời Đường, đời Tống có sách "*Long Phục*" nói về tướng hốt.

Tướng hốt có nhiều loại như "Hốt tướng quan", "Hốt tế tướng".

Ví dụ, Tế tướng Tiêu Hà đời Hán có tướng hốt tế tướng

Tướng hốt, tướng ấn, tướng chữ, tướng tên đều là tướng thuật nhận xét một con người thông qua vật.

Ngày nay, các nhà khoa học nhân dạng đã phê phán các loại tướng thuật trên là hoang đường, từ tính chất mà nói các loại tướng vật này đều không phải là tướng thuật chân chính.

CHƯƠNG VI

QUAN SÁT TƯỚNG HÌNH

I. PHƯƠNG PHÁP QUAN SÁT TƯỚNG HÌNH

Tướng hình bao gồm tất cả nội dung có liên quan đến thần thái, khí sắc, ngôn ngữ, hành động, cử chỉ, trạng thái vận động của con người. Các nhà tướng thuật cho rằng xem tướng cho một người không thể chỉ hạn chế, bó hẹp ở một bộ phận; từ chính thể phải nắm tổng hợp đặc trưng tướng mạo của con người, đồng thời dự đoán được bí ẩn của đặc trưng tướng mạo này.

Con người có nội dung hình thể phong phú, các thầy tướng sẽ bắt đầu từ đâu?

Vấn đề này có liên quan đến phương pháp quan sát tướng hình, là điều phải làm rõ trước khi tìm hiểu nội dung tướng hình.

Rất nhiều sách tướng đã làm sáng tỏ được ý

nghĩa của tướng hình, bàn về thuật cơ bản của xem tướng, giảng giải các bước tuần tự và phương pháp luận cho người xem biết: Tướng mạo của người cần quan sát trước hết là cốt cách, sau đó là Tam đình.

Có những nguyên tắc cơ bản để xem tướng:

- Tuổi héo của thần tú
- Dày mỏng của tay, chân
- Thưa rậm của tóc, râu
- Độ dài ngắn của thân
- 5 giác quan đầy đủ hay thiếu hụt
- Lục phủ có đầy đủ không
- Ngũ nhạc có qui tụ
- Âm, dương, thịnh, suy
- Uy nghi có hay không
- Hình dung đôn hậu không
- Khí sắc tươi tắn hay ủ dột
- Da dẻ mịn màng hay thô
- Đầu vuông hay tròn
- Đỉnh đầu bằng hay nhô
- Cốt cách sang trọng hay hèn hạ
- Xương thịt có đầy đặn không
- Tiếng nói sang sảng hay nhỏ, yếu

- Nhịp đập tim có bình thường không.

Tất cả đều phải dựa vào những biểu hiện của hình dáng, cốt cách mà phán đoán. Không thể nói tùy tiện theo cảm tính. Không được bỏ sót một mặt nào. Trước khi phát biểu về tướng của một người ngay đến những học giả cũng phải xem xét tường tận, đòi hỏi phải tinh, không được xem thường.

Các nhà tướng thuật cho rằng khi xem tướng, trước tiên phải quan sát cốt cách, một khâu quan trọng nhất. Năm vững cốt cách cũng là năm vững cấu trúc 3 bộ phận của tam đình:

- Đầu là Thượng đình
- Từ vai xuống đến hông là Trung đình
- Từ hông xuống đến chân là Hạ đình

Phải xét tỷ mỉ, nếu Tam đình dài ngắn, lớn bé không đều thì không sống lâu, Tam đình tương xứng thì phúc thọ song toàn.

Tiếp theo nữa là quan sát: mặt mày, tay chân, râu tóc.

Phương pháp cơ bản của xem tướng là:

- Từ cái lớn đến cái nhỏ
- Phải xem xét tổng thể

Dưới sự chỉ đạo của nguyên tắc tổng thể, các

nhà xem tướng còn qui định các bước xét đoán tướng mạo cụ thể.

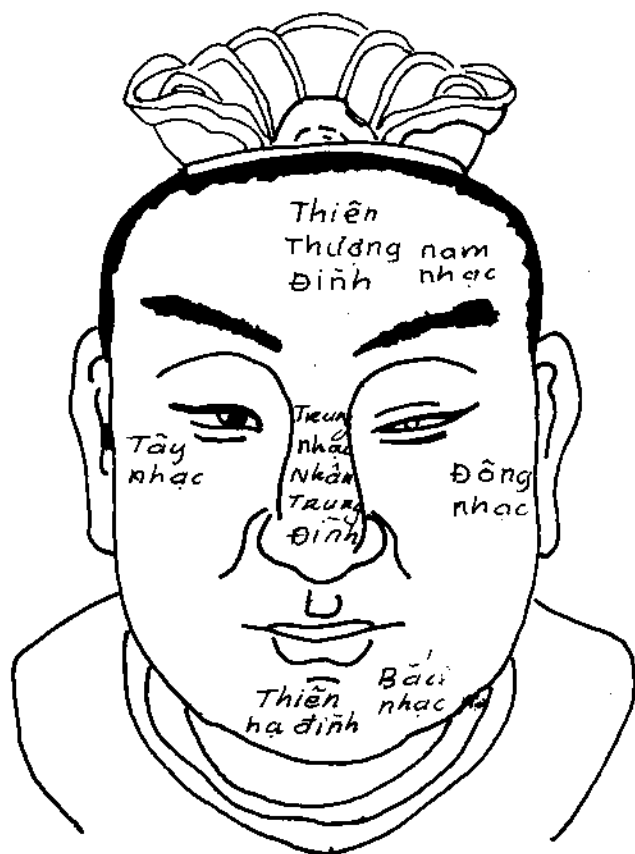
"Thần tướng toàn biên" có chép:

Có 10 phép quan sát con người, đó là:

1. Uy nghiêm: Người có uy như hổ xuống núi, trăm con thú trong rừng đều kính sợ, như chim ưng bay vọt lên, lại như con thỏ chiến đấu đơn độc. Không giận dữ vẫn có uy. Khi xét không những phải quan sát đôi mắt, mà còn phải quan sát cả thần khí, cốt cách.

2. Tinh thần: Người có thần như con thuyền có lá buồm tốt vượt được hải dương đầy sóng dữ, linh hoạt không dao động, ngồi nằm ngay ngắn, thần khí trong sáng linh hoạt. Ngồi lâu không mỏi, như mặt trời mới lên ở phương Đông, mắt thu hút được mọi người. Như trăng thu trong sáng tỏa chiếu mọi miền. Cái "thần của mặt của mắt" sáng như hai vầng nhật nguyệt, đáng yêu khiến mọi người nhìn không biết chán. Tướng những người như vậy không đại quý thì cũng tiểu quý.

3. Thanh nhã - Ô trọc: Thân hình con người đầy đặn thì tự nhiên giàu sang. Người thanh nhã, gầy, cao thì sang. Người ô trọc nói ra nặng nề, trọc mà thiếu cái mềm mại thì cô đơn chết sớm.



4. Đầu tròn trán cao, đỉnh đầu cao.

Đầu làm chủ thân, cột trụ của tứ chi. Người đầu vuông, đỉnh cao có tướng Thiên tử. Người trán vuông, đỉnh cao có tướng lượng thần, trung thành tận tụy. Người đầu tròn vừa giàu vừa sống lâu. Người trán rộng tướng quý, làm ăn phát đạt, đỉnh đầu bằng phẳng, có phúc sống lâu có tiền đồ sáng lạn. Đầu lệch, mới ít tuổi đã phản nghịch. Trán thấp, ít tuổi đã sống khổ cực.

5. Ngũ nhạc và Tam đình

Ngũ nhạc: Má bên trái là Đông nhạc, phải ngay ngắn không lộ. Má bên phải là Tây nhạc, phải giống má bên trái.

Địa các (xem bản đồ) là Bắc nhạc phải đầy đặn, không lệch.

Thổ Tinh (xem bản đồ) là Trung nhạc phải đầy đặn, ngay ngắn. Ấn đường phải cao.

Tam đình gồm có: trán, đầu và địa giác. (xem bản đồ).

Tam đình của mặt lại là Tam tài, Tam chủ, Tam biểu. Tất cả đều bằng phẳng như nhau, những người có Tam đình như thế suốt đời có lộc. Còn

Tam đình nhọn, thiên lệch, thô và lộ thì bất lợi, nửa đời dút gánh.

6. Ngũ quan - Lục phủ.

+ *Ngũ quan.*

- Mày là Bảo thọ quan, thưa mà đẹp, dài mềm mại, cách mắt một tấc ⁽¹⁾ là tướng quý.

- Mắt là Giám sát quan, phải đen trắng phân minh.

Có các loại mắt: Mắt phượng, mắt voi, mắt trâu, mắt rồng, mắt hổ, mắt hạc, mắt khi, mắt chim công, mắt uyên ương, mắt sư tử, mắt bồ câu...

Cái thần của mắt phải ẩn tàng, không lộ ra, sắc mắt phải đen nhánh, lòng trắng như ngọc, mắt thanh tú có uy, xứng đáng với tên gọi là giác quan giám sát, đó là tướng quý.

- Tai là Thái thính quan: Không kể to nhỏ, vành tai phải rõ ràng.

Có các loại tai: tai thủy, tai thổ, tai kim, tai trâu...

Tai tròn như quân cờ, đối diện mà không thấy, tai phải cao hơn mày một tấc, vành tai dày, vững

1. Một tấc $\approx 0,20\text{cm}$

chắc, sắc đỏ nhuận nhị, bên trong tai có lông tơ, lỗ tai nhỏ là tướng quý.

- Mũi là Thẩm biện quan: Phải đầy đặn, hồng hào, ngay ngắn, không lệch, không thô, không nhỏ, không to, nhô cao, có thịt là tướng quý.

Có các loại mũi: Mũi tề giác, mũi rồng, mũi hổ, mũi sư tử, mũi trâu, mũi dê;

- Miệng là Xuất nạp quan: Môi hồng, răng trắng. Hai môi dày, đầy đặn cong như trăng lưỡi liềm, nhân trung dài, sâu, là tướng quý.

Có các loại miệng: Miệng vuông chữ tú, miệng rồng, miệng trâu, miệng hổ.

+ *Lục Phủ:*

- Thiên phủ có thiên đình, nhật nguyệt và nhị giác. Thiên phủ phải vuông hay tròn, rõ ràng, không được lộ xương là tướng quý.

- Hai má là Nhân phủ phải vuông vắn, không thô, không lộ.

- Địa các bên má, cạnh Địa phủ. Địa các như bức tường, không hôn ám, không nhọn, không thô, không to, mới là tướng quý.

7. Hồng: Tròn kết hợp với lưng dày, ngực phẳng, bụng sệ là tướng thiện. Hồng phải kết hợp với các

bộ phận khác, như ngực phải đầy đặn, xương không được lộ rõ, bụng phải giống như quả bầu. Nếu bụng như bụng chim đỗ quỳên hoặc bụng chó, ngực như ngực gà đều là tướng tốt.

8. Chân, tay: Đầy đặn, béo mập, tay có bát quái, đường vân rõ ràng, tướng quý.

9. Thanh âm và Tâm điền

- *Tâm điền*, sách có viết: Nếu muốn biết tâm có chuyện gì không thì nhìn thần mắt. Mắt là cửa sổ của con tim; nhìn vào mắt biết được thiện ác, tất biết được tim tốt xấu. Nhìn vị trí của Ấn đường, Phúc đường có thể biết được tâm điền tốt, có phú quý.

Cũng có người tướng đẹp, nhưng tâm địa nham hiểm, nếu có phú quý cũng chẳng được mấy ngày, nhanh chóng rơi vào cảnh bần cùng.

- *Thanh âm* vang vọng, phát ra từ Đan điền, tiếng như sấm chổi tai, như tiếng chuông đồng khánh ngọc, như tiếng vại gốm, như tiếng thanh la, như tiếng kim loại kéo dài, tướng như thế là phú quý bền lâu.

10. Hình dáng với ngũ hành

Có các loại hình dáng: Hình rồng, hình hổ, hình

hạc, hình sư tử, hình chim công, hình trâu, hình khỉ, hình báo, hình voi, hình chim phượng, hình uyên ương, hình lạc đà... Nếu được hình dáng như trên thì tướng phú quý. Còn các loại hình dáng: hình lươn, hình chó, hình dê, hình ngựa, hình nai, hình chim quạ, hình chuột, hình cáo là có tướng hung bạo, bần tiện, chết yểu.

Ngũ hành là Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.

- Kim được kim: cương nghị, sâu sắc.
- Mộc được mộc: đầy đủ tiền tài, của cải.
- Thủy được thủy: có tài văn chương, sang trọng
- Hỏa được hỏa: làm gì cũng có hiệu quả
- Thổ được thổ: của cải đầy kho

Có các loại hình dáng ứng với ngũ hành, thể hiện bằng màu sắc:

- Hình kim, thích hợp với màu trắng
- Hình mộc, thích hợp với màu xanh
- Hình thủy, thích hợp với màu đen
- Hình hỏa, thích hợp với màu đỏ
- Hình thổ, thích hợp với màu vàng.

Ngũ hành hợp với các loại màu sắc như vậy thì có: phú, quý, phúc, thọ. Ngược lại sẽ gặp phải

nghèo hèn, chết yếu. Các học giả dựa vào ngũ hành và cốt cách mà phán đoán tương lai số mệnh.

Tướng pháp đây rầy, phải dựa vào lý mà nhận xét tướng mạo.

Các nhà tướng thuật cho rằng "Mười phương pháp quan sát" là trật tự trước sau, bất cứ quan sát người nào, mục đích dự đoán cái gì đều phải tuân theo trật tự này. Ngược lại, đảo lộn thứ tự sẽ ảnh hưởng đến kết quả dự đoán. Trong "10 phương pháp quan sát" thì 3 phương pháp đầu là để nhận xét tinh thần, phong cách, diện mạo đóng vai trò quan trọng. Thần thái một con người như thế nào là điều kiện tiên quyết để các thầy tướng phán đoán.

Phương pháp thứ tư đến thứ tám nhằm quan sát hình dáng, là nội dung chủ yếu để quan sát tướng hình.

Phương pháp thứ chín là bổ sung cho tướng hình, trên thực tế là để tham khảo. Hình dáng tướng mạo tuy tốt nhưng tâm bất chính, thì không có phúc.

Phương pháp thứ mười là cơ sở cho phương pháp thứ chín, là tổng kết mọi phương pháp, cũng là để nắm vững tổng thể.

Nhưng cũng có thầy tướng cho rằng "Mười

phương pháp quan sát" là từ chính thể để phán đoán tướng hình, tránh được nhược điểm quan sát phiến diện. Nhưng do 10 phép quan sát yêu cầu vừa tỉ mỉ vừa tổng thể nên nếu không kết hợp để đồng thời quan sát, không vận dụng đầy đủ 10 phương pháp thì sẽ thất bại. Cuối cùng, một số thầy tướng tùy theo nhu cầu hành nghề khác nhau mà có sự phân loại chặt chẽ tỉ mỉ cho nên phát sinh nhiều môn phái tướng thuật khiến ngành khoa học này thêm phức tạp như:

- 8 phép tướng quan sát con người
- Phép chia tướng 7 chữ
- Phép xem tướng mặt 10 chữ
- Thuật cứu thành (9 thành công)
- 36 phép xem tướng người.

Trong đó có phương pháp phân ra nhiều cách quá tỉ mỉ, lấy ví dụ như: "**Tám phép tướng quan sát con người**" đã phân loại ra tướng nam tướng nữ đặt tên bằng 8 chữ. Tướng nam có:

1. Uy: uy nghiêm, đáng sợ, có quyền thế.
2. Hậu: tướng mạo hình thể đôn hậu, có phúc, có đức.
3. Thanh: thanh tú, tinh thần sáng khoái, thanh

thoát.

4. Cổ: cổ quái, khí cốt góc cạnh, lời lờm.
5. Cô: hình dáng cô đơn, lạnh lùng.
6. Bạc (mỏng): thân thể gầy gò.
7. Ác: ngoan cường bạc ác, tướng mạo hung dữ.
8. Tục: ô trọc, phàm tục, tướng mạo u ám.

Tướng nữ có:

1. Kính: sang trọng, sống lâu nhiều đàn ông đến cầu.

2. Trọng: (có sức nặng) trình khiết, nhiều phúc trạch.

3. Khinh: nghèo hèn, chết yếu.

4. Hỷ: gian tà, mê hoặc người khác.

5. Úy (sợ): cang cường, khinh khi người khác.

6. Khùng: lòng dạ ác độc.

7. Ác: hủ lậu, hình thù cổ quái.

8. Hãi: kỳ quái, sợ hãi, hay thay đổi ý kiến.

"Phép tướng chia 7 chữ"

Trong "*Thần tướng toàn biên*" có viết:

1. Thanh: ví dụ như Lưu Bang - Hán Cao Tổ có bộ mặt rồng, Đường Thái Tông thế long

phượng, biểu hiện của mặt trời. Tướng quý.

2. Cổ: ví dụ như Lão Tử thân như cổ thụ. Khổng Tử mặt như có mưa phùn. Người nào có tướng như thế này đều có cuộc đời khác người, tên tuổi gắn liền với sự nghiệp, lưu danh hàng nghìn năm sau.

3. Tú: tướng đẹp, thanh tú, như Trương Lương đời Hán, làm quan đến Phó Tể tướng, mặt đẹp, dáng như phụ nữ. Giống như Trần Bình cũng là quan to đời Hán, người thanh nhã như đeo ngọc quý.

4. Quái: những người có tướng quái, giống như Đường Lô Kỳ Triệu Phương, sắc mặt xanh, miệng rộng, đầu báo, mắt cú ngược nhìn lên trời. Giống như Quý Cốc Tử ràng lợ, yết hầu lộ. Đó là tướng quý khác người.

5. Đoan: người có tướng mạo này đoan chính chẳng khác gì Lý Bạch - nhà thơ vĩ đại đời Đường, đẹp, tính tình chính trực. Hoặc như Trương Phi - Đại tướng của Hoàng đế Lưu Bị đời Tam Quốc mắt tròn xoe, râu như râu hổ, uy dũng oai nghiêm.

6. Dị: mày đẹp có 8 mẫu giống như mày vua Nghiêu, mắt có đồng tử như mắt vua Thuấn, sáng rực. Mặt kỳ dị khác thường, tướng các vị đế vương, rất quý.

7. Nộn: (phì nộn) mặt những người này giống

như Nhan Uyên, một nhà trí thức đời Chiến Quốc, lông mày dài hơn mắt. Thịt và xương tương xứng với nhau. Tướng rất quý.

Các nhà tướng thuật cho rằng việc chia tướng mạo hình thể ra làm 7 loại như trên, có tướng kỳ quái, có tướng quý là muốn tạo ra cho mọi người đi xem tướng tư tưởng "kỳ hình quái tướng" để tin thầy tướng đến mức sùng bái.

"Phép tướng mặt có 10 chữ" là những phương pháp quan sát tướng mặt, lấy hình của 10 chữ Hán để chỉ các loại mặt:

1. Mặt chữ Viên: chỉ những người mặt tròn, đầy đặn sáng sủa, linh hoạt.

2. Mặt chữ Điền: mặt rộng, cương nghị.

3. Mặt chữ Đo: mặt dưới nở như trứng ngỗng, tình tình kiên nhẫn không sờn.

4. Mặt chữ Phong: da mặt sần sùi, không có chí tiến thủ.

5. Mặt chữ Dụng: bên trái không cân đối với bên phải, hai bên nặng nhẹ khác nhau, tướng xấu.

6. Mặt chữ Mục: mặt dài, có sức hoạt động, không thay đổi, kiên trì khi làm một việc gì.

7. Mặt chữ Đồng: xương má phát triển, mặt

vuông 4 góc, thông minh, khàng khái, độ lượng.

8. Mặt chữ Vương: xương lưỡng quyền sắc nhọn, dám nói dám làm.

9. Mặt chữ Giáp: trán rộng, nhô, suy nghĩ cẩn thận, chặt chẽ, không có những hành động dúng khí.

10. Mặt chữ Thân: xương lưỡng quyền nhô cao, phía dưới nhọn gầy, có tính năng động.

"Chín thuật quan sát tướng mạo" là xuất phát từ các mặt: tinh thần, hần phách, hình thể, tướng mạo, khí sắc, động thái, cử chỉ, hình dáng, tài trí, đạo đức, hành động để quan sát các mặt: trí tuệ, thiện ác, sang hèn cùng với nông sâu phúc họa.

Sách có chép: "Con người lúc đang còn nằm trong bào thai đã theo luật ngũ hành. Hình thể có dày, có mỏng, có đẹp, có xấu. Thần của con người có thông minh, có ngu dần; từ tướng xương mà biết được người đó thiện hay ác".

Có 9 thứ cấu thành chính thể một con người.

1 - Tinh thần

2 - Hần phách

3 - Hình dáng

4 - Khí sắc

5 - Hành động, cử chỉ

6 - Những thể hiện bên trong

7 - Mắt

8 - Tài trí

9 - Đức độ

Chín thứ này được cụ thể:

- Nhất thành: Tính thần minh mẫn
- Nhị thành: Hồn phách ổn định
- Tam thành: Hình dáng rõ ràng, khoan thai
- Tú thành: Khí sắc trong sáng
- Ngũ thành: Hành động chính đáng, đàng hoàng
- Lục thành: Hành động đúng đắn
- Thất thành: Đánh giá sự việc chính xác
- Bát thành: Thông minh, tài trí, nhanh nhẹn
- Cửu thành: Làm điều có đức

"Cửu thành chi thuật" trên đây là căn cứ vào tướng xương, tướng hình mà khảo sát những hành động của con người. Cũng từ những việc làm cụ thể mà dự đoán được tương lai, dự đoán việc hung, việc cát để tránh hoặc làm.

+ 36 phép nhận xét tướng mạo

Những phương pháp này do Viên Cung, thầy tướng giỏi đời Minh đưa ra. Phương pháp này tinh vi

nên còn gọi là "Phân minh pháp". Viên Cùng phân phép xem tướng ra 36 hạng mục, nội dung chính xác, ứng nghiệm nên người đời sau gán cho cái tên đẹp "Mãn Đình Phương" (Hương thơm đầy nhà).

36 phép có:

1 - Đầu	13 - Cổ	25- Lông
2 - Tóc	14 - Vú	26- Lông tơ
3 - Mày	15 - Bụng	27- Nốt ruồi
4 - Mắt	16 - Lưng	28- Bót
5 - Tai	17 - Rốn	29 - Điểm
6 - Mũi	18 - Sườn	30 - Da
7 - Nhân trung	19 - Tay	31 - Xương
8 - Môi	20 - Bắp đùi	32 - Máu
9 - Răng	21 - Chân	33 - Xươngchăm
10 - Lưỡi	22 - Ngọc kính	34 - Tiểu tiện
11 - Râu	23 - Âm nang	35 - Đại tiện
12 - Nào	24 - Cổ đạo	36 - Thanh âm

Trên thực tế, các thầy tướng chỉ dựa vào "10 phép quan sát" và "Cửu thành chi thuật" để quan sát 36 bộ phận kể trên.

*

* *

Các nhà nhận xét tướng mạo thấy có 5 trường

hợp không nên xem tướng:

1 - Sau khi uống rượu, men rượu hiện lên mắt, không phân biệt được hung, cát.

2 - Sắc dục quá độ

3 - Giận dữ, hung bạo, có mưu mô thâm độc

4 - Nhiều người, ồn ào, lộn xộn, không nhận rõ được cái "Thần".

5 - Lòng bồn chồn, không yên.

Một số thầy tướng được nhiều người tin nhiệm hoặc thường "phá lệ", hoặc vì nể nang, khó từ chối yêu cầu của mọi người nên thường vi phạm 5 điều không nên này.

Mặt khác các thầy tướng hành nghề thường mồm lòi hoặc nói dựa, đa số nói chung chung, may được vài điều trùng hợp ngẫu nhiên, từ đó khoa trương về mình, nói bừa để lấy tiền cho êm, nhưng mặt khác bản thân các thầy tướng lúc nào cũng lo bảo vệ tính mạng của mình, đề phòng tai họa từ miệng nói ra, nên cũng phải dè dặt nói cái gì, cái gì không nói. Sách có ghi:

"Tướng mạo của con người có 3 thứ kiêng kỵ không được nói:

1- Đối với những người không có thời vận, thì

không được nói là "không", sợ họ nghĩ sai về âm đức của mình, quá bi quan, đi tìm cái chết.

2 - Đối với những người hung bạo, không nên nói rõ bản chất của anh ta, sợ anh ta liều lĩnh, đi đến phá phách, gây tai họa.

3 - Người mà số mệnh đã đến ngày tận thế thì thầy xem tướng không được nói toạc ra sợ họ chán nản, gây thêm bi thương cho người thân.

Những trường hợp này không thể trách thầy tướng là giấu giếm, không nói thực.

II. TIÊU CHUẨN CỦA HÌNH DÁNG TƯỚNG MẠO

Hình dáng tướng mạo bao gồm các bộ phận thân thể cùng với các động tác, tinh thần có liên quan. Các nhà nhận xét tướng mạo cho rằng:

Con mắt là ông quan giám sát, lấy thanh tịnh để sinh ra cái thần, lòng mắt trắng đen rõ ràng là tốt.

Màu sắc của mắt: lòng trắng thì trắng như bạch ngọc, lòng đen thì đen nhánh, đuôi mắt kéo dài gần tai là tướng quý. Mắt sáng, ánh mắt ngời lên là tướng vừa quý vừa thọ. Người có mắt sáng mà thần

thái hiện rõ là người có quyền sinh sát, tướng uy.

1. Phú: Tướng phú là tướng giàu tiền bạc, nhà cửa, của cải. Toàn thân con người, bộ phận nào cũng hợp với tướng phú thì con người đó suốt đời không lo đói, không lo rét.

Hình thể đầy đặn thì tinh thần yên ổn. Khi trong, tiếng nói vang, trán cao, mắt sáng mày thưa, tai dày, môi hồng, mũi thẳng mặt vuông, lưng đầy đặn thẳng. Da trơn, bụng trệ, răng trâu, đi như ngỗng là tướng giàu có.

Sách lại chép: "Mày thanh tú, nhãn mắt ướt át, cũng là giàu sang. Cằm đầy đặn là phúc hậu. Ngồi vững như tảng đá, đi nhẹ như mây, cũng gọi là tướng giàu có".

2. Quý (sang): Là cái mà các nhà nhận xét tướng mạo cho là cao quý, tôn nghiêm, có địa vị xã hội.

Nhà nhận xét tướng mạo cho rằng: Có người tự mình tu luyện mà đạt được quý, có người do làm việc tốt mà có, có người sớm được gặp vận may, có người như thần tiên đầu thai vào mà sinh ra quý

Xét về hình thể, làm thế nào để thấy là sang trọng, sách viết: "Tinh thần húng chí, xương cốt thanh mảnh, cương nghị thịnh vượng ai mà chẳng biết? Khí vũ trụ tuần hoàn, đi như mây, ngồi như

tàng đá, người nhỏ nhưng tiếng vang cách sông vẫn nghe thấy, mặt rỗng, trán vững như tường, mắt sáng tựa sao, mũi thẳng, không có hoa, mà người vẫn tỏa hương, tay dài rũ đến quá gối. Hai đồng tử sáng rực, mặt như rỗng, tiếng vang xa như tiếng châu ngọc, da óng mịn, mắt đen nhánh, mặt chữ "Điền", hổ tụ rỗng bay, xương lưỡng quyền bằng phẳng, ngọc chắm đầy đặn, lưỡi dài, tóc mai dài che kín tai, giữa mặt như ẩn; miệng há như miệng cá, trời đất sinh ra xương cốt như thế, trong thanh ẩn trọc, trọc lại thanh, dưới chân nhiều lông và có nốt ruồi, thường người như thế là tướng quý. Nếu như nói tiêu chuẩn trên vẫn là những lời mơ hồ thì tướng thuật có "5 cái lớn", "5 cái nhỏ", "6 cái quý nhỏ", là những thứ bổ sung thuyết minh các tiêu chuẩn.

"5 cái lớn" là tướng của 5 bộ phận: đầu, mắt, bụng, tai, miệng. thường biểu hiện sự sang trọng hay thấp hèn. Sách có viết: "Một là đầu to, hai là mắt to, ba là bụng to, bốn là tai to, năm là miệng to. Người mà 5 cái đó đều lớn thì sinh ra đã không bị hãm tài, ắt phải giàu sang phú quý". Nhưng không phải to đã tốt, phải có một số điều kiện: "Đầu to mà tròn, mắt to mà không thô, bụng to

mà không sệ xuống, tai to nhưng có vành quách, miệng to nhưng môi không mỏng". Nếu như ngược lại thì đó là một con người phản chủ bần tiện.

"5 cái nhỏ" là phản diện của "5 cái lớn". Hình dạng nhỏ mà vẫn quý: một là đầu nhỏ, hai là mắt nhỏ, ba là bụng nhỏ, bốn là tai nhỏ, 5 là miệng nhỏ. Nếu 5 bộ phận trên đây đủ không bị hãm thì người tuy nhỏ bé vẫn có tướng quý. Người đầu nhỏ mà có góc cạnh, mắt nhỏ mà thanh tú, bụng nhỏ mà sệ xuống, tai nhỏ mà có vành tai, miệng nhỏ mà môi răng khít đầy đặn ắt là người có tướng quý.

"Sáu cái nhỏ" là tên gọi chung cho hình dáng tướng mạo đối với: mắt, tai, miệng, mũi, bụng, lưng. Sách viết: "Trán nhỏ mà vuông phẳng, mắt nhỏ mà tinh, mũi nhỏ mà thẳng như cột gỗ, tai nhỏ mà hướng về thái âm, bụng nhỏ mà thon, miệng nhỏ nhưng đỏ tươi, lưng nhỏ mà tròn, thân nhỏ mà đủ cả tam đình, đều là tướng giàu có, sống lâu."

Phú và quý là tiêu chuẩn số một để đánh giá một người có tướng đẹp hay không. Sau khi đã tổng hợp đặc trưng tướng mạo và hình dáng phú với quý, các nhà nhận xét tướng mạo cấu tạo tướng hình con người với ngũ quan (5 giác quan) để nhận xét hình thể, thần sắc, thanh âm, cử chỉ. Sách viết: Đầu

nhọn, trán vuông mà rộng, mày thưa mà dài thanh tú, mắt sáng, tai tròn, mũi thẳng, tim to, lưng thẳng dày, nhân trung rõ ràng, miệng môi đoan chính, khí hòa mà thuận, thanh tròn mà vang xa, hình chính mà tuần kiết; ngôn ngữ tuần tự, tiến thoái có lễ, làm việc có điều độ, có tiền của nhưng không lãng phí... tất cả đều là tướng quý. Hình thể tướng mạo tốt đẹp chỉ là lời nói tương đối, bởi vì một người rất khó có ưu điểm cụ thể. Xác định hình thể tướng mạo tốt nhất là dựa vào sự phối hợp của các bộ phận. Do đó, các nhà tướng mạo thường quan sát tướng mạo các bộ phận cẩn thận tỉ mỉ.

Các môn phái có nhiều cách thuyết minh bổ sung để hoàn thiện hơn nữa phương pháp quan sát nhận xét tướng mạo, đó là: "10 cái đẹp", "10 cái thanh".

"Mười cái đẹp" làm nên tướng mạo giàu sang là:

1. Tóc mềm mượt như tơ, mắt thanh tú có thần, miệng rộng có hình tròn đẹp
2. Thân hình tựa ngọc tựa châu
3. Thân gầy nhưng đầu tròn
4. Tai đầy đặn, vành tai đứng thành.
5. Âm nang có mùi hương, da trơn, khí sắc rất tươi tắn.

6. Thân đen mặt trắng, trong âm có dương. Lung đen đầy đặn.

7. Người khác nhìn vào mắt thấy có thần, môi hồng tươi

8. Thân tuy nhỏ nhưng tiếng hùng tráng

9. Mắt như có ánh sáng, trong bóng tối có thể nhìn thấu vật.

10. Sinh ra đã thanh tú.

"Mười cái thanh" là:

1. Tiếng nói hoành tráng, trước nhỏ sau to, không nên càng nói càng nhỏ đi.

2. Lông tóc nhỏ mềm, không quá thô cứng.

3. Răng nhỏ, đều đặn, trắng như ngọc.

4. Tay dài, bàn tay đường vân như tơ,

5. Tai trắng như mặt, sắc hòa sáng tươi.

6. Lông mày đen, đầu tóc chỉnh tề.

7. Mắt thanh có thần, môi miệng đỏ tươi.

8. Tuy gầy, nhưng không lộ xương, huyết không kém, da đỏ hồng,

9. Tuy gầy nhưng vùng quanh vú và vú tròn trặn.

10. Rốn sâu.

3. Nghèo hèn: Một người không có địa vị trong xã hội, kinh tế khốn quẫn, thiếu ăn, nhu thế là nghèo hèn. Phú và Quí là điều mà xưa nay ai cũng muốn có.

Mục đích của tướng thuật là từ tướng hình, dự báo được giàu sang, hay nghèo hèn; biết được hung để tránh, cát để đón chờ. Các nhà tướng thuật xem đặc trưng của tướng hình là nhân tố quyết định giàu sang, nghèo, hèn của một con người, không đếm xỉa đến ảnh hưởng của xã hội, của giai cấp, nỗ lực cá nhân.

Các nhà tướng thuật cho rằng: Tướng nghèo hèn tương phản với tướng giàu sang là do tướng hình không hài hòa hoặc quá nhiều thiếu hụt.

Trong sách *"Thần tướng toàn biên"* quyển 5 viết về tướng nghèo hèn có đoạn: "Đầu nhỏ, trán hẹp, tai mỏng, da thô, miệng nhỏ, thịt nhão, hình dáng dung tục, thần không hợp thời, khí trọc, tiếng the the, lưng gầy, mỏng, chân dài, vai hẹp, ăn nhu chuột, đi như rấn bò, là tướng bần tiện..." Cụ thể mà nói: "Muốn biết tướng mạo người nghèo hèn hay không cứ nhìn mũi tẹt, răng lộ, lưng như chim sẻ, hai mày giao nhau. Lưng lõm, ngực giò xương, vú bé nhọn như đầu quả dưa, eo rộng, vai nhỏ,

mày như ép xuống mắt, thân thô, mặt đen, mở miệng tiếng nói nghe nặng chịch, mày cup gian tà; ngược lại Tú Thủy thân như khó khăn; Tam đình dài, mũi ngắn, lỗ mũi rộng, ăn uống chậm chạp như ngủ gật, đường vằn miệng như vằn rằn, lưng ong, tiếng nói nhanh và khô, ngắn như tù giữa gan mật toát ra, cơ thể không đủ, sắc không đặc, tướng xấu. Mặt tái xanh, da khô, mắt gian xảo, đi như rằn, trông rất gian, miệng hôi, nhiều vằn trên mũi, người như thế có tướng gian phải chú ý.

Ngũ hình bất chính thì hình thể nghiêng về tà.

Mặt như thần lẩn, lộ vẻ gian, miệng hôi thối, cười hở môi lộ răng, trán nhỏ, đầu nhọn, vẻ mặt tiêu điều, thường có sắc buồn thảm luôn luôn kêu khóc, sắc mặt đầy oán hận, tướng như thế không có hậu, phải đề phòng, thường hại người khác.

Lại có những nhà nhận xét tướng mạo, chú trọng vào chữ "tiện", phân loại chữ "tiện" để nói rõ cái hại. Sách viết: "Có 6 cái thể hiện tướng bần tiện:

1. Trán có góc.
2. Lưng và ngực đều lép.
3. Thanh âm loảng không tụ.
4. Mắt lấm lét.

5. Mũi cong, tẹt.

6. Mắt không có sắc.

4. Tướng "Thập sát" (tướng giết người)

1. Mặt như uống rượu say.

2. Không có người mà tự nói một mình

3. Không có đờm mà thường cố ý khạc nhổ.

4. Mắt thường có những tia máu đỏ, lộ ánh hung bạo.

5. Tinh thần hỗn loạn, cả ngày chìm đắm trong mê muội.

6. Tiếng nói găm gù như sãi lang.

7. Không có mép.

8. Khi ăn luôn đổ mồ hôi.

9. Mũi khoằm, lỗ mũi trống hốc.

10. Hôi nách.

Sau khi tập hợp các đặc trưng của loại tướng mạo bần tiện, các nhà nhận xét tướng mạo cũng qui tạo một thứ tướng ác với những tiêu chuẩn tương đối về hình thể 5 giác quan và thần sắc. Sách có viết: "Đầu nhọn, trán hẹp, mày nặng, tai lật ngửa, lưỡi lộ, miệng to, môi mỏng, mạch đỏ, có ánh mắt không bình thường, thần sắc nhu kinh hãi,

nhọt nhọt, đầu nhọn, địa các nhỏ" là tướng ác. Những người tướng như thế mất đi cái phúc, tổn hại cho vận mệnh, hẳn tiện. Ngoài những tiêu chuẩn của tướng mạo hẳn tiện, phú quý, các nhà nhận xét tướng mạo còn chú ý đến hình thể tướng mạo chết yếu, sống lâu, thiện ác, cô đơn khổ sở.

Đặc biệt, các nhà nhận xét tướng mạo đặt ra một loạt tiêu chuẩn để phân biệt tướng đàn bà với tướng đàn ông.

Tướng đàn bà do nhiều nhân tố quyết định. Trong xã hội phong kiến trước đây, do luân lý phong kiến trọng nam khinh nữ, địa vị người đàn bà thấp hèn, bị lệ thuộc vào người đàn ông, nên trong thực tế, việc nhận xét kết luận đều căn cứ vào địa vị cao thấp trong xã hội của người đàn ông (cha, chồng). Như thế về mặt khoa học là không khách quan.

Đúng trên quan điểm phong kiến, các nhà tướng thuật đời trước đưa ra lập luận: người đàn ông là Dương, đàn bà là Âm.

Dương mà cương là tốt, âm lấy nhu làm chính. Đạo 1 âm 1 dương tuyệt đối không thay đổi được, do đó "Nam nhi không muốn mình như tướng đàn bà, còn con gái không muốn có hình thể đàn ông".

Đây là một nguyên tắc cơ bản nhất. Đàn ông mà nhu nhược là mềm yếu, con gái cương cường dùng cảm, không phải là "hùng" mà là "bạo", phản lại đạo Trung Chính. Về bản chất, phương pháp nhận xét tướng mạo như thế hợp với luân lý phong kiến. Các mặt thọ yếu, thiện ác, quý sang, nghèo hèn, trinh tiết, dâm dăng, phúc lộc đều có các tiêu chuẩn nghiêm khắc. Thực ra, trinh tiết hay dâm dăng là một vấn đề đạo đức mang đặc trưng thời đại. Về mặt xã hội, nhân phẩm đạo đức của đàn ông và đàn bà đều được xem như xuất phát từ chữ Nhân. Nhưng trong xã hội phong kiến quyền của người chồng rất nhiều. Đàn ông có thể 5 thê 7 thiếp, trên căn bản chẳng bị ràng buộc gì, còn người đàn bà bị chữ "trinh tiết" trói buộc. Tất cả mọi cử chỉ nói năng, hình thái, sắc mặt của người đàn bà đều được qui về chữ "trinh". Trinh tiết thì được cho là liệt nữ, dâm dăng thì bị qui kết vào 10 cái ác cũng chưa hết tội.

Các nhà nhận xét nhân dạng cho rằng: "Trán cao, tai dày, xương lưỡng quyền không cao, mũi thẳng dọc dừa, mắt sáng, thân nhu hòa chính trực, mắt không gian tà, bước đi nhẹ nhàng, tiếng thanh mà không tán, yếu kiều mà có uy phong, mặt mày

có phong thái, là tướng trinh tiết". Ngược lại: "Đầu nhỏ, trán hẹp, 5 giác quan bất định; đầu chồn, tai chuột, mắt ti hí, mày rậm, hai mắt ướt, mũi hếch, nhân trung gấp khúc, mép miệng có đường vằn, môi trắng và mỏng, lại cong, không có dải tai; môi dày, lưỡi nhọn, tai như tai dê, mặt nhiều tàn hương, nhìn nghiêng mặt gầy là tướng hãm tài".

Mặt to, mũi nhỏ, mắt tròn, thân cứng, cổ ngắn, lưng hãm, bụng nhỏ, eo nhỏ, ngực nhỏ, đầu vú tẹt, bụng lép, ngón chân ngắn, rốn lồi trể xuống dưới, thịt nhão, da láng nhầy như có dầu mỡ, da trắng như phấn, chân như chân cò, chân đầy lông, mắt trắng dã, nhìn lăm lét, chưa nói đã cười, hoa tay lắc đầu hoặc nói ắp úng, ngồi chẳng yên, cử chỉ như mê muội, chẳng có việc gì cũng kinh sợ, đi một bước là quay đầu, bước đi như ngỗng như vịt, thấy người là dẩu mặt, len lét, răng như cúc áo, tiếng nói khàn, ăn nói ắp úng, lung tung, hát lảm nhảm, môi mấp máy, lưng không thẳng, ngủ mê hay nói... là tướng thâm của người đàn bà.

Nếu như phạm vào một vài điều nói trên đều bị coi là người không trinh tiết, thâm đẳng, sớm muộn gì cũng làm chuyện bậy bạ. Về mặt thực tiễn, điều này thật bất công.

Các nhà tướng thuật đã đưa ra "Chín tướng thiện" và "Chín tướng ác" ở người đàn bà.

"Chín tướng thiện" là loại tướng đẹp, đó là.

1. Trán bằng, đầu tròn.
2. Xương nhỏ, da mịn.
3. Môi hồng, răng trắng.
4. Mắt dài, mi đẹp.
5. Ngón tay thon, bắp tay tròn.
6. Tiếng nói trong như nước chảy.
7. Cười không lộ răng.
8. Đi đúng khoan thai
9. Làn da mỏng, mịn.

"Chín tướng ác" chỉ chín loại tướng xấu của người đàn bà gồm:

1. Mặt xấu, lông quày cao.
2. Lộ hầu, lộ răng.
3. Đầu nhỏ, tóc rối tung.
4. Đi như rần, như chuột.
5. Mày dài, thô.
6. Mũi nhọn.
7. Mặt dê, mắt trắng dã
8. Tiếng nói nhỏ dần.
9. Môi thâm sì.

Trên đây là những tiêu chí về tướng mạo do các nhà tướng mạo đưa ra, nhưng thực tế lại không hoàn toàn như vậy: một người vừa có những đặc điểm của tướng tốt, vừa mang một số đặc điểm của tướng xấu. Trong những trường hợp như thế, thầy tướng phải vận dụng cảm tính.

Trán rộng mà không nhọn, xương tuy đẹp nhưng da thô, tai tuy dày nhưng mũi lại thấp, mắt to không xứng với mày, tiếng nói tuy rõ ràng nhưng nhỏ yếu, thân rộng nhưng tay không, lưỡi tuy đỏ nhưng miệng chu ra, môi vuông, răng không đều, bước đi khắp khểnh, lưng đầy, đi chậm chạp, nói năng hòa nhã nhưng lí nhí. ăn uống chậm chạp, đầu dài, lưng thắt, những người như thế là "tướng Chiết trừ" thiện ác khó phân, phúc tạp: có giàu nhưng chết yếu hoặc hèn; trước sang nhưng sau lại hèn, trước giàu nhưng sau lại nghèo. Loại tướng này mang tính chiết trung nên thường được các nhà nhận xét tướng thuật sử dụng gán cho mọi người.

Thủ thuật của họ là, những người có tướng mạo "tốt" thường được thầy phán nhiều lời hay ho, rồi nói thêm "Ngày sau làm nên đừng quên tôi nhé". Còn đối với những người có tướng mạo xấu thì các ông than thở, tỏ vẻ xót thương, khuyên nên tăng

cường làm điều phúc đức, tu dưỡng, làm nhiều việc thiện, lấy tướng tâm bổ sung cho tướng hình.

III. TƯỚNG XƯƠNG

Trong tướng hình thì tướng xương là quan trọng. Xương đầu ở vị trí số một. Người xưa nói: "Xương làm chủ thân thể con người" "Phép xem xương có thể đoán được sự sang hèn của một con người". Khi hành nghề, nhiều thầy tướng đã đầu tư công sức cho việc này.

Sách từ đời Hán có ghi: Có một ông thầy xem tướng đã nhìn Hàn Tín rồi nói: "Sang hèn thể hiện ở xương, lo buồn vui tươi là do sắc mặt, con người này hậu vận bi thảm. Như thế, người xưa đã rất xem trọng tướng xương. Về sau Vương Sung có viết cuốn sách "*Tướng xương*" đưa ra mối quan hệ giữa tướng xương với số mệnh. Từ đó về mặt lý luận đã đặt định địa vị tướng xương trong phương pháp nhận xét tướng mạo. Chuyện xem tướng xương các sách ghi lại cũng nhiều chẳng hạn: "Vào năm 14 Thiên Bảo đời Đường, huyện Trần Dương có người đánh trống tên là Mã Sinh, nhìn vào xương đầu mà biết được quan lộc". "Cuối đời Đức Tông, có người

tự xưng là người rừng, xem tướng thường lấy tay để sờ, mà biết được sang hèn".

Đời Đường, những loại thầy tướng như thế này có rất nhiều: đến đời Tống, Tống Chân Tông đã xem tướng xương người trước theo cách "đoán xương". Sách đời Minh có viết: "Trong Chùa Hồ Khâu có một vị tăng đoán được xương, nói được những điều kỳ lạ về sang hèn, phúc họa". Các nhà xem tướng sau này đã cho việc đoán xương là một việc quan trọng khi nhận xét tướng mạo con người, mang nhiều màu sắc truyền kỳ. Các nhà nhận xét tướng mạo cho rằng, giữa xương với thịt, xương là "vua" mà thịt là "quan đại thần", xương là cột trụ của thân thể nhưng xương phải tương xứng với thịt.

Nếu xương chìm, thô trệ, mà thịt lại dày, thì ô trọc. Nếu nhu xương nhẹ không ngang không lộ, tương ứng với thịt là tướng thiện. Ngày xưa có 2 bài thơ nói về quan hệ giữa xương với thịt. Bài thơ viết: "Xương không lộ, lại tròn, thanh và khí thanh tú. Xương là dương mà thịt là âm, dương không nhiều mà âm không quá ít. Nếu như âm dương cốt nhục cân bằng, lúc trẻ không sang thì cuối đời sẽ giàu có". Lại nói: Người mà sang thì xương nhỏ, tròn, dài, lại có mùi thơm. Xương và thịt như vua

và quan bổ trợ cho nhau. Xương chắc tất nhiên giàu có, lương thực đầy đủ. Xương và thịt không tương khắc nhau, gân cốt tốt là tướng quý. Các nhà nhận xét tướng mạo nói: Xương là cái ruồng cột cả một đời, hoặc giàu sang, hoặc nghèo hèn, hoặc phúc lộc, hoặc họa tai, hung dữ... tất cả đều bắt nguồn từ thiện ác của tướng xương. Xương đẹp phải không ngang, không tròn, không thô; người gầy mà không lộ xương, xương và thịt phối hợp và hỗ trợ cho nhau. Xương nằm dưới thịt, thịt dựa vào xương mà sinh ra, mối quan hệ này là giao cảm nhu âm với dương. Tướng xương mà âm dương không hoà gọi là "tướng thiện một bên", không có lợi cho mệnh lộc. Nhà nhận xét tướng mạo vào bậc thầy Viên Thiên Cương cho rằng: "Thịt không bọc xương, không sống lâu". Thịt không nhiều, xương không ít, âm dương bằng nhau, có cương có nhu thì mạnh về lý. Xương giống như núi đá, đẹp mà không rộng, tròn mà không thô, thì nhiều lộc. Người gầy thiếu thịt mà xương lộ, tương lai nhiều khó khăn, ít phúc.

Nói tóm lại, xương không nhẹ, lộ, lạnh, mỏng mà đều, tròn là tốt.

Trong tướng xương quan trọng nhất là xương

đầu. Các nhà nhận xét tướng mạo cho rằng: "Xem xương trong thân thể con người trước hết sờ vào đầu, trán, lưỡng quyền, xương sau ót". Cái đầu giống như hình của trời, thống lĩnh các bộ phận trong thân thể, đứng đầu các loại xương; đầu mà thẳng, đẹp để luôn ngẩng cao là tướng quý, dài mà vuông thì được tướng. Xem tướng xương đầu cần chú ý:

1. Xương Ngọc Chấm: (có bản đồ trang 193) nằm phía sau đầu, càng nổi rõ càng tốt.

2. Xương đình đầu, bằng, không nhô không nhọn, thì tốt.

3. Xương nhĩ môn: trước tóc mai phải nổi.

4. Xương Thái Dương ở đuôi mày, tuy nhỏ nhưng hiện rõ.

5. Xương Mi Bàn. Người có loại xương này ngông cuồng, tự đại, nếu lồi thì gian tà tham lam.

6. Xương Tì Lương: nối liền với xương Thiên Đình, nếu được như thế thì có khí.

7. Xương Lưỡng quyền: không được nhô, nhọn như thế mới tránh được tướng xấu.

8. Xương Đỉnh: còn gọi là xương An ninh. Tướng tốt là có nhiều thịt bao bọc.

Xương đầu, thường có quan hệ với mệnh lộc.

+ *Xương Lưỡng quyền*: Nằm ở hai bên mặt, gồm Đông nhạc và Tây nhạc, cả hai được gọi là "Nhân phủ".

Lưỡng quyền phải đối xứng với nhau, không được nhô lên hoặc lõm xuống, cũng không được kéo dài đến tóc mai mới là tướng phúc và quý.

Quyển 1 "*Thần tướng toàn biên*" có viết: "Lưỡng quyền gọi là Nhân Phủ, phải đều, ngang với tóc mai, không nhô cao. Nếu nhô cao là tướng xấu, nửa cuộc đời gặp điều có hại".

Những người có xương lưỡng quyền vừa phải, không nhô xương là tướng tốt, có quyền thế.

+ *Xương Dịch mã*: Xương lưỡng quyền kéo dài đến tóc mai nhô lên gọi là Dịch mã; còn có tên là Long Linh Cốt (Xương Rồng và Chim Linh).

Trương Hành viết: "Xương Dịch mã có ánh sáng vàng, được người thương yêu, người thông cảm", "Dịch mã ở bên cạnh cuối mày, có sắc đỏ vàng, thì khỏe mạnh được vua ban lộc", "Nếu cần chuyển dịch trước hết xem Dịch mã".

Nói chung, xương phát triển đều đặn, không lộ xương thì thành sự nghiệp lớn.

+ *Xương Tướng quân*: Là xương lưỡng quyền giơ

trên 2 bên tai, còn gọi là xương Phượng vĩ (đuôi con chim phượng). Người có tướng xương này nên vào quân đội, có thể làm quan võ.

+ *Xương Nhật giác*: Xương nằm bên trái của mày. Các nhà nhận xét tướng mạo cho rằng, người có xương Nhật giác thì đại quý. Người có xương Long Tê Nhật giác là tướng làm vua.

Sách "*Tướng Thư*" lại viết: "Trán mà có Long Tê liền với tóc trên đầu, có Tả Giác Nhật, và Hữu Giác Nhật sẽ làm vua thiên hạ".

Sách "*Hậu Hán Thư*" có viết: "Thân cao 7 thước 3 tấc, lông mày đẹp, miệng rộng, có Nhật giác là tướng đế vương.

+ *Xương Nguyệt giác*: Là xương nằm bên phải của mày, đối xứng với xương Nhật giác nằm bên trái.

Các nhà nhận xét tướng mạo cho rằng, người có xương Nhật giác, xương Nguyệt giác nhô cao lên, trước 30 tuổi đã được đặc chỉ, như ý.

+ *Xương Long cung*: "Xương quanh mắt tròn gọi là xương Long cung". Tướng xương này nếu xương thịt đầy đủ, thần mắt như có điện, có thể thành người anh hùng hào kiệt.

+ *Xương Phục tê*: Là xương mũi kéo thẳng lên đỉnh đầu. Trương Hành có viết: "Nếu có xương Phục tê sẽ làm quan đại thần, phú quý suốt đời. "Xương Phục tê từ Ấn đường đến Thiên trung, nếu ấn nhung phát sẽ làm đến quan đại thần". Người ta còn cho rằng, xương Phục tê phối hợp với khí sắc làm nên khí thế, tướng đẹp.

Các nhà nhận xét tướng mạo cho rằng "Nếu Phục tê kéo dài là một loại tướng đại quý."

+ *Xương Cự ngao*: Xương nhô cao bên cạnh hai tai ví như Kim mã Ngọc đường, những người có tướng xương như thế sẽ vinh hoa, làm quan đến chức Thượng thư.

+ *Xương Long giác*: Nằm trên mày, ngang từ trái sang phải, còn có tên là xương Phụ giác. Người có loại tướng xương này cũng làm quan, có chức vị.

Người có các loại xương quý trong hệ "chín xương" nói trên trong lịch sử không thiếu. Ví dụ trong sách *Hậu Hán Thư*, truyện ký Lương Hoàng hậu, có viết: Năm Vĩnh Kiến thứ 3 (129 sau công nguyên) có một cô gái nhập cung mới 13 tuổi. Khi thấy cô, Tướng công Mao Thông kinh ngạc, cúi đầu bái lạy chúc mừng: "Cô gái này có tướng Nhật giác Yển nguyệt, tướng cực quý, tôi chưa thấy bao giờ".

Quả nhiên sau này cô gái được phong Vương phi. Lý Bạch - nhà thơ vĩ đại đời Đường sinh ra đã có xương Nhật giác. Ông tinh thông các môn học thuật, là con người có tài năng, có nhân cách, không chịu luồn cúi. Một vị quan trong triều nhận xét: "Lý Bạch có xương Nhật giác, Chu đình, khác với tướng người thường, làm quan là đúng thôi!".

Ngoài những loại xương vừa kể trên, tướng của xương đầu có nhiều cách nói: "Cái quí của xương đều ở trên đầu. Từ mũi đến Thiên Trung gọi là Thiên Tê; từ trán đến Thiên trung gọi là phục tê. Nhật giác, Nguyệt giác là xương Phụ mẫu; Hồ giác là xương Long hổ; nằm ngang gò má là xương Dịch mã; nằm giữa gò má là xương Tiên kiều (cầu của Tiên). Từ Thiên trung phân ra hai bên tả và hữu gò Sơn lâm gọi là xương Kim khuyết Ngọc sơn; giữa đình có xương nhỏ gọi là xương Ngọc hoàn; giữa đình có xương tròn là xương Viên quang; sau tai có xương Thọ tinh, gò Sơn lâm có xương Mộ chính giữa đình Thần hựu. Xương trên gáy gọi là xương Ngọc chấm. Xương gấp khúc gọi là xương Văn khúc. Nếu xương đều nhau gọi là xương Phẩm tự.

Tròn cả thì gọi là xương Kim cốt, trơ trụi và lộ ra thì gọi là xương Mộc tiết. Dáng như mặt trăng

thì gọi xương Kim thủy, bên cạnh gọi là xương Kim thành, giữa mặt có xương Thiên trụ.

- Lưỡng quyền kéo đến tai thì gọi là xương Ngọc lương.

- Lưỡng quyền sát mép thì gọi là xương Dịch mã ngoại trì.

- Lưỡng quyền cao là xương Phú quý.

- Xương Tiên kiều kim khuyết còn có tên là xương Chu tiên.

- Xương Sơn lâm còn có tên là xương Ấn dật.

- Xương Trung nhạc Phong long có tên là xương Thần tiên.

- Thi Sinh Đầu giác có tên xương Vạn phúc.

- Các xương hợp với máu thịt, không tách rời nhau.

- Xương ngang thì hung bạo.

- Xương nhẹ thì bần tiện.

- Xương tục thì ngu dân.

- Xương lạnh thì phận mỏng chết non.

- Xương lộ thì nhiều xung khắc.

- Xương nhọn thì gặp nhiều khó khăn.

- Xương cao thì có phúc có thọ.

- Xương lạ thì trung thành.

Cần chú ý là có nhiều lối gọi khác nhau như xương sau 2 tai là xương Thọ tinh, nhưng còn gọi là xương Ngọc đường, xương Thọ đường. Đương nhiên trong thực tế, các thầy xem tướng không thể quan sát tỷ mỉ tất cả xương đầu, nói chung chỉ có thể biết mấy thứ xương quan trọng.

Trong tất cả các xương đầu, quan trọng nhất là xương sau đầu và xương gáy, xương ót.

Các nhà nhận xét nhân dạng cho rằng: xương gáy mà tốt thì "phúc, thọ, phú, quý". Sách có viết: "Trước là trán, sau là gáy. Trước là Tinh đường, sau là Ngọc chấm.

Xương gáy như núi đá có ngọc, như sông biển có hạt châu thì cả đời vinh hiển.

Có xương gáy nhô cao thì "suốt đời vinh hiển", thậm chí có người còn cho xương gáy có thể quyết định tướng mệnh con người. Ví dụ, nhìn một vị quan đại thần triều Tống tướng mặt rất tốt, nhưng sau gáy không có xương ngọc chấm, Trần Hy Di là bậc thầy quan sát tướng mạo nói: "Vị quan nọ tướng quý, nhưng trước và sau con người không tương ứng, nên tướng bị phá".

Nếu tướng mặt xấu, mà xương gáy hài hòa cũng là tướng tốt.

Về các loại xương gáy có người nói có 18 loại, có người lại cho rằng có 23 loại. Một số sách vở ghi: xương gáy có 35 loại, vị trí không giống nhau, hình trạng cũng khác nhau, do đó mức độ giàu sang cũng có nét riêng.



Bản đồ Ngọc Chấn

Cách xem xương ngọc chằm

- 3 xương tròn đều, gọi là Tam Tai chằm, loại người có thể làm được Tế tướng.

- Bốn xương đều nhô, xương ở giữa cao hơn gọi là Ngũ Nhạc chằm. Người có tướng xương như thế sẽ được phong hầu.

- 2 xương nhọn và nhô, gọi là xương Song Long, có thể làm Đại tướng quân.

- 4 bên đều cao, giữa thấp như cái ao, gọi là Xa Trừu chằm, làm đến Công hầu.

- Nếu có 3 xương thì gọi là Liên Quang Chằm, xương nhỏ có thể ăn bổng lộc trên 2000 thạch, xương to có thể làm Thừa tướng.

- 1 xương cong hướng lên trên gọi là Yến Nguyệt chằm, người như thế có thể làm quan đến công khanh.

- 1 xương gấp khúc, hướng phía dưới gọi là Phúc Nguyệt chằm, có thể làm Thị Lang trong triều.

- 2 xương gấp khúc, đối nhau, gọi là Tướng Bối chằm, có thể làm được quan chức văn võ.

- Xương trên xương dưới rõ rệt gọi là Tam Tinh chằm, có thể làm được các chức phó tướng.

- 4 bên có xương nhô lên, 1 xương có góc, gọi

là Phương chằm, có thể ăn bống lộc 2000 thạch hoặc một chúc quan trong phủ quan Đại thần.

- 1 xương nhô, mà tròn, gọi là Viên Nguyệt Chằm làm chúc quan trông coi cung điện, nhân nhấ.

- 1 xương trên vuông, dưới tròn gọi là Thùy Lộ chằm có thể làm đến Viên Ngoại lang.

- Trên dưới tròn mà dẹt, giống như cái chậu gọi là Ngọc Tôn chằm, có thể làm công khanh, xương nhỏ có thể làm chúc Lại.

- 2 xương gấp khúc dựa vào nhau gọi là Bối Nguyệt chằm, rõ ràng tướng quý.

- Nhất Tự chằm, còn gọi là Xuất Phúc chằm. Rất trung thành, tin tưởng, tôn quý, tính tình cương nghị.

- Hồi Hoàn chằm, cha con đều vinh hiển, làm nên. Tả Trường chằm, Tả Tán chằm, Hữu Tán chằm, cả ba loại xương này không quý chỉ có thọ.

- Tam Quan chằm, trong gia đình có nhiều người giàu có, sang trọng.

- Liên chằm, còn gọi là Liệt Hoàn chằm nối liền với xương Ngọc đường sau tai chỉ người, sang trọng, sống lâu, nhưng tính tình bất thường.

- Kê chấm chỉ người tính tình thô bạo, cứng rắn theo ý mình.

- Sơn Tụ (chữ Sơn) chấm, còn gọi là Hoành sơn Nhất Tụ chấm, chỉ người thành thật, tin tưởng, thành đạt, sang trọng, cương nghị.

- Tuần Châm chấm chỉ người sang nhưng nghèo.

- Thủy Châm chấm, còn gọi là Ngọc chấm, sống lâu.

- Khuất Tôn chấm chỉ người thành đạt có lộc nhưng không làm quan.

- Thượng Tụ (chữ Thượng) chấm, chỉ người chí cao gan lớn, thành bại đều có cuối cùng sang nhưng làm quan chức nhỏ thôi.

- Yêu Cổ chấm, nói lên sự thành bại, có sang nhưng có thể có, có thể không.

- Châm Chữ Đinh (Đinh Tụ chấm) chỉ tính tình rộng rãi, có tướng quý.

- Sơn Tụ chấm, chỉ người thông minh, phú quý, trường thọ.

- 1 xương tròn 1 xương vuông gọi là Diệp Ngọc chấm chỉ người giàu có, quang vinh.

- Xương cao, sắc nhọn, gọi là Tượng Nha chấm (xương răng voi), chỉ người có quyền binh, tướng quý.

- Xương cao chia làm 4 góc, gọi là xương Huyền trâm có thể làm quan võ.

- Xương ngang bị cắt gọi là xương Nhất Dương, chỉ người rất giàu sống lâu.

Các nhà nhận xét tướng mạo cho rằng, trong tướng xương, chỉ cần có một loại tướng xương trong các loại xương sau đầu đã nói ở trên là tốt, đương nhiên càng nhiều càng tốt, "Người có xương Ngọc Chấm đều có lộc và sống lâu". Xương sau đầu nằm dưới một chút về phía não thì nghèo hèn.

Tương quan với tướng xương đầu là tướng đầu. Các nhà nhận xét tướng mạo cho rằng, đầu phải hợp với thân. Đầu có hàng trăm cái xương là nơi quần dương hội tập, là quê hương của Ngũ hành chính tông. Sách viết: "Muốn xem tướng người, trước hết phải xem tướng đầu. Đầu của con người làm chủ ngũ tạng, điều khiển thân thể. Đầu mà không có cấu tạo xương khác thường, khó có thể quý". Đầu cao mà tròn, hình như vòm trời, tuần tú viên mãn, đức nghiêm chỉnh, không dao động, thường làm người cầm quyền. "Những người có tướng đầu như thế là tướng phú quý. "Đầu nhọn, nhỏ, khuyết lõm, nghiêng, gian tà bất chính, đó là tướng bần tiện chết non. Xương đầu đầy đặn, cao

mà không nhô, ngắn, nhọn là tướng quý; da đầu dày, là người no đủ giàu có, nhiều điều tốt lành; da đầu mỏng thì bần tiện khổ sở; da đầu màu đỏ, gặp nhiều tai nạn, hung ác; đầu nghiêng về hữu thì mẹ chết trước; đi trên đường mà đầu nghiêng, ngồi mà cúi đầu thì tướng bần tiện. Đầu và thân phải cân bằng với nhau, thân nhỏ mà đầu to, thân to mà đầu nhỏ đều không phải là tướng tốt.

Căn cứ vào hình dáng tướng mạo ngũ hành, đầu chia làm lấy loại hình dạng như sau:

+ *Đầu trâu*: Đầu trâu là trán rộng, xương đỉnh đầu bằng, Sơn lâm, Nhật giác, Nguyệt giác nổi.

+ *Đầu hổ*: To, tròn, cung Quan Lộc đóng trước trán, xương to thẳng đứng, nhô lên, mắt tinh, miệng đặc biệt rộng, thần mắt có uy. Người đầu hổ thì làm quan võ, đồng thời có thể thăng chức cao nhanh. "Hổ đầu cao khởi, phúc lộc vô ti" (Đầu hổ cao, phúc lộc không thể nào sánh được) nếu là đầu hổ, hàm như cánh én, đàn ông nhất định làm đến Tể tướng.

+ *Đầu chó*: đầu nhọn và tròn, nói không ra hơi. Sách có viết: "Đầu chó nhỏ tròn, suốt đời đau thương".

+ *Đầu rồng nào rồng*. Xương đầu to nhô vọt lên như đầu rồng. Đình như gộp mọi thứ lại.

Xương Ngọc chấm như một chuỗi hạt ngọc song song trời lên, rất đẹp. Người có đầu rồng, óc rồng làm ăn phát đạt, cũng là người có tướng thông minh, làm nên sự nghiệp, quyền cao chức trọng, mọi người khâm phục, địa vị cao, ai cũng hâm mộ.

+ *Đầu hươu*: đầu dài thanh tú, ý chí mạnh, kiên nghị, không khuất phục.

+ *Đầu rái cá*: ngang rộng, lòng rộng rãi, sống lâu.

+ *Đầu voi*: cao, thể hùng tráng, có phúc, có lộc đồng thời có thể sống lâu.

+ *Đầu tê ngưu*: có uy, không mất phú quý.

+ *Đầu rắn*: đầu bằng, mắt tài lộc.

+ *Đầu giống con thú lạc*: nhọn hoắt, nghèo, cùng khổ, gặp nhiều tai nạn.

Đặc trưng nổi rõ nhất trong tướng đầu là tóc trên đầu. Tóc trên đầu là do khí huyết mà có nên có quan hệ nhiều đến: phú quý, lành dữ, phúc họa, sang hèn.

- Tóc rậm dày thì khí huyết đủ.

- Mềm mại, mượt mà, khí huyết vượng.

- Tóc khô, thì khí huyết yếu.

Tóc ở trên đầu nhỏ, thơm tho thì có đủ 4 thứ: phú, quý, phúc, thọ.

- Tóc khô cứng, dài, đen bẩn, là loại nghèo khổ, bần hàn, chết yếu.

Sách có viết: "Tóc phải dày và nhỏ, ngắn mà mềm mại, đen bóng, có mùi thơm, mới có tướng quý".

Nếu màu tóc ngả sang vàng, nhiều diêm xung khắc; màu tóc đỏ nhiều tai nạn; tóc khô mà cứng thì cô độc; tóc nhiều mà hôi thì bần tiện; tóc xù xoắn thì nghèo khổ; tóc ngắn thì bần tiện; tóc dài thì tính tình hiền hòa; tóc cùn cùn, tính tình độc địa gian tà. Bên cạnh tai không có tóc mai, lòng độc ác. Nếu tóc mai mà lấp cả lông mày rũ xuống trán, thì có nhiều tai nạn; tóc mai thô thì đói; tóc mai khô cong thì lo lắng buồn phiền, chóng già.

Dầu nhỏ tóc dài, khó sống lâu. Nếu tóc kéo dài lấp tai có thể chết đói. Tóc xoắn có thể mang thương tích. Tóc bạc sớm thì hung ác, trắng rồi đen lại là diêm lành. Tóc rậm không làm Tể tướng được.

Có thầy tướng còn nói: Tóc dài bà mà dài quá thân, suốt đời nghèo hèn, suốt đời khổ. Đàn ông nếu tóc dài thì suốt đời lao khổ, không có lấy một ngày nhàn nhả; nếu đầu tóc rậm xù thì ngoan cố và ngu đần. Người tóc dày thì gặp nhiều sự phiền toái, bận rộn về tổ tụng; người tóc đỏ không hợp với binh quyền, mà khó thoát bệnh tật ốm đau; tóc rối, đi phiêu bạt khắp nơi.

Tóm lại, các nhà nhận xét tướng mạo không xem thường tóc mà còn chú ý nhiều đến màu sắc của tóc.

Xương và thịt có liên quan với nhau, cho nên khi nói tướng xương, các nhà xem tướng đều liên hệ giữa thịt với xương.

Phương pháp nhận xét tướng mạo cho rằng tướng thịt phản ánh được tình hình sức khỏe và tính cách con người. Cơ thịt và gân cốt phối hợp với nhau, giống như dương với âm, như nhu với cương, điều tiết lẫn nhau để thích hợp. Cơ thịt mà chắc rắn tỏa hương ấm, da mỏng mịn, sắc da trắng mát thì tốt. Nếu cơ thịt thô cứng thiếu hương thơm, tính tình sẽ đơn độc. Da đen mà hôi hoặc ít thịt, người như thế đều không có tương lai. Mặt đầy, thịt ngang thớ, thì tính tình hung bạo. Sách xưa có

viết: "Người cao gầy yếu thì thần chẳng đủ", "Thịt ngang thớ thì tàn bạo, hiện rõ hung dữ và giết người. Cái gọi là "tàn bạo, hung dữ giết người" là một trong "Ngũ ác sát" rất hung ác. Mặt gầy gò, quắt queo, vận khí có nhiều trở ngại. Người gầy thịt thiếu, xương giòn, đây là tướng gặp nhiều tai nạn, thiếu phúc. Người béo, xương chim, thịt nhiều, là tướng trì trệ làm ăn không phát đạt; thần khí chẳng rõ ràng, gân nổi, xương giòn, thịt không dính vào cơ thể, da không hợp với sắc thịt thì không thể khoẻ được. "Thịt có mùi thơm, sắc trắng mịn trơn tru, thì tướng đẹp".

Đời xưa có một bài thơ nói về thịt.

"Cốt nhục tế hoạt như dãi,

Hồng bạch quang nghi phú quý lai.

Sùu chúc như cầm kiếm hữu mãn,

Nhất sinh chung thị thiếu hung tai.

Nhục khản bì thô tối bất thậm,

Cấp như bồng cổ mệnh nan trường.

Hắc đa hồng thiếu tu đa trệ,

Biến thể sinh quang tinh cấp cương.

(Dịch nghĩa: Thịt xương trơn tru như râu,

Sắc trắng hồng thì phú quý sẽ đến.

Thịt xương đẹp như gấm, sờ vào ấm áp

Người có thịt xương như thế cả cuộc đời ít gặp tai nạn.

Thịt ít, da sần sùi thì nghèo, không có gì.

Da căng, thịt giãn như mặt trống thì số mệnh ngắn ngủi.

Da đen, hoặc màu đỏ nhạt thì làm ăn ỳ ạch.

Toàn thân tỏa sáng, tỉnh tỉnh cứng rắn):

Tướng thuật đi tìm sự hoà hợp giữa thịt và xương của con người, với tướng mệnh, điều đó cũng phù hợp với bệnh lý Đông y và thuật dưỡng sinh. Hiện nay do cuộc sống khá giả, nhiều người béo lên, mình tròn, nhiều thịt, đi đứng ỳ ạch. Đối với thân thể thịt nhiều hơn xương là âm thắng dương, điều này không tốt.

IV. TƯỚNG MẶT

Từ trước, tướng thuật truyền thống đã chia tướng mặt làm 2 phần:

1. Quan sát mặt để dự đoán vận mệnh.
2. Quan sát cả mặt lẫn hình.

Mặt là biểu hiện dung mạo, tinh tế hơn nó còn biểu hiện sức khỏe và nội tâm của con người. Do đó, các nhà tướng thuật rất xem trọng tướng mặt.

Xem xét lịch sử tướng thuật thì tướng mặt là nguồn gốc của tướng thuật.

Thời kỳ Xuân Thu (năm 770 đến 403 trước CN) ở Trung Hoa xem tướng người, chủ yếu vẫn là nhận xét tướng mặt. Sách "*Tả truyện*" có chép: "Thầy tướng Thúc Phục nói với Công Tôn Ngao rằng: "Trán bằng, đầy đặn thì có hậu vận. Ông là người có tướng như thế, cuối đời còn lo gì"

Tam Tài trên mặt thể hiện điềm cát, hung, được, mất của con người.

Trên mặt có: Ngũ nhạc, Tứ độc và Tam đình.

Ngũ nhạc (là năm gò), Tứ độc (là 4 đường rãnh) và Tam đình đầy đặn, dung mạo đoan chính. Đây là cơ sở của phú, quý, không thể xem thường.

Nếu 5 bộ phận giác quan trên mặt tỏ ra gian tà bất chính, xảo trá hiểm ác, mặt toát ra hôn khí là tướng nghèo, hèn.

Còn tướng quý, báo trước gặp được điềm cát thì sắc mặt phải như bạch ngọc, trông sáng, hòa nhuận. Mọi người đều mến mộ, muốn gần gũi những người có bộ mặt như thế này.

+ *Tướng mặt xấu.*

- Sắc mặt đỏ như lửa thì sống yếu, chết sớm

- Sắc mặt ủ dột thì âm đạm, nghèo hèn.

- Sắc mặt tái xanh, trong lòng mang nhiều thù hận.

+ *Tướng mặt đẹp* (có phú, quý, phúc, lộc):

- Mặt nhu khuôn trăng đầy đặn, thanh tú, có thần thái: đàn ông làm đến công hầu khanh tướng; đàn bà làm hoàng hậu, phu nhân.

- Mặt đầy đặn, sắc tươi, đàn ông thì vinh hoa phú quý; đàn bà thì hiền hậu, có chồng quyền cao chức trọng.

- Sắc mặt xanh, trên dưới cân đối, mắt sáng, mày dài, môi hồng, mũi cao, tai to là người thông minh hiền triết: đàn ông có "hàm" có "vị"; đàn bà là cánh tay đắc lực cho sự nghiệp công danh của chồng con.

Từ đại thể các loại tướng mặt xấu, quý kể trên, một nhà tướng thuật có trình độ phải khổ công quan sát tỉ mỉ, nhận xét cẩn thận biểu hiện của 5 giác quan trên mặt con người, sau đó mới tổng hợp lại, đánh giá cái quý, cái xấu để đi đến những dự đoán chuẩn xác. Học thuyết tướng mặt có nhiều loại tùy theo môn phái, đại khái có mấy loại dưới đây:

1/ Phái Ngũ tinh (dựa vào 5 giác quan trên mặt)

a. Ngũ tinh:

1. Hòa tinh là trán:

Trán rộng, cao chỉ những người có tướng đông con, giàu có, học giỏi, sống lâu, có địa vị. Những người như thế yêu văn học nghệ thuật, tôn kính cha mẹ.

Trán hẹp, gồ, có nhiều đường văn là sao Hòa bị hãm, người như thế nghèo, ít con cái, ít anh em, vợ con ăn tàn phá hại, suốt đời cực khổ.

2. Thổ tinh là mũi:

Mũi phải thẳng, đầy đặn, dày, không to không nhỏ, không quắt queo, lỗ mũi không hếch thì trực tính, công bằng, sống lâu. Những người như thế là sao Thổ không bị hãm nên có phúc, lộc, thọ.

3. Kim tinh là tai phải.

4. Mộc tinh là tai trái.

Hai vành tai rõ ràng, cao, đứng thành, là người có tướng quý, làm quan.

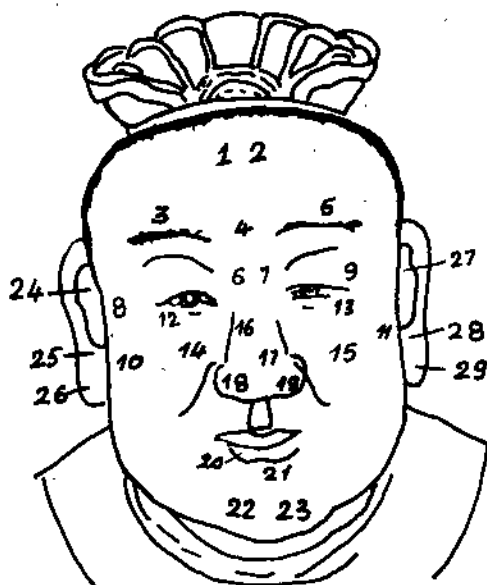
Hai bờ tai đầy đặn, không khuyết là tài trí hơn người, của cải tụ không tán.

Nếu 2 tai nhỏ, vành tai hẹp thì lúc đầu có làm nên sự nghiệp đến cuối đời vẫn bị nghèo.

Hai tai hồng tươi, đầy đặn thì có phúc, có lộc.

- 1 - Hoành Sơn
- 2 - Nam Nhạc
- 3 - Kế đồ
- 4 - Hoả Tinh
- 5 - La Hầu
- 6 - Tử khí
- 7 - Nguyệt bặc
- 8 - Tây nhạc
- 9 - Đông nhạc
- 10 - Hoa sơn
- 11 - Thái sơn
- 12 - Hà
- 13 - Hà
- 14 - Thái dương

- 15 - Thái Dương
- 16 - Cảo Sơn
- 17 - Trung Nhạc
- 18 - Thổ Tinh
- 19 - Tể
- 20 - Thủy tinh
- 21 - Hoài
- 22 - Hằng sơn
- 23 - Bắc nhạc
- 24 - Mộc tinh
- 25 - Giang
- 26 - Nguyên Chu
- 27 - Kim tinh
- 28 - Giang
- 29 - Nguyên Chu



Hình vẽ Ngũ Tinh, Ngũ Nhạc, Lục Diệu, Tú Đốc

Hai tai phải cân xứng, nếu hai tai không đều nhau tai nhỏ tai lớn thì không đỗ đạt, nghèo.

5. Thùy tinh là miệng.

Thùy tinh còn có tên gọi là Nội học đường.

Người miệng đỏ tươi, răng đều, màu trắng ngà thì học hành giỏi giang, đỗ đạt, có bổng lộc. Nếu răng ló xô, khấp khểnh là tướng nghèo hèn.

b. Lục diệu.

1. Tử khí chỉ Ấn đường (ở giữa hai mày).

Ấn đường phải ngay ngắn, phát ra ánh sáng, tỏa hào quang. Người có tướng như thế thì luôn luôn lạc quan, tương lai sáng sủa.

Nếu Ấn đường rõ ràng, không có đường văn thẳng, tròn như viên ngọc, người như thế là quý. Nếu Ấn đường có sắc trắng như bạc là tướng đại phú quý; vàng thì đủ ăn. Nếu Ấn đường hẹp, không đều, ẩn nét văn thì không lành, ít con cháu, không có thế lực, không có lộc, ruộng vườn nhà cửa bị phá tán.

2. La hầu chỉ mày trái.

3. Kế đô chỉ mày phải.

Hai bên mày phải cân đối, dài, mới là tướng quý.

Hai bên lông mày không được giao nhau, ngược lại sẽ gặp nhiều điều thương cảm, người thân cũng bị liên lụy. Nếu khí sắc u trệ, phải đề phòng sự không may.

Ấn đường mà bằng phẳng, đầy đặn, sáng sủa thì tương lai tươi sáng.

4. Nguyệt bột chỉ Sơn căn:

Sơn căn phải bằng phẳng, đầy đặn, không có nốt ruồi ở giữa mới là tướng quý. Nếu sơn căn từ Ấn đường thẳng xuống thế là bị sao Nguyệt bột chiếu mệnh, cũng là Sơn căn bị hãm con cháu sẽ không gặp điều lành, nhiều tai họa, học hành không nên, sản nghiệp bị phá.

5. Thái dương chỉ mắt trái.

6. Thái âm chỉ mắt phải.

Nếu mắt phát ánh sáng, đồng tử đen nhánh thì có lộc và quý. Mắt xanh đen, sức khỏe suy nhược, là người có bệnh tật. Sách xưa còn viết: "Thái âm, Thái dương là mắt, phải đen trắng phân minh. Hai mắt phải dài, đen mà sáng, trắng nhưng không trắng dã. Những người như thế thì nhự được 2 sao Thái âm, Thái dương chiếu mệnh, làm việc gì cũng thuận, đó là tướng quý. Còn đen ít, trắng nhiều

sản. Bắc nhạc nhọn và hãm thì sự nghiệp không thành. Đông nhạc, Tây nhạc mà lệch thì không có uy thế, tâm tính ác độc.

Ngũ nhạc phải đầy đặn, bằng phẳng mới là tướng quý.

2. Phái Tứ Độc

1/ *Tai* là Giang độc, phải sâu rộng, vành tai đứng, có thành quách người như thế thông minh gia nghiệp đẹp tốt.

2/ *Mắt* là Hà độc, phải sâu, to, tỏa sáng thế mới là tướng quý; người như thế thông minh, sống lâu.

3/ *Miệng* là Hoài độc, phải ngay ngắn, rộng, răng đều đặn, môi tươi, không quá dày cũng không quá mỏng đó là tướng quý giàu sang, sống lâu. Nếu ngược lại, tướng xấu, chết yếu, vô phúc.

4/ *Mũi* là Tể độc, phải cao, đầy đặn, không lộ, lỗ mũi không rộng không hẹp. Người có tướng như thế, nhà rất giàu có.

Trên đây là quan niệm về tướng mặt của tướng thuật phương Đông. Ở phương Tây trước khi có tướng thuật, các nhà nghiên cứu khoa học nhân dạng đã bàn và nói nhiều về tướng mặt và đều nhất

(trắng dã), lúc vàng lúc đỏ là người bị Thái âm Thái dương hãm sẽ gây họa cho cha mẹ vợ con, gia sản bị phá, gặp nhiều tai họa, chết sớm".

c. Ngũ nhạc.

1. Trung nhạc:

Phải cao mới có tướng quý, nếu thiên lệch thì không có thể, tướng xấu.

2. Đông nhạc:

Phải cao, cân xứng với Tây nhạc thì thọ.

3. Tây nhạc:

Phải cân xứng với Đông nhạc.

4. Bắc nhạc:

Nếu nhọn, hẹp là tướng xấu, sự nghiệp không thành, suốt đời hèn.

5. Nam nhạc.

Phải ngay ngắn, phân minh mới là tướng quý. Nếu lệch thì gia tài bị phá tán.

Ngũ nhạc phải kết hợp hài hòa với nhau. Nếu Trung nhạc cao, Đông nhạc thấp thì không có thể lực, bần tiện, tiểu nhân, không thọ. Nếu Trung nhạc bị lệch, mỏng thì không có thể, thấp hèn. Nam nhạc nghiêng về một bên thì gia tài bị phá

trí: phân tích khuôn mặt của một người là giải phẫu tâm lý người đó qua những nét kín đáo, tiềm ẩn trong khuôn mặt.

Khuôn mặt dưới con mắt của các nhà nghiên cứu nhân dạng là một tổng hòa sắc diện. Các giác quan trên khuôn mặt quá u tinh tế vì thế nhiều nhà khoa học dày công nghiên cứu vẫn thấy còn nhiều bí ẩn.

Ví dụ: Những người có trán rộng không phải ai cũng thông minh tài trí. Ngược lại, trán nhỏ nhưng đường nét từ đỉnh trán đến sống mũi rất thẳng thì hoạt động tinh thần của người đó sâu sắc, đa mưu túc kế.

Các nhà tướng thuật còn chia ra tướng mặt mở và tướng mặt khép.

Người có tướng mặt mở theo các nhà nhận xét nhân dạng phương Tây là người có đôi mắt tươi cười, mũi mấp máy, môi mở rộng. Khuôn mặt linh hoạt, sống động. Khuôn mặt như thế luôn biểu lộ sự vui mừng, như người mở nội tâm, để người khác vui chung.

Biểu lộ sắc thái trên khuôn mặt của "tướng khép" trái ngược với "tướng mở".

Người có tướng mặt "khép" hay còn gọi là tướng mặt "nghỉ ngơi" thì khuôn mặt lúc nào cũng trầm mặc lãnh đạm.

Từ những lập luận của các nhà tướng thuật phương Đông cũng như phương Tây, gần đây các sách nghiên cứu nhân dạng nhất trí có các loại khuôn mặt ứng với các loại tướng mặt như sau:

1/ Khuôn mặt Thái dương

Mặt hơi nhỏ, thon, đầy đặn, nhiều thịt. Cằm hơi nhọn. Môi mỏng, ít mím. Mũi hơi quặp. Mắt trong xanh, ngời sáng, mở rộng. Trán cao, rộng. Người có khuôn mặt như thế này thông minh, sáng tạo, suy nghĩ trong sáng, nhân từ, nhạy cảm.

2/ Khuôn mặt Thái âm.

Mặt tròn, khuôn mặt như trăng rằm. Đường nét nổi, nhiều thịt, dày mỡ. Mũi ngắn, tẹt, hoặc hếch. Mắt trong, tròn, mi trên giơ, miệng hé mở, mép cong. Trán to, hình vòng cung, tóc mai rất ít.

Những người có khuôn mặt này thụ động, thờ ơ, hoang tưởng, triền miên trong mộng tưởng, nghèo kiến thức, tính tình hay thay đổi, tiền hậu bất nhất. Một con người ít ai muốn gần.

3/ Khuôn mặt Hòa bình

Khuôn mặt xương xương, thô kệch. Lưỡng quyền giơ, mũi gầy, quắp. Cằm to, vuông. Trán thấp. Mắt lươn, mày gầy, môi mỏng, mép cong. Sắc thái tỏ ra

có nghị lực. Mẩu người này có tướng gan dạ, hiếu chiến, có những hành động liều lĩnh, hành động thiếu suy nghĩ, ngang ngạnh, dễ bị kích động.

4/ Khuôn mặt Kim tinh.

Khuôn mặt này hình trái xoan, mềm mại, tròn, nhiều thịt. Má đầy đặn. Miệng rộng, môi dày, mũi lõm, rộng. Mắt to sáng, tươi tắn, lông mi dài. Cằm tròn, má lúm đồng tiền. Khuôn mặt này thiên về nữ tính. Tính tình điềm đạm, dịu dàng, dễ hòa mình vào nếp sống gia đình cũng như xã hội. Con người này phúc hậu, dễ thành mẹ hiền vợ quý. Nếu là đàn ông thì thụ động, không có óc sáng tạo, tỉ mỉ, yêu đời. Có số đào hoa, giàu tình cảm.

5/ Khuôn mặt Âm tinh

Khuôn mặt thô, nặng nề. Má bầu, rộng, phình phình. Trán hẹp. Mặt hình thang. Người có tướng mặt này là người thực tế, hành động, ít nói, tự nhiên, không kiểu cách, giàu ý chí. Nhìn chung nặng nề.

6/ Khuôn mặt Thủy tinh

Khuôn mặt này có nhiều nét dịu dàng. Mặt hình tam giác, cằm nhọn. Môi mỏng, mũi nhọn, dài. Mắt nhỏ, lúng liếng. Trán tròn. Khuôn mặt này là ứng

vào tướng mặt của những người thông minh, nhanh nhẹn nhưng thiếu kiên trì, kém kiên nhẫn.

7/ Khuôn mặt Mộc tính

Mặt rộng, nhiều thịt, hình chữ nhật. Trán rộng hình vòng cung. Mày ngắn, mắt sáng luôn mở to, chăm chú, nhân từ. Mũi ngắn, môi dày, hai cằm. Có má lúm đồng tiền. Người như thế này ham làm việc, chịu đựng tốt. Nhân ái, thực tế, khôn ngoan.

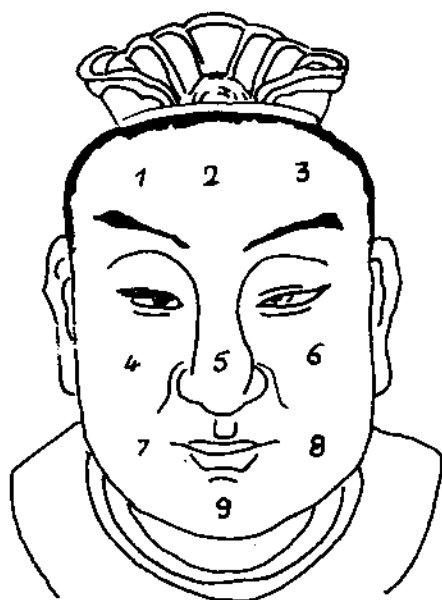
8/ Khuôn mặt Thổ tính

Đây là khuôn mặt tương phản với khuôn mặt Mộc tính. Mặt dài, hẹp; mũi mỏng, nhưng ngay ngắn; mắt sâu, ánh mắt buồn bã. Trán cao, lõm. Miệng nhỏ, môi như ẩn sâu. Những người có khuôn mặt như thế này thường bị quan, yếm thế, thiếu đầu óc tiến thủ, do dự, e lệ, nhưng nội tâm sâu sắc, kín đáo, ít thổ lộ, thích sống cô đơn, khép kín, ngại giao tiếp.

Người nào có 2 sao Kim, Mộc chiếu mệnh, thì phát lộc rất sớm, rất tốt, ngược lại, nếu nghiêng, hẹp, hoặc lớn hoặc bé, như bị 2 sao Kim, Mộc hãm, người đó tổn hại điền trạch, tiền tài bị phá, vô học thức.

Tướng thuật cho rằng, xét tướng mặt phải xét đến Lục phủ, Tam tài, Tam đình.

- 1- Thượng phủ thiên thương
- 2 - Thiên thượng đình
- 3 - Thượng phủ thiên thương
- 4 - Trung phủ xương lưỡng quyền
- 5 - Nhân trung đình
- 6 - Trung phủ xương lưỡng quyền
- 7 - Hạ phủ xương má
- 8 - Hạ phủ xương má
- 9 - Địa hạ đình



Sơ đồ Lục Phủ - Tam tài - Tam Đình.

* Lục phủ: gồm có 2 xương phụ, 2 xương lưỡng quyền, 2 xương má. Người xưa xem lục phủ tương ứng với nước, lửa, kim khí, gỗ, đất và lúa gạo; là căn bản sinh tồn của loài người.

Lục phủ phải ngay ngắn, đầy đặn, cao thì cả đời mới giàu sang, đầy đủ, thịnh vượng. Nếu Thiên thương tuần tú thì nhiều tài lộc, địa các vương thì nhiều ruộng, nếu chưa đủ thì không có phúc lộc.

* Tam tài: Đây là một loại quan niệm cơ bản của người xưa đối với thế giới. Trời, đất và con người có liên quan đến nhau nên phải hài hòa với nhau. Quan niệm về Tam tài trong tướng thuật được xem như con người có thể thì mới vượng và thọ. Hình hài như đất, phải vuông, rộng mới giàu có.

* Tam đình là ba phần của mặt: thượng, trung và hạ. Từ đầu xuống đến mày là thượng đình, giữa mày và mũi là trung đình, từ Nhân trung trở xuống là hạ đình. Tam đình tương đương với vị trí Tam tài. Thượng đình như trời, Trung đình như người, Hạ đình như đất. Các nhà nhận xét tướng mạo cho rằng: Thượng đình dài, nở nang, vuông, rộng thì là tướng quý; Trung đình nhô cao là sống lâu, Hạ đình vuông đầy đặn, ngay ngắn thì giàu có.

Thượng đình nhọn, hẹp cả đời phạm tội, gặp

nạn, sống nghèo hèn.

Trung đình ngắn, nhỏ là người biến lận, bất nhân, bất nghĩa, thiếu tri thức, giữa cuộc đời tan nát.

Người mà Hạ đình dài, nhọn, mỏng, suốt đời không có nhà mà ở, nghèo khổ kiệt lực.

Tam đình đều nhau là tốt nhất, đó là người có tướng quý. Tam đình không đều nhau thì cô độc, yếu tướng, bần tiện.

Tam đình còn biểu hiện Tam chủ. Thượng đình là Sơ chủ (đầu đời), Trung đình là Trung chủ (trung niên), Hạ đình là Mạt chủ (cuối đời).

Tam đình có mười ba bộ phận, là 13 phần cơ bản làm thành một đường xuyên suốt từ đầu đến cằm. Trước trán có 4 bộ phận: Thiên trung, Thiên đình, Tu không, Trung chính.

Ấn đường là bộ phận giữa 2 mày hợp với cung quan lộc.

Giữa 2 mắt là Sơn căn.

Ngũ nhạc chia làm Niêm thượng và Thọ thượng.

Giữa mũi là chuẩn đầu.

Dưới mũi là Nhân trung.

Miệng là Thủy tinh.

Dưới môi là Thừa tướng.

Trên dưới cằm là Địa các.

Các nhà nhận xét tướng mạo cho rằng phản ánh được 13 bộ phận này vẫn chưa đủ "sự tinh vi" thần bí của tướng thuật. Cuối cùng họ chia ra 100 bộ phận nhỏ.

+ Thiên Trung: Thiên nhạc, Tả sương, Nội phủ, Cao quảng, Xích dương, Vũ khố, Quân môn, Phụ giác, Biên địa.

+ Thiên Đình: Nhất giác, Long giác, Thiên phủ, Phòng tâm, Thương mô, Tú ngạo, Thành đường, Dinh mã, Điều đình.

+ Tư Không: Ngạc giác (Trán) Thượng khanh, Thiếu phủ, Giao hữu, Đạo trung, Giao ngọc, Trùng mô, Sơn lâm, Thánh hiền.

+ Trung Chính: Long giác, Hổ giác, Ngưu giác, Phụ cốt, Ngưu giác, Phủ kinh, Hoa cái, Phúc đường, Thái hà, Giao ngoại.

+ Ấn Đường: Giao tiên, Tam bảo, Lâm trung, Tùu tuần, Tinh xá, Tân môn, Kiếp lộ, Thượng lộ, Thanh lộ.

+ Sơn Căn: Thái dương, Trung dương, Thiếu dương, Ngoại dương, Ngũ vĩ, Gian môn, Thần

quang, Thiên thương, Thiên tình, Thiên môn, Huyền vũ.

+ Niên Thượng: Phu tọa, Trường nam, Trung nam, Thiếu nam, Kim qúi, Cấm phòng, Tiệp tặc, Du quân, Thư thượng, Ngọc đường.

+ Thọ Thượng: Giác qúi, Qui lai, Đường thượng, Cô di, Tỉ muội, Huynh đệ, Ngoại sinh, Mệnh môn Học đường.

+ Chuẩn đầu: Sĩ thương, Cung thất, Khúc ngự, Viện thương, Hậu các, Vũ môn, Bình tốt - Ấn thao, Đình úy, Lan đài.

+ Nhân trung: Tinh bộ, Tướng hạ, Tế trù, Nội các, Tiểu lại, Chi đường, Bái sĩ.

+ Thủy tinh: Các môn, (Bác lân) Khách xá (Bình lan), Thượng lữ, Sơn đầu.

+ Thừa tướng: Tổ trạch (Lâm uyển) Hạ mộ, (Trang điền) Tùu trì, Giao quách.

+ Địa các: Hạ trạch, (nô tỳ), Đốc ma, Khanh khiếm, Bì trì, Nga áp.

"Ý nghĩa tinh tế" về số mệnh học của hơn 100 bộ phận trên được giải thích tỉ mỉ.

Ví dụ: đối với Long giác, có sách nói: "Chủ

quyền của Long giác đứng ở vị trí "Quý", còn có tên là Phiên giác, nếu xương thịt đẹp, mày dựng lên, gáy bồm rỗng, làm quan hiển hách, còn để lại ân đức cho con cháu. Nếu thịnh vượng, ngồi vị trí quan chức. Nữ cũng quý, sắc đỏ thì được vua phong vương phi, sắc xấu thì không tốt"

13 bộ phận và hơn 100 chi tiết đều có hàm nghĩa lạnh dữ. Các nhà nhận xét tướng mạo cho rằng lúc quan sát các bộ phận nên kiểm tra tỉ mỉ, khảo sát tổng hợp, không thể căn cứ vào một bộ phận là tốt là xấu mà kết luận ngay. "Phàm tướng mạo của một bộ phận có thể tốt, lạnh, có thể dữ. Không thể xem mỗi bộ phận như một bức tranh vô động cứ thế cho đến suốt đời, cho nên khi xem tướng mạo không nên đi quá, mà cũng đừng rút rè, phải linh hoạt, nhìn hình thể thấy được cái "thần", nhìn con mắt là xét mày, nghe tiếng đoán được xương, thấy bước đi mà đoán dáng ngồi, nghiệm đường văn mà biết nốt ruồi, thấy khí là hiểu sắc, cử chỉ động tĩnh, không có qui luật nào cho tướng mạo cả. Hung ác, lạnh dữ, đẹp và ác khó phân rõ. Quan điểm này một lần nữa muốn nhấn mạnh: phải nắm vững cái lớn, biết tổng quát khi nhận xét tướng mạo.

Mỗi một vị trí trên mặt đặc biệt là 5 giác quan đều ứng với một "cung" trong số mệnh con người.

12 CUNG VÀ 5 GIÁC QUAN.

* 12 cung là: Cung Mệnh, Tài bạch, Huynh đệ, Điền trạch, Nam nữ, Nô bộc, Thê thiếp, Tật ách, Thiên di, Quan lộc, Phúc đức, Tướng mạo.

* 5 giác quan:

- Mắt: Giám sát quan
- Miệng: Xuất nạp quan.
- Mũi: Thẩm biện quan.
- Tai: Thái thính quan.
- Mày: Bảo thọ quan.

12 cung nguyên là thuật ngũ thiên văn, diễn đạt sự vận hành theo vòng hoàng đạo của mặt trời và mặt trăng, vị trí có qui luật hợp với 12 tháng mỗi năm.

5 giác quan, dùng để biểu thị 5 cơ quan của hình thể con người hoặc 5 loại quan chức chủ yếu của chế độ quan lại đời xưa. Hầu hết phương pháp nhận xét tướng mạo đều dùng những thuật ngữ này, chính là để thể hiện ý nghĩa số mệnh khi nhận xét tướng mạo của các bộ phận quan trọng cùng với tư tưởng triết học: lẽ trời đất nhất trí hòa hợp với Nhân đạo, Thiên đạo của đạo Nho.

Sách xưa có nhiều quyển nói đầy đủ tường tận

về ý nghĩa hình thể tướng mạo và vị trí cụ thể của 12 cung.

1. Cung mệnh: Nằm ở Ấn đường (giữa 2 mày). Nếu sáng sủa như gương thì thông học vấn, Sơn căn bằng và đầy, thì phúc đức và sống lâu; Thổ tinh nhô thẳng, hợp với sao Cửa cái (Tài tinh). Sẽ có cửa, nhiều tiền.

Trán như chữ Xuyên (), mệnh ở sao Dịch mã thì phú quý song toàn, nếu trán lõm và chìm thì nghèo hèn. Mày giao nhau thì hèn, xa quê hương, xung khắc với vợ. Trán hẹp, mày khô, thì phá cửa, bạo ngược.

2. Tài bạch: Mũi là Tài tinh (sao cửa cái). Người có mũi nhô cao, thẳng, cả đời giàu có. Giàu nhưng không bất chính. Còn những người có mũi cú vọ, quặp như mỏ chim ưng thì phá cửa, nghèo hèn, không chịu học hành, chẳng làm nên sự nghiệp.

3. Huynh đệ: là La Hầu và Kế Đô, nằm ở hai mày. Mày thưa, xanh đẹp đỏ là tướng như trăng mới lên, là bậc siêu quần. Nếu mày thô, ngắn, chẳng khác gì chim nhận bay mỗi cánh không có chỗ đậu, người có cặp mày như thế làm việc gì cũng uống công. Nếu lông mày xoắn, màu vàng thì anh em ly tán, tha hương, chui rúc như chuột.

4. Diên Trạch: nằm ở hai mắt

Tối kỵ là có nhiều mạch máu đỏ ở lòng trắng mắt, những người mắt nhiều tia máu ngay lúc bé đã nghèo hèn. Mắt đen như mắt cá, suốt đời giàu có. Mắt phượng mày cao thì nhiều tiền của. Mắt rục lên như lửa, những người như thế của cải mất hết.

5. Tình duyên: Vị trí ở dưới mắt

Dưới 2 mắt có Lệ đường (nơi nước mắt thường đọng lại) đầy đặn, tụ không tán thì nhân duyên hòa hợp, con cháu phú quý. Nếu Lệ đường sâu hẹp thì tình duyên trắc trở, có thêm nốt ruồi đen thì luôn xung khắc, vợ chồng không hòa hợp.

6. Nô Bộc: nằm ở Địa các (cằm)

Cằm tròn đầy đặn là tướng quý, gọi một tiếng trăm người hưởng ứng. Miệng vuông là có quyền, làm chủ.

Nếu cằm nhọn, là người phản trắc, chịu ơn không trả còn oán hận. Người cằm nhiều đường vân giao nhau thì tay chân, đầy tớ làm phản, bạn bè trở thành thù địch.

7. Thê thiếp: Vị trí ở Ngu vĩ (đuôi cá) là bộ phận sát với đuôi mắt, còn gọi là Gian môn (cửa gian).

Những người mắt sáng không có tia máu thì lấy được vợ tam tông tứ đức; mắt bình thường không lồi không sâu thì lấy vợ có nhiều của cải vốn liếng, vợ luôn có lộc hoặc tạo lộc cho chồng. Nếu Gian môn sâu, hẹp, ti hí, đàn bà thì dâm dăng, đàn ông hoa nguyệt luôn thay đổi vợ.

Mắt hôn ám thì có chuyện sinh ly.

Đuôi mắt có nốt ruồi đen thì ngoại tình, đa dâm.

8. Tật ách: Nằm dưới Ấn Đường (giữa sống mũi). Người có mũi cao, đầy đặn nhiều phúc lộc, có tài văn chương, sống lâu.

Người có mũi tẹt, hẹp, quắt queo, suốt đời khổ sở, gặp nhiều tai họa.

9. Thiên di: Nằm cuối mày còn có tên là Thiên thương (kho của Trời). Vùng Thiên di đầy đặn có màu sắc sáng sủa thì chẳng phải lo lắng gì.

Người mà Ngư vĩ bằng phẳng, tính nết điềm đạm. Dịch mã dằng dằng, hung phấn thì đi lại giao du với người có quyền cao chức trọng.

- Nếu trán vể phía nào (phải hay trái) mà thấp hẹp thì là tướng xấu, thế nào cũng gặp điều không may. Mày kéo dài đến vùng Thiên di thì số bỏ quê hương, luôn thay đổi chỗ ở, lúc chết mà còn phải

chuyển đi chuyển lại nhiều lần.

10. Quan lộc: Nằm giữa trán hẹp với Cung ly. Nếu cung Quan lộc có sao Phục tễ đóng giữa, người như thế không bị kiện tụng, không phải đến cửa quan. Có Dịch mã qui về thì không lo lắng chuyện quan tu. Được hai điều trên là người có tướng hiển đạt siêu quần.

Người có trán giô thì làm quan gặp nhiều chuyện đấu đá, kiện cáo. Mắt đỏ như mắt cá chày, sẽ chết vì tội đồ.

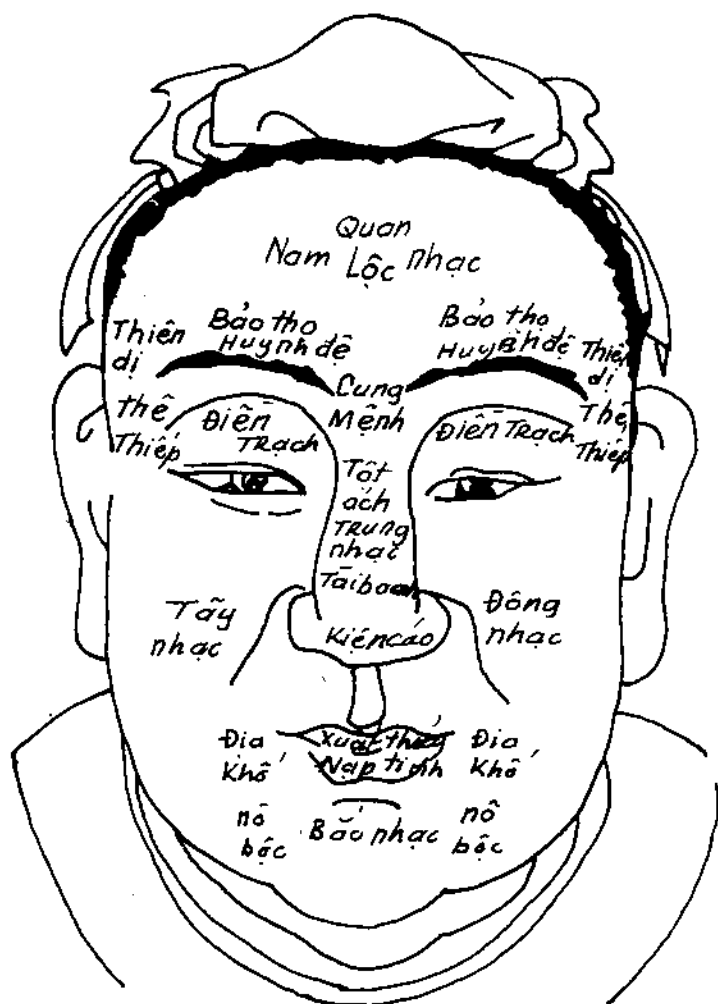
11. Phúc Đức: Nằm ở Thiên thương tiếp liền với Địa các. Nếu người có cung Phúc đức nhiều sao châu về thì phúc lộc nhiều. Nếu người cằm tròn trán hẹp, ngay lúc nhỏ đã khổ. Trán rộng, gò má hẹp nhọn, cuối đời khổ.

Mày cao, mắt lồi thì tâm thường.

Mày ngang tai thì không có phúc lộc.

12. Tướng mạo: Cung này ở dạng tổng hợp, chỉ toàn bộ mặt con người.

Trước tiên phải xem xét Ngũ nhạc, sau đến Tam đình đầy đặn, người như thế vinh hoa phú quý nhiều. Tam đình bằng nhau, suốt đời hiển đạt, uy nghiêm, được người tôn trọng.



Bản đồ 12 cung của 5 giác quan

Trán chỉ thời kỳ đầu, mũi chỉ thời trung niên, Địa các, Sao thủy chỉ hậu vận. Nếu Tam đình xung khắc và hãm là tướng hung ác.

Từ bình diện của bộ mặt con người, 12 cung chỉ phúc họa trong tướng mặt, thì 5 giác quan là bộ phận làm nổi bật sự hung cát của bộ mặt.

THUYẾT TỨ HỌC ĐƯỜNG- BÁT HỌC ĐƯỜNG

Học đường là nói về học thức, có: Tam phụ học đường, Tứ học đường, Bát học đường.

Tam phụ học đường là Thượng phụ, Trung phụ, Hạ phụ, tương đương với Thượng đình, Trung đình, Hạ đình.

Tứ học đường lấy mắt làm Cung học đường, miệng răng làm Nội học đường, trán làm Lộc học đường, tai làm Ngoại học đường.

Bát học đường lấy mày làm Ban dẫn học đường. Mắt là Minh tứ học đường. Đầu là Cao quang học đường. Trán là Cao minh học đường. Ấn đường là Quang đại học đường. Miệng môi là Trung tín học đường, Lưỡi là Quảng đức học đường. Tai là Thông minh học đường.

Các nhà nhận xét tướng mạo cho rằng: Mắt dài

- 1 - Học đường Cao minh
- 2 - Học đường Cao quảng
- 3 - Học đường lộc
- 4 - Học đường Ban duẩn
- 5 - Học đường Quang đại
- 6 - Học đường Ban duẩn
- 7 - Học đường Thông minh
- 8 - Ngoại học đường
- 9 - Ngoại học đường

- 10 - Học đường thông minh
- 11 - Học đường minh tú
- 12 - Học đường minh tú
- 13 - Quan học đường
- 14 - Quan học đường
- 15 - Học đường trung tín
- 16 - Nội học đường
- 17 - Học đường Quảng đức



Bản đồ Tú Học Đường - Bát Học Đường

mà trong, có quan chức. Trán rộng mà dài, sống lâu, làm quan. Miệng tròn, răng dày, trung tín, hiếu, kính; nếu miệng nhỏ, nhiều tham vọng. Tai dày dặn, sáng sủa thì thông minh, nếu tối tăm là người ngu, thô lỗ.

Trong Bát học đường, chữ Thọ ở mày, Quý ở mắt, Phúc ở đầu, Phú ở trán, Quan ở Ấn đường, Lộc ở miệng môi, Đức ở lưỡi, Danh ở tai. Sách xưa có viết: Nếu hàm đàn hát thì không có danh. Học đường mà hăm, Tam đình, Nhân trung mà không ứng thì như tướng không có quân trong triều đình, người như thế làm quan nhỏ, ít bổng lộc.

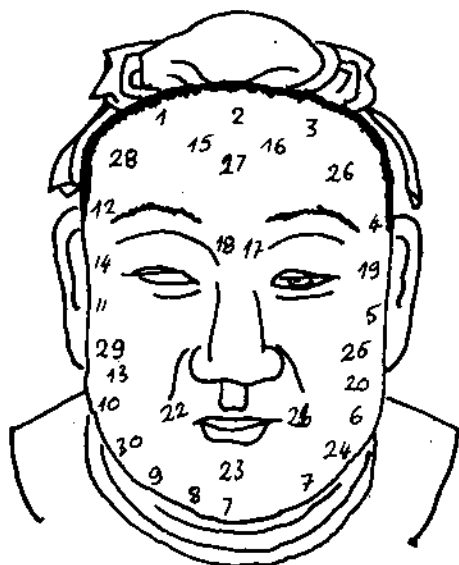
Đạo môn mà màu xanh, nhiều nét vân, mũi đỏ, người như thế có đổ nhiều sức cũng uống công. Nguyệt bột nhọn thì hao tài, lúc còn trẻ đã lưu lạc, gặp nhiều tai nạn, ăn nói kém.

THUYẾT CỬU CHÂU, BÁT QUÁI CÀN CHI

+ *Châu Ung*: tại Càn, nếu cuội lệch bên trái là thấp kém. Càn đứng ở Tây bắc, còn gọi là điểm Thiên môn, nếu có sắc vàng nên cầu quan, làm quan có tài. Sắc trắng là đi xa, phân ly. Sắc đen là làm chuyện bất nhân hoặc lo về bệnh tật. Sắc xanh biếc bị người ám hại, khinh khi. Sắc tím là trong

1 - Tọ
 2 - Ngọ
 3 - Mùi
 4 - Thân
 5 - Dậu
 6 - Tuất
 7 - Hợi
 8 - Tý
 9 - Sửu
 10 - Dần
 11 - Mão
 12 - Thìn
 13 - Giáp
 14 - ất
 15 - Bính

16 - Đinh
 17 - Mậu
 18 - Kỷ
 19 - Canh
 20 - Tân
 21 - Nhâm
 22 - Quý
 23 - Dục Khâm
 24 - Ung cân
 25 - Lương đoài
 26 - Kinh khốn
 27 - Dương Ly
 28 - Từ tốn
 29 - Thanh Chấn
 30 - Tuyềnh cần



Bản đồ Cửu Châu Bát quái can chi

lòng đặc ý. Sắc xanh là bị cách quan, nhiều đau khổ, anh-em yếu.

+ *Châu ký*: ở Khâm, chính Bắc, dưới môi nếu có màu tím có tài lộc và quý giá, có nô tì, ngựa tốt. Màu xanh làm quan có lộc, tiểu nhân thì được tài vật. Màu vàng có bệnh tật, nhà ở không yên, nên tu sửa lại cho tốt; màu xanh biếc dân thường có điều tốt lành, tiểu nhân có điềm hung; màu trắng việc âm; màu đỏ việc tà, muốn hại người khác; màu đen có tai nạn bị giam vào ngục.

+ *Châu Diên*: Thạch cấn, nằm ở phía Đông Bắc. tháng giêng màu vàng sẽ có điều không lành, Mùa thu, mùa hạ có màu vàng thì bố mẹ bệnh tật; có màu trắng người quân tử làm quan, tiểu nhân được của cải. Màu tím chuyện vợ chồng lục đục, bị người thân hoặc tiểu nhân làm loạn; có màu xanh trở ngại, mọi việc bị phá ngang, có màu đỏ thì vui vẻ; có màu xanh biếc bị giam vào ngục; có màu đen làm giặc.

+ *Châu Thanh*: ở cung Chấn trên xương gò má bên phải, chính Đông. Màu trắng là khó nhọc, được của cải; màu đỏ gặp phải việc đổ sức lực, nhưng yên ổn không nao động; màu vàng chưa đến 10 ngày đã có việc tang; màu đen thì gia trạch

chẳng yên; màu xanh yên ổn; màu xanh biếc có tai nạn; màu đen bệnh tật, cấp tốc chữa trị.

+ *Châu Tử*: ở Tốn, vùng đuôi mắt bên phải có màu xanh có người âm can thiệp, chú ý đề phòng tai họa vì ăn nói; màu đỏ cầu an; màu xanh biếc sinh quý tử; màu vàng sống không yên; màu đen bệnh tật, phải chạy chữa ngay.

+ *Châu Dương*: cung Ly, chính Nam Ấn đường. Màu vàng người tốt được làm quan, tiểu nhân gặp việc vui mừng. Màu đỏ thì quân tử gặp điều lành, tiểu nhân gặp điều dữ; màu tím, đỏ đẹp như mặt trăng mặt trời, vui vẻ yên lành; màu xanh khổ vì li biệt hoặc tai nạn, chịu tù đầy; màu đen bệnh hoạn; màu xanh biếc xa vợ xa con.

+ *Châu Kinh*: tại cung Khôn. Ở vùng Tây Nam mắt bên trái. Màu vàng là tướng tốt, có việc vui mừng lớn; màu xanh, hoài nghi không ổn định; màu trắng, nhục nhã bị hại. Màu xanh biếc, có bệnh tật tai nạn; màu đỏ đề phòng đạo tặc đến cửa; màu đen chỉ bệnh hoạn, sớm chữa trị mới yên; màu tím chỉ đàn bà ngoại tình.

+ *Châu Lương*: ở cung Đoài, phía Tây xương lưng quyền bên trái. Màu vàng, có cửa; màu trắng,

cháu con hiền lành đạt việc tốt; màu đỏ, văn chương có tiếng tăm; màu đen, được làm quan yển ẩm rượu chè; màu xám, mưu cầu gái đẹp; màu xanh biếc việc chủ mưu không thành; màu tím chỉ trong nhà có việc ăn trộm ăn cướp.

+ *Châu Dự*: ở chính giữa phía trên mũi. Màu trắng tốt lành; màu đen, gia đình bất hòa mà có bệnh tật; màu xanh biếc là ưu sầu; màu tím là vui vẻ tiệc tùng; màu đỏ, phiền não, hung ác; màu xanh lo lắng bất yên; màu vàng, đầy đủ vui mừng, quân tử làm quan, tiểu nhân thì tiến tới, có cửa, có tiền.

Cửu Châu Bát quái Can chi chủ yếu nói lên sự khác nhau giữa khí, sắc về điềm lành dữ. Sách xưa có viết:

"Bản đồ về Cửu Châu Bát quái Can chi nói rõ các bộ phận của mặt. Thầy tướng, xem từng bộ phận nếu tốt, khí sắc từ tốn hiền hòa, đó là tướng tốt, nếu màu xấu ác, có họa, có hại thì không được làm việc gì. Ngoài khí sắc ra các nhà nhận xét tướng mạo cho rằng: Cửu Châu đầy đặn thì mới có tướng tốt.

- *Châu ký* tròn trặn, nhiều điền trạch; khuyết hãm, nhiều tai họa.

- *Châu Dương* đầy đặn thì phong y túc thực;

khuyết hãm thì nghèo hèn

- Châu Thanh đầy đặn, nhiều tiền của; khuyết hãm, nhiều thất bại.

- Châu Ung đầy đặn thì đầy đủ áo quần, lương thực, nhiều lộc quan; khuyết hãm thì nhiều thị phi.

- Châu Dự đầy đặn, nhiều phúc thọ, khuyết hãm thì không trường cửu.

- Châu Kinh đầy đặn thì có tài văn chương; khuyết hãm thì ngu dốt.

- Châu Tử đầy đặn thì nhiều con cái; khuyết hãm, nhiều bị thương.

- Châu Lương đầy đặn thì có tín nghĩa; khuyết hãm thì nhân tình (tình người) bạc bẽo.

- Châu Diễn đầy đặn thì yên ổn, lâu dài; khuyết hãm thì bần tiện.

NGŨ CUNG NGŨ HÀNH SINH KHẮC

Là nói đến sự kết hợp giữa can chi và ngũ hành, có như thế vạn vật mới tồn tại lâu dài. Đây cũng là một quan điểm cơ bản của triết học phương Đông đối với biến đổi của thế giới. Trên cơ sở này tướng thuật đi sâu vào đặc trưng tướng hình của 5 giác quan, do đó mà có học thuyết tướng mặt ngũ

cung ngũ hành xung khắc. Các nhà nhận xét tướng mạo cho rằng 5 giác quan trên mặt con người là tướng phụ:

+ Mắt: là Giáp, Ất, Mộc.

Mộc phối hợp với Nhân chỉ về mặt sáng sủa, đẹp, đó là điều quyết định sang hèn của con người.

+ Mày: là Bình, Đinh, Hỏa.

Hỏa phối hợp với Lễ, chỉ về uy thế, dũng mãnh của con người, quyết định hành động cương nhu của con người.

+ Mũi: là Canh, Tân, Kim.

Kim phối hợp với Nghĩa, chỉ sự nguy nan mà con người gặp phải. Đó cũng là định mệnh thọ yếu của con người.

+ Miệng: là Mậu, Kỷ, Thổ.

Thổ phối hợp với Tín, chỉ sự vạm vỡ nuôi dưỡng con người, quyết định nghèo giàu của con người.

+ Tai: là Nhâm, Quý, Thủy.

Thủy phối hợp với Trí chỉ sự thông minh, mẫn đạt của con người, quyết định hiền ngu của con người.

Trên thực tế, từ sự liên hệ lẫn nhau giữa các khi

quan mà khảo sát đặc trưng tướng hình của 5 giác quan. Chúng phải phối hợp bổ sung cho nhau, tốt nhất là tương sinh, tối kỵ là tương khắc.

Nói một cách khái quát, các bộ phận của 5 giác quan phải ngay ngắn, hài hoà, lớn nhỏ vừa phải. Nếu vi phạm những tiêu chuẩn này, thì sẽ xung khắc, không đem lại tốt lành.

Các nhà nhận xét tướng mạo nhiều khi đã hướng hình thái sinh mệnh sang hình thái xã hội một cách khiên cưỡng; đơn giản nhập hình thái xã hội vào hình thái sinh mệnh.

TRÁN

Các nhà tướng thuật cho rằng: "Trán quyết định sang hèn, vinh nhục của con người". Trên mặt con người, trán có địa vị quan trọng đối với tướng mạo. Họ đã phân chia trán thành 5 bộ phận: Thiên đình, Thiên trung, Tu không, Trung chính và Ấn đường. Xương trán phải phẳng, rộng, nhô cao, dựng lên như bức tường mới là tướng tốt.

Từ Ấn đường đến Thiên đình, tuy ẩn nhưng có xương nhô lên, người như thế thông minh hơn người, lúc nhỏ đã đạt được vinh dự. Sơn lâm, Biên

địa của trán có hốc, xương phụ 2 bên trán nhô lên dài và to là người phú quý, có địa vị làm đến đến Tam phẩm.

Năm bộ phận: Thiên trung, Thiên đình, Tư không, Trung chính, Ấn đường đoan chính rõ ràng là tướng thông minh hiển đạt. Trán hẹp, nhỏ, tóc rối, xương sọ ép xuống là tướng ngu đần bần tiện, đến già cũng nghèo. Trán và mặt vuông, lớn, giàu có, gặp điều lành. Trán cao và giơ ra, quyền cao chức trọng. Thiên trung đầy đặn, làm quan lập được công. Trán nhỏ mặt rộng, có tướng quý. Trán vuông tuấn tú thì lành, vui, có lộc. Trán sáng như ngọc không có gì gợn vết, suốt đời vinh hoa.

Nói tóm lại trán phải rộng, đầy đặn mới là tướng quý.

Thiên trung, Thiên đình, Tư không, Trung chính, Ấn đường là 5 bộ phận quan trọng để cấu thành tướng của trán, không thể không tìm hiểu tất cả các bộ phận.

+ *Thiên trung* ở vào vị trí chính giữa mái tóc trước trán, thuộc về sao Hỏa, khởi điểm của cung quan lộc, được xem là bộ phận quan trọng nhất. Nếu Thiên trung đầy đặn sáng sủa thì thân thể khỏe mạnh, buổi thiếu thời đã có vận tốt; nếu lồi

lên sẽ bị tổn thất gặp nhiều điều ác, đều là di truyền của đời trước hoặc do mình bất hiếu, chẳng những ảnh hưởng đến sự nghiệp tương lai, ngay chỗ ở cũng không ổn định. Nếu quanh co không thẳng giống như giun đất bò thì sắp có tai vạ, phải giải tật ách.

+ *Thiên đình* là phần thứ hai dưới Thiên trung. Phương pháp xem tướng lấy Thiên trung làm cha, Thiên đình làm mẹ. Thiên trung có nốt ruồi không được cha yêu mến, Thiên đình có nốt ruồi thì không được mẹ yêu. Thiên đình cao không bị lõm là tướng tốt, nếu có nốt ruồi thì bị thương tật.

Khi thể con người là ở Thiên trung và đình đầu, khí sắc phải sáng đẹp, mới lành thuận, nguyện vọng sẽ thành công.

+ *Tư không*, còn gọi là Tư đồ, ở vị trí chính giữa trán là bộ phận thứ ba của cung quan lộc. Tư không tốt nhất là bằng và chính, nếu Tư không mà đẹp thì như cá kinh vào biển hoặc Tê giác vào rừng, đều là tướng đại quý. Nếu có các đường vân xuyên qua các nốt ruồi thì bị chém. "Tư không là bộ phận chỉ chúc quan được nhận. Nếu đẹp thì làm đến Tam công cửu khanh. Sắc ác thì không lành".

+ *Trung chính*: Chính giữa trán, trên Ấn đường ở vị trí thứ 4 của cung quan lộc. Trong tướng mặt, Trung chính chiếm địa vị quan trọng, chỉ điều thuận nghịch, lành dữ trước mắt. Thành công được hay không, nguyện vọng đạt không đều phải xem khí sắc của bộ phận này. Nếu Trung chính bằng đầy, nhuần nhị sáng sủa, không nổi gò, không có nốt ruồi, người như thế có nghị lực, sự nghiệp thuận lợi, nếu khuyết thì tính tình kiêu ngạo, khó làm nên; nếu có nốt ruồi ác, gặp nhiều trở ngại, của cải chẳng có, số mệnh thời vận khó khăn. Sách có viết: "Trung chính là việc phải suy nghĩ của con người, chỉ sự tiến thoái cao thấp trong sự nghiệp".

+ *Ấn đường*: ở giữa hai mày. Ấn đường còn có tên gọi là: Khuyết đình, Mệnh cung, Phúc đường, Tử khí tinh, cung Quan lộc, Quang đại bộ học đường, lấy tên nào tùy theo môn phái. Các nhà nhận xét tướng mạo cho rằng: Ấn đường có quan hệ đến tính tình, nguyện vọng, sống lâu, thành bại, tinh thần, số mệnh, thời vận, đồng thời phụ thêm cho hình trạng, nhan sắc. Ấn đường phải bằng và chính, không được hẹp. Sách xưa có viết: "Ấn đường là sao Tử khí (màu tím) ở giữa mày, phải đầy đặn, rộng rãi, bằng, chính. Hai mày phải rộng, thanh thoát mới là tướng

quí. Giữa Ấn đường có xương nổi rõ là quí, xương nhọn hẹp thì nghèo thiếu". Sách còn viết: "Ấn đường làm chủ còn gọi là Khuyết đình, nếu đẹp thì có quan trên phù hộ, làm quan đến hàm Tam phẩm, phú quí; nếu hai mày liền nhau, suốt đời không có lộc; nếu có nốt ruồi đen thì gặp điều ác.

Khi xem tướng trán, các nhà xem tướng còn đặc biệt chú ý đến các đường vân của trán. Vì nó quan hệ đến sang hèn, không thể xem nhẹ. Nếu trán vuông, rộng, đầy đặn mà lại có đường vân tốt, thì tước và lộc rất cao, suốt đời phú quí. Nếu trán nhọn, hẹp, lõm, thêm vào đó có nhiều đường vân ác, nhất định là tướng bần tiện. Đường vân ở trán có nhiều mối liên hệ với tướng quí và lộc của giới quan trường, đường vân khác nhau thì chức vị khác nhau. Sách xưa có viết:

"Ba đường vân "Yến" gọi là Yến nguyệt vân". Trên ba đường vân Yến có một đường vân thẳng gọi là đường vân Thiên Trụ chỉ làm được quan võ. Đường vân chữ Vương chỉ công hầu, Đường vân Thiên trung ở dưới cho đến Ấn đường gọi là đường vân huyện vân chỉ khanh giám. Đường vân Ấn đường thẳng và dài ba tấc gọi là đường vân Hạc

túc, chỉ quan văn. Người có ba đường văn vậy chung quanh thì cha chết sớm.

Các loại đường văn:

- Đường văn ngang mà gấp khúc gọi là đường văn Xà hành (rắn bò) chỉ người làm việc đưa đường dẫn lối.

- Đường văn chữ Tỉnh làm viên ngoại

- Đường văn chữ Sơn, được vinh và quý

- Đường văn chữ Ất, có chức vị.

- Đường văn chữ Thủy, hiển đạt.

Trên trán nhiều đường văn giao nhau thì đương nhiên nghèo khổ, gặp nhiều tai nạn.

MÀY

Mày được các nhà nhận xét tướng mạo gọi là cung Bảo Thọ, cơ quan chỉ tướng, nghèo hèn, tri trệ hay thông suốt, thuận lợi của số mệnh thời vận con người. Mày là vua, mắt là quan đại thần, nếu mày xanh dài quá mắt, dài như con chim nhạn bay bổng, nếu ngắn không bằng mắt là anh em nhiều sự, ngang thì cuối đời không dựa được người thân. "Mày là lễ nghi của mặt" như tinh hoa của cây cỏ, hoa sắc của nhật nguyệt, có quan hệ mật thiết đến

cá tính, mệnh thọ, hiền ngu, sang hèn của con người.

Các nhà nhận xét tướng mạo cho rằng, lông mày thưa, bằng, dài đẹp là người thông minh mắn tiếp. Còn như thô, rối, ngắn và rậm rịt, tính tình hung ác. Lông mày quá mắt là người phú quý. Ngày xưa Đường Thái Tông, Lý Thế Dân đã từng ra lệnh cho Viên Thiên Cương xem tướng viết ra giấy để mình biết. Viên Thiên Cương nói: "Học đường sáng sủa, lông mi quá mắt, nghèo mà phải đề phòng anh em; lông mày mọc ngược, vợ bất lương, xương mày nhô lên, hung ác, tri trệ, số mệnh không may".

Mày rậm là tướng mắn tiếp hiền quý; lông mày cao, tương lai xa rộng; mày có lông trắng, sống rất lâu; trên mày có nhiều đường vân thẳng thì đại cát đại lợi; có đường vân ngang, nghèo khổ không có tài.

Lông mày dày rậm, hoặc thưa đều có tướng mệnh. Lông mày thưa, trên dưới tương ứng với nhau là tướng mạo hoàn mỹ, ngược lại thì sẽ khiếm khuyết.

Về hình trạng lành dữ của lông mày có rất nhiều cách nói:

- Mày xanh, rậm, dài đến tận gò má là tướng quý, làm đến công khanh.

- Mày cong như tên, giàu có.
- Lông mày dài rủ xuống thì sống lâu.
- Lông mày như tơ, chữ thọ bền vững.
- Lông mày mềm mại, cầu quan là được.
- Mày dài quá mắt là người trung trực, có lộc.
- Lông mày nhỏ là tướng quý.
- Mày dài, người thông minh tuần tú.
- Lông mày cong như trăng lưỡi liềm, tính thiện nhưng không hùng.
- Lông mày xanh, cao, dày thì tên vang khắp bốn biển.
- Lông mày chổi xể, có ân tình.
- Mày ngắn hơn mắt, tâm tính cô độc.
- Mày như trăng mới lên, tính lành. Khi đỏ vàng, vinh hoa, phú quý, vui mừng.
- Mày không bằng mắt thì mất của, người chết.
- Xương mày giô cao, sẽ bị trôi nổi.
- Lông mày đậm, suốt đời cô đơn, nghèo hèn.
- Lông mày liền nhau, chữ thọ khó toàn.
- Đầu mày có nhiều nét văn thì gặp nhiều khó khăn.
- Lông mày quá mắt, anh em thuận hòa.

- Lông mày dứt giữa đoạn, anh em phân tán.
- Lông mày mọc ngược, anh em bất hòa.
- Mày bờm xờm, nữ tính ít, nam tính nhiều. Mi đẹp thần hòa, tất hưởng hạnh phúc.
- Lông mày nhỏ và đẹp, dày như lông tơ thì thạo nhiều nghề.
- Mày đen thì có tài.
- Mày như trăng mới mọc, nổi tiếng.
- Mày như chổi xể, anh em có đến hàng chục.
- Mày ngang với mắt thì ít anh em, ngắn không bằng mắt thì anh em không có.

Căn cứ vào hình trạng của lông mày, các nhà nhận xét tướng mạo đã phân loại rõ ràng:

- Mày Thanh nhật tú
- Mày Tiêm đao
- Mày Đoản xúc tú. (ngắn đẹp)
- Mày chữ bát
- Mày rồng
- Mày con ốc
- Mày thưa
- Mày La hán
- Mày chổi quét

- Mây sơ đoản
- Mây kiếm
- Mây tiền thanh, hậu sơ
- Mây lá liễu
- Mây giao gia
- Mây ma quỷ
- Mây sư tử
- Mây chữ nhất
- Mây Tân nguyệt
- Mây chổi quét nhà
- Mây tầm nằm.
- Mây hổ
- Mây gián đoan

Tất cả đều có lời bình: lành, dữ, sang, hèn.

Ví dụ như mây Tân nguyệt được xem như tướng đẹp. Mây Thanh nhật tú tốt nhất, có điều mừng.

Y học phương Đông cho rằng quan sát mây của một người có thể dự báo được "Sống chết của người bệnh".

Sách "*Vọng chấn tôn kinh*" có ghi: Mây con người, do khí mộc sinh ra, nói về kinh lạc thì thuộc về tay chân, thái âm rõ ràng.

Đạo tuy không giống nhau, nhưng thống nhất về phương pháp nên họ đã qui định các loại:

- Mây nghiêng, có đảm lược.
- Mây xung, mệnh sẽ vong.
- Mây dọa lạc, có chứng lệ phong.
- Long mây rối rắm thì mặt mây ù dột.

Người mà mây nhuận trạch là đủ khí huyết.
Người mà mây khô là khí huyết suy.

Nhìn màu sắc của mây biết được tướng qui hay xấu.

MẮT

Mắt trời, mắt trăng là kính của vạn vật. Mắt là mắt trời mắt trăng của thân thể con người, là ánh sáng nhật nguyệt của tinh thần con người... Tinh thần của con người lúc ngủ nhập vào tâm, lúc tỉnh lại dồn vào mắt, mắt biểu hiện tinh thần. Mắt dài, đẹp, phân minh, trong như ngọc, đen nhánh, như thể là tướng quý. Mắt nhỏ và sáng, có ánh khác lạ chiếu tỏa, người ấy thật phú quý.

Mắt như viên ngọc, thần quang sáng rực, người như thế nắm quyền binh giết người.

Mắt to mà không có ánh sáng, dài mà không có thần, tướng xấu.

Nhà tướng thuật phương Đông đời Hán là Đổng Chính nói: "Đầu mắt cũng như đuôi mắt, đều có ánh khác thường là tướng thần tiên, phi phàm; có sắc trắng là tướng quyền quý. Những người ánh mắt có thần, lúc rực sáng, lúc dịu hiền thì làm nên sự nghiệp".

Mắt trắng dã là người gian tà; mắt xám xịt là người sắp gặp điều đau thương. Người mà hai mắt nhìn lâu không chịu được, các nhà tướng thuật cho là cái "thần của mắt không đủ để sinh vượng; nếu gặp điều không lành thì hoảng hốt, sợ hãi, những người như thế thường bị kẻ khác sai khiến, dắt mũi".

Người mà mắt nhìn lâu, không hoa không chớp là người có cái "tâm" trung chính, sống có tình có nghĩa.

- Mắt đẹp, long lanh thì được cấp trên yêu dấu.
- Mắt đỏ như mắt cá chép thì giàu có.
- Mắt to mà sáng vừa giàu vừa sang.
- Mắt hấp hiếng thì khuynh gia bại sản,
- Mắt trắng mà lộ, chết ngoài trận tiền.
- Mắt ti hí là người gian xảo.
- Mắt ướt, long lanh là người dâm dăng, dĩ tính.
- Mắt phượng mi cong sẽ làm quan cao; đàn bà được quân vương sủng ái.

- Mắt có góc cạnh là người ác.
- Mắt ngắn mày dài, có ích cho việc làm giàu.
- Mắt như gò nhô lên, yếu tướng, bị chết chém.
- Mắt đỏ, nhất là đồng tử đỏ, việc quân nặng nề.
- Mắt đỏ ngả sang màu vàng, thì chết yếu.
- Mắt dài một tấc (0,20cm) là quan hầu cận cho vua.
- Mắt oai thì có uy, mọi người đều sợ.
- Mắt như mắt dê, anh em đánh lẫn nhau.
- Mắt như mắt rắn, độc địa như lang sói bị hình phạt, cô độc.
- Đuôi mắt dài, vợ chồng ly biệt.

Trong sách: "*Ma y tướng pháp*" của Trung Hoa có nói: "Mắt như mặt trăng mặt trời, phải trong sáng, phải rõ ràng như mắt rồng mắt phượng. Sợ nhất là mắt vàng mà có tia máu đỏ, suốt đời hung hại. Mắt to như mắt dê là hung ác, thân cô đơn, của cải không có gì. Mắt nhỏ và sâu là thâm hiểm, bạc tình".

Về hình thể thần sắc lạnh dữ của mắt, còn có cách nói khác, nhưng không thể tách rời những điều căn bản. So sánh với mắt của động vật, mắt người có nhiều loại như mắt rồng, mắt phượng, mắt

voi, mắt rùa, mắt chim, mắt sư tử, mắt hổ, mắt trâu, mắt chim phượng gáy, mắt chim phượng ngù, mắt chim phượng đuôi, mắt ngỗng, mắt bồ câu, mắt dê, mắt cá, mắt ngựa, mắt lợn, mắt rắn, mắt chim hạc, mắt mèo, mắt chó sói, mắt tê giác, mắt chim loan, mắt uyên ương, mắt khỉ, mắt hươu, mắt gấu, mắt ba ba, mắt chim én...

Các nhà nhận xét tướng mạo cho rằng bên trong mỗi loại mắt đều có hàm ý lành, dữ, phúc, họa. Mắt rồng là lý tưởng nhất: Đen trắng phân minh, có nhiều sắc thái tinh thần, mắt dài có yếm tàng thần khí. Mắt như thế nhiều phú quý, có lộc, phò tá minh quân. Mắt ngựa: lộ, cuối đời đau khổ, nước mắt chảy nhiều, xung khắc với vợ con mà bỏ đi.

Mắt là sao Mộc, tượng trưng cho gan và tạng. Y học phương Đông cho rằng, qua sự thay đổi của sắc mắt, có thể chẩn đoán được bệnh của gan và tạng.

Đông y khi luận bệnh, chẩn đoán mắt, quan sát diện mạo, khí sắc, đi đến kết luận: "Mắt tiêu biểu cho tim, cho tinh xảo của gan, tinh khí của lục phủ ngũ tạng. Căn cứ vào sắc mắt mà biết được bệnh của ngũ tạng: mắt đỏ, bệnh tim; mắt trắng bệnh phổi; vàng, bệnh tỳ; xanh, bệnh gan; đen, bệnh thận; vàng nhạt, bệnh vùng ngực...

MŨI

Trong tướng thuật, tướng mũi được gọi nhiều tên khác nữa như: Trung nhạc, Thổ tinh, Thổ xúc, Thẩm biện quan. Mũi cao vừa phải được xem như đạt tiêu chuẩn tướng quý nhất. Tướng mũi có quan hệ mật thiết với khí chất, tính tình và phúc lộc của con người.

Muốn xem tốt, xấu, hung, cát của mũi trước hết phải xem Ấn đường.

Ấn đường ngay ngắn, sắc đỏ tươi, rộng thẳng tạo cho mũi có tướng quý, chẳng khác gì các quan đại thần phò tá nhà vua.

Nếu Ấn đường nhỏ, hẹp, màu xám là mũi bị hãm, tướng xấu. Những người có mũi bị hãm thì học hành chẳng thành đạt, gia sản bị phát tán, nghèo hèn.

Nếu mũi như chữ Xuyên () là tướng quý, sống trên đời không có gì lo lắng. Người có mũi không quá thẳng, không gãy là người có tướng quý, nhiều quan lộc, phú quý.

Các nhà tướng thuật chia tướng mũi ra làm mấy loại:

- Mũi như cột trụ là mũi đẹp.

- Mũi nhọn, mũi tẹt, mũi quắt queo, mũi nhòm mồm đều là mũi xấu, tướng cũng xấu. Người như thế suốt đời cô đơn, nghèo hèn, không được sống mấy ngày yên vui.

- Mũi đẹp phải có đủ các điều kiện sau: không quá cao, không dày, cao thẳng liền Ấn đường. Người có tướng mũi như trên thì làm quan được lộc, sống lâu, phú quý không ai địch nổi.

Các nhà tướng thuật ngày trước đã lấy hình dáng các con vật để đặt tên cho các loại tướng mũi: mũi tê giác, mũi trâu, mũi khỉ, mũi chó, mũi cá ngao, mũi tinh tinh, mũi hươu, mũi sư tử và mũi vượn.

Y học phương Đông cho rằng, quan sát khí sắc hình dáng của mũi có thể phán đoán được tình hình sức khỏe, cũng như phú quý, bần tiện, thông đạt của người đó.

Sách có viết: Mũi màu xanh thì bụng bị đau, chết trong giá lạnh. Mũi màu hơi đen, có khi nước. Mũi vàng, ngực lạnh. Mũi trắng, mất máu... Mũi tròn thì có lợi cho phổi. Mũi to, khí thừa. Mũi nhỏ, thiếu khí. Mũi sưng, phổi hư. Mũi có hơi, ảnh hưởng đến phổi. Mũi khô là chứng hàn nhiệt. Mũi

trắng bệch, hình thể bị chấn thương. Mũi nhỏ khô bị bệnh kinh phong bại liệt. Mũi đỏ, trong bụng có giun sán. Mũi chảy nước ròng ròng, bị gió. Mũi chảy nước xanh, bị phong hàn ngoại cảm.

NHÂN TRUNG

Các nhà nhận xét tướng mạo cho rằng: Nhân trung như cái rãnh của con người, rãnh để nước chảy. Nếu rãnh hẹp thì đọng nước. Xem Nhân trung dài ngắn có thể định được mệnh số sống lâu, hay chết sớm. Xem Nhân trung rộng, hẹp có thể biết được có bao nhiêu con cái. Cho nên Nhân trung được gọi là cung tử tức thọ mệnh. Nhân trung dài, rộng, sâu, thẳng là tướng quý. Nhân trung nhỏ, hẹp, khó về của; cạn, dễ gặp tai nạn; trên hẹp dưới rộng, nhiều con cháu; trên rộng dưới hẹp, ít con cháu; trên và dưới như nhau, ở giữa rộng, con cháu tật bệnh khổ đau, khó trưởng thành. Trên dưới thẳng mà sâu, con cháu đầy nhà. Trên dưới bằng mà nông, không sinh sôi được con cháu; sâu mà dài, người sống lâu; ngắn cạn, người chết yếu. Nhân trung hẹp, tướng chết non, bần tiện. Nhân trung rõ nhu đoạn trực, có lộc có phúc; nếu khó thấy thì không con cái, nghèo hèn. Nhân trung sần sần thì hãm tài, tuyệt tự không con, nghèo đói.

Tóm lại, Nhân trung sáng sủa, rộng, sâu và thông đạt mới là tướng quý.

TAI

Người xưa lấy sao Kim Tinh đặt tên cho tai trái, Mộc Tinh đặt tên cho tai phải. Tướng thuật cho rằng tai thông với tim và thận. Tướng tai có quan hệ, ảnh hưởng đến trí tuệ, ngu dần, thọ, yếu, vinh, nhục của con người.

Tai với thận gần bó với nhau. Quan sát tai biết được điều lành điều ác, quan sát thận biết được yếu, mạnh. Cũng từ đó tướng tai có liên quan đến biểu hiện của thận trong con người. Tai to thì thận to, tai mỏng thận mềm. Các thầy thuốc quan sát tai có thể chẩn đoán được bệnh của thận.

Tướng tai quý phải có đủ các điều kiện: dày, chắc, vành tai phải đứng thành, màu đỏ tươi, trong tai có lông là sống lâu, có nốt ruồi đen sẽ sinh quý tử. Tai rộng to, chi hướng cao xa, sự nghiệp thành đạt. Tai mỏng nghiêng về phía trước, gia tài bị phát tán phải bán nhà bán ruộng vườn. Tai khuyết, lật ngược lộ ra, cả đời lao khổ, cuối cùng không có nhà mà ở. Hai tai lớn nhỏ khác nhau, cả đời người không thuận, gặp trở ngại. Hai tai sắc đỏ, đẹp, tiền

đồ rộng lớn, tiếng tăm đồn xa; nhỏ thô đen là người nghèo, ngu, dốt nát.

Về vành tai:

Nói chung, vành tai thành quách rõ ràng, rộng, sắc trắng hồng, không quá nhỏ là tốt.

Tai dày, sắc đỏ đẹp là tai Thổ: phú quý, trường thọ.

Tai cao hơn mày, vành nhô, sắc trắng là tai Kim: phú quý nổi tiếng nhưng cô đơn. Vành tai to là tai Mộc, không có cửa, không có tài, chẳng đủ ăn lao dịch khổ sở.

Vành tai dày tròn, sắc đỏ hồng, cứng là tai Thủy, đại trượng phu trên đời, quý đạt sáng chói.

Vành tai nhỏ, vách tai ngửa là tai Hỏa, sống lâu mà không có con.

Căn cứ vào hình trạng của 2 tai, chia thành các loại:

- Tai Kỳ tử: Trung niên phú quý.
- Tai Hổ: vui mừng, tốt đẹp, mạo hiểm, đã quý lại có uy.
- Tai nhu cái tên: gia tài bị phá tán.
- Tai lợn: cuối đời thê lương, nhiều tai nạn.
- Tai thấp, ngược: tán tài, tuyệt đường con cái.

- Tai rú xuống vai, quý hết chỗ nói.
- Tai hoa nở: vào đời giàu có, cuối đời khổ cực, tai họa.
- Tai quạt: thiếu thời hưởng phúc, giữa đời lao đao bại hoại.
- Tai chuột: làm việc trộm cướp, phải chịu nổi khổ ngục hình.
- Tai lừa: mọi việc chẳng lúc nào được thuận lợi, cả đời nghèo khổ.

MIỆNG

Miệng còn gọi là Cung xuất nạp, Sao Thủy, Thủy Túc. Sách có chép:

"Miệng là cửa nói, công cụ để ăn uống, có liên quan đến vận vật. Miệng có thể phát ngôn thưởng phạt công bằng, phải trái. Miệng còn gọi là "cửa Đức". Miệng cũng là nơi phun ra những điều xấu xa, ti tiện".

Trong Ngũ hành, miệng là sao Thủy, cho nên còn gọi là "cửa biển". Người xưa nói: "Miệng nhu biển rộng, chứa hàng trăm thứ đạo".

Điềm lành dữ của miệng bắt nguồn từ y lý. Người xưa cho rằng: Miệng là cửa lớn của con tim...

Nếu miệng trúng gió, tim ngừng đập. Người mắt mở trùng trùng, miệng há hoác thì hôn mê, cái chết kề bên. Bệnh tật, sống chết, mạnh khỏe của con người nhìn miệng là biết.

- Miệng mở to, thở hắt ra, 3 ngày thì chết.
- Mũi, miệng đều mở to thì đau phổi nặng.
- Miệng mở, chân giật là suy, 5 ngày thì chết.
- Miệng ngáp như cá, người sắp chết.

Thuật xem tướng liên hệ giữa tim với miệng. Dựa vào hình và sắc của miệng để liên hệ đến điềm lành, dữ, phúc họa.

Các nhà tướng thuật cho rằng: miệng phải vuông như cái cổng, rộng ngang và đầy thì là người ngay thẳng, không lừa dối.

Miệng dày, môi đỏ hồng, vuông là tướng lương thiện, có thọ, có quý, có phúc, lương thực đầy đủ. Miệng nhọn thì phản phúc, gian lận; nếu chu như thối lửa, giữa mồm có các đường vân, mở miệng răng lộ, miệng như một ống kính, đó là tướng ác, không đủ ăn.

Miệng phải như cái cung, môi trên môi dưới hòa hợp, răng không lộ, là tướng làm quan. Người môi hồng như đất phù sa thì sang, người vuông miệng

thì vinh hoa gia đình vinh hiển, phú quý đông con cháu. Môi xanh đen miệng như miệng chuột, sẽ phá tan nhà cửa ruộng vườn, không có chỗ trú thân, đông con cháu. Môi trên và dưới mỏng thì sống khó khăn và phải đề phòng có kẻ hại.

- Môi đỏ như phù sa, ăn lộc vinh hoa. Miệng đỏ chót không bị đói rét; miệng đỏ như son, có phú có quý. Miệng môi hòa hợp là người hiền, người có đức, mới sinh ra đã thuần khiết.

- Miệng như cái cung, là người đứng ở vị trí Tam công. Miệng rộng, nhiều của. Miệng không khép, thiếu lương ăn.

- Miệng mỏng, người có bình quyền

- Miệng to như nắm đấm, làm đến công hầu

- Miệng xuôi 2 bên góc, thiếu cái ăn.

- 2 bên mép cao thấp khác nhau, gian xảo trí trá.

- Miệng nhọn là bạn bè với bọn vô lại.

- Miệng như miệng túi, đói ăn.

- Miệng ngang, có con nhưng không sống chung với nhau được.

- Miệng như miệng con lừa, thường tự khen mình.

- Miệng có màu tím, tham tài bị hại.
- Miệng như ống kính, phá sản, phiêu dạt.
- Miệng kín không thấy răng, may ra về già lập được thân.

- Miệng như thổi lửa, đến già vẫn cô đơn, sống một mình.

- Miệng có nhiều vắn, làm gì cũng thành công.

- Miệng và môi thanh mỏng, hay nói xấu người khác. Miệng rộng, đầy đặn, ăn lộc vạn hộ.

Hình trạng của miệng đa dạng, các nhà nhận xét nhân dạng xem trọng tướng miệng:

- Miệng vuông: góc cạnh phân minh, 2 môi không trễ thì thông minh, có tài, phú quý hiển đạt.

- Miệng hình chữ Tú (冫) hai môi ngay ngắn, bằng phẳng, hồng, cười không lộ răng là phú quý, vinh hoa.

- Miệng mặt trăng khuyết, 2 môi cong, dày dặn, răng trắng, môi hồng, sắc tươi đẹp, suốt đời phú quý, có tài văn chương.

- Miệng như cái cung, 2 môi dày dặn, trí tuệ thông minh, phú quý khang ninh.

- Miệng rộng, 2 môi sáng dày, , phú quý, hiển đạt, có quyền thế.

- Miệng hổ, rộng, trông như nắm đấm, góc cạnh ngay ngắn thì giàu có, vui vẻ.

- Miệng dê, nhọn dài, 2 môi mỏng thì bần tiện, luôn chịu lời thị phi.

- Miệng lợn, môi dài, thô, rộng, mép kéo dài thì bị người dèm pha, ngăn trở.

- Miệng ngựa, quá rộng thì tham lam, thiếu ăn, đói.

- Miệng thối lửa, không khép, lúc nào cũng như thối lửa, thì thiếu ăn, suốt đời trắc trở.

- Miệng anh đào, mở to như hoa anh đào, 2 môi uơn ướn, răng nhỏ, cười như ngậm sen, thì thông minh, hiển đạt.

- Miệng khỉ, môi nhỏ, dài, nhân trung như tre bị chẻ ra, đủ ăn, trường thọ, có phúc.

- Miệng cá trê, miệng rộng, môi tròn, thì bần tiện, chết sớm.

- Miệng cá trắm, nhỏ, sinh ra đã nghèo hèn.

- Miệng như con thuyền, màu thịt trâu, sinh ra đã khổ, số cùng với bọn ăn mày.

Các bộ phận của miệng có : môi, răng, lưỡi.

+ **Môi** là thành vách của miệng, của của lưỡi. Lúc đóng mở đều có thâm ý nói về sinh mệnh. Do

đỏ, môi phải dày, đầy đặn, có góc cạnh. Môi trên và môi dưới của người trung tín phải đầy đặn; môi mỏng là tiểu nhân, môi trên mỏng là điêu toa, môi dưới mỏng là nghèo khổ.

Hai môi phải tương xứng với nhau. Hai môi không được nhọn, phải hơi trể. Màu sắc của 2 môi đỏ hồng là người có phú có quý; màu xanh, tướng yếu, chết non; người môi xám xịt, đau khổ, tật bệnh chết độc; màu tím thì giàu có vui vẻ.

+Răng là bộ phận cùng với Lục phủ. Thông qua răng mà biết được thể chất của con người mạnh hay yếu, mệnh thọ hay yếu. Các nhà nhận xét tướng mạo cho rằng, răng to và dày, dài thẳng, trắng là đẹp nhất. Nói cụ thể, người răng chắc, sống lâu; mọc lộn xộn là gian xảo; răng lộ là người chết yếu; thưa rời rạc là nghèo; ngắn và thiếu là người ngu; khô là người có tật bệnh; người nói chuyện mà không thấy răng là tướng quý; buổi tráng niên mà răng rụng là chết sớm.

Lưỡi

Lưỡi là thể trạng của thần, là động cơ của mệnh. Lưỡi đầy đặn, dài tơ là lí tướng; lưỡi hẹp ngắn, suốt đời khốn khổ, hoặc là người gian trá, trộm

cướp. Đầu lưỡi to và mỏng là gian xảo, bất chính. Đầu lưỡi nhỏ và bé là tham lợi vong ơn. Lưỡi dài làm vương hầu; lưỡi cứng rắn được lộc, làm đến khanh tướng.

Màu sắc của lưỡi có liên quan đến khắp nhiệt của nội tạng thân thể. Các nhà tướng thuật đều căn cứ vào đó để đoán số mệnh, thời vận. Lưỡi đỏ như phù sa là phú quý. Sắc lưỡi đen xanh là bần tiện. Người lưỡi có sắc đỏ như máu là có phúc lộc; sắc trắng là nghèo hèn.

Ngoài ra các đường văn trên lưỡi cũng đa dạng: trên đầu lưỡi có văn thẳng làm quan đến khanh tướng; đầu lưỡi có nét văn ngang có chức vị, có việc làm. Người đầu lưỡi có văn quỳ là rất quý. Đầu lưỡi có văn như gấm thì làm quan lớn.

KẾT LUẬN VỀ TƯỚNG MẶT

Trong tướng hình, tướng mặt quan trọng nhất. Từ vành tai, đường văn, lông tơ trên mặt, sự thay đổi sắc mặt cho đến màu da, thần khí, cái gì cũng liên quan đến tướng mạo. Trong tướng hình, tướng mặt phức tạp nhất. Bởi vì mặt có nhiều bộ phận nhất là các giác quan.

Do trong xã hội có nhiều môn phái tướng thuật, lý luận của những môn phái lại không thống nhất với nhau, có lúc cách nhau khá xa, nên có nhiều cách nói tướng mặt. Nhưng rồi cũng dần xếp được, vì ý kiến của các nhà tướng thuật tuy có khác nhau, nhưng những quan điểm cơ bản giống nhau. Dưới đây là một số thủ pháp nhận xét tướng mặt.

1/ Thủ pháp theo mô hình vũ trụ Ngũ hành âm dương.

Nguyên lý âm dương ngũ hành là cơ sở lý luận của tướng thuật đã được chỉnh lý. Loại lý luận này đầy đủ và tỷ mỉ. Bàn về tướng mặt, các nhà tướng thuật cho rằng: mặt là biểu hiện trời và đất. Các khí quan trên mặt đều ứng vào các vật. Ví dụ: Trán là biểu tượng của trời; cằm là đất; mắt là mặt trăng, mặt trời; tóc là thảo mộc... tất cả đều vận hành theo quỹ đạo âm dương ngũ hành. Kết cấu và quan hệ của âm dương ngũ hành đã quy định kết cấu và quan hệ của các bộ phận tướng mặt với khí sắc.

2/ Thủ pháp dùng luân lý đạo đức, chế độ chính trị thời xưa.

Học thuyết âm dương ngũ hành bài bác nhân sự xã hội, tạo nên mô hình vũ trụ vi mô, đây là mục

đích cuối cùng của các nhà triết học cổ đại khi nghiên cứu âm dương ngũ hành. 13 bộ phận trên mặt đều rõ ràng như giữa Thiên trung có: Thiên ngọc, Nội phủ, Vũ khố, Quân môn. Giữa Tu không có: Thượng khanh, Thiếu phủ, Thánh hiền.

3/ Thủ pháp từ sinh vật tự nhiên.

Chúng ta đều biết, ngũ hành và hình tượng động vật là một điều mà các nhà xem tướng cổ đại đã dựa vào để phân loại con người. Khi muốn xây dựng cơ sở cấu trúc nhận xét nhân dạng các nhà tướng thuật dùng hình tượng động vật để so sánh với hình tượng con người. Như mắt người giống mắt rồng, mắt rắn, mắt dê, mắt lợn .v.v..., có cả hàng loạt cách nói có tính thực dụng. Quá trình này là phép hành nghề của các thầy tướng rong.

4/ Dùng lý luận của Y học phương Đông.

Lý luận của Đông y được sự chỉ đạo của tư tưởng ngũ hành âm dương, tổng kết tình hình sinh lí. Qua nhận xét tinh thần, khí sắc bên ngoài mà dự đoán được lành dữ phúc họa của con người. Y học phương Đông cho rằng các cơ quan trên mặt là biểu hiện hết sức tinh vi của gan và tạng. Thông qua việc quan sát các khí quan trên mặt, có thể hiểu được tình hình sinh thái của lục phủ ngũ tạng.

Đơn giản mà nói, mặt biểu hiện thần thái, qua khí sắc của mặt biết được tình hình sức khỏe con người. Sức khỏe là cái vốn của sống lâu. Sống lâu là nguồn hạnh phúc. Sức khỏe còn là biểu hiện tự nhiên của hoàn cảnh con người: giàu có hay khó khăn. Dựa vào thần thái, khí sắc lại có thể dự báo được tình trạng sức khỏe.

Y học phương Đông cho rằng: Tai thông với thận. Tai màu vàng, đỏ, xanh, đen, trắng tỏ rõ thận không bình thường, cái gọi là: tai có 5 màu thì có bệnh đau xương, bệnh chứng rất nghiêm trọng. Do đó nhận xét tướng mạo cho rằng nếu tai có màu bình thường, sáng đỏ đẹp, không lộ ra "5 màu" là tốt. Còn ngược lại thì không lành, con người đó nghèo hèn.

Sau khi tìm hiểu đặc trưng các bộ phận tướng mặt, để biết số mệnh thời vận của một con người thầy tướng còn phải tham kiến đối chiếu với cái gọi là "Vận khí lưu niên". Vận khí lưu niên là vận khí các năm của đời sống con người, chuyển vận trong một năm của con người, 99 bộ phận trên mặt mỗi bộ phận chỉ thời vận trong 1 năm. Các nhà nhận xét tướng mạo cho rằng Thượng đình (trán) là chỉ vận khí của con người từ 15 đến 30 tuổi.

Trán chia làm 3 bộ phận: Thượng, Trung, Hạ đình.
Vị trí lưu niên cụ thể là:

- 1 đến 15 tuổi - Hỏa tinh: Nằm ở phần trên của trán, sát tóc gần 2 cm.

- 16 tuổi - Thiên trung: Phần trên của trán tiếp với đầu

- 17, 18 tuổi - Nhật nguyệt giác: Xương trán bên phải bên trái cao vọt lên.

- 19 tuổi - Thiên đình (Xương trán ở giữa).

- 20 tuổi, 21 tuổi: bên phải bên trái Phụ giác (dưới góc Nhật nguyệt) thành một đường dài với Tư không .

- 22 tuổi nằm ở Tư không (toàn bộ trung tâm của Trán).

- 23-24 tuổi: Bên phải bên trái Biên thành (là nơi giao nhau giữa đầu với trán).

- 25 tuổi - Trung chính (Giữa Ấn đường với Trung chính).

- 26 tuổi - Gia mộ (bên phải huyệt Thái dương).

- 28 tuổi - Ấn đường (giữa 2 mày).

- 29-30 tuổi: bên phải và trái Sơn Lâm.

Nếu trán không có đường vân, sẽ có Hà tù (bệnh

vật). Nếu hình trạng trán cao, dày, vuông, rộng, sắc nhuận, sáng, chúng tỏ vào thời kỳ 15 đến 30 tuổi số mệnh thời vận rất tốt. Nếu đường văn giao nhiều, hình trạng trán cao lõm không bằng phẳng, hoặc thấp mỏng, hoặc hẹp hãm, thì số mệnh thời vận không tốt. Vận khí lưu niên tương đối phức tạp.

Nếu nhu đòi sống con người mà quá 100 tuổi thì thuộc vào số Bảo Trường Sinh (sống lâu mãi mãi). Sự quay vòng như bánh xe trên mặt, các đường văn, các nốt ruồi thiếu thì gặp hiểm họa, gặp điều chẳng lành, vận hạn rơi vào cảnh xung và rất đen đủi, gặp phải điều thất bại u ám, khí sắc tướng hình không hợp, xương thịt bị phá nát; còn nếu gặp được những bộ phận tốt, thuận khí sắc sáng sủa, Ngũ nhạc và Tứ độc kết hợp với nhau, có thể bay bổng hàng vạn dặm.

V. TƯỚNG MẠO THÂN THỂ

Các nhà nhận xét tướng mạo cho rằng: tướng mạo thân thể có thể chia làm 3 bộ phận (Tam đình), trong đó:

- Đầu là Thượng đình.
- Từ vai đến lưng là Trung đình

- Từ lưng đến chân là Hạ đình.

Nếu Tam đình tập trung hài hòa thì phúc thọ đều song toàn.

Sách có viết: "Thân thể chia làm Tam đình, đầu gọi Thượng đình, người thấp nhỏ mà đầu dài to, lông mày có đuôi là tướng quý. Thân dài to mà đầu ngắn nhỏ, cả một đời bần tiện, nghèo hèn".

Từ vai cho đến lưng là Trung đình. Trung đình ngắn thì không thọ, dài thì nghèo khó; lưng còng đi đứng, cử động không bình thường thì không thọ.

Từ lưng cho đến chân gọi là Hạ đình. Hạ đình phải tương ứng với Thượng đình nếu quá dài thì nhiều bệnh.

Nếu cả 3 bộ phận của Tam đình lớn nhỏ dài ngắn không đều thì không thọ. Tam đình tương xứng thì đẹp. Như thế có thể thấy nhìn qua dáng mạo một con người có thể biết được phúc họa, thọ yếu của con người đó. Nhưng các nhà tướng thuật lại xem trọng nhất việc quan sát tỉ mỉ tinh tế một số bộ phận trong thân thể con người như: lưng, ngực, vú, bụng, rốn, v.v...

Sách xưa có viết chuyện một nhà sư xem tướng Hàn Tín có nói: "Tướng mặt của ông chỉ phong đến tước hầu, nhưng tướng lưng thì quý hết chỗ

nói". Hoặc có sách kể: "Sái Kinh đời Tống tinh thạo thuật xem tướng. Hắn bắt hòa với em ruột là Sái Biện làm Chính sứ khu mật viện. Hắn cười nói với em: "Tướng của chú rất đẹp, nhưng lung lại mỏng và kém".

Như thế có thể thấy được, lung dày, rộng, phẳng có thể gọi là tướng quý. Các nhà nhận xét tướng mạo cho rằng "độ dày mỏng của lung có thể cho biết sự yên ổn, nguy hiểm, yếu thọ. Có thể định được giàu nghèo hàng trăm năm". Lung bằng, rộng, dày, đầy đặn, thì ít gặp tai họa, có phúc. Lung hẹp, hãm thì suốt đời gặp tai nạn, nghèo hèn. Nếu lung có xương rồng nổi lên, hoặc thịt dày nổi cao, vuông tròn, dày, dài là tướng phú quý, phúc và có trí tuệ. Ngược lại, lung mà mỏng, vùng Yển phục mà nhỏ, hoặc sâu, có đường rãnh là người nghèo khó, thiếu đức... Lung phải dài, dày, không ngắn, không mỏng; có lỗ hòm là người nghèo hèn; bằng, rộng, dày, đầy đặn thì yên thân.

Các nhà nhận xét tướng mạo cho rằng: ngực là cái đình lớn của Bách Thần. Cung đình mà bằng phẳng, rộng thì bình yên; dày rộng, đầy đặn, vuông là trí tuệ, phúc lộc; ngắn và hẹp, mỏng, lồi lõm là con người nghèo khổ.

1. Vú

Các nhà nhận xét tướng mạo cho rằng vú là Hoa Mỹ của huyết mạch, là cung điện để nuôi dưỡng con cái, là thuốc đo quý và tiện, sang và hèn.

Viên Cung - nhà nhận xét tướng mạo con người vào bậc tài năng xuất chúng đã từng xem tướng vú của vợ Kim Trung, phán đoán tướng của bà rất quý, sau này thực tế ứng nghiệm.

Hai vú tròn, màu tím, dựng đứng không sa xuống, không nhỏ, màu không trắng bệch là người có tướng quý.

Đầu vú mà nhỏ thì không con, không tiền của; đầu vú nhỏ và trắng thì tuyệt tự. Đầu vú phải to và chống lên, vuông thì nhiều con. Đầu vú nhàn nhèo mà thấp thì sinh con ngu dốt; đầu vú khỏe, vuông, to, nhiều thọ nhiều phúc; trắng hoặc vàng là nghèo hèn, không có hậu. Đầu vú màu tím, trông sáng sủa, thì nhiều con, nhiều phúc. Người đầu vú có lông là người có kiến thức. Đầu vú có nốt ruồi đen thì sinh quý tử.

2. Lưng

Các nhà nhận xét tướng mạo cho rằng lưng chủ

yếu là vận khí của trung niên, là biểu thị của sang: "Không có lung thì không sang, lung không ra tẩm thì không giàu". Tướng mạo về eo lung cho rằng: Eo lung của con người như núi của bụng, là vật để dựa, chỉ việc yên tĩnh và nguy hại. Cho nên lung phải ngay thẳng, rộng và dày mới là con người có phúc lộc, còn như cong và hẹp, mỏng là con người ti tiện. Nếu lung ngắn và mỏng thì nhiều thành công mà cũng nhiều thất bại, rộng và lớn thì giữ được lộc mãi mãi, thẳng và dày thì tướng phú và quý, nhỏ mà mỏng là tướng nghèo hèn, lõm và hẹp là cùng khổ, gấp khúc là dâm đảng. Lung có nhiều hình trạng: eo lung như con rắn lằn thì tinh tinh phóng khoáng, rộng rãi, lương thiện. Eo lung như cùn ọng vàng, tinh tinh gian tà độc ác. .

Nói tóm lại, lung phải rộng, có lực mới tốt.

3. Bụng

Bụng xem như lò nấu thức ăn, là cái túi đựng ruột, đựng dạ dày để tiêu hóa vận thú. Bụng phải tròn, dày và chắc, thể rù, sệ xuống, da dày và trơn bóng. Da bụng dày mà không có vết thì giàu, bụng mỏng thì nhiều bệnh tật mà nghèo, bụng treo lên phía trên thì hèn mà ngu.

Bụng hướng về phía dưới thì thọ và phú quý.

Bụng sa xuống thì biết được thiên cơ.

Bụng lép, không có bát ăn; bụng to như cái túi là cái gì cũng hiểu, cũng biết. Một nhà nhận xét tướng mạo đời Hán là Hứa Phụ cho rằng: Bụng nhỏ mà thấp thì giàu có lâu dài; bụng to mà sệ sẽ nổi danh thiên hạ; bụng như cái túi, cả vạn nước biết tiếng; bụng như bụng chim, nghèo hèn không có nhà mà ở...

Các nhà xem tướng bụng đưa ra một thuật ngữ đặc biệt, đó là "Tam Nhâm". Tam Nhâm là chỉ hình trạng bụng. Bụng ngày càng to, chỉ tướng phúc và thọ. Nhà nhận xét tướng mạo Viên Cung đã nói: "Nếu bụng tròn dày là siêu luân của Tam Nhâm, nếu da thô mà nặng, hoặc bụng như bụng chim là tướng bệnh tật, nghèo hèn... Lung không Tam giáp, bụng không Tam nhâm, nếu cú chiêm nghiệm thì thấy đó là tướng không thọ, chết yếu"

Chúng ta có thể thấy rằng nếu chỉ nhìn bụng mà biết phúc họa thì không có căn cứ, còn phải kết hợp với nhiều yếu tố khác nữa.

4. Rốn

Rốn là nguồn gốc của gân và mạch, là cơ quan

thống lĩnh lực phủ ngũ tạng. Do đó, ưu thế và yếu thế của hình dạng tướng mạo của bụng và rốn có quan hệ đến sống lâu, chết yếu và hiểu biết, ngu si. Rốn là mảnh đất tập hợp của các mạch trong con người. Rốn sâu và rộng là người hiểu biết, có phúc; hẹp mà cạn thì nghèo, bạc mệnh. Nếu rốn hướng về phía dưới thì có phúc và hiểu biết, hướng về phía trên thì nghèo mà ngu, thấp thì tư lự và suy nghĩ sâu xa, cao thì dốt nát; cạn mà nhô lên thì không có tướng làm quan làm tướng.

Rốn sâu mà rộng, đây là tướng phú và quý. Còn như rốn và bụng giống như của Lão Tử thì tiếng thơm vang nghìn dặm. Ngô phu nhân, vợ của Tôn Kiên đòi Hậu Hán, rốn sâu có nổi hạt, đẻ ra 4 con trai, trong đó có 2 người con là anh kiệt, mệnh hết sức quý.

CHƯƠNG VII

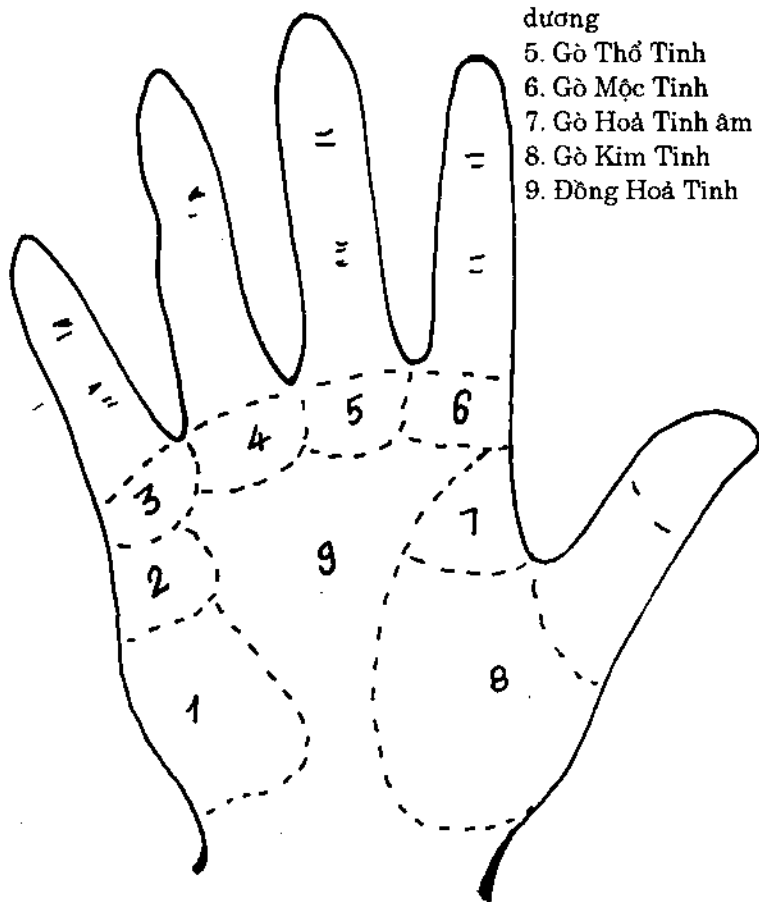
CÁC LOẠI TƯỚNG

TƯỚNG TAY

Tướng thuật cho rằng: chân tay - tứ chi, là biểu tượng của 4 mùa: xuân, hạ, thu, đông; nếu gộp thêm cả đầu vào thì còn thêm ý nghĩa của Ngũ hành: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Bốn mùa mà không điều hòa, ngũ hành không hợp, vạn vật khó sinh trưởng. Tứ chi không đều, không cân đối con người sẽ hoạt động khó khăn, do đó độ dài, ngắn, lớn, bé, béo, gầy của tứ chi đều có ảnh hưởng đến mệnh lý.

Tổng thể mà nói: Bàn tay, những đường chỉ trên bàn tay cùng với bộ mặt, phong cách, dáng điệu đi đứng, ăn nói của con người đều ứng vào tướng mệnh. Dựa theo phương pháp chiết tinh ngũ hành Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ là những vì tinh tú có tác động đến con người. Các nhà tướng thuật

1. Gò Thái Âm
2. Gò Thủy Tinh
3. Gò Thái Dương
4. Gò Hoà Tinh dương
5. Gò Thổ Tinh
6. Gò Mộc Tinh
7. Gò Hoà Tinh âm
8. Gò Kim Tinh
9. Đồng Hoà Tinh



Hình các gò của bàn tay

phương Đông cũng như phương Tây đã chia tướng mạo bàn tay thành nhiều phần:

A. CÁC GÒ TRONG LÒNG BÀN TAY.

Lòng bàn tay có 7 gò.

1. Gò Mộc tinh: Nằm dưới ngón trỏ, xác định tính tự phụ, tham lam, kỳ vọng, luôn muốn áp đảo kẻ khác. Trong khoa Chiêm tinh, Mộc tinh chỉ óc tìm tòi, khảo cứu ham hiểu biết của con người.

Gò Mộc tinh thật cao và ngón trỏ trội, người có bàn tay như thế thường tự phụ, tự hào, nhưng giàu tin tưởng, hay thiên về tin ngưỡng.

Gò Mộc tinh đầy đặn, không cao và ngón trỏ thon, người có bàn tay như thế ước vọng cao xa, nhiều ham muốn, đời sống hạnh phúc.

Gò Mộc tinh đều, ngón trỏ dài, đầu ngón tay thon, là người có tài lãnh đạo, có danh vọng trên đường binh nghiệp, nhiều nghị lực.

Gò Mộc tinh trũng, người như thế ít ham muốn, lười, vị kỷ, là hạng người tầm thường.

2. Gò Thổ tinh: Nằm dưới ngón giữa, xác định tính cương nghị, tài tranh luận, cẩn thận về tiền nong, có năng khiếu về trồng trọt, biết đoán may rủi cho vận mệnh.

Gò Thổ tinh đầy và ngón giữa mảnh khảnh, chỉ người có nhiều suy nghĩ vu vơ, ước vọng quá nhiều trở thành ảo vọng.

Gò Thổ tinh đầy đặn và ngón giữa cao hơn hẳn các ngón, người như thế ích kỷ, cá nhân, không thích giao du nếu không có lợi.

Gò Thổ tinh đầy cùng ngón giữa nhọn là người hay bí quan, ương ngạnh, nhưng dễ bộc lộ tâm tình.

Nếu gò Thổ tinh cao, người đa sầu, đa cảm.

Gò Thổ tinh đầy đặn, đốt giữa của ngón giữa đều đặn là người tinh khôn, có thực tài.

Gò Thổ tinh cao, đốt chót của ngón giữa to là người keo kiệt, biển lận, gò càng nổi cao, tính keo kiệt càng nhiều.

Gò Thổ tinh đầy đặn, ngón giữa thon, bàn tay có đường Tâm mờ ảo, người tính tình bạc nhược, thất vọng, buồn nản, thiếu nghị lực.

Gò Thổ tinh trũng, người hèn hạ, khốn khổ.

Gò Thổ tinh rộng, đầy và cao hơn các gò khác, dù đường sinh mệnh bị đứt nhiều khúc, người này vẫn sống lâu, về già vẫn có phúc đức.

3. Gò Thái dương: Nằm ở dưới ngón thứ tư kề ngón út, biểu hiện khả năng về nghệ thuật. Cũng

như gò Mộc tinh, gò Thái dương xác định sự ham muốn, cao thượng, muốn có danh vọng, quyền thế.

Nếu có gò Thái dương đầy đặn, người vui vẻ, xã giao rộng, đa cảm, thích trầm lặng, có nhân cách.

Gò Thái dương đầy đặn cộng với ngón thứ tư dài, người như thế có tài kinh doanh, tính tình lạc quan.

4. Gò Thủy tinh: Nằm dưới ngón út, xác nhận tài hoạt bát, xã giao rộng, giỏi tranh luận.

Gò Thủy tinh nổi cao, có ngón út cao, người xảo trá, khó lường, lừa thầy phản bạn.

Gò Thủy tinh trũng, người hiền, kém về buôn bán, mê cờ bạc, ti tiện.

5. Gò Kim tinh: Nằm dưới ngón cái, lấn lướt cả đốt thứ hai của ngón cái, có đường Sinh mệnh hình vòng cung phân chia ranh giới với các gò khác. Gò Kim tinh xác định sức khỏe, sinh mạng và tình cảm của con người.

Gò Kim tinh nẩy nở, đầy đủ, người giàu nhân ái, đức độ, sống lâu, đa tình. Gò Kim tinh càng nổi cao càng có nhiều ham muốn được gần với người khác phái.

Gò Kim tinh càng nổi cao ở phía dưới, người

như thế âm đang có lúc cuồng bạo.

Gò Kim tinh đầy đặn là người say mê sắc đẹp, ưa làm đẹp lòng người khác phái, đa tình.

6. Gò Hỏa tinh: Gò Hỏa tinh tương đối phức tạp, có 3 phần: Hỏa tinh dương, Hỏa tinh âm, Đồng hỏa tinh.

- Gò Hỏa tinh dương nằm ở giữa 2 gò Mộc tinh và Kim tinh.

- Gò Hỏa tinh âm nằm giữa 2 gò Thủy tinh và Thái âm.

- Phần còn lại ở giữa bàn tay là Đồng Hỏa Tinh. Mỗi khu vực có giá trị khác nhau:

Gò Hỏa tinh dương chỉ sự hiếu thắng, can đảm của con người, như chiến binh, hiệp sĩ.

Gò Hỏa tinh âm đối diện với Hỏa tinh dương, xác định vật chất và tinh thần của con người.

Bàn tay có 2 gò Hỏa tinh âm và Hỏa tinh dương đều đầy đặn, người này có thể làm xáo trộn tất cả hoàn cảnh, không hề lùi bước trước khó khăn.

Đồng Hỏa tinh phát triển sẽ tăng cường hiệu quả của 2 gò Hỏa tinh âm và Hỏa tinh dương.

Bàn tay có 2 gò Hỏa tinh âm và Hỏa tinh dương

đều phát triển thì bản tính con người này hết sức hung bạo.

7. Gò Thái âm: Đóng ở rìa bàn tay, dưới gò Hỏa tinh âm, xác nhận sức tưởng tượng, mơ mộng.

Gò Thái âm đầy đủ, cao rộng, người có óc phiêu lưu, nay đây mai đó, có đầu óc sáng tạo.

Gò Thái âm nổi quá cao và mềm, người bất nhất, đầy tham vọng, nghiêng ngã.

Gò Thái âm cao, đầy đặn, người như thế có khả năng sáng tạo, có danh vọng trên đường nghệ thuật.

Các gò trên bàn tay đều có ảnh hưởng lẫn nhau, liên quan với nhau chặt chẽ. Bác sĩ J.Ranald có nhận xét: Nghiên cứu giá trị của bàn tay đòi hỏi quán triệt một cách rõ ràng giá trị của các gò và ảnh hưởng tương quan của nó.

B. CÁC ĐƯỜNG CHỈ TAY.

. Các loại chỉ tay.

Qua điều tra, nghiên cứu bác sĩ J.Ranald đã nêu ý kiến: "Có bàn tay nhiều đường chỉ, có bàn tay ít đường chỉ. Bàn tay con người có khoảng 15 loại

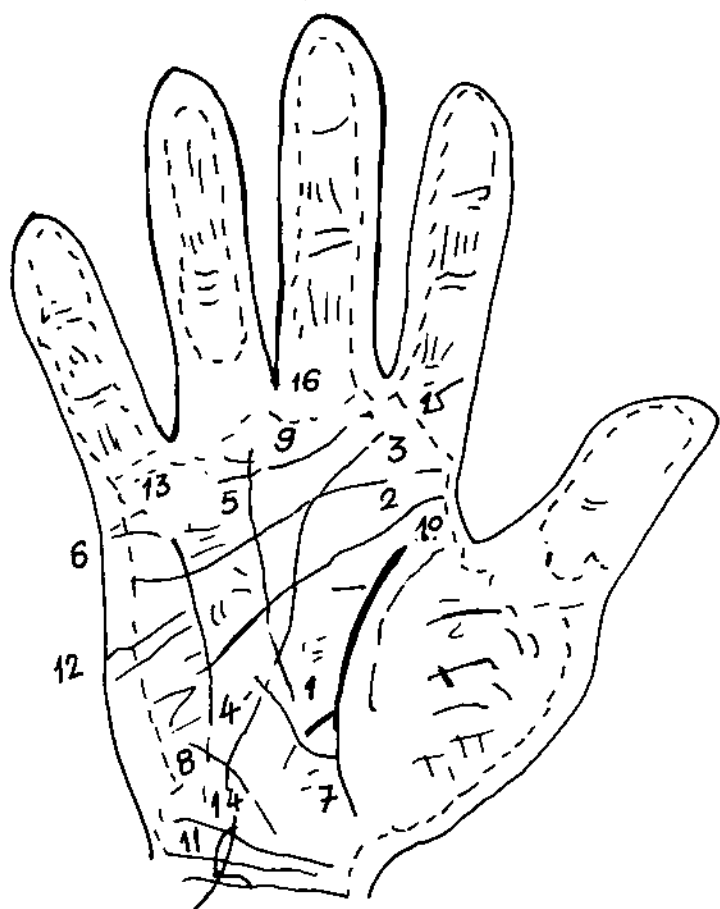
đường chỉ. Nắm được 15 đường chỉ tay thì có thể biết được cuộc đời, ước vọng hoặc gian lao của con người, nhất là đối với trẻ em. Biết trước được sự việc sẽ xảy ra, cha mẹ các em có điều kiện hướng dẫn các em trên đường đời, tránh được những tai họa, cuộc sống sẽ yên tâm, hạnh phúc.

15 loại chỉ tay:

- | | |
|---------------------|-------------------------|
| 1. Đường sinh mệnh | 9. Đường kim tinh |
| 2. Đường trí tuệ | 10. Đường sinh mệnh đôi |
| 3. Đường tâm | 11. Đường du lịch |
| 4. Đường định mệnh | 12. Đường tử tức |
| 5. Đường thái dương | 13. Đường âm dục |
| 6. Đường hôn nhân | 14. Đường mộc tinh |
| 7. Đường sinh lực | 15. Đường thổ tinh |
| 8. Đường sinh lý | |

Giá trị của các đường chỉ tay phụ thuộc vào độ rộng hẹp, nông sâu, dài ngắn, thẳng cong, đứt đoạn hay đậm nhạt.

+ Đường chỉ rộng, tràn đầy: tượng trưng cho một mạch nước khác thường, nếu sâu thì tốt, còn cạn thì người đó thiếu xét đoán, suy nghĩ.



1. Đường Sinh mệnh
2. Đường Trí tuệ
3. Đường Tâm huyết
4. Đường Định mệnh
5. Đường Thái dương
6. Đường Hôn nhân
7. Đường Sinh lực
8. Đường Sinh lý

9. Đường vòng Kim tinh
10. Đường Sinh mệnh đôi
11. Đường Ngấn cườm tay
12. Đường Du lịch
13. Đường Tử tức
14. Đường Dâm dục
15. Đường vòng Mộc tinh
16. Đường vòng Thổ tinh

+ Đường chỉ cạn: tượng trưng cho lạch nước có khúc nông. Người có đường chỉ tay như thế, tính cách mập mờ, thiếu quyết đoán, cuộc đời ngắn ngủi.

+ Đường chỉ sâu: tượng trưng cho con suối chảy ào ạt mạnh mẽ từ núi ra, không gì ngăn cản được.

Con người có đường chỉ tay sâu có tính tốt, dám xông thẳng vào cuộc sống đầy chông gai, gánh chịu tổn thất nhưng cũng tận hưởng thành quả.

Nếu đường chỉ sâu trên bàn tay có đứt đoạn, người đó sẽ gặp nhiều trở ngại nhưng chỉ là tạm thời.

+ Đường chỉ rõ ràng: người có bàn tay như thế đáng hãnh diện vì tính tình chín chắn, chính xác, không thất hứa.

+ Đường chỉ mờ: người có bàn tay mà các đường chỉ mờ tượng trưng cho bản chất thâm hiểm, không dứt khoát, mập mờ, trí trá.

+ Đường chỉ thẳng: xác định cuộc đời ít trắc trở.

+ Đường chỉ ngoằn ngoèo: tượng trưng cho con người đa nghi, chẳng tin ai, ý kiến luôn thay đổi.

+ Đường chỉ bị cắt: xác định những người có

cuộc đời luôn gặp nguy hiểm, gian lao, bệnh tật và chết chóc.

Cần phân biệt đường cát với đường đứt quãng. Đường đứt quãng là đường có nhiều khúc không đều nhau, không thành đường; còn đường cát là đường nguyên vẹn, bị cắt ở quãng nào đó.

+ Đường chỉ tay dài, rõ: người thông minh. Đường chỉ ngắn là ngu hèn.

+ Đường chỉ mềm mại quấn quện vào nhau: có nhiều tiền của, dư dật.

+ Đường chỉ tay cứng và sơ sài là người hèn hạ.

+ Đường chỉ như mũi hành: người luôn có bổng lộc.

Mỗi bàn tay con người có đường nét riêng biệt có bàn tay nhiều đường chỉ, có bàn tay ít. Bác sĩ Ranald (người Áo) chỉ chú ý đến hơn 10 đường chỉ chính.

Nắm và hiểu những đường chỉ này chúng ta có thể biết được cuộc đời, ước vọng hoặc gian nan trong mỗi con người. Từ đó có thể lái chúng ta trên đường đời thản nhiên bình tĩnh chống tai họa, vui mừng khi thành công

1. Đường Sinh mệnh bao vòng theo gò Kim tinh,

xác định: cuộc đời, bản năng, thực chất, cũng như sinh hoạt

2. Đường Trí tuệ nằm vắt ngang theo chiều rộng của lòng bàn tay, từ gò Hỏa tinh dương đến Hỏa tinh âm, chỉ ý chí, chỉ bản tính và tâm linh, trí thông minh của con người.

3. Đường Tâm huyết nằm vắt ngang qua lòng bàn tay, dưới các ngón, trên đường Trí tuệ, chỉ tình tốt hay xấu, thể hiện đời sống tâm tư tình cảm con người.

Ngoài 3 đường chính như trên còn có các đường phụ:

4. Đường Định mệnh: nằm dọc theo bàn tay, bắt nguồn từ tay chạy thẳng lên ngón giữa. Đường này hoặc ngắn hoặc dài. Đường Định mệnh nói tổng quát cuộc đời.

5. Đường Tài mệnh: nằm cạnh đường Sinh mệnh hoặc trên gò Thái âm hướng về ngón, gần ngón út. Thực ra đây mới chính là định mệnh. Nó nói lên sự thành bại trên đường đời, danh vọng, tiền tài cũng như khả năng sinh hoạt.

6. Đường Sinh lý nằm ở rìa bàn tay, trên gò Thái âm, nó chỉ ảnh hưởng sinh lý và cá tính.

7. Đường Hôn nhân ở dưới ngón út, gần đường Tâm huyết chỉ giá trị và hình thức của những cuộc hôn nhân.

Ngoài ra, cổ tay có các ngón để xác định một số giá trị khác của bàn tay.

Tuy nhiên, những đường Định mệnh, Thái dương, Sinh lực cũng có những giá trị nhất định và ảnh hưởng đến đời sống tâm tư và sức chiến đấu của con người.

Giá trị thực tế của đường chỉ tay

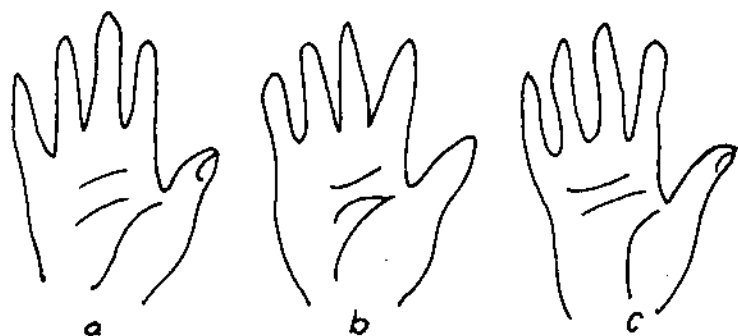
1. Đường Sinh mệnh

Đường Sinh mệnh bao gồm gò Hòa tinh dương và gò Kim tinh, bắt nguồn từ thân dưới gò Mộc tinh, chạy xuống thành vòng cung. Đường Sinh mệnh là đường độc nhất chỉ tuổi thọ của con người. Đường Trí tuệ, đường Tâm huyết và ngón cái tốt, luôn tăng cường hỗ trợ và biến đổi được những triệu chứng xấu do đường Sinh mệnh gây nên. Cho nên, muốn xác định những trường hợp nguy hiểm liên quan đến tính mạng, bệnh tật của con người cần xét đến liên quan ảnh hưởng giữa đường này với các chi tiết khác trong bàn tay. Nếu đường Sinh mệnh bị cắt

đứt thành nhiều đoạn, hoặc gồm nhiều đường tiếp nối nhau là biểu hiện sự sút kém về sức khỏe phát ra từ bộ máy tiêu hóa. Nếu đường Sinh mệnh bắt nguồn thật cao dưới ngón trỏ, người ấy sẽ tự phụ kiêu căng, nhiều tham vọng và biết sử dụng khả năng hoạt động của mình để thỏa mãn tham vọng.

Nếu đường Sinh mệnh bắt nguồn thấp sẽ có một giá trị ngược lại. Đa số các bàn tay, đường Sinh mệnh bắt nguồn từ đoạn giữa các ngón tay cái và trỏ - Hình thức này bình thường.

Sự chấm dứt của đường Sinh mệnh cũng có nhiều hình thức như 3 mẫu dưới đây:



Mẫu 3 bàn tay

Nếu phần kết thúc của đường Sinh mệnh rẽ về gò Thái âm (hình a) nghĩa là về phía rìa bàn tay, chúng tỏ sự khuấy động, phiêu lưu, nay đây mai đó, mà không dừng chân lại chỗ nào nhất định, không ở quê hương.

Nếu đường Sinh mệnh có hình vòng cung, gần bao trùm cả vùng gò Kim tinh (hình b) người có nhiệt tâm, độ lượng, giàu lòng thương người.

Nếu đường Sinh mệnh chạy qua gò Kim tinh thu nhỏ lại (c) đó là người ích kỷ, hẹp hòi, lạnh nhạt.

Bác sĩ Ranald nêu: nếu đường Sinh mệnh thuần nhất, không bị các yếu tố khác chi phối, thì từng đường Sinh mệnh sẽ có những sự xác định khác nhau:

- Đường Sinh mệnh hình như ruột gà, người đó sẽ bị bệnh đau mắt, như cận thị, nặng có thể mù lòa.

- Đường Sinh mệnh bị cắt ngang bởi nhiều đường, người đó sẽ gặp nhiều thất bại, hiểm nguy, lo âu.

- Đường sinh mệnh có nhánh rẽ, người đó bị thần kinh trầm trọng. Tùy theo từng thời kỳ phát bệnh.

- Đầu đường Sinh mệnh từ chỗ bắt nguồn,

khoảng giữa hai ngón tay cái và trỏ, có nhiều đường chỉ vắt ngang và có cù lao, người đó bất hạnh lúc nhỏ và có thể là "con ngoài giá thú".

- Đường Sinh mệnh bị đường xuất phát từ gò Kim tinh cắt đôi, người đó gặp nhiều trắc trở trong hôn nhân. Nếu có kèm theo một hình vuông thì hôn nhân sẽ đứt đoạn nhiều lần.

- Đường Sinh mệnh có hình dáng như một sợi dây xích thì suốt cuộc đời sẽ khổ não, ê chề, gặp nhiều điều bất hạnh.

- Đường Sinh mệnh không đều, rộng hẹp không đều là người tính nết buông thả, không mầu mực, ương ngạnh. Khoảng rộng là thời gian xảy ra, dài hay ngắn tùy theo ấn tượng trên đường chỉ tay đó.

- Đường Sinh mệnh rộng, có màu thẫm là người tính tình hung bạo, hoang dã; hồng hào là người ưa đơn giản, làm việc phải.

2. Đường Trí tuệ

Bác sĩ Ranald nêu: "Đường Trí tuệ là hệ thống để quan sát tâm trí của mỗi con người, từ đó bắt nguồn khả năng tư tưởng, chiều sâu rộng của trí thông minh. Do đó, đường Trí tuệ được xem như

là một trong những đường chỉ chủ yếu của bàn tay.

Bình thường, đường Trí tuệ chạy theo chiều ngang của lòng bàn tay, ở giữa bàn tay bên dưới các ngón tay. Nhận xét đường Trí tuệ phải cẩn thận tỉ mỉ, vì mỗi hình thức dù nhỏ của đường này cũng có một ý nghĩa, một giá trị không thể bỏ qua được. Khi quan sát đường Trí tuệ phải quan sát cả 2 bàn tay trái và phải.

Cá tính, bản năng và năng khiếu của mỗi người có liên quan mật thiết đến yếu tố di truyền, chịu sự chi phối của yếu tố ấy. Bàn tay phải chỉ khả năng hoạt động thực tế của mỗi con người. Bàn tay trái là tất cả những điều thiêng liêng đã có sẵn. Đó là trường hợp của người quen sử dụng tay phải, (cũng có người hoạt động tay trái). Đường Trí tuệ rõ ràng, sâu đậm, và có màu sắc hồng hào, người như thế có tính suy xét, tư tưởng trong sạch, trí nhớ dồi dào và giàu nhân ái, ham hoạt động.

Đường Trí tuệ nông và cạn, chứng tỏ con người không rõ ràng, thiếu tự tin, xét đoán nông cạn; nếu có đường chỉ như sợi cỏi, người đó nhẹ dạ, dễ tin người. Ở đây cần nói đến sự liên quan giữa đường Sinh mệnh và đường Trí tuệ. Ví dụ đường Sinh mệnh tỏ ra có một căn bệnh ngặt nghèo, thì lúc

đó đường Trí tuệ sẽ sút kém, cao hơn sẽ thấy đường Tâm huyết xáo trộn, tâm hồn biến loạn.

Đường Trí tuệ mà gãy là dấu hiệu xấu. Mỗi quãng gãy là dấu hiệu của một sự xáo trộn về tinh thần, mất quân bình về tâm tính, cũng có thể mất trí, nếu ở cuối chỗ bị gãy, hay bị cắt lại xuất hiện một chấm, hay một cục thịt nhô lên thì sự đảo loạn càng nhiều. Nếu chỗ gãy như bị cắt nằm trong hình vuông hay hình chữ nhật nối liền với đường đôi nằm song song đường chính, trường hợp này, dù đã đến tình trạng bị đứt cũng có thể cứu vãn được.

Đường Trí tuệ bắt đầu từ đường Sinh mệnh hình dạng như hình B1 ở trên thì người đó thiếu tính tự tin, nhút nhát, uơ hèn, không muốn giao thiệp, không lịch thiệp, kém hoạt bát, suốt đời người này



A1



B1



C1

không làm được việc gì có danh tiếng.

Đường Trí tuệ gần như chấm dứt ở khoảng giữa của đường Sinh mệnh và ngón út, người đó sẽ giàu kiến thức, độc lập tự tin, tự trọng, can đảm, không chịu để sút kém so với một ai. Đường Trí tuệ như thế này người đó sẽ giàu tham vọng và có khả năng đạt được lòng mong muốn. Nếu đường Trí tuệ này mà sâu, đậm, người đó sẽ thành công.

Nếu khoảng cách giữa đường Trí tuệ và Sinh mệnh rộng mà đường Trí tuệ lại chấm dứt ở gần với ngón út thì tinh tự tin sẽ trở thành tinh táo bạo.

Đường Trí tuệ phát nguồn cùng chỗ với đường Sinh mệnh, rồi chệ ra, nếu khoảng dính của hai đường Trí tuệ và Sinh mệnh dài là người cẩn thận, nhưng nhút nhát và sống nhờ vào người khác; khoảng dính nhau này nếu càng sớm chệ ra thì người đó sớm tự tin và tự lập.

Đường Trí tuệ thẳng bằng là người vững chắc, tự tin, có chủ định, không quá thiên về lợi lộc, vật chất.

Đường Trí tuệ thẳng sẽ đánh đổ được tính yếu hèn của một đường Trí tuệ gần như bị đường Sinh mệnh chi phối và giảm được sự hèn nhát của một

đường Trí tuệ bắt đầu từ đường Sinh mệnh.

Đường Trí tuệ bắt đầu từ ngoài đường Sinh mệnh chạy thẳng sẽ xác định được giá trị cao độ của đường này.

Đường Trí tuệ chạy sâu về gò Thái Âm, hình cong, người như thế sẽ tưởng tượng và ham kiểu cách. Trường hợp này, nếu gặp phải bàn tay yếu, thiếu ý chí, người đó sẽ xa hoa, say mê, phù phiếm, ngập trong hoan lạc, không tỉnh ra được, mơ mộng hão huyền. Nếu là đường thẳng thì sẽ là những văn nghệ sĩ. Người đó thuộc về phái nữ thì sẽ nổi tiếng về âm nhạc - vũ đạo.

Đường Trí tuệ chạy về gò Thủy tinh cong như lưỡi liềm là người rất thực tế, có khả năng hoạt động kỹ nghệ. Trường hợp này, nếu nằm trong bàn tay hẹp, người ấy sẽ bất chấp tất cả dư luận, lý trí để hoàn thành tham vọng về của cải tiền bạc. Nếu bàn tay rộng, người ấy sẽ làm thiệt hại về của cải tiền bạc của chính mình. Nếu là bàn tay rộng, người ấy sẽ giảm được tính bủn xỉn, keo kiệt nhưng vẫn đầy tham vọng, cố đạt cho được.

Đường Trí tuệ thẳng, phát nguồn gần ngón tay trỏ, chạy về gò Thủy tinh, người ấy nổi danh về kịch. Nếu

đường Trí tuệ nhu hai đường cong, một rẽ về phía dưới, một rẽ về phía trên, gần giống chữ S, người này sẽ trở thành lục sĩ ham muốn cường tráng.

Đường Trí tuệ nhu cái "Chĩa", nghĩa là nơi chấm dứt rẽ làm hai hay nhiều nhánh, sẽ có những ý nghĩa khác nhau, tùy theo kiểu bàn tay. Nếu là bàn tay mạnh cứng, nhánh thứ nhất chạy thẳng, người ấy sẽ có nhiều ham muốn về mọi mặt; nhánh thứ hai rẽ về gò Thủy tinh thì người đó khôn khéo, lịch duyệt, hiểu biết đời, giàu cách xử sự; nhánh thứ ba rẽ về gò Thái âm, người đó có tiền của, giàu sang, hiển vinh. Nếu là bàn tay yếu mềm, người này thiếu hẳn những điều may mắn như trên, trí trá, thiếu suy nghĩ.

Đường Trí tuệ rẽ đôi, người đó sẽ hưởng gia tài của cải đến một cách bất ngờ.

Đường Trí tuệ chạy lên hướng dính với đường Thái dương, người ấy làm giàu từ nghệ thuật.

Đường Trí tuệ chạy xuống gò Thái âm, người hay tin vào những điều mê tín, dị đoan, cúng bái.

Đường Trí tuệ chạy thẳng lên gặp đường Tâm huyết ở dưới ngón thứ 4 là người tướng yếu; nếu gặp dưới ngón út, sẽ chết đột ngột.

Đường Trí tuệ quá ngắn là người thiếu thông minh hay thù vật, thiếu thận trọng, không giải quyết dứt khoát được việc gì.

Đường trí tuệ chạy ngang cả bàn tay là người tự cao, tự đại.

Đường trí tuệ ngắn, mờ, người đó thường gặp chuyện không may, số kiếp bất hạnh.

Đường chí Tuệ ngắn và đậm, người thô lỗ phản phúc.

Đường chí Tuệ ngoằn ngoèo là người hay nản chí, thiếu tinh tự tin, đường chí ngoằn ngoèo, mau thay đổi, người loại đó dễ tiện, gian xảo. Nếu đường chí gút mắc, lu mờ người này thích sống gây gổ. Nếu đậm, có gút, người đó liều thân, mẫu bàn tay này nguy hiểm.

Đường chí tuệ đứt làm nhiều đoạn, người này thường bị chứng bệnh đau óc, nếu những đoạn này thật đậm, người có thể loạn thần kinh. Đoạn cắt nằm ngay dưới gò Thọ tinh, cần đề phòng khi trèo cao, nhảy xa, có thể ngã gãy chân hoặc chết.

Nếu đường Trí tuệ đóng thật cao, gần sát với đường Tâm huyết, người này rất mực thuốc, có khả năng kìm hãm mọi ham muốn của chính mình. Trái

lại cùng trường hợp này mà đường Tâm huyết ở thấp, sát đường Trí tuệ, như vậy người đó hành động hoàn toàn theo bản năng trước tất cả những điều gì mà mình ham muốn. Người này không đủ khả năng để khắc phục nỗi ham muốn thèm khát mọi mặt.

3. Đường Tâm huyết

Đường Tâm huyết ở trên đường Trí tuệ, vị trí này tạo nên nét cuối của chữ "M". Đường Tâm huyết rất quan trọng. Đó là dấu hiệu biểu lộ tâm tình, tình cảm và tư cách của mỗi con người. Đường Tâm huyết thể hiện tất cả những điều suy nghĩ, sự rung động của con tim, tình tình nhu mì hay cộc cằn, thô lỗ.

Đường Tâm huyết chạy ngang qua bàn tay là thước đo khả năng ham muốn và xác nhận sự bành trướng của tâm tư tình cảm con người. Dĩ nhiên cũng như những đường khác trong lòng bàn tay, đường Tâm huyết vẫn liên quan mật thiết với các đường khác nhất là đường Trí tuệ.

- Đường Tâm huyết tốt, phải hội tụ đủ những yếu tố như: rõ ràng, sâu đậm, không quá rộng, không quá hẹp, không lu mờ, màu sắc hồng hào.

Một đường Tâm huyết đều đặn không gãy không có gút, người đó giàu ý chí, bền gan, chính trực, suy nghĩ chín chắn.

- Đường Tâm huyết mỏng, thì người đó tính tình lạnh nhạt, đứng đắn, ôn hòa.

- Đường Tâm huyết rộng, hơi cạn, người sẽ dễ cảm xúc và cũng dễ phẫn nộ, nhưng lúc nào cũng dễ mẫn.

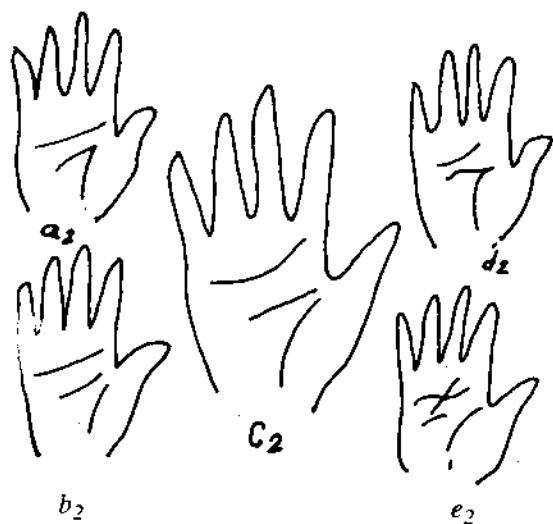
- Đường Tâm huyết sâu, ngoằn ngoèo là người không chừng mực, hay thay đổi ý kiến. Loại đường Tâm huyết này cũng biểu lộ tính đam mê dục vọng, nhưng chỉ trong thời gian ngắn. Người có bàn tay này luôn luôn thay đổi nhân tình, say mê ái tình và cũng có thể vì ái tình. Nếu có những đường nhỏ chạy cắt ngang đường Tâm huyết, người này sẽ gặp nhiều bất hạnh trên đường tình ái hoặc hôn nhân.

Nếu đường Tâm huyết rẽ thành nhiều nhánh, mỗi một nhánh từ đường Tâm huyết chạy về gò nào, tâm tình sẽ chịu ảnh hưởng của gò đó. Nhiều nhánh rẽ từ đường Tâm huyết chạy sang đường Trí tuệ, sẽ có mâu thuẫn của 2 đường ấy. Cần phải nghiên cứu tỉ mỉ mới tránh khỏi sự lầm lẫn có thể có. Nhiều nhánh nhỏ từ đường Tâm huyết chạy

xuống đường Tri tuệ, xác nhận lương tri và tình cảm nhất là về ái tình, lương tri bị tình cảm lấn át.

Cần quan sát từng đoạn của đường Tâm huyết vì mỗi đoạn đều có đặc thù riêng, đường Tâm huyết có thể chạy thẳng đến 1 gò nào đó trong lòng bàn tay, giữa rìa bàn tay và giữa bàn tay.

- Nếu đường Tâm huyết phát nguồn từ rìa bàn tay (xem hình C2) vắt ngang trọn bàn tay, là người



đa cảm, mù quáng trong ái tình, có thể dùng mọi hình thức, mọi thủ đoạn để chiếm cho được trái tim của người tình, dù có mất danh dự cũng phải chinh phục bằng được. Nói kỹ hơn, loại người này có thể xâm phạm thân thể phụ nữ dẫn đến phạm tội hình sự, còn không thì lừa phỉnh rồi đánh "bài chuẩn".

- Đường Tâm huyết phát nguồn từ dưới ngón tay trỏ (hình b2) người đó chết ngộp vì tình, nhưng còn đủ lương tri kìm hãm được dục vọng của mình. Trường hợp này cần để ý: Nếu chỗ phát nguồn ở gò cao, sát ngón trỏ, tình yêu thanh khiết. Nếu thấp, càng xa ngón trỏ càng nghiêng về dục vọng.

- Đường Tâm huyết bắt nguồn từ giữa 2 ngón trỏ và ngón giữa (hình a2) người rất thực tế trong tình ái, biết lựa chọn tình yêu, có ý thức chinh phục do đó có hiệu quả. Đây cũng là trường hợp những người đặt tình ái vào tình gia đình, nghĩa là rất chung thủy, trọng nghĩa vợ chồng.

- Đường Tâm huyết bắt nguồn từ gò Thổ tinh (hình d2) thuộc mẫu người dâm dục quá độ. Trường hợp này cần quan sát gò Kim tinh. Gò Kim tinh càng nở, người càng nhiều dục tính. Nếu là nữ có thể là kẻ bán dâm, còn nam nhiều tật xấu về quan hệ nam nữ.

- Đường Tâm huyết bắt nguồn từ 3 nhánh. Nhánh thứ nhất dưới ngón trỏ, thứ hai dưới ngón giữa, thứ ba nằm giữa hai ngón trỏ và giữa (hình e2) chỉ người rất mực thuộc trong ái tình, nghĩa là tính toán cẩn thận trong tình yêu, tình trường. Nếu lòng bàn tay có đường Trí tuệ đầy đủ và ngón cái to, người giàu tình cảm hơn dục vọng.

- Đường Tâm huyết bị đứt nhiều quãng, quãng đứt nằm vị trí nào sẽ ảnh hưởng đến vị trí đó. Nếu nằm ngay dưới ngón giữa, người này sẽ chết yếu. Nếu nằm dưới ngón thứ tư kề ngón út, là người tự phụ. Nếu nằm giữa 2 ngón thứ tư và út thuộc loại người keo kiệt, đần độn. Nếu nằm ngay dưới ngón út, người nhỏ nhen, hẹp hòi. Nếu đường Tâm huyết đứt nhiều khoảng ở nhiều vị trí không nhất định, người này thay đổi vợ như thay áo.

- Đường Tâm huyết cắt đứt đường Trí tuệ, người bị xáo trộn tâm thần. Nếu đường Tâm huyết lấn át đường Trí tuệ, người đó mất trí.

- Đường Tâm huyết và đường Trí tuệ gặp nhau, người đó có tính ích kỷ, tham lam, quan hệ xằng bậy, không tự chủ được tâm tính mình.

- Đường Tâm huyết dài, người có số đào hoa, có

hiều năng lực ái tình. Nếu là phái nữ, người yêu thương thầm kín, nhưng rất ghen tuông và hay ghen ngầm.

- Cuối đường Tâm huyết và đường Tri tuệ không gặp nhau, rẽ thành hai, người đó có nhiều thiên tu, thông minh, lịch lãm, nhiều mưu lược, nhìn mọi việc và phán đoán nhanh chóng, nhưng cũng thuộc loại người gian trá, xảo quyệt.

- Đường Tâm huyết đậm nhưng nghèo nàn, người này yêu đương thạo, tính ghen tuông.

- Đường Tâm huyết của 2 bàn tay đều có gút, có nút mắc, sâu đậm chỉ người có tính hung bạo, giết người. Nếu đường Tâm huyết ngắn, độ chừng 1/3 bàn tay thì sự phán đoán này càng chính xác hơn. Nếu bàn tay người ấy cứng và khô khan, ngón gồ ghề thì con người này rất nguy hiểm và là mẫu người có tính sát nhân.

- Đường Tâm huyết nghèo nàn có gút, mắc, người suốt đời đau đớn, khổ sở vì gặp phải người vợ dữ tợn, hung ác và dâm dăng, người này cũng có thể bị bạo bệnh.

- Đường Tâm huyết bị nhiều gạch chéo nhau là người đau khổ vì tình duyên, hoặc gặp cảnh bất

hạnh trong hôn nhân, tình vợ chồng luôn xáo trộn, đi đến sự tan rã.

- Đường Tâm huyết vắt ngang trọn bàn tay và có một nhánh rẽ lên gò Mọc tỉnh, là người giàu tình cảm, ham muốn.

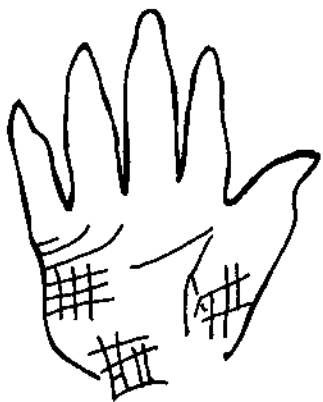
- Đường Tâm huyết, Trí tuệ và Sinh mệnh dính nhau sát ngón trỏ, người đó bất hạnh về tình duyên. Nếu dính nhau ở giữa chừng 2 ngón cái và trỏ, người này dễ chết 1 cách đột ngột, nếu dính nhau sát ngón cái, có thể tự sát. Nhiều người bàn tay thiếu đường Tâm huyết, đó là người cực kỳ nham hiểm độc ác. Nếu bàn tay mạnh thì là người bạo ngược, hoang dã vô độ. Nếu là bàn tay mềm yếu thì, kém thông minh hoặc mắc phải chứng bệnh hiểm nghèo. Lại có trường hợp chỉ có 1 đường duy nhất không có đường Tâm huyết và Trí tuệ. Đây là trường hợp rất hiếm, những người có loại bàn tay như thế này thường có quyết định sâu sắc, kiên quyết, khó lay chuyển, nhiều tham vọng.

4. Đường hôn nhân

Đường Hôn nhân là đường chỉ nằm sát mép bàn tay, đó là những đường chỉ nhỏ của bàn tay. Theo lý giải của bác sỹ Ranald: "Đường Hôn nhân là đường

chỉ định sự giao tiếp với nhau về tình dục giữa đàn ông và đàn bà. Đường Hôn nhân chỉ nói đến hôn nhân có giá thú hoặc việc thực sự chung sống với nhau như vợ chồng, nếu chỉ chung đụng nam nữ thôi thì không ảnh hưởng đến đường Hôn nhân".

Khi đường Hôn nhân sát với đường Tâm huyết, (xem hình dưới), ta thấy những đường vắt ngang từ rìa bàn tay chạy vào lòng bàn tay, nó chỉ thời gian lúc còn trẻ, vào độ tuổi 20-25. Những đường chỉ này ở dưới đốt thứ ba của ngón út chỉ thời gian hôn nhân chậm lại. Đường Hôn nhân chạy về ngón út và không có thêm 1 đường nào dính dáng đến nó, đó là hình thức của 1 bàn tay không có dấu hiệu kết hôn chính thức. Việc thay đổi vợ chồng trong trường hợp này được xem như là do đường Tâm huyết quyết định. Cuối đường Hôn nhân có nhánh rẽ làm đôi theo hướng đường Tâm huyết, đây là dấu hiệu của 1 cuộc ly hôn, đường hôn nhân cong về hướng này mà không có hướng rẽ cũng có giá trị



tương đương. Thời gian xảy ra có thể căn cứ vào hình thức dài, ngắn của đường này. Về hình thức, 1 đường hôn nhân tốt phải dài, đậm, rõ ràng, nếu chạy qua gò Thái dương thì bền chặt.

5. Đường Sinh lý

Vị trí: ở gò Thái âm hình vòng cung lên gò Thủy tinh. Đường Sinh lý chỉ tâm linh và trực giác, thường do linh tính cảm nhận.

- Nếu đường này sâu, rõ ràng, tròn tru, hình vòng cung, người như thế đáng tin cậy. Nếu bị gãy rời nhiều đoạn, tâm linh không đáng tin cậy, phán đoán thiếu chính xác. Trực giác không nhạy bén.

Đường Sinh lý có nhánh rẽ sâu, rõ ràng, chạy về gò Mộc tinh thì tâm linh rõ ràng. Người này sáng suốt, hiểu biết, tinh thông nghề nghiệp.

Đường Sinh lý bị cắt thành nhiều đoạn sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe và cá tính. Những người như thế này mê tin dị đoan, sống dựa vào tâm linh, nếu kèm theo đường Tri tuệ xấu, tâm thần sẽ bị xáo trộn vì tâm linh luôn luôn bị ám ảnh. Nhiều người rơi vào trường hợp này không tự mình biết được, vì nó tự nhiên, nên cảm thấy mình có tài tiên đoán sự việc.

6. Đường Con cái

Những đường chỉ chạy theo chiều đứng của đường Hôn nhân ở rìa bàn tay là đường Con cái, chỉ số con trong đời 1 người. Đường chỉ này thường ở tay người đàn bà nhiều hơn đàn ông, và ở tay người đàn bà giá trị hơn. Đường con cái rộng và sâu là con trai, mỏng và hẹp là con gái. Những đường chỉ mờ mờ không đều đặn là dấu hiệu cho thấy những đứa con này có sinh nhưng không nuôi được. Nếu đường này sâu, đậm, rõ ràng cho thấy những đứa con ấy sẽ khỏe mạnh, nuôi được, không đau ốm.

7. Đường Thái dương

Đường Thái dương có tầm quan trọng trong bàn tay, ngang với các đường Trí tuệ, Sinh mệnh, Tâm huyết. Đường này nằm trên đường Sinh mệnh hoặc trong gò Thái âm, chạy thẳng lên ngón thứ tư gần ngón út. Nó chỉ sự thành công của đời người trên bất cứ mặt nào, nhất là tiền tài.

Những quảng gãy trên đường Thái dương thể hiện sự khó khăn trở ngại và làm gián đoạn sự may mắn của đời người. Đường Thái dương còn là 1

đường Định mệnh, nhưng chỉ là đường phụ. Nếu đường Định mệnh đậm, rõ ràng, đường Thái dương sẽ mờ rồi lặn hẳn. Đường Thái dương chạy thẳng lên ngón thứ tư, đều, rõ, và sâu thì hậu vận tốt, càng lớn tuổi, càng nhiều hiệu quả.

+ Nếu đường Thái dương chấm dứt trước khi đến gò Thái dương, cuộc đời sẽ chấm dứt nặng nề, đen tối, tiền tài và hạnh phúc suy kém.

+ Đường Thái dương xuất hiện 1 ngôi sao ở chỗ chấm dứt, đó là sự thành công giả tạo, người này có tính khoe khoang, không có thực chất, dối người.

+ Đường Thái dương gọn sòng, người đó sẽ do dự, thiếu cương quyết, có thể đưa đến kết quả không may. Nơi xuất phát của đường Thái dương cũng đóng vai trò chủ yếu, ảnh hưởng đến sự thành công:

- Đường Thái dương bắt đầu từ gò Thái âm, người này giàu óc tưởng tượng, có tính nghệ sĩ.

- Đường Thái dương thật dài, nghĩa là nó phát nguồn từ cuối bàn tay chạy thẳng lên gò Thái dương, người ấy sẽ gặp nhiều may mắn.

- Nếu đường Thái dương chạy ở thân dưới lòng

bàn tay và chấm dứt sớm thì những sự may mắn ở tuổi thanh xuân ít có giá trị.

- Đường Thái dương chạy từ đường Sinh mệnh, dĩ nhiên là người sẽ thành công trên đường nghệ thuật.



Đường càng dài càng thành công chậm.

- Đường Thái dương chạy từ đường Định mệnh thì thành công trong cuộc đời là do thực tài của mình và chắc chắn sẽ thành công.

- Đường Thái dương chạy từ đường Trí tuệ thì thành công do chính trí tuệ và khối óc của bản thân.

8. Đường Sức khỏe

Đường này chạy từ gò Thủy tinh xuống đường Sinh mệnh, tuy ngắn nhưng có giá trị trong lòng bàn tay. Nhiều bàn tay không có đường này, hoặc có thì mờ nhạt, hoặc bị cắt thành nhiều đoạn, do đó khó nhận định cụ thể. Các nhà nghiên cứu tướng mạo cho rằng nếu không có đường này càng

tốt, vì những người không có đường này thường sức khỏe dồi dào. Đường Sức khỏe và Sinh mệnh gặp nhau mà đường sức khỏe hình cong, đó là triệu chứng sức khỏe cũng như mạng sống bị đe dọa nghiêm trọng. Trường hợp này nếu đường Sinh mệnh yếu cũng như 2 đường Tâm huyết và Trí tuệ yếu thì cuộc đời có thể chấm dứt ở đây.

9. Đường Hòa tinh

Còn gọi là đường Sinh mệnh đôi. Đường này nằm song song với đường Sinh mệnh, bổ sung vững chắc cho đường Sinh mệnh. Nếu đường Sinh mệnh chưa đủ, chưa hoàn chỉnh, đường Hòa tinh sẽ giúp cho đường Sinh mệnh tăng giá trị. Đường Hòa tinh đôi khi cũng làm cho đường sức khỏe và dự tính tăng lên nhiều.

C. BÀN TAY

+ Bàn tay dài là tướng quý; ngắn là hèn; cứng là ngu dốt; mềm mại thì có phúc; đầy đặn và dày thì giàu có; bốn bên thịt mỏng sườn xuôi là nghèo; bàn tay ướt át được cả giàu lẫn sang, khô héo là bần cùng. Tay đỏ như máu là tướng quý; màu đất vàng, màu xanh là nghèo khổ; màu trắng là nghèo hèn. Tướng của bàn tay rất phức tạp, có thể chia

thành tướng cánh tay và các tướng đường chỉ. Bộ phận bàn tay có 3 đường chỉ là Tam tài, Tam chủ, Tam cơ và 12 cung Bát quái.

Đường chỉ Tam tài là tên gọi riêng 3 đường văn lớn trong toàn bộ tay con người, hiện trên lòng bàn tay.

Sách xưa có viết: "Đường chỉ Tam tài là 3 đường văn lớn ở bàn tay, ai cũng có cả, từ khi mẹ mang thai thụ khí mà thành, hết sức gian khổ. Từ trên xuống dưới:

Đường chỉ thứ I là Hòa, là Thiên văn chỉ căn cơ.

Đường chỉ thứ II là Thổ, là Địa văn chỉ tài lộc.

Đường chỉ thứ III là ở Minh Đường, là Nhân văn chỉ phúc đức.

Cần nhắc lại, nếu ba đường văn mà đều đặn thì đó là tướng phúc lộc.

Ba đường chỉ ngang nhiều thì loạn và gặp nhiều tai ách, đường văn thẳng thì ngu dốt, hèn hạ.

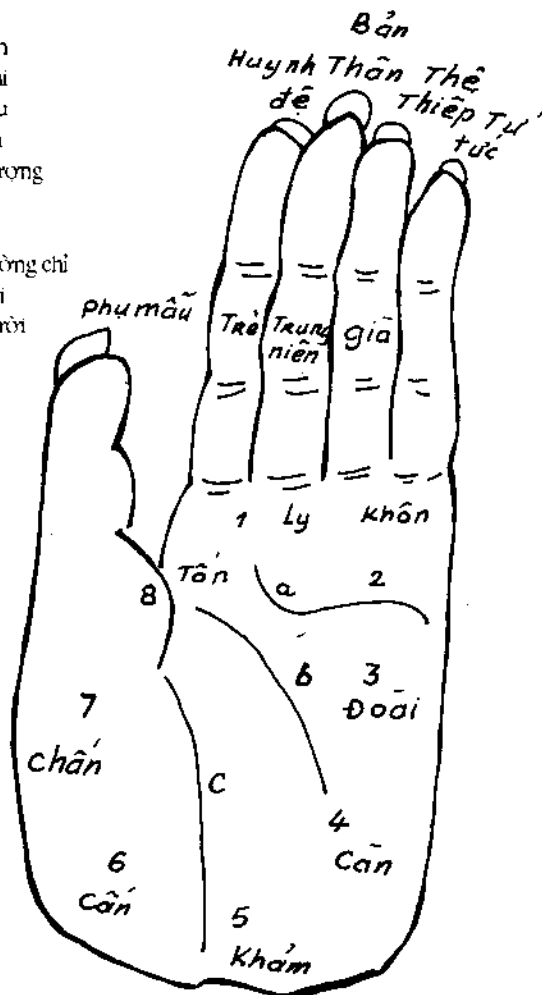
Tam chủ là cách của các nhà nhận xét tướng mạo chỉ những ngón tay căn bản của bàn tay: Ngón trỏ là sơ chủ, thuộc bộ Tốn. Ngón giữa là Trung chủ, thuộc bộ Ly. Ngón út là Lão chủ, thuộc bộ Khôn. Phân chủ, thể là để chỉ số mệnh thời vận, thiếu niên, trung niên và về già.

I. Bát quái

1. Càn
2. Tử
3. Kinh
4. Khai
5. Hưu
6. Sinh
7. Thương
8. Tru

II. Đường chỉ

- a. Trời
- b. Người
- c. Đất



Hình vẽ mười hai cung • Bát quái của bàn tay

Tam kỳ: nói cụ thể 3 ngón tay: ngón trỏ, ngón giữa, ngón út về phúc thọ.

Sách có viết: "Tam kỳ là chỉ Khôn, Ly, Tốn, là 3 mô thít nổi lên. Bàn tay có gò là có Phúc có Thọ".

12 cung Bát quái: các nhà nhận xét tướng mạo mượn tên của bát quái để thay thế cho 8 vị trí trong bàn tay, từ đó đoán số mệnh thời vận, đó là:

1. *Càn*: Thiên môn, chỉ tướng bố,

Địa chi thuộc Tuất Hợi; Ngũ hành thuộc Kim

2. *Khâm*: Hải môn, chỉ Căn cơ.

Địa chi thuộc Tý Sửu; Ngũ hành thuộc Mộc.

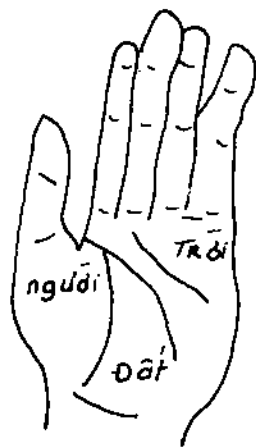
3. *Chấn*: Thê thiếp, lập thân

Địa chi thuộc Mão; Ngũ hành thuộc Thổ.

4. *Cấn*: Chi Diên trạch, Văn mô.

Địa chi thuộc Sửu Dần; Ngũ hành thuộc Thổ.

5. *Tốn*: Tài bạch, lộc mã.



Đường chỉ Tam tài

Địa chi thuộc Thìn Ty; Ngũ hành thuộc Mộc

6. *Ly*: Quan lộc.

Địa chi thuộc Ngọ; Ngũ hành thuộc Hỏa.

7. *Khôn*: Phúc đức, phụ mẫu.

Địa chi thuộc thân; Ngũ hành thuộc Thổ.

8. *Doài*: Tử tức, nô bộc.

Địa chi thuộc Dậu; Ngũ hành thuộc Kim.

Tám bộ phận này dày, đầy đặn, nhô cao là tốt, thấp hãm, đường vân bị phá là xấu.

Tướng mệnh các cửa trong bàn tay

1. *Cửa Khai* đỏ, mềm mại là người thực tiễn, dùng binh giỏi.

3. *Cửa sinh*, *cửa Hưu* bình thường.

4. *Cửa Thương* xanh, u ám, chịu hình phạt, mọi chuyện bất lợi.

5. *Cửa Trụ* xanh u ám, xuất hành bất lợi, tiền của bị mất mát.

6. *Cửa Cảnh* xanh u ám, ra đi bị cướp, gặp tai nạn cần phải đề phòng cẩn thận.

7. *Cửa Tử* xanh u ám, chỉ chết chóc.

8. *Cửa kinh* xanh u ám, hết sức kinh khủng.

Các nhà nhận xét tướng mạo rất xem trọng hình

trạng các bộ phận. Phép xem tướng tay, trước hết xem Bát quái, sau đó quan sát Ngũ hành dài ngắn, bàn tay dày mỏng hoặc xem sao ứng vào mạch, xương sọ đầu (hoa cái), bàn tay rõ ràng thì có tài.

Ở phương Tây, bác sĩ Ranald, người Áo, hay bác sĩ Ray Hyman người Mỹ có những công trình nghiên cứu không khác các nhà nhận xét tướng mạo phương Đông, những điều này đã có ảnh hưởng rộng lớn trong giới tâm lý giáo dục.

Những nhà nghiên cứu tướng mạo phương Tây tin rằng: những ấn tượng trên bàn tay liên quan đến các trạng thái tâm sinh lý và cá tính của con người là có thật, hoàn toàn chẳng phải là mê tín dị đoan. Xem xét rút ra các kết luận trên bàn tay là một khoa học.

Các nhà tướng mạo Phương Đông cũng như phương Tây rất chú trọng phân tích bàn tay và chỉ tay theo vận số Ngũ hành: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.

Các nhà tướng mạo Phương Tây đã chia bàn tay ra làm 4 phần liên quan đến: Hỏa - Thủy - Thổ - và Khí. Bốn phần này do hai đường Trí tuệ và Định mệnh tạo nên.

+ Dương là tính nam, phần trên của đường Trí tuệ, dưới các ngón út và ngón thứ tư. Phần dưới

đường Trí Tuệ là phần thụ động chỉ Âm và nữ tính.

Các ngón tay út và thứ 4

(Dương)

+

—————

Đường Trí Tuệ

(Âm)

Các gò tay

Đường Trí Tuệ nằm ngang bàn tay, khoảng giữa đường Sinh và đường Tâm. Bên trái đường Định mệnh (đường nằm dọc, giữa bàn tay, bắt nguồn từ cổ bàn tay trở lên) và ngón tay cái. Bên trái thuộc về Dương là phần hoạt động. Bên phải của đường này, thuộc về Âm là phần thụ động.

Ngón cái

(Dương) +

Rìa bàn tay

(Âm) -

Đường Định mệnh

Phân tích Âm và Dương như sau:

Những ngón tay

Thiên

(Dương) +

(Dương) +

Ngón cái

(Dương) +

(Âm) -

Thủy

Hỏa

+ (Dương)

- (Âm)

Rìa bàn tay

- (Âm)

- (Âm)

Thổ

Cổ tay

Nói về ngón tay, chúng ta nhận thấy ngón cái và ngón trỏ thuộc phần hoàn toàn hoạt động (Dương).

Trong bàn tay còn có các gò, thịt đầy đặn nổi lên.

Ví dụ như: Gò Thái âm, Gò Kim tinh ở phần dưới ngón tay cái thuộc phần thụ động (âm).

Gò Thủy tinh hoạt động về tinh thần (dương), thụ động về vật chất (âm).

Gò Kim tinh hoạt động về vật chất (dương) thụ động về tinh thần (âm).

NHỮNG BÀI THƠ NÓI VỀ ĐƯỜNG CHỈ TRÊN BÀN TAY

*

* *

1. Tứ Quý Văn (Đường chỉ 4 mùa)

Xuân thanh Hạ xích Thu nghi bạch,
Tứ quý chi trung hắc hỉ Đông.
Thu xích Đông hoàng Xuân kiến bạch,
Hạ gian phùng hắc tổng vi hung.

Dịch nghĩa: Đường chỉ 4 mùa

Xuân xanh, Hạ đỏ, Thu hợp trắng
Trong bốn mùa, Đông ưa đen.
Thu đỏ, Đông vàng, Xuân chẳng thấy gì,
Giữa mùa Hạ đen đều hung.

2. Bái tướng văn

Bái tướng văn tông Càn vị tâm,
Kỳ văn hiếu tự Ngọc Cầm yêu.
Tình tình đôn hậu văn chương dị,
Thường đặc quân vương cổ quyền thâm.

Dịch nghĩa: *Đường chỉ bái tướng*

Đường chỉ bái tướng tìm trong cung Càn.
Đường chỉ này tốt như lung Ngọc Cầm.
Tình tình đôn hậu, văn chương khác lạ,
Thường được vua chú ý như thân quyến.

3. Đối ấn văn

Chưởng thượng văn như đối ấn hình,
Tiền trình hợp chủ hữu công danh.
Mạc ngôn phú quý phi ngô nguyện,
Tự hữu thanh danh tác tướng khanh.

Dịch nghĩa: Đường chỉ mang ấn

Đường chỉ trên tay như mang
hình ấn,
Tiền đồ hợp chủ có công danh.
Nếu như phú quý không như
muốn,
Cũng có thanh danh bởi chức
quan.

4. Trí tuệ văn

Trí tuệ văn danh viễn dự dương,
Kỳ văn trường trực tượng văn thương.
Bình sinh động tác thường tư lự,
Tù thiện kiêm vô hoành họa ương

Dịch nghĩa: Đường chỉ trí tuệ

Đường chỉ trí tuệ tên tuổi vang
xa.

Đường chỉ này dài thẳng như cái
thương.

Sinh ra vốn đã thường tư lự,

Việc tù thiện với tai ương không
thể cùng song song.

5. Đào hoa văn

Đào hoa sát hiện hiếu xa hoa,
Chỉ ái tham bôi hựu hiếu hoa.
Tính tình nhất sinh chung thử ngộ,
Trung niên tất định bất thành gia.

Dịch nghĩa: Đường chỉ đào hoa

Hoa đào sát hiện thích xa hoa,
Chỉ thích chê chén lại ưa hoa.

Tính tình như thế cuối
đời hồng.

Nửa đời người không
có gia đình.

6. Lục hoa văn

Nhược nhân hữu thử
lục hoa văn,

Tha nhân thân chiêm vũ lộ ân.

Khả hứa vi quan tu thị tông,

Khánh lai văn tuệ diệu chu môn.

Dịch nghĩa: Đường chỉ lục hoa

Người có đường chỉ lục
hoa như thế,

Được hưởng ơn mưa
móc của người khác.

Có thể làm quan có
nhiều người hầu,

Cuối đời điều vui đến,
chiếu vào cửa son.

7. Sơn Quang văn

Sơn quang kỳ hiện hiếu thanh nhân,

Nhân thị nhân phi lưỡng bất can.

Thủ tướng tối nghi tăng dữ đạo,
Nhân nhân đa thị chủ cô quan.

Dịch nghĩa: Đường chỉ Sơn Quang

Đường chỉ Sơn Quang biểu hiện thích nhân hạ,
Nhân chuyện thị phi, hai cái không làm.
Tướng này rất hợp với Tăng và Đạo,
Người nhân thường là đàn ông góa vợ.

8. Khắc phụ văn

Thiên văn phách sách triều trung chi,
Thủ thị khôi tinh thành khả hỷ.
Cánh hựu công chi phùng trung tâm,
Thiếu niên khắc phụ vô sở truyền.

Dịch nghĩa: Đường chỉ xung khắc với cha

Đường chỉ thiên đâm thẳng vào ngón trỏ,
Đó là sao đẹp có thể vui được.

Càng tinh xảo thì gặp đúng người cùng con tim,
Lúc còn nhỏ xung khắc với cha, không có gì để
cha truyền cho.

9. Khắc Mẫu văn

Thái âm nhược hữu văn xung phá,
Tất định thị sinh mẫu kiến vong.
Nhược thị quá phòng do tự khả,
Thị sinh tất định kiến Diêm Vương.

Dịch nghĩa: Đường chỉ xung khắc với mẹ

Nếu Thái âm có đường chỉ xung phá,

Mới ra đời đã mất mẹ.

Nếu tự mình ra khỏi phòng

Sinh ra đã có định kiến với Diêm vương.

10. Hoa cái văn

Hoa cái thanh long âm đức đồng,

Thủ văn cất lợi tận âm công.

Hoặc giả hung văn gia chương thượng

Đắc chỉ vị cứu bất vi hung.

Dịch nghĩa: Đường chỉ Hoa cái.

Đường Hoa cái cùng âm đức với rồng xanh,

Đường chỉ tốt lành, có lợi tận âm công.

Nếu có đường chỉ dũ trên tay
Cũng được cứu, không mắc điều dũ.

11. Tam sát văn

Tam sát văn xâm thê tử vị
Vị hại thê tử không thù lẹ.
Nhuộc hoàn kiến khắc hậu tu khinh,
Miễn chí trung niên cô độc thù.

Dịch nghĩa: Đường chỉ tam sát.

Đường chỉ tam sát xâm phạm mệnh vợ con,
Sẽ làm hại vợ con, chảy nước mắt.
Nếu còn thấy xung khắc thì sau đó phải xem
như không có gì.
Tránh khỏi nửa đời người cô độc.

12. Loạn hoa văn

Thân bạn triều sinh thị loạn hoa,
Bình sinh thiên tính hiển xa hoa.
Nhân hoa đã liễu thời bản chiết,
Chỉ luyện kiều nga bất luyện gia.

Dịch nghĩa: Đường chỉ loạn hoa

Thân sinh ra đã loạn hoa,
Tính trời bình sinh ham xa hoa.
Hoa đại liễu hoang thời cũ ngắt,
Chỉ say gái đẹp không nhớ nhà.

C. CÁC NGÓN TAY

Xét đến ngón tay phải xét độ dài ngắn, hình thể và móng tay.

1. Độ dài ngón:

- Ngón tay so với lòng bàn tay mà chiếm tỉ lệ 78/100 đó là ngón tay dài, người này nhút nhát.
- Ngón tay ngắn là người nóng nảy, vội vàng, ít suy nghĩ, ăn nói thiếu rào trước đón sau.
- Ngón tay càng dài là người tỉ mỉ, kín đáo, nhút nhát, an phận, ích kỷ. có lúc gắt gỏng vô cớ.

2. Đầu ngón tay:

Có các loại hình: nhọn, tròn, vuông, v.v...

Hình nhọn: thường là đầu ngón tay của các nhà nghệ sĩ. Để bị lôi cuốn theo cá tính và sở thích, thiếu thực tế, thích chuyện dị đoan, thần bí tôn giáo.

Hình tròn: có tác dụng quân bình *Hình vuông* giữa 2 loại đầu nhọn và đầu vuông, chỉ người hoạt động bằng bột, nhưng làm việc có phương pháp, óc tưởng tượng phong phú, cũng thực tế, nhiều khả năng, ham học, tính ôn hòa.

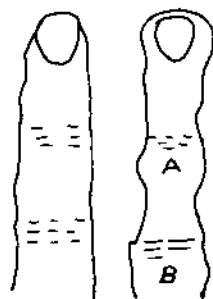
Đầu nhọn hình vuông: Người loại này thực tế, có kỷ luật, tự tin nhưng công bằng, tôn trọng ý kiến người khác.

Dầu ngón to là người ưa hoạt động thể xác, tự đắc, nóng nảy, thực tế. Nếu đầu ngón to mà bàn tay mềm là người chỉ hoạt động về phần mộng ảo, thiếu thực tế.

Đầu ngón to

3. Ngón tay :

+ Ngón tay trơn tru: hành động theo linh cảm, theo hứng thú, nhạy cảm, tính như nghệ sĩ. Tính toán mọi chuyện nhanh. Nếu trẻ con có ngón tay trơn tru thì chưa nói vội được, phải chờ đến lớn mới xác định rõ ràng theo kiểu nào.



Ngón tay trơn tru Ngón tay có u nổi

+ Ngón tay có u nổi: những người có ngón tay như thế này, đều hành động sau khi có suy nghĩ kỹ. Xét xem có u nổi tinh thần dạng A, hay u nổi vật chất dạng B. Có u nổi dạng A thì hay hoài nghi, hay tìm nguyên nhân sự việc, có óc triết gia. Có u nổi dạng B, tính tình kỷ lưỡng, trật tự, hay đắn đo cân nhắc, luôn giữ kỷ luật bản thân, không dễ xáo trộn.

+ Ngón tay mềm, dễ uốn cong ra sau (hình 1) để thích ứng hoàn cảnh, hay thay đổi ý kiến, hào phóng.



Hình 1

+ Ngón tay cứng không uốn ra sau được, khó tính, hay có thiên kiến, hẹp hòi, hay nghi ngờ người khác. Hai thái cực đó cần được quân bình.

+ Người có ngón tay cong queo, hay thành kiến hẹp hòi.

- Cong queo ngón trỏ (hình 2): bị bệnh gan.

- Cong queo ngón giữa: bị bệnh ruột, tai, gân cốt.

- Cong queo ngón thứ tư: bị bệnh tim, thận, mắt.



Hình 2

- Cong queo ngón út: bệnh sinh dục và hệ thần kinh (hình 3).

- Ngón tay trỏ cong queo, người không ngay thẳng, hay lừa lẩn. Ngón tay trỏ méo là người hay hành động bất chấp luân lý và trật tự xã hội.

- Ngón tay giữa méo: câu nệ, chấp nhặt, độc tài, thiếu tình cảm.

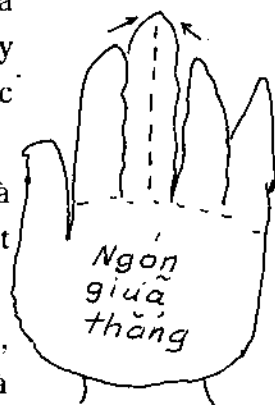


Hình 3

- Ngón tay thứ 4 bị méo và cong vừa vừa thì con người này tính tình rộng rãi; cong quá mức là người thiếu lương tâm.

+ Ngón út cong queo ít là khéo léo, cong quá là sống bất lương, gian xảo.

- Ngón tay giữa đứng thẳng, các ngón tay khác nghiêng vào là con người vô tâm, bị quan (hình 4)



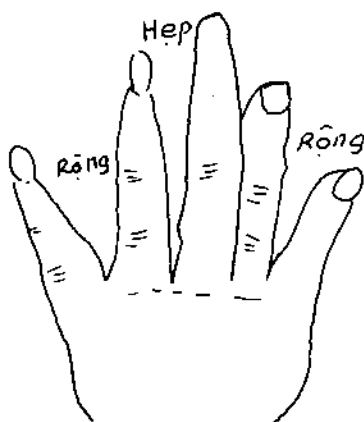
Hình 4

- Ngón tay trở thẳng, ngón khác nghiêng vào nó là con người có đầu óc nghệ sĩ.

- Ngón út thẳng, ngón khác nghiêng vào nó là con người tài hoa, khéo léo.

- Bàn tay xòe ra, các ngón tay cách nhau những góc rộng hay hẹp cũng chỉ những tính cách khác nhau (hình 5):

- Ngón tay giữa và trở xa nhau, người này



Hình 5

theo tư tưởng tự do của riêng mình, không chịu lệ thuộc vào bất cứ tư tưởng của ai.

- Ngón thứ 4 và ngón út xa nhau cũng là con người hành động tự do không chịu lệ thuộc.

- Ngón giữa và ngón thứ 4 gần nhau là con người hiếu kỳ, thích nguy hiểm, hiếu thắng.

- Ngón cái và ngón trỏ cách nhau khoảng 60° , tính người này rộng rãi khoan dung. Nếu xa hơn nữa thì quá tự do, bất chấp luật lệ, buông thả. Góc hẹp quá thì nệ cổ, tần tiện đến bủn xỉn. Quá hẹp thì tham lam, hà tiện.

E. MÓNG TAY

- + Móng tay hình trái xoan và dài: phong lưu, phong cách quý phái, đa cảm, quảng đại, tao nhã, tế nhị, thông minh. Nếu bị hẹp: tưởng tượng quá độ, lãng mạn.

- + Móng hình thang phía dưới rộng: người này có óc tưởng tượng quá độ, hoang tưởng. Móng hình thang phía dưới hẹp: người kín đáo, dè dặt, tự trọng, dúc độ, cứng cỏi.

- + Móng hình tam giác: người này rất nóng nảy, hay gây gổ, cố chấp.

- + Móng dẹt (phẳng): tinh thần yếu.
- + Móng dày (vồng lên): hướng về gia đình, người sống gần gũi.
- + Móng co quắp (như móng chim) là người ích kỷ tham lam, ganh tỵ.
- + Móng mềm: kém sức khỏe.
- + Móng cứng: nóng nảy.
- + Móng màu đỏ hồng: nóng nảy, hăng hái.
- + Móng xanh bầm, xám nhạt: bạc nhược, thờ ơ.
- + Móng bóng láng: tính tình lịch sự, thanh nhã.
- + Móng xấu và đục, bẩn thỉu, hơi dày, bề ngang rộng, người xảo quyệt, hay nghi kỵ.

D. LÒNG BÀN TAY

Nghiên cứu, quan sát, nhận xét tướng mạo bàn tay phải chú ý lòng bàn tay. Nói đến lòng bàn tay, là nói đến sắc thái của bàn tay, nó sẽ liên quan đến đường chỉ, ngôi sao, các gò nổi v.v...

I. SẮC THÁI BÀN TAY.

1. Bàn tay ướt, mềm: Bàn tay loại này hình dáng tươi tắn, ướt mượt, nhưng đó là bàn tay xấu, những kẻ có bàn tay như thế này lưỡi biếng, ham khoái

lạc, dễ bị cảm dỗ bởi vật chất, dễ bị xúc cảm trước những biến cố nhỏ. Những người có bàn tay này tính tình nhút nhát, không có chủ định, nhiều trường hợp trở thành người hèn hạ, hiền dưng thể xác dễ dàng, nhất là đàn bà. Thích ở yên một chỗ, hưởng lạc nếu đó là đàn ông. Bàn tay ướt mềm tính tình nhút nhát, không chủ định, nhiều trường hợp trở thành hèn hạ, thụ động nhưng có lúc rất buồng bình, ham sống bên kẻ khác, thích hào nhoáng bên ngoài, ưa những thú vui vật chất hơn tinh thần.

2. Bàn tay khô cứng: Người có bàn tay như thế này có thể lạnh nhạt, làm ngo trước tất cả mọi trường hợp cũng như thản nhiên trước những đau khổ của kẻ khác hoặc không biểu lộ những xúc cảm của mình. Bàn tay khô là người có tính trầm lặng, giàu tâm linh, nhưng chỉ sống cho riêng mình, ích kỷ.

3. Bàn tay nóng: Không được lầm lẫn giữa bàn tay nóng tự nhiên với bàn tay nóng do bệnh tật. Nên nhận định kỹ trước khi phân tích. Bàn tay ẩm (nóng) tự nhiên là bàn tay tốt, người khoan dung, độ lượng, hoạt bát, nhưng nóng nẩy, nói nhiều, tự kiêu. Nếu là bàn tay đàn bà thì đây là bàn tay làm loạn, khuynh đảo giang sơn, có thể làm tất cả nhưng cũng từ chối tất cả.

4. Bàn tay dày: Người có bàn tay này tính tình phóng túng, có cố tật, lười biếng, tham lam, nhưng rất cương quyết, luôn bằng mọi cách để đạt được tham vọng của mình. Nếu vừa dày lại vừa cứng, người đó sẽ có khả năng vận dụng tài ba của mình để đi đến thành công trên thương trường.

5. Bàn tay gầy (mỏng).

Bàn tay gầy, thiếu khả năng, thiếu vật chất. Người có bàn tay này sống thuần theo lý trí. Thú vui của họ là thú vui tinh thần. Tôn thờ ái tình say đắm, nhưng không có dục vọng, không ham vật chất, không có khả năng xoay xở. Người có bàn tay này nhiều khi xử sự bủn xỉn, ganh tị, kiêu căng, tự phụ và hung bạo.

Người có tay gầy biết che giấu sự yếu hèn của mình, rất kín đáo, âm thầm lặng lẽ, kiên nhẫn chờ cơ hội. Nếu bàn tay gầy mà không khuyết người này sẽ có nhiều cơ hội.

6. Bàn tay khuyết: Bàn tay mà gò Hỏa tinh lôm là bàn tay khuyết, tượng trưng cho sự tranh đấu suốt đời, người này sinh ra trong hoàn cảnh thiếu thốn về vật chất. Nếu lại có thêm những đường chỉ có ấn tượng bất hạnh thì tượng trưng cho sự nghèo khổ và bệnh tật.

7. Bàn tay lạnh: Người có bàn tay này dễ dãi, không từ chối bất cứ việc gì, có đủ nét đủ tât, nhưng lại hết sức kín đáo, không hề tiết lộ với bất cứ ai những điều sâu lắng. Đặc tính của bàn tay này là giàu lòng hy sinh, nhưng cũng rất nhẹ dạ. Mỗi một cử chỉ nhỏ nhặt cũng có thể làm cho người có bàn tay này xúc động. Tuy nhiên, bàn tay lạnh ít mặt xấu hơn bàn tay ướt.

8. Bàn tay mềm: Người có bàn tay này mơ mộng, giàu óc tưởng tượng, ham sống về tinh thần hơn vật chất. Bàn tay mềm thích sống đơn độc, tôn thờ ái tình. Lười biếng, không thích hoạt động, gàn dở, nhưng lại thích và tự nhiên được hưởng nhiều niềm phúc nhất, may mắn đến bất ngờ, tình và tiền bỗng dưng đến.

9. Bàn tay cứng: Người có bàn tay này có tính hung bạo, gan liều, tham vọng lên đến đỉnh cao, nhưng lại thiếu thông minh. Người này chai lạnh trước mọi hoàn cảnh, tự chiến đấu, giành bằng được chiến thắng. Người có bàn tay cứng không thích nghe chuyện riêng tư, tình ái, không dễ bị lung lạc. Người có bàn tay này thực tế nhất.

II. CÁC NGÔI SAO TRONG LÒNG BÀN TAY

Trong tập sách "cánh tay" (The hand) của bác

sĩ J.Ranald, qua nghiên cứu ông đã từng khẳng định: Mọi diễn biến trong cuộc sống, cá tính, sinh mệnh và bệnh tật của mỗi cá nhân đều biểu hiện cụ thể trong bàn tay của cá nhân đó. Khi đã nắm được biểu hiện này chúng ta có thể tránh được tai nạn và bệnh tật. Những ngôi sao, gò nổi, đường chỉ chủ Thập, hay bất cứ một dấu hiệu nào đã có sẵn hoặc mới xuất hiện trong bàn tay, cũng là những biểu hiện cần được lưu ý. Dấu hiệu nào trong lòng bàn tay cũng cần thiết và đều phải biết. Đặc biệt các ngôi sao, chúng báo cho chúng ta may mắn hoặc rủi ro rất nhiều so với những dấu hiệu khác. Ngoài hai trường hợp đặc biệt, còn tất cả ngôi sao trong lòng bàn tay đều là dấu hiệu tốt.

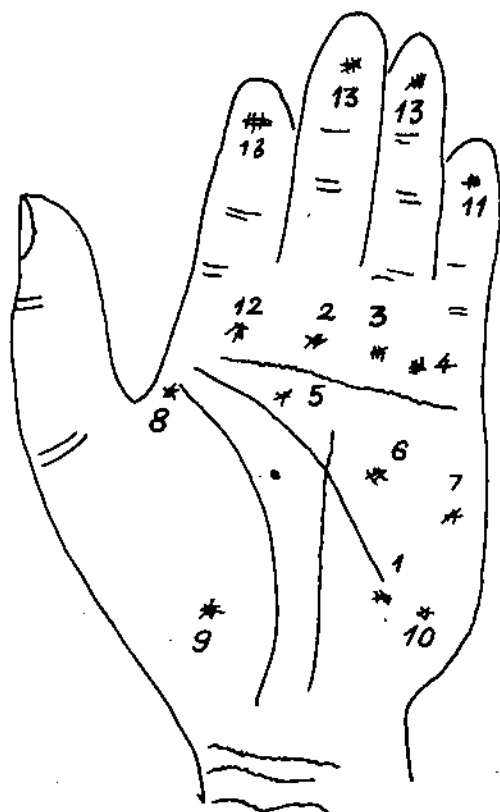
Các trường hợp đặc biệt là:

+ Ngôi sao số 1 nằm trên chỗ chấm dứt của đường Trí tuệ, là trường hợp tuyệt vời của sự thông minh nhưng cũng là điểm bất hạnh, dấu hiệu của mất trí, điên loạn.

+ Ngôi sao số 2 đóng trên gò Thổ tinh, dưới ngón giữa, dấu hiệu của sự ô danh, ô nhục đến mức thậm tệ, bất ngờ xảy ra, không do chính bản thân gây ra. Riêng đường Định mệnh, nếu cuối đường có 1 ngôi sao thì đó là dấu hiệu của sự tan vỡ mối

tinh đầu. Nhưng dấu hiệu này không xấu bằng 2 vị trí ở cuối đường Trí tuệ và gò Thổ tinh.

+ Ngôi sao thứ 3 ở trên gò T h á i được chỉ người sẽ gặp nhiều may mắn, hứa hẹn nhiều tiền tài, tình yêu và d a n h v ọ n g , h ậ n h phúc.



+ Ngôi sao số 8 đóng trên gò Hòa tinh dương hay số 9 trên gò Kim tinh, chỉ người này thành công trong binh nghiệp.

+ Ngôi sao số 12 đóng trên gò Mộc tinh, người đó sẽ thành công về quản lý, chỉ huy.

+ Ngôi sao số 4 đóng trên gò Hỏa tinh dương, người đó sẽ thành công về khoa học và thương mại.

+ Ngôi sao số 7 đóng trên gò Hỏa tinh âm, người đó có phần thưởng xứng đáng về tinh thần.

+ Ngôi sao số 10 đóng trên gò Thái âm, người đó nổi danh nhờ vào trí tưởng tượng cao đẹp, có thể có những thành phẩm sáng tạo, sáng chế, hoặc các tác phẩm hư cấu giàu tưởng tượng. Nhưng cũng bất hạnh, chết đuối.

+ Ngôi sao số 5 và số 6 đóng trên Đồng hỏa tinh, chỉ người nổi danh trong công trình phát minh, có thể là 1 thiên tài.

+ Ngôi sao số 11 đóng trên đầu ngón út, con người này nổi danh về khoa ngôn ngữ học, có tài hùng biện, thu hút được thính giả.

+ Ngôi sao số 13 đóng trên đầu các ngón trỏ, ngón giữa, ngón thứ 4, người này nổi tiếng về lòng nhân ái, có thể xoa dịu mọi bất hạnh đau khổ của người khác. Đây cũng là dấu hiệu của người có khả năng thôi miên, trường sinh học, tập trung nhân diện vào các đầu ngón tay, chữa bệnh cho người

khác bằng phương pháp xoa bóp không tiếp xúc một phương pháp chữa bệnh tâm thần của bác sĩ Phơ-Rốt (Freud), nhà tâm thần học vào những năm 1930-1939.

Ngoài ra những ngôi sao đóng ở các vị trí khác đều có giá trị riêng biệt hoặc tốt hoặc xấu. Các nhà khoa học tướng mạo, nhân dạng còn phân tích nhiều dạng bàn tay. Tất cả đều không ngoài: phúc họa, thọ yếu, thiện ác, gian xảo.

Về lý luận mà nói, lý thuyết về bàn tay phức tạp, đa dạng, nhưng nguồn gốc sâu xa không ra khỏi mô hình vũ trụ.

Ngoài các đường vân trong lòng bàn tay, các nhà tướng thuật còn nói nhiều đến các đường vân trên mu bàn tay và móng tay.

Sách "Thái thanh thần giám - Quyển 5" có viết: "Đường vân trên mu bàn tay rất linh nghiệm. Cho nên có cái "Lý" ngũ hòa. Năm cái "Lý" mà hài hòa là tướng quý: giàu, sang, phúc thọ đều có.

Mu bàn tay có Minh Đường, có đường chỉ lạ, có nốt ruồi đen, chỉ tài nghệ cao quý; nếu có những đường như chim bay chỉ sự quý giá vinh hiển; nếu có những đường chỉ văn nằm ngang thì khác người,

hơn đời, rất giàu. Nếu những đường chỉ hay thay đổi, hoặc thay đổi vòng đi vòng lại liên tục thì gọi là đường chỉ Ngọc Xuyến (vòng đeo tay bằng ngọc) là người được kính ái, người có vinh dự để vương, nếu có từ 3 đường chỉ là người trên, chỉ tướng rất quý. Đan ông hay đan bà cũng có đường chỉ kỳ lạ, nếu đứt đoạn thì không tốt.

Móng tay là "Giáp", thường giúp chẩn đoán bệnh tật, và để tham khảo về sức khỏe. Các nhà y học phương Đông cho rằng cái tinh vi của gan là mật. Móng tay là cái dôi dư của gan, cái xuất ra của gan, cái phụ thêm của mật. Nói về những điều hiền ngu, thiện ác có sách chép: "Móng tay cũng có tướng, cũng có thể chỉ ra cái đẹp cái ác, cũng cho thấy được cái hiền cái ngu".

Căn cứ vào nguyên lý này, các nhà nhận xét tướng mạo đã qui nạp ý nghĩa tướng lý vào tướng móng tay.

Người có móng tay dài và nhọn thì thông minh, cứng và dày thì sống lâu, thô thiển thì ngu dốt, thiếu hãm thì bị bệnh suy yếu, mầu đỏ đẹp là tướng quý, mầu vàng là hèn, mầu xanh tinh tốt trung thành, mầu trắng là nhàn nhả, như lá ngô đồng là vinh hoa, như nửa vàng trắng là vui vẻ, như một

viên gạch là nặng nề, như lưỡi kiếm nhọn là thông minh tuấn tú, như viên đá là ngu dân. Rõ ràng đó là chỉ mệnh lý. Nếu như không nói đến việc khảo sát móng tay qua phương pháp Đông y thì không được bởi vì theo Đông y thì hình trạng sắc thái rõ ràng là có liên quan đến sức khỏe. Ví dụ như người có sắc mặt đỏ hồng là tướng quý, bàn tay màu hồng cũng là tướng rất quý.

NHỮNG MẪU BÀN TAY TIÊU BIỂU

Tuồng cũng nên nêu lên một số mẫu bàn tay tiêu biểu để làm những câu chuyện vui, bổ sung cho trí tuệ của những bạn có lòng ham phân tích các dấu hiệu trên bàn tay con người.

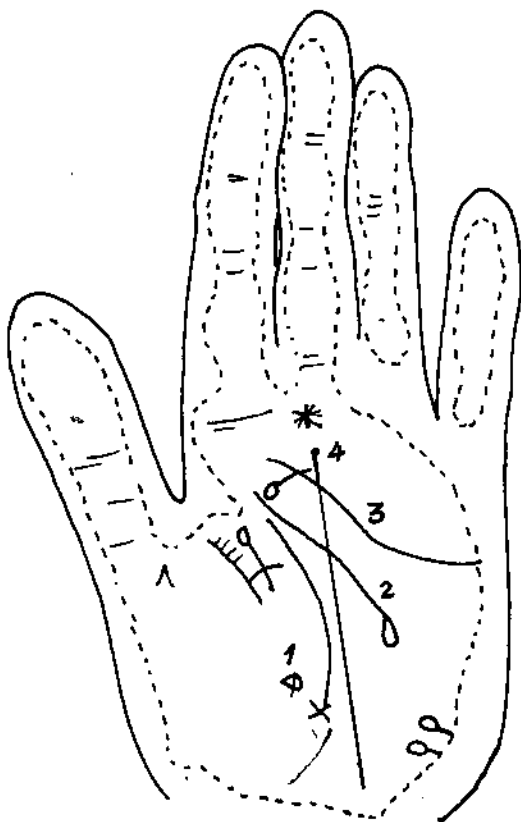
1. Adônphơ Hít-le:

Hít- le là một tên trùm phát xít, bàn tay của hắn đầm máu, dù có lúc trực tiếp có lúc gián tiếp. Một mệnh lệnh của hắn là hàng nghìn người vào lò thiêu xác, ngón tay của hắn khoanh một địa phương nào đó là bom đạn, lưỡi lê của những tên tay sai hung bạo tàn sát dân lành, có thể xóa tên vùng đó trên bản đồ.

Bàn tay của Hít- le được nhiều nhà quan sát,

nghiên cứu nhân dạng chú ý. Đây là tài liệu thu thập được lúc hắn đang còn sống, do những nhà đoán tướng mạo được hắn tin tưởng gọi đến và họ đã tìm cách lưu lại được những tư liệu quý. Còn cái chết của Hit-le đầy bí ẩn, hiện nay có nhiều tài liệu, có nhiều thuyết, ta chưa dám khẳng định điều gì. Các tài liệu đã có, đều nêu lên: Bàn tay của Hit-le là mẫu bàn tay biểu tượng của cá tính cực kỳ tàn bạo: nóng nảy, độc đoán, chuyên chế; cuồng bạo.

Đường Sinh mệnh trên tay hắn được dùng lại bằng một chữ thập, đây là dấu



Bàn tay Hit-le

hiệu của một con người mang đến những cái chết khủng khiếp. Đường Tri tuệ gặp gò nổi ở cuối, chúng tỏ vài trường hợp có mềm yếu, chẳng hạn như Hít-le yêu say đắm cô diễn viên điện ảnh người Thụy Điển Kôlita Ja-bao thủ vai Trà Hoa Nữ, định ám sát Hít-le. Nếu như không có Hết nhân vật thứ 3 của Đảng Quốc xã Đức can ngăn có lẽ Hít-le đã bị cô diễn viên điện ảnh này ám sát thành công. Có lúc Hít-le bị xáo trộn về tinh thần. Đường Tâm huyết có đoạn thể hiện Hít-le chẳng còn tính người nữa. Trên bàn tay Hít-le đường Định mệnh được mở đầu bằng chữ Thập và chấm dứt bằng một ngôi sao dưới ngón giữa.

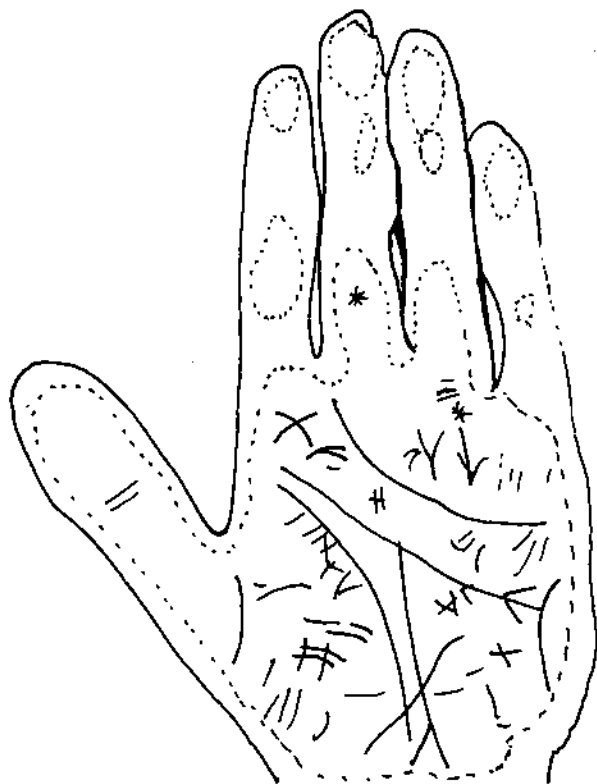
Bàn tay của Hít-le thuộc hình nón bình thường, đầu ngón tay nhám, chúng tỏ tính ích kỷ quá độ, dục vọng vô cùng. Hai gò trội nhất là hai gò nằm dưới ngón trỏ và giữa. Gò thứ nhất xác nhận tham vọng, sự tham vọng này không hạn độ. Gò thứ hai đã chỉ rõ sự nóng nảy vô độ, mở ngõ cho sự tàn bạo không cách nào lường được.

2. Mẫu bàn tay của M.Gandhi.

M. Gandhi là lãnh tụ vĩ đại của nhân dân Ấn Độ, cả cuộc đời đều cống hiến cho dân tộc. Nhân

dân Ấn Độ tôn sùng ông là bậc Thánh, trong tâm khảm người dân Ấn Độ nếu hướng thiện là hướng về Thánh Gandhi.

Trên bàn tay của M. Gandhi dấu hiệu đáng chú ý nhất là nhánh thứ 3 ở đường Trí tuệ, và vòng cung ở rìa bàn tay. Các nhánh và vòng cung là dấu



Bàn tay của Gandhi

hiệu của sự thông minh tuyệt vời vượt hẳn các bàn tay của người đời thường. Nhiều nhà nghiên cứu, nhận xét tướng mạo bàn tay cho rằng đây là "Tam giác thông minh", một dấu hiệu rất hiếm trên các bàn tay người đời, có thể nói gần như không có hoặc họa hoằn chỉ có ở các thần đồng, nhưng lại bị hạn chế ở một số đường khác.

Bàn tay của Thánh Gandhi rất nhiều đường chỉ ngắn, tương như vô dụng, thế mà phân tích kỹ thì nhiều tác dụng. Các đường phụ cũng rất khác thường.

II. TƯỚNG HÌNH DÁNG - TÍNH THẦN

Cái gọi là hình dáng - tính thần là chỉ hình tượng bên ngoài với bên trong. Các nhà nhận xét tướng mạo cho rằng: điều tốt, điều ác của hình dáng tính thần, cái yếu cái mạnh đều có liên quan đến thiên nhiên. Sách có chép: "Có hai loại khí sắc chưa có thể phán đoán, đang còn ẩn tàng đó là hình dáng của trời đất và vạn vật. Hình thể của vật là do tính mà ra. Con người có hình là có thần, tướng của hình dáng - tính thần sẽ thành *đạo*, tướng mạo tu thể thành *đức*. Cho nên người ta sinh ra có hình là

có thần, có thần thì có đạo. Thần phải có hình mới là nguồn gốc của yên ổn, hình phải có thần mới bắt đầu vận động được. Hình xương đầu có thể nuôi được máu, máu có thể nuôi được khí, khí có thể nuôi được thần. Lấy hình để bảo đảm cho huyết, huyết bảo đảm cho khí, khí bảo đảm cho thần. Hình và thần là hai cái không thể không có. Nếu thần và hình dư thừa là điều rất tốt, có phúc; thần và hình mà thiếu sẽ gây ra tai họa. Cho nên thần đầy đủ thì quý cho hình, hình thể mà lẩn át tinh thần thì sẽ hèn; lúc ban đầu có thể hình đủ mà thần chưa đủ, hình thể đầy đủ thế nào tinh thần cũng đầy đủ".

Bởi thế tinh thần và hình thể dựa vào nhau để lớn. Thần mà yên ổn là chỗ dựa cho hình; hình đủ thì thần lộ ra, cho nên các nhà tướng thuật hết sức xem trọng việc phân tích sự đầy đủ của hình. Những người có các đặc trưng dưới đây là hình thể dư:

+ Đỉnh đầu tròn và dày, bụng lưng đầy đặn, trán rộng, miệng vuông, lưỡi đỏ răng trắng, tai tròn như viên ngọc, mũi thẳng, mắt rõ đen trắng, mũi đẹp thanh dài, vai cân đối và dày, ngực bằng và rộng, bụng tròn và sệ xuống, tiếng nói sang sảng, đi, đứng, đoan trang, ngũ nhạc cùng nổi, tam đình

tương xứng nhau, thịt xương đầy đặn và thanh nhẹ, tay chân dài và vuông vắn, nhìn xa trông thoáng, khi ngồi có dáng đường bệ. Người như thế có thể sống lâu, ít bệnh, vui vẻ, giàu có, vinh hiển.

Từ hình thái khí chất của con người để nói về mệnh lộc vẫn là căn cứ vào thuộc tính của ngũ hành.

Nói về hình thể đầy đủ, các nhà tướng thuật còn cho rằng: hơn thế nữa, các sinh vật có đầy đủ hình dáng đều do khí của ngũ hành trời đất mà sinh ra cùng một loại và hỗ trợ cho nhau, sinh tính và hình tượng của động vật cũng tương ứng với sinh tính của con người. Các nhà nhận xét tướng mạo đã lấy hình thể tinh thần của loài vật để so sánh liên hệ với hình thể tinh thần của con người:

+ Hình chim hạc: Mắt nhỏ, mi dài, mũi nhọn nhỏ, thân cao miệng trễ, các bộ phận trên thân thể dài và ngay ngắn, địa các nhỏ, 5 giác quan tốt, trông giống hình con chim hạc. Con người có thần như chim hạc là người quý, sinh ra đã không thiếu thốn mọi thứ, mệnh đóng tại vị trí khanh tướng, ra vào công sở, sống lâu trên trăm tuổi.

+ Hình chim phượng: Tam đình bằng và đầy, vành tai đầy đặn, sụn cằm cao nhô lên, đầu tròn và

chuẩn, mắt dài đuôi rõ, miệng như đóa hoa sen, mũi thô nhưng đẹp, 5 giác quan lục phủ đều tốt, giống hình chim phượng. Thân thể loại người này mạnh khỏe; mệnh cao quý, tôn nghiêm, đóng ở 9 dinh ra vào nơi triều đường. Tính thông minh, có tên tuổi trong thiên hạ.

+ Hình con rùa: Đầu tròn, ngắn, thân to, lưng dày, mắt nhỏ, miệng to rộng, 5 giác quan tập trung, sơn căn cao, giống hình con rùa. Loại người này sống lâu, tính tình hợp với núi sông, tiếng tăm lừng lẫy khắp nơi, mệnh ở vị trí khanh tướng, phúc lộc đều toàn vẹn.

+ Hình con tê giác: Đầu vuông, thân to, lưng dày, ấn đường rộng, địa các dày nặng, mắt tròn mũi to, thiên đình ngay ngắn, ngũ nhạc mỏng, đi đứng nặng nề, 5 giác quan và lục phủ rất tốt. Thần chính như con tê giác. Người như thế này có thể có chức vụ trong cung, sống lâu lộc nhiều, được người tôn kính, phúc để cho con cháu về sau.

+ Hình con hổ: Đầu tròn, ngắn, địa các dày nặng, mày rậm, mặt rộng mũi to, 5 giác quan, lục phủ tốt. Người như thế này mệnh đứng ở cung quan lộc, có tài vô lược, sinh ra đã giàu có, nhiều của cải.

+ Hình con sư tử: Trán vuông, mày to, miệng

rộng, mũi to, tai to, mắt to, người béo, ứng với trời đất, tam tài bằng và đầy, 5 giác quan lục phủ tốt, hình con sư tử. Thần của người có hình dáng sư tử, uy danh nổi núi sông, đứng địa vị vua chúa, đàn bà tướng như thế làm mẫu nghi thiên hạ.

+ Hình con rồng: Ngũ nhạc nổi lên, tam tài bằng và đầy như trời đất châu nhau, chân như chân phượng đầy đặn, ấn đường nhô lên, các vùng chung quanh rõ ràng, mũi có 8 mấu, mắt dài 2 tấc (tấc: 0,20cm), tai dài 4 tấc, 5 giác quan và lục phủ đều tốt. Đây chính là hình con rồng. Người có thân hình con rồng thì tu thế đường đường, quý hết chỗ nổi, suốt đời sang trọng.

+ Hình chim ưng: Đường chỉ trán và mày chẳng chịt và rậm, mắt sáng, tiếng nói sang sảng, miệng nhỏ, dáng điệu vội vã, tính luôn thay đổi. Người có hình thể chim ưng có thể làm tướng cầm quân, nhưng hiếu sát và không lương thiện, cuối cùng thất đức.

Ngoài ra, còn có rất nhiều loại hình như hình vượn, hình con ngựa, hình báo, hình thỏ, hình chó sói, hình lạc đà, hình hươu, hình chó, hình con lừa, hình chim tuộc, hình anh vũ, hình chim công, hình bồ câu v.v... rất phức tạp, khó nói hết.

Hình thể, tinh thần của mỗi con người có phá, có khuyết, nhưng đều có thú tự, tất cả đều có lành có dữ. Người có hình dáng như con rồng nằm, rồng bay là tướng rất quý.

Hình thể *Ngũ đoãn*, chi đầu ngắn, mặt ngắn, thân ngắn, tay ngắn, chân ngắn, xương nhỏ thịt đầy, ấn đường rõ ràng, nhuận, thuần. Người có tướng ngũ đoãn là tướng quý, có thể làm đến công hầu, khanh tướng. Người ngũ đoãn, cốt cách thô ác; nếu ngũ nhạc khuyết hẹp là tướng bần tiện.

Người trán dài, mặt dài, tay dài, chân dài là tướng *Ngũ trường*, thịt xương đầy đặn; đẹp, thanh tú, nhuận nhị, tướng thiện. Xương thịt khô, gân mạch nổi lên đều, dù là đặc trưng của ngũ trường, ngược lại là tướng bần tiện. Người dưới ngắn, trên dài là tướng bần tiện, chân ngắn tay dài là tướng phú và quý.

Về hình thể không đủ, sách viết:

"Người hình không đủ thì đầu nhọn mỏng, vai lệch, lưng nhỏ, các đốt ngón tay, ngón chân ngắn, bàn tay mỏng, môi mỏng, trán gồ, mũi tẹt tai bẹp, ngực lép, một mày thẳng, một mày cong, một mắt ngược lên, một mắt sụp xuống, một mắt to một mắt nhỏ, một lông quày cao, một lông quày thấp, một tay có đường chỉ, một tay không có

đường chỉ, khi ngủ mắt mở trùng trùng, đàn ông mà nói giọng the thé như giọng đàn bà, răng vàng mà hô, miệng hôi mà chu ra, đầu không có tóc, mắt sâu mà híp, đi đứng nghiêng vẹo, sắc mặt ử dột, đầu nhỏ người to, trên ngắn dưới dài. Những người có thân hình như thế sẽ nhiều bệnh tật, sống không thọ, bạc phúc mà bần tiện".

Rõ ràng hình thể đủ với không đủ có sự phân biệt căn bản. Người bình thường chỉ có thể nhìn thấy cái xấu, cái tốt về hình dáng bên ngoài nhưng các nhà tướng thuật thì lại liên hệ đến số mệnh và thời vận. Thiên nhiên biến ảo vô cùng, thực tế hình thể với khí chất tinh thần không nhất trí. Có những người thể phách tráng kiện nhưng hệ thống thần kinh và khí chất tinh thần không mạnh, như thế giữa hình thể và tinh thần không có mối quan hệ chặt chẽ.

Tinh thần có dư là chỉ tinh thần no đủ, cử chỉ ổn định, có thể điều khiển được mình, hạn chế những cử chỉ sai lầm. Các nhà nhận xét tướng mạo cho rằng thần có thừa là quý và thọ.

"Những người thần có dư thì mắt màu xanh, mày đẹp dài, sắc thái tinh thần lộ cao và luôn động, dung mạo vừa mắt, cử chỉ đàng hoàng, như trăng thu chiếu qua sương đêm, như cây sậy mùa xuân,

gặp việc thì cương nghị như mãnh thú đi vào rừng sâu, như con chim phượng đỏ vỗ cánh khiến dân tình khâm phục, lúc nằm thì yên lặng như ngủ, lúc đi thì đều bước như nước chảy bình yên, lúc đứng như ngọn núi nhô lên. Tiếng nói không âm í, tình không nôn nóng, vui buồn không động đến tâm, vinh nhục không xao xuyến, vạn chuyện không chệch như đã định, như thế gọi là tinh thần có dư. Người mà thần dư là tướng rất quý, được lộc trời mãi mãi đến cuối đời".

Thần không đủ chỉ tinh thần thái độ ủy mị, mê loạn, yếu hèn, không tự kìm chế được. Các nhà nhận xét tướng mạo cho rằng thần không đủ sẽ tổn thất phúc lộc nặng nề, thọ chẳng có, quý cũng không. Sách có viết:

"Những người thần không đủ thì không say mà như say, không buồn mà như buồn, thường lo âu, không ngủ mà như ngủ, mới nằm đã thiếp đi, không khóc mà như khóc, lúc nào cũng như hoảng sợ, không làm âm í mà như âm í, không vui mà như vui, không sợ mà như sợ, không si mà như si, không sợ mà run rẩy. Bộ mặt như mê muội, giống như nhiễm phải loại bệnh lây lan. Thần sắc trông thật thảm hại, lúc nào cũng như mất của. Nhìn hình

dáng con người như thế trông thấp hèn, như bị làm nhục. Sắc mặt lúc đầu như tươi tỉnh, sau lại u ám, trước thì ăn nói nhanh nhẹn, sau ú ớ. Người mà hình thể như vừa nói trên, không hoàn thiện, chẳng khác gì ở trong ngục, có làm quan cũng mất chức. Tinh thần không đủ, rõ ràng là mọi mặt không khỏe mạnh, thần thái ốm yếu, y học phương Đông gọi là "bệnh tường". Loại người như thế này làm việc cho qua ngày tháng, chẳng hiểu biết, lúc nào cũng như mình sai, nói chẳng nên lời".

"Thần bất túc" là biểu hiện thần thái sức khỏe không tốt. Đông y gọi là bệnh thái.

Trời đất có đạo lý nhất định. Cũng như y học phương Đông, tướng thuật phải dựa trên một cơ sở nhất định, đạo lý nhất định mới thu được thành công.

III. TƯỚNG KHÍ SẮC

Tướng "khí sắc" có thể chia thành tướng khí và tướng sắc, cũng có thể gộp lại để khảo sát.

Tướng thuật cho rằng: Các khí âm dương của trời đất tạo nên cái "đức". Khí và sắc thông hòa thì vạn vật hưng thịnh. Khí và sắc xung khắc thì mất cái "Lý" của cả hai.

Tình cảm đẹp đẽ của vạn vật là từ cái khí mà có được cái sắc.

Nếu người khí thừa thì trường thành. Khí là sức sống vốn sinh ra đã có. Hình dáng là vẻ bên ngoài của con người. Khí bổ sung chất, chất vận động là vì có khí. Người xưa cho rằng: "Tình cảm đẹp của vạn vật là khí phát ra thấy được sắc". Khí và sắc có quan hệ kế thừa.

Tướng thuật đã coi "khí" là tổ chất và chức năng tinh tế để thân thể con người sinh ra cái "thần" (tinh thần). Có 3 bước hình thành:

1. Khí của âm dương ngũ hành kế thừa các khí của trời đất mà sinh ra.
2. Phải điều chỉnh tu dưỡng luôn,
3. Ảnh hưởng của hoàn cảnh bên ngoài.

Khí là căn bản của tướng mạo hình thể, ảnh hưởng đến tinh tình và phúc, thọ. Có sự phân biệt giữa thanh tao ô trọc, mạnh yếu, thuận nghịch, dày mỏng, âm i và yên tĩnh. Cụ thể đã phản ánh: trạng thái tinh thần, tướng xương, chất lượng âm thanh, bộ mặt, 5 giác quan.

Các nhà tướng thuật đều lấy cái thanh cao, chính đại, rộng và hòa hợp, chìm ẩn để làm cái đẹp: "Cái

khí của người thiện không gấp, không thô bạo, không loạn, không âm ỉ, lúc khoan thì nhu như nước biển bình thường, hòa vào vạn vật, nhẹ nhàng như gió xuân, có thể ức chế được. Lúc cương thì không động, thanh khiết, sắc nhọn nhưng không ồn ào đó là "sắc". Người tiểu nhân không rộng rãi, chỉ biết ích lợi riêng mình, không thuận hòa, hay gây gổ, không thanh mà ô trọc, không cương mà nhu, không chính mà thiên vị, không thu thái mà gấp gáp. Thấy được cái nông cái sâu của khí, quan sát cái âm ỉ và yên tĩnh của sắc thái thì có thể phân biệt được quân tử với tiểu nhân".

Mạnh Tử khi nói đến tính quan trọng của khí thì cho rằng: "Khí trong sáng để nuôi cái thiện". Khí được dưỡng dục là do lục phủ ngũ tạng.

Khảo sát từ mặt mệnh lí, khí dài mà thu thái; thuận hòa, rộng rãi mà không tàn bạo là con người có phúc thọ. Khí gấp gáp dồn dập, thô bạo là tướng nông cạn. Còn như khí thở mà không có tiếng, tai điếc nằm mà không yên, chậm như rùa đó là tướng không thọ; nếu thở mà tiếng to, động mạch đập gấp là tướng đi vào cõi chết.

Các nhà nhận xét tướng mạo còn định ra cái gọi là "6 thú khí" để phân biệt với dưỡng khí của các

nhà dưỡng sinh học thời cổ, trong đó khí của chim tước, như ánh nước chiếu vào cầu vồng, như gió thổi. Khí của con rắn đang ngóc đầu dậy như thảo mộc đang nổi lên. Khí con hổ trắng như dầu hắc đen sì. Khí huyền vũ, như mây mù. Trong 6 cái khí, chỉ có khí rồng xanh là điều lành. Còn năm thứ khí khác là phát tán, hoặc hoảng sợ, hoặc buồn phiền, hoặc nghịch âm, đều là khí có họa.

Tương truyền con của Viên Thiên Cương, bậc thầy nổi tiếng về tướng thuật là Viên Chánh Sư khi đi qua sông, phát hiện ra trên thuyền có 10 người thở ra khí đen, dự đoán thuyền có thể thủng, chìm xuống sông, liền báo cho lái đò mời tránh được tai họa.

Người ta cho rằng: "Ấn đường khí vàng thì quan lộc cao; nhà mà có khí trắng thì gặp tang gia; khí xanh thì gặp họa. Trung chính phát ra màu tơ vàng làm quan là được. Trung chính mà xuất ra màu đỏ phải từ biệt vợ con, màu xanh thì lo sợ; màu đen thì quái đản khiến cho hoảng hốt.

Quan sát sắc mặt và hình dáng để phán đoán được, mất, hay, dở, gọi là *tướng sắc*.

Tướng sắc có nhiều loại: Sắc khác nhau là do các bộ phận trong thân thể con người, do ngũ

hành, do thời tiết. Các nhà tướng thuật cho rằng, các khí của con người là tùy theo sự thay đổi của các sắc. Trong thiên nhiên cái khí của ngũ hành cũng biến hóa, sinh ra ngũ sắc:

- Kim —————. Màu trắng.
- Mộc —————. Màu xanh.
- Thủy —————. Màu đen.
- Hỏa —————. Màu đỏ.
- Thổ —————. Màu vàng.

Nếu màu sắc hài hòa với nhau là quý. Sắc u ám, khô cằn thì người ta sinh ra đã mang tật bệnh, trong người đã có mối nguy của Thủy và Hỏa. "Ngũ hành về tướng mạo và hình thể" là thống nhất tương ứng với ngũ hành trong trời đất.

Con người có ngũ hình:

- Người hình Kim có màu trắng.
- Người hình Mộc có màu xanh.
- Người hình Thủy có màu đen.
- Người hình Hỏa có màu đỏ.
- Người hình Thổ có màu vàng.

Người xưa cho màu vàng là màu quý.

Nếu người hình Thổ mà có màu vàng thì có tướng thiện.

Sách "Thái Thanh Thần Giám" quyển 3 có miêu tả điều lành dữ, hình trạng của ngũ sắc. Ví dụ "Màu xanh và màu vàng đều là những màu nói về điều lành dữ".

Có thể nói tương về khí, về sắc là tướng khí sắc. Thông quan việc quan sát bộ mặt, sắc thái hình thể để phán đoán hung, cát, gọi là tướng khí sắc. Sách "Băng Giám" có viết: "Người lấy khí làm chủ, bên trong là tinh thần, bên ngoài là khí sắc, suốt đời con người đều có khí sắc. Khí sắc trời đất một năm có: Xuân màu xanh; Hạ màu lục; Thu màu vàng; Đông màu trắng. Khí sắc 1 tháng thì có sóc và vọng. Khí sắc 1 ngày có: Tảo thanh, Trú mãn, Văn Đình, Mô Tinh. Trên thực tế, các nhà tướng thuật khi khảo sát tướng mạo con người đều liên hệ đến khí và sắc. Có sáu loại thần khí sắc (Lục khí thành lục sắc).

Đặc trưng của 6 loại khí sắc như sau:

1. Sắc Thanh long: hai mắt đen trắng rõ ràng, có ánh đỏ vàng, chiếu thẳng vào người khác. Người nào có sắc đỏ thì được thăng quan, tiến chức, luôn gặp điều tốt lành.

2. Sắc Chu tước: sắc mặt đỏ như son, luôn lo

lắng, buồn phiền. Người có sắc mặt như thế thường gặp tai họa về việc quan, về phát ngôn.

3. Sắc Đằng xà: sắc mặt màu đất, tinh thần hôn ám. Người như thế hoảng hốt, đứng ngồi không yên, chạy ra chạy vào.

4. Sắc Câu trần: sắc mặt đục, đen trắng không rõ ràng, mặt hôn ám. Người có sắc như thế, luôn bị liên lụy, gặp việc xấu.

5. Sắc Bạch hổ: hai mắt trắng dã, uơn uớt như chảy nước mắt. Người như thế nhà có việc tang.

6. Sắc Huyền vũ: môi miệng màu thâm đen, có tướng bị bọn tiểu nhân hãm hại, bọn trộm cướp vào nhà.

Các nhà tướng thuật cho rằng, nhìn khí sắc con người phải vào lúc trời sáng sủa, tốt nhất là lúc ngủ dậy. Tướng thuật còn nói: "Tướng khí sắc có địa vị ngang hàng với tướng xương, tướng mặt, tướng tay".

Dời Đường ở Trung Hoa, người ta rất xem trọng tướng khí sắc, cho rằng khí sắc có thể quyết định hung cát, phúc họa, thịnh suy. Hàng loạt thầy tướng thời ấy đã hành nghề bằng loại tướng thuật này.

IV. TƯỚNG ĐỘNG TĨNH

Nói động tĩnh là nói đến cử chỉ của con người, bao gồm tiếng nói, ngôn ngữ, hành động, ngồi, nằm, nhìn, ăn, với những tương ứng. Các nhà nhận xét tướng mạo cho rằng, đồng thời với việc quan sát các loại tướng mạo hình thể, cũng có thể từ cử chỉ động tĩnh mà xét đoán được tình tình bên trong, điều xấu tốt, phúc thọ của một con người:

"Các nhà tướng thuật khi bàn về tinh thần ô trọc, thanh tao, chính tà, tục và thanh đều rất khó kết luận, muốn nhận xét được, trước hết phải quan sát động tĩnh".

Họ cho rằng, **âm thanh** của con người giống như tiếng vang của chuông trống, tiếng phát ra càng to, âm lượng càng vang, càng quý. Ngược lại, nhỏ thì không tốt. Tinh cảm, tinh thần của một người mà trong sáng thì khí hòa; khí mà hòa thì âm thanh ắt phải tròn, ngược lại, u ám ô trọc thì khí cấp xúc, khí mà cấp xúc thì âm thanh cũng cấp xúc. Tiếng của những người quý, hay xuất ra từ đan điền, thông suốt giữa âm thanh và khí. Đan điền vẫn là cái gốc của thanh, rễ cây mà sâu thì cây vững.

Tiếng của quý nhân vừa trong vừa tròn, vừa nhanh nhưng hài hòa, khoan thai, thú tỵ, dài mà có sức, lớn nghe vang vang, có vần điệu như chuông ngân, nhỏ nhưng lúc róc rách như tiếng nước trong, nhu đàn tỳ bà đang đánh, xa mà không đứt đoạn; sâu mà ẩn tàng, to mà không ô trọc, tinh tế mà không loạn, du âm mãi mãi. Tiếng của tiểu nhân phát ra từ cái lưỡi, gấp gáp mà không đạt, rối loạn mà nổi như tiếng trống thùng, lũng cùng sâu mà trì trệ, cạn mà lộn xộn, lớn mà phân tán, nhẹ dài lê thê.

"Thanh âm của con người như tiếng chuông, tiếng trống, chúng có hư thực của ngũ tạng. Nghe tiếng của người mà biết được cái chất bên trong". Các nhà nhận xét tướng mạo xem xét, khảo sát bằng cách phối hợp thanh âm với tướng hình ngũ hành bởi vì cái không tỵ của ngũ hành, tỏa ra khắp nơi cho vạn vật chính là ngũ âm. Phải kết hợp chặt chẽ giữa sức khỏe và thanh âm để nghiên cứu về "Âm", cho nên họ rất xem trọng âm thanh. Có người còn nhấn mạnh, nhận xét con người cần nghe ngóng thanh âm trước, sau đó mới đến hình dáng và tướng. Hình thể ngũ hành của con người, giống như khí thanh phối hợp với ngũ hành.

Đặc điểm của ngũ âm là:

- Cung thuộc Thổ: thanh trầm, dày.
- Thương thuộc Kim: thanh, hài hòa.
- Giác thuộc Mộc: thanh cao.
- Vi thuộc Hỏa: nhỏ nhẹ.
- Vũ thuộc Thủy: tròn, trầm.

Nếu hình thể, âm thanh, ngôn ngữ hoà hợp, được như thế này gọi là hợp tướng. Ngũ hành hình thể con người phù hợp với đặc trưng ngũ hành của thanh âm (ngũ âm) là ứng vào phú, quý, cát tường. Tướng thuật cho rằng lời nói là tiếng của tim, từ tiếng nói có thể biết được mệnh lộc của con người. Tiếng nói của người quý, thanh bình, khí bình thì có pháp độ, có được lòng tin với mọi người. Lời nói của người tốt phải:

- Có lễ nghi.
- Không thô lỗ.
- Có thứ tự trước sau, có trên có dưới.

Những tướng quý thì lời nói cũng phải tương xứng.

Ví dụ:

- Lời nói của những người giản dị thì trầm tĩnh.
- Lời nói của những người trung thực thì khiêm nhường.

- Lời nói của những người nhỏ nhen thì huênh hoang, giận dữ, nôn nóng thô bạo.

Khoa học đã chứng minh: Cơ sở sinh lý của ngôn ngữ là phổi, khí quản và yết hầu; được cấu tạo bởi 3 bộ phận: thanh quản, miệng và mũi.

+ Âm sắc là hệ thống cộng hưởng ở miệng và mũi

+ Âm lượng là sự vận động có hệ thống của yết hầu và thanh quản.

Phổi quyết định sự lớn bé của khí lưu, là động lực phát âm. Cơ sở để quyết định âm thanh là mối quan hệ mật thiết của phổi với các bộ phận có liên quan. Sự hoạt động của phổi liên quan rất cụ thể với hình dáng, sức khỏe của con người. Do đó đặc trưng thanh âm của con người có liên quan đến tình trạng sức khỏe. .

Các nhà tướng thuật nhận xét rằng, **đi đúng** là tiến thoái.

Đi là làm việc thuộc về dương, chủ động. Quan sát tư thế, tốc độ đi đúng của một người có thể phán đoán được tình cách, sống lâu hay chết non, sang hèn của người đó. Sách viết: "1 người làm điều thiện như thuyền gặp nước, không làm điều thiện, như con thuyền không gặp được nước, sẽ gặp hiểm

họa, suy yếu, phiêu bạt. Người quý đi như nước chảy không dừng, không dao động. Người tiểu nhân đi như lửa nóng làm cho thân nhẹ, chân nặng. Đi mà không nghiêng đầu, không nghiêng mình, người quay đi mà không mắc vướng gì, tiến thoái có thái độ nhất định là người quý. Chân đi không đến đất là người nghèo khổ, chết yếu. Đi như chạy, sẽ tha hương cầu thực. Đại để chân không được gấp, đầu không được cúi, thân phải thẳng, như thế là tướng quý".

Căn cứ vào sự nghiên cứu tổng thể về hình dáng tướng mạo, các nhà tướng thuật miêu tả các loại tướng đi như sau:

- Bước đi của rồng của hổ khác thường. Bước đi của rồng thân không động, của hổ rộng mà có lực. Những người hùng mạnh đều có 2 loại động thái này.

- Bước đi của rắn, cả đầu lẫn chân đều động đập, ở vào trạng thái 3 khúc. Đi như rắn thì độc ác và không sống lâu.

Tất cả có đến mười mấy loại tướng đi như tướng đi của hạc, của chuột, của chim tước, của trâu, của rùa...

Ngồi là âm, phải yên tĩnh, tương ứng với đi. Các nhà nhận xét tướng mạo cho rằng, một con người ngồi mà thân ẩn không lộ, không động ấy là người rất có đức. Nếu đầu luôn lúc lắc, là người luôn mất của. Lại có người khi ngồi thân nghiêng, đầu quay, không ngay ngắn, đó là tướng tham lam, phận bạc. Tướng mạo không cung kính, lễ độ, không cẩn thận, gân cốt mềm, thịt nhão là tướng không lương thiện. Cần phải: "Ngồi vững như núi, đi nhẹ êm, thân thể tuy nặng nhưng phải thư thái" là tướng quý. Ngồi mà cứ lắc lư, như cây nghiêng ngả là tướng xấu, người như thế mất mát của cải.

Động thái, tinh thần của mắt khi nhìn vào vật là **tướng nhìn**. Từ lâu người xưa đã từ cái thần của mắt và luồng nhìn để phán đoán được trí tuệ, cái tâm của con người. Nếu như nhìn trên mặt mà thấy kiêu ngạo, vênh váo, nhất định người đó gian xảo. Mạnh Tử đã từng nói: "Một bộ phận rất quan trọng của con người là Mắt. Con người không thể dấu được cái ác khi bị nhìn vào mắt".

Các nhà nhận xét tướng mạo đời sau đã cho rằng: "Mắt hay ngước nhìn lên cao là tướng quý, nhìn sụp xuống là thâm độc, nhìn xa là hiền, nhìn gần là ngu, nhìn thẳng là đức, nhìn cao là kiêu

ngạo, nhìn thấp là gian, người nhìn không thẳng là giặc, nhìn cứ loạn lên là đâm đặng, nhìn nẩy lửa là hung bạo".

Trong sách cổ của Trung Hoa, có nhiều trang miêu tả về "cái nhìn", rõ ràng đây là một phương pháp đặc biệt về động thái tâm lý. Sách nói: Người không giữ lễ là nhìn không thẳng thắn.

"Nhìn" mà không giữ lễ, sẽ làm cho mọi người giận dữ, tất nhiên sẽ gây ra nhiều phiền phức. Điều này sẽ gây ra nhiều bất lợi.

Con mắt tròn xoe không chuyển động, luôn nhìn chăm chú, con người nhu thế ngoan cường, còn gọi là con người có thần thái cố chấp.

Đời Tần (- 223) xưa ở Trung Hoa, tướng Bạch Khởi mắt nhìn chăm chăm không chớp được xem là con người tài năng có thể đối phó với tất cả những gì khó khăn nhất.

Bình Nguyên Quân là một người được xem là nhà chính trị biết "Chiêu hiền đãi sĩ" chẳng khác gì Mạnh Thường Quân thời cổ đại Trung Hoa, có một hôm nói với vua nước Triệu: "Trong cuộc hội ở Thằng Trì, thần quan sát Vũ An Quân (tức là Bạch Khởi) thấy ông ta đầu nhỏ mà nhọn, đồng tử trắng

đen rõ ràng, nhìn người không chớp, chí mạnh. Đầu nhỏ mà nhọn là người dám xông pha; mắt đen trắng phân minh, nhìn sự việc sáng suốt; nhìn chăm chăm lâu không chớp đó là con người dám xông vào khó khăn, tướng rất quý".

Các nhà nhận xét tướng mạo cho rằng: "Nhìn thẳng vào mặt trời không thể là mắt thường được, như vậy là tướng hết sức quý".

Tướng nằm: Các nhà tướng thuật cho rằng nằm để nghỉ ngơi nếu tu thái nằm yên tĩnh, tự nhiên, không động dấy là tướng phúc và thọ. Nằm như tu thế của chó là tướng thượng đẳng, nằm giống như con rồng là tướng quý. Mệnh ngắn không thọ là nằm ngủ mà miệng mở rộng. Nằm ngủ mà nghiêng rằng sẽ chết vì tai họa binh đao. Ngủ mà mắt mở trừng trừng là chết bạo tử trên đường đi. Nằm ngủ mà nói mê loạn lung tung là người hèn, làm đầy tớ. Nằm ngủ phát ra khí hôi là người mệnh ngu, nếu nằm mà úp mặt xuống thì chết đói, ngủ mà dựa vào giường thì ương bướng mà hèn. Nằm nghiêng thì nhiều điều lành và sống lâu, nằm xoay lung tung quay đi chuyển lại không ổn định là tướng xấu.

Lúc ngủ say, thần thanh thoát là tướng quý; ngủ

say thần ô trọc thì hèn. Thông minh mẫn tiệp, tinh táo, khác với ngu đần, buồng bình. Khí mệnh dài thì sống lâu. Nếu khí thở ra mà thiếu thì đoán mệnh. Ngủ phát ra tiếng "hừ hừ" thì sẽ chết. Ngày xưa có một câu thơ: "Người quý thì khi nằm phát ra hơi điều hòa, hầu như không nghe thấy hơi thở, ngay khi ngủ cũng cảm thấy thoải mái, tay dựng lên như cành phan thì tinh thần được tôn trọng và có phúc. Nằm như lợn, như vượn, khí không hòa, sẽ nghèo, tướng xấu. Nằm mộng nói nhiều lời cuồng điên, tướng xấu.

Phương pháp nhận xét tướng mạo còn cho rằng **phong thái ăn uống** của con người mà thô bạo, không hòa, ảnh hưởng đến khí huyết, tính mệnh. Cho nên khi ăn phải từ tốn, khoan thai, ngồi ăn phải đoan trang, đầu ngay ngắn, nhanh nhưng không thô bạo, xuống tay chậm chậm nhưng không được quá chậm mới là quý tướng. Ngoài ra, ăn ít mà vẫn béo, là người hiền lành; ăn nhiều vẫn gầy, là người tính loạn, ăn nhanh thì hung bạo. Ăn đều là tính hòa, ăn như lợn là tướng bần tiện. Ăn mà răng lộ ra thì đó là người nghèo khổ, mệnh ngắn. Ăn mà như trâu là con người có phúc lộc. Ăn mà

như dê thì là người được tôn vinh; ăn như hổ là có quyền làm tướng soái; ăn mà như khỉ thì có tướng làm đại sú.

Những người ăn ở đầu lưỡi, cả đời khổ. Vừa ăn vừa quay đầu nhìn 4 phía là người suốt đời đói khổ.

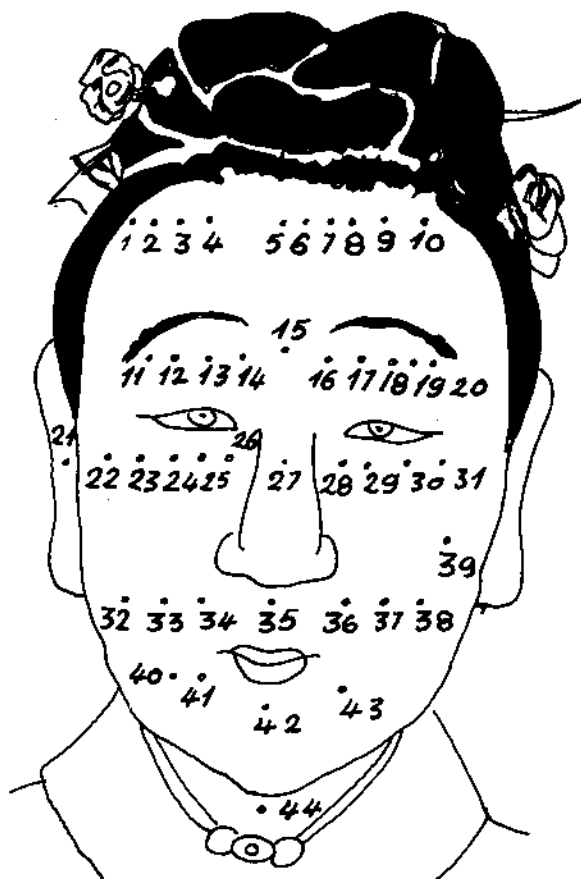
V. NỐT RUỒI

Nốt ruồi là những u thịt, có cái rất nhỏ nhưng cũng có cái như hạt đỗ nổi lên trên mặt da.

Nốt ruồi có nhiều màu: Xanh, đỏ, đen, xám. Nốt ruồi màu xám mọc bên ngoài da do các tế bào sắc tố màu xám; nốt ruồi màu xanh mọc lên do tế bào mang sắc tố xanh ăn sâu vào da. Nốt ruồi màu đỏ là nốt ruồi huyết quản, được hình thành do các mao quản nhỏ. Nốt ruồi màu đỏ thường mọc trên mặt hoặc do vết thương tụ máu lại. Các nhà nhận xét tướng mạo hết sức xem trọng, tùy theo màu nốt ruồi mà đoán ra mệnh li.

Các nhà nhận xét tướng mạo cho rằng, người có nốt ruồi đen, như núi sinh thảo mộc, đất sẽ phì nhiêu. Núi đẹp sẽ có cây đẹp, đất mà không tốt thì khô cằn. Người có chất tốt sẽ sinh ra nốt ruồi quý, nếu chất ô trọc sẽ sinh ra nốt ruồi bần tiện.

- 1 - Vương phi
- 2 - Nhiều chồng
- 3 - Chú ý cha mẹ
- 4 - Làm con ở
- 5 - Tài giá
- 6 - Bạn quý
- 7 - Đề phòng chồng
- 8 - Chết bạn
- 9 - Hai chồng
- 10 - Nguy hại
- 11 - Cắt
- 12 - Bỏ chồng
- 13 - Hợp với chồng
- 14 - Hiền dăng
- 15 - Đề phòng chồng
- 16 - Hiền dăng
- 17 - Hợp với con
- 18 - Con quý
- 19 - Đề phòng chồng
- 20 - Trưởng mệnh
- 21 - Thông minh
- 22 - Thông minh
- 23 - Trưởng cát
- 24 - Gian xảo
- 25 - Nam tính
- 26 - Tai họa lửa
- 27 - Tai họa
- 28 - Hung
- 29 - Đề phòng chồng
- 30 - Khóc chồng
- 31 - Thích di chuyển
- 32 - Tự sát
- 33 - Vật lạ
- 34 - Hoạ vì nước
- 35 - Sinh đôi
- 36 - Giết con
- 37 - Mồm mép
- 38 - Đề phòng chồng
- 39 - Chiêu chồng
- 40 - Chết dưới
- 41 - Khó vì bệnh tật
- 42 - Ở nhà
- 43 - Phòng
- 44 - Sát phụ



Hình vẽ nốt ruồi phụ nữ

Hán Cao tổ Lưu Bang, chân bên trái có 72 nốt ruồi đen.

Vô Tác Thiên eo lưng bên trái có 7 nốt ruồi đỏ.

An Lộc Sơn đời Đường hai chân gấn có nhiều nốt ruồi, sinh con bạo ngược, quả nhiên về sau con của An Lộc Sơn đã giết bố cướp quyền.

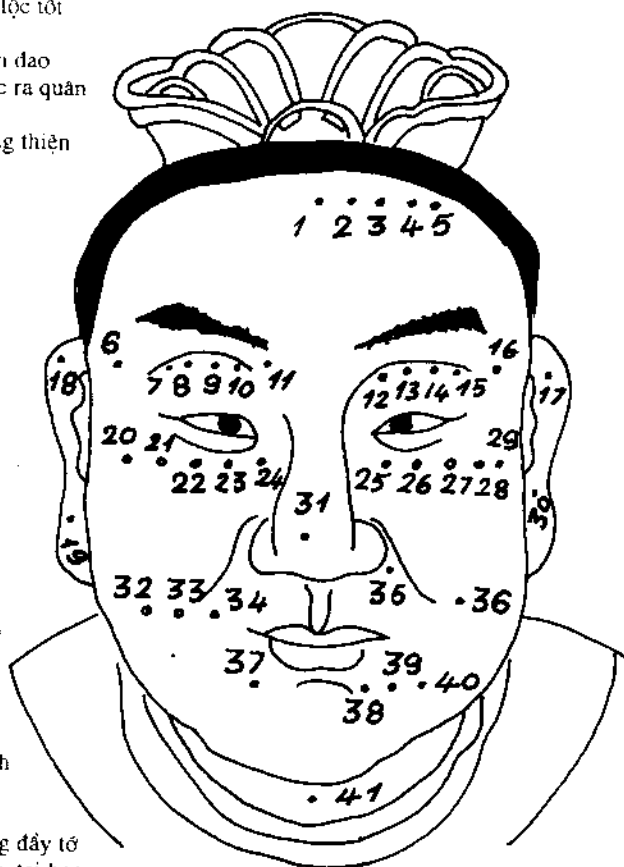
Phương pháp nhận xét tướng mạo thường quan sát xem nốt ruồi đen đóng ở vị trí nào trên con người để xác định các loại phú quý, hèn nghèo, hung dữ, tốt lành. Sách viết: Nếu nốt ruồi đen mà đóng ở những nơi dễ thấy thì dữ nhiều hơn lành, đóng ở những nơi ẩn khó thấy thì lành nhiều hơn dữ. Nếu sinh ra đã có nốt ruồi ở mặt, nốt ruồi đen như màu mực hoặc đỏ như son, thì báo nhiều điều tốt. Người có nốt ruồi đỏ sẽ đấu tranh với đời chủ yếu bằng miệng lưỡi, bằng ăn nói. Người có nốt ruồi trắng phải chịu lo buồn hình sự. Người có nốt ruồi vàng, bị di chuyển, mất mát, quên lãng.

Tướng nốt ruồi chia thành ba khu vực lớn.

- Nốt ruồi đen trên mặt
- Nốt ruồi đen ở chân tay
- Nốt ruồi ở trên thân thể.

+ Nếu nốt ruồi đen đóng ở giữa mặt thì giàu có

- 1 - Chú ý cha mẹ
- 2 - Cung quan lộc tốt
- 3 - Làm quan
- 4 - Chết vì binh đao
- 5 - Không được ra quân
- 6 - Hao tài
- 7 - Không lương thiện
- 8 - Chết dưới
- 9 - Đại cát
- 10 - Bất lợi
- 11 - Quý
- 12 - Đại quý
- 13 - Làm quan
- 14 - Chết dưới
- 15 - Hung
- 16 - Tấn tài
- 17 - Cát
- 18 - Cát
- 19 - Tài học
- 20 - Dân đảng
- 21 - Nữ tính
- 22 - Hay khóc
- 23 - Chôn cha
- 24 - Hung
- 25 - Phòng thân
- 26 - Chôn con
- 27 - Không con
- 28 - Nam tính
- 29 - Gian
- 30 - Thông minh
- 31 - Hung
- 32 - Bạn chết
- 33 - Không dùng dây tơ
- 34 - Đau thương, tai họa
- 35 - Chết dưới
- 36 - Đắc tài
- 37 - Thông minh
- 38 - Nghiện rượu
- 39 - Cát
- 40 - Thiện
- 41 - Công hầu



Hình vẽ nốt ruồi nam giới

và sống lâu, gần phía trên thì quý mà mạnh. Người có nốt ruồi đen thất tinh trên trán là tướng đại quý; đóng ở thiên trung thì phải đề phòng thân phụ (cha) gặp điều xấu, đóng ở thiên đình đề phòng cha mẹ bị hại, nếu đóng ở tư không phòng cho cả cha lẫn mẹ... Trong ba khu vực, quan trọng nhất là nốt ruồi trên mặt. Các sách nói về nhân dạng nhiều đời đều nói rất nhiều đến vấn đề này.

Các nhà tướng thuật cho rằng: Trong miệng mà có nốt ruồi đen thì tham ăn, nghiện rượu. Trên lưỡi có nhiều nốt ruồi thì hay nói dối. Có nốt ruồi màu như nước tương thì chết vì say rượu.

Người có nốt ruồi Sơn lâm thì bị chết hoặc bị thương vì độc trùng. Người có nốt ruồi Hồ giác thì ra vào cửa quan. Người có nốt ruồi Thiên tinh sẽ gặp tai nạn về nước. Người có nốt ruồi Lao tù thì chịu tai họa về ngục hình v.v...

VI. TƯỚNG TÂM

Nếu như tướng mạo hình thể là nhân tố "chất lượng" từ bên trong thể hiện ra bên ngoài của một con người thì cái "tâm" là thuộc tính cá nhân của toàn bộ. Điều quan trọng nhất là, phương pháp

nhận xét tướng mạo cho rằng quan sát hình thể tướng mạo vô cùng quan trọng qua đó có thể thấy được một số hướng đi của số mệnh thời vận, nhưng trạng thái, tâm lý so với tướng hình lại quan trọng hơn, nó là chỗ dựa tốt xấu, phúc họa của một con người, còn có thể thay đổi tướng con người. Có thể nói tu dưỡng cái tâm, đạo đức là nhân tố quan trọng quyết định tất cả. Phương pháp quan sát tướng mạo đã xem trọng tu dưỡng nội tâm, như thế đã xem nặng lễ nghi văn hóa truyền thống đối với việc tạo lập nhân cách con người và hành vi tu dưỡng nội tâm quyết định tương đối khách quan phúc họa trong tương lai.

I. QUAN HỆ GIỮA TÂM VỚI TƯỚNG HÌNH.

Trong quan niệm của người xưa, con tim (tâm) là một cơ quan sinh ra tư duy và tình cảm, là ngôi nhà của thần khí và ngũ tạng, soi rọi các bộ phận của toàn thân thể, có thể ảnh hưởng đến tướng mệnh con người. Nhà triết học phương Đông Tuân Tử có công nghiên cứu sâu tướng mạo hình thể con người, cho rằng "tâm" mới là nhân tố khẳng định hay phủ định hạnh phúc cả cuộc đời con người. Ông nói: "Tướng hình nếu như không nói đến chữ

"tâm" thì không có gì để bàn. Nếu hình không thắng "tâm", tâm sẽ không thắng thuật (phương pháp). Thuật chính là do tâm thuận. Hình dáng tướng mạo tuy ác nhưng "tâm" mà thiện sẽ không có hại. Hình dáng tướng mạo tuy thiện mà cách làm của tâm lại ác, có lợi cho tiểu nhân". Ý tứ câu nói này của Tuân Tử là: tu tướng, phẩm chất, đạo đức của một người là quan trọng. Chữ tâm của một người còn gọi là "tâm thuật". Nếu tâm chính, hình dáng có kém một chút thì vẫn là quân tử chính nhân, ngược lại, hình dáng đẹp, rất hợp với yêu cầu của mệnh quý nhưng tâm thuật bất chính, cũng là con người tiểu nhân. Nếu như nói: Tướng thuật là dùng văn hóa, phong tục truyền thống quan sát tướng mạo để nói số mệnh thời vận thì câu nói của Tuân Tử là dùng văn hóa truyền thống về tu dưỡng đạo đức xử thế làm người để dạy người ta phải có hành vi mẫu mực. Tuy 2 loại quan điểm này xuất phát điểm và kết luận đều khác nhau nhưng Tuân Tử đã nêu lên tính quan trọng của "Tướng Tâm". Chú ý đến "Tướng Tâm" đó là một bổ sung quan trọng cho "Tướng Hình".

Tướng mạo từ con tim phát ra có cái tốt cái xấu, có cái tiếp thu được, có cái không thể tiếp thu

được. Khi gặp phải sự việc cần xử trí, có 7 điều mà "tâm thuật" giải quyết được, cũng có 7 cái mà tâm thuật không thể xử trí được.

Bảy cái có thể làm được là: Trung hiếu, bình đẳng, khoan dung, thuần túy, ban ơn, bình thường, cương trực.

Bảy cái không thể xử trí được là tâm ác, tà tâm, xét nét, lạnh nhạt, ganh đua, ám muội, cầu thả. Những cái đó đều do bất đồng, khác nhau về tâm thuật.

Có một câu nói: "Người luôn muốn nhân từ, trời đất cũng bảo vệ; người làm nhiều điều ác, thì trời sẽ trừng phạt không tha. Nếu xử sự khoan dung ôn hòa, không sợ thiệt; còn như bạc bẽo, trong nhà ít tiền của, hoặc nếu có chút tài vật mà khoe khoang khắp nơi sẽ gặp phải bọn gian manh lừa đảo, lúc đó có hối cũng không kịp".

Người xưa nói: "Cho nên cái đạo của trời đất rõ ràng, lòng con người, chữ tâm của con người, nói cho cùng muốn được hưởng thọ, vinh hiển chỉ có lấy chữ hiếu đối xử với người thân, trung với nước, thuận hòa với mọi người, lấy đức làm đầu, lấy củ chỉ thái độ đôn hậu mà ăn ở, tuy chưa được gì nhưng sẽ thu

hoạch. Nếu làm ngược lại, đòi mình tuy chưa bị kẻ xấu hại thì đòi con sau này cũng sẽ gánh chịu".

Cho nên khi nhận xét tướng mạo một con người, trước hết phải quan sát đức của người đó sau đó mới nhận xét về hình dáng. Đức mà đẹp, hình dáng có xấu vẫn là người quý, còn hình dáng đẹp nhưng làm những việc không tốt, làm việc ác thì là con người xấu. Cái đức ở hình trước tiên, đức quyết định cái hình, cách nhìn này tương đối khách quan. Nhưng chỉ đức không thì tất nhiên chỉ để cái tốt lại cho con cháu, mà không thể phát triển được.

Vào thế kỷ thứ X, một số nhà tướng thuật phương Đông đã xác định địa vị của "tướng tâm", đồng thời cũng khẳng định tướng mạo của hình dáng, thừa nhận ở mức độ khác nhau về tính chất quan trọng của "tướng tâm". Có ý kiến: "Có tâm rồi mới có tướng; dần dần tướng từ tâm sinh ra; tướng là do tâm quyết định". "Lông mà rộng rãi, ăn ở nhân từ thì sẽ tránh được những điều hiểm họa".

Điều phúc, điều lành của tướng đều tùy theo tâm niệm; tính tình lương thiện cũng đều do con người, do tâm của con người mà có. Với cách quan niệm như thế, tướng mạo hình thể trở thành thứ yếu.

Nhà triết học phương Đông Tuân Tử nói: "Tướng mạo của hình thể không nói cái tâm không được; có tâm mà không có tướng, thì khập khiễng". Trong con mắt con tim của các văn nhân, tướng tâm có ảnh hưởng mạnh.

II. THỰC TIỄN CỦA TƯỚNG TÂM.

Trên thực tế, tướng tâm là sản vật kết hợp tâm lý văn hóa truyền thống với phương pháp nhận xét tướng mạo. Bởi vì cái mà các nhà nhận xét tướng mạo gọi là "Thiện", "Đức", "Tâm thuật" không thoát ra ngoài những tiêu chuẩn hành vi đạo đức của xã hội phong kiến. Sau khi Phật giáo thâm nhập, người theo đạo Phật cấm sát sinh, tụng báii thuyết luân hồi chuyển thế; tu tướng làm thiện thì gặp thiện, làm ác thì gặp ác đã trực tiếp trở thành nhân tố ảnh hưởng đến lời đoán lành dữ của đời sống con người.

Chuyện ngày xưa truyền lại: có một vị công tử phương Đông, một hôm gặp một vị hòa thượng. Trông tướng công tử lương thiện, hòa thượng nói với vị công tử: "Anh là 1 con người có tướng không tốt. Thần của mắt bộc lộ ra ngoài, sắc bết tắc, khí thì hôn mê, huyết khô, âm thanh phát ra bị tán,

do tính hiếu sát. Nếu chịu khó giới sát (không giết người), phóng sinh thì mãi mãi được sống lâu, giàu sang. Còn nếu như không nghe lời ta, về sau hối không kịp". Vị công tử này nghe hòa thượng nói như thế, bực giận, chửi mắng ầm ĩ: nào là đồ súc sinh muốn ăn thịt bò ta sẽ giết cho mà ăn, cớ sao cần phải bịa chuyện. Bà mẹ khuyên can vị công tử, anh ta quay lại con bò nói: "Mày có thể lạy ta, ta sẽ tha cho mày". Con bò nghe xong lập tức quỳ xuống đất. Vị công tử càng giận, mắng to, "con súc sinh này đã thành yêu, thành quái, lẽ nào mày lại hiểu lời nói của người?" Ngay lập tức hất gậy giết con bò. Con bò vừa chết thì vị công tử ngã lăn quay ra đất, kêu lên như tiếng bò rống rồi chết ngay. Đây là một câu chuyện về tướng thuật ý nói rằng: nếu ai làm điều ác thì người ấy sẽ gặp ác.

Do tướng tâm dần dần được xem trọng, các nhà nhận xét tướng mạo chú trọng đến việc quan sát thực tiễn và tổng kết, hình thành nên học thuyết về tướng tâm. Sách có viết: "Người mà có tướng thiện, đầu tiên phải xét đến cái đức của người đó, sau mới quan sát hình dáng. Đức mà tốt, hình dáng tuy ác vẫn là người quân tử; hình dáng đã ác, hành động lại hung dữ thì không thể dấu được cái tiểu

nhân của mình". Cái đức trước hết là từ hình dáng, đây là quan niệm chung của các nhà nhận xét tướng mạo, đồng thời cũng được áp dụng trong thực tiễn. Ví dụ như Hạng Vũ, mặt có đồng tử rất lớn, dáng hình bạo ngược, về sau đốt cháy thành Hàm Dương hết sức tàn bạo. Cuối cùng phải nhảy xuống sông Ô mà tự tử, kết thúc cuộc đời.

"Hình của con người cũng là tài sản của con người. Đức là cái khí, tài mà đẹp mà tốt thì trợ lực cho đức, như chạm trổ thêm cho đẹp. Khí mà không được trau dồi thì cũng khó thành khí tốt, đức trước hình, hình phải sau đức". Phương pháp nhận xét nhân dạng đưa ra "Cửu thành chi thuật" đó là:

- Tinh thần sắc thái rõ ràng.
- Hồn phách, thần trong con người khẳng khái.
- Hình dáng tướng mạo ổn định.
- Khí sắc sáng sủa
- Cử chỉ hành động rõ ràng, dứt khoát.
- Đi đứng, xử thế có suy nghĩ, tính toán
- Nhìn thẳng, chính đáng.
- Tài trí ứng phó nhanh chóng.
- Làm việc đức có mục đích.

"Cửu thành chí thuật" (chín phương pháp để thành công) khái quát tương đối toàn diện phương pháp nhận xét tướng mạo trong đó tướng Tâm là một nội dung quan trọng.

Trong một thời gian dài các nhà nhận xét tướng mạo đã từ cái "thiện" để quan sát phân loại tỉ mỉ một con người. Tướng Tâm gồm 36 cái thiện, chẳng hạn:

- Làm việc phải có cương có nhu.
- Cầu cái thiện phải gần gũi quân tử.
- No đủ nên chia cho mọi người.
- Không nên gần bọn tiểu nhân.
- Luôn luôn làm chuyện ân đức.
- Ngay từ cái nhỏ phải làm cho gia đình ổn định.
- Không vui gì khi người khác nghèo đói.
- Đừng làm lợi mình, hại người.
- Không làm việc ác, không hiểu sát.
- Mới nghe sự việc không nên kinh hoàng.
- Không nên thất tín với người.
- Bỏ việc nhỏ vì việc lớn.
- Không làm chuyện đổi thay.
- Đêm nằm nên ngủ ngay.
- Lên ngựa không quay đầu lại.

- Ban đêm không nên gây gổ với người.
- Không nên quá khách khí văn hoa.
- Không được trí trá.
- Không được quên ơn người.
- Phải làm việc thiện bỏ điều ác.
- Cứu giúp người cô quả.
- Không vào hùa với kẻ mạnh, khinh người yếu.
- Không quên ơn.
- Làm những việc mà mọi người cần.
- Không nhiều lời, lắm mồm.
- Không vì có của mà sinh ra kiêu ngạo.
- Ăn nói tử tế.
- Nên để người nói trước, mình nói sau.
- Luôn nói chuyện làm việc thiện.
- Không ham của ác, vật ác.
- Vuông tròn, thẳng cong phải tùy từng lúc.
- Nghe thấy làm việc thiện là phải làm ngay.
- Phải thông cảm với người đói khát vất vả.
- Phải quên đi những chuyện ác cũ.
- Tận lực cứu bằng được những người khốn khó.

...

Làm được tất cả 36 điều thiện là người nhu thần.

Người ta cho rằng lấy sự giảm đi càng ít điều không hay càng tốt. Trong số 36 điều nếu làm được 20 điều sẽ được làm quan lớn, nếu làm trên 10 điều sẽ là người giúp việc cho các quan, làm được 5-6 điều đã giàu lớn.

Khi các nhà nhận xét tướng mạo thảo luận về tướng tâm đã nhắc đi nhắc lại khái niệm quan trọng "đức" trước "hình". Tướng thuật cho rằng "đức" là luân lý lớn nhất của người, phải được đề cao. Trung với vua, hiếu với bố mẹ, làm nhiều điều có đức, gương mẫu cho mọi người mà không đòi hỏi thì sẽ có bổng lộc, sẽ được ban ơn. Quên mình để lộc lại cho con cháu là chữ "Đức". Ngoài việc có

Quan niệm đạo đức thời phong kiến cho rằng trung và hiếu là đạo đức cao nhất của con người. Trung có hiếu ra, khái niệm về chữ "Đức" rất rộng, nếu là cử chỉ, ăn nói, hành động thì phải hợp với mẫu mực của luân lý con người. Toàn bộ lý luận đạo đức phong kiến về cơ bản đều qui về "làm những điều có đức".

Ngoài 36 điều thiện nói trên, có rất nhiều nhà xem tướng đã dựa vào thực tiễn của mình mà lí giải quan niệm đạo đức, không ngừng bổ sung.

Có 1 nhà triết học rất giỏi về nhận xét tướng mạo của Trung Hoa cổ đại tên là Quách Lâm Tông nói rằng con người cần có "9 cái đức" như sau:

- Vẻ mặt, dung mạo quý.
- Vui vẻ, lạc quan.
- Làm nhiều điều tốt.
- Đi vào lòng người.
- Luôn luôn giữ được bình thường.
- Không quên sót điều gì.
- Cẩn thận, không hấp tấp.
- Yêu mọi người, mọi vật.
- Khiêm tốn, nhún nhường.

Người ta còn nói đến "8 điều thiện", "10 điều đức", "28 điều thiện", có phân loại rõ ràng. Nói tóm lại, đó là "đại đồng tiểu dị" (tất cả hầu như giống nhau, cái khác chỉ nhỏ thôi - ND). Cái chung nhất là các thầy xem tướng khi đoán lòng người đã xem trọng chữ "Đức".

Trong thực tiễn quan sát tướng tâm, các thầy xem tướng dần dần đã tổng kết được 1 số phương pháp:

- Những người làm nghề xem tướng giỏi, thường

không kết hợp xem tướng hình với tướng mặt. Họ cho rằng "Quan sát hành vi và nội tâm tiềm ẩn, phẩm chất đạo đức và trí tuệ của con người, hình thể tướng mạo không thể là điểm dựa vào để xác định hiền ngu, thiện ác."

- Nếu chỉ quan sát vẻ mặt con người thì mất đi những nhìn nhận tỉ mỉ; chỉ quan sát lời ăn tiếng nói sẽ mất đi sự nhìn nhận chính xác, không toàn diện; nếu nói hồ đồ mất đi những sự tinh tường, mất tín nhiệm!

- Nhìn vào hình dáng mà bàn về tướng mạo, sẽ có điều chưa chuẩn xác. Nhìn mà không có hình, nghe mà không có tiếng, làm sao từ cái không đến cái có được!

Nếu tu dưỡng đạo đức tốt, tuy hình tướng chưa đủ vẫn có thể thay đổi được tương lai, số mệnh và thời vận, đây là những điều mà người ta thường nói: "Có tâm thì có tướng, tướng là do tâm dần dần sinh ra mà có, tướng là tùy tâm quyết định, đó là 1 đạo lý".

Nhiều người đã xác lập rõ:

- Tâm là cơ sở vững chắc để lập nên tướng,

- Nếu lấy "đức" mà tu dưỡng, thì lành dữ có thể khác được

- Tâm mà sinh ra thiện là do nhiều "phúc" tập hợp lại.

Do đó có thể kết luận: Tâm sinh ra tướng. Tâm và Hình hỗ trợ, có ích cho nhau. Tâm có thể hỗ trợ đầy đủ cho Hình; từ đó Hình có thể chịu ảnh hưởng của Tâm. Vậy Tâm rất quan trọng nhưng cũng khó lí giải. Các nhà tướng mạo cho rằng "khí" là mang sẵn chất, chất đầy đủ có thể vận động cho khí. Khí dựa theo hình. Hình có thể bảo vệ khí, 1 người mà khí thần không ổn định thì "vui buồn không đủ sẽ làm loạn tinh thần, mất hẳn vui buồn thì động đến khí". Trên cơ sở nhận thức này, các nhà nhận xét tướng mạo đã liên hệ tướng tâm với khí, hình thành nên học thuyết "Tâm- Khí".

"Có quan sát điều buồn vui giận dữ của con người thì mới biết được con người ấy là người sang trọng. Khi có được khí rồi, thì khí đó làm cho con người thu thái, yên tĩnh".

"Cái khí của con người thiện, không gấp không thô bạo, không loạn; rộng rãi như nước biển dâng trào, hài hòa có thể tiếp xúc với mọi vật, như gió xuân phơi phới điều gì cũng đạt. Cương mà có thể chế ngự được mọi thái độ không bình tĩnh, thanh khiết, chưa vương bụi trần, được nhiều ích lợi. Nếu

không hòa, không cương mà nhu, không thanh mà trọc, không chính mà thiên lệch, không thu thái mà gấp gáp thì chẳng làm nên sự nghiệp gì. Khí sâu sắc, yên tĩnh, trung dung, đều có thể làm được quân tử lẫn tiểu nhân."

Khí phải đi theo trạng thái tâm hồn, đây là 1 trong những phương pháp chủ yếu để y học phương Đông chẩn bệnh. Các nhà nhận xét tướng mạo căn cứ vào đó mà phát huy nghiệp vụ, từ góc độ của tướng tâm mà nói quan hệ "Khí với Tâm".

"Phương pháp nhận xét "tướng tâm" nguyên chỉ tư tưởng và biểu hiện của con tim. Các nhà tướng thuật khi bàn đến "tướng tâm" thường dùng nhiều "phương pháp" để đánh giá tấm lòng con người đối với thiện, với ác. Nhiều nhà khoa học chuyên thảo luận cái chính cái tà, có thể giữ được hay không cái gọi là "Chính tâm thuật" (nhận xét về biểu hiện của con tim), "thừa tâm thuật" (kế thừa phương pháp nhận xét về con tim), nội dung là xuất phát từ tiêu chuẩn đạo đức luân lý của xã hội. Cái gọi là "có thể giữ được hay không giữ được" là văn hóa truyền thống của xã hội cũ về nhân phẩm, quan niệm về cái ác của con người. Nhưng sau khi xác định tiêu chuẩn cái đẹp, cái ác của tướng tâm, làm

thế nào để đánh giá tướng tâm của một con người?

Tướng tâm không có vật để quan sát cụ thể, không thể nhắm mắt mà tưởng tượng, mà nói tùy tiện. Khi bình luận nhân phẩm, trước tiên phải quan sát lời ăn tiếng nói, hành vi. Những nhà tướng thuật làm thế nào để có thể trong thời gian ngắn quan sát được hành vi?

Trong thực tế, khi đoán xét tướng tâm có người bất chính không căn cứ vào sự vật cụ thể để đối chiếu, mà tô vẽ nói dựa để lấy lòng khách hàng, nói bịa để thu lợi. Việc làm này đương nhiên là của các ông thầy tướng tấp nham.

Tướng hình là thứ rất cụ thể còn tướng tâm có thể uyển chuyển, vận dụng khéo léo lý luận để nhận xét. Nếu biết kết hợp tướng tâm và tướng hình một cách hữu cơ thì có thể thấy được điểm tu cao độ của vật chất với tinh thần.

Tướng hình và tướng tâm thuộc hai lĩnh vực khác nhau, nhưng bình thường có mối quan hệ bổ trợ cho nhau, giúp ích cho nhau. Tướng tâm có thể bổ sung cho cái không đủ của tướng hình. Tướng tâm và tướng hình đều tốt, thì số mệnh thời vận mới tốt. Nếu tướng hình không tốt, tướng tâm lại

ác, người xem như quả trứng coi như tàn lụi, vô lúc nào không biết; có tướng mà không có tâm, thì tướng sẽ bị tiêu diệt. Vạch rõ mối quan hệ này giữa tướng hình và tướng tâm là điều cần thiết.

Tướng hình là do cha mẹ sinh ra, một khi đã định hình thì không thể thay đổi được, nhưng tướng tâm lại được cảm hóa, giáo dục mà nên, cho nên nó có sự "biến" để "tạo" rõ ràng. Đặc biệt là sau khi phương pháp nhận xét tướng mạo chịu ảnh hưởng của văn hóa truyền thống và tinh thần Phật giáo, "Tướng Tâm" khuyên người ta làm việc thiện nhiều hơn để tạo lên di Phúc cho chính bản thân mình.

Dù cho tướng tâm có chức năng khuyến hóa, các thầy xem tướng nói chung vẫn đi sâu nghiên cứu tướng tâm để nâng tướng tâm lên mức thần bí, ảo diệu mơ hồ. Để có nội dung cụ thể của tướng tâm, nghĩa là không để tướng tâm trở thành thú hư ảo, bí ẩn, mà có thể nói cụ thể được, người ta đã từ tướng hình mà tìm được dấu tích từng điểm một của tướng tâm. Nhưng những cái mà tướng tâm có được, thì hình thể có được hay không? Câu trả lời là: "Nếu một người mà trung thực, chân chính, sắc

yên tĩnh, mày giương cao, mắt mở to là người khoan dung. Khí hòa, mắt nhắm, mặt màu vàng là người hay quan tâm đến kẻ khác; mũi thẳng, định thần là bình thường.

Hình dáng mặt mày có vẻ cổ hủ, không tân tiến là người tính tình cương trực. Mắt hung dữ, thần lộ ra là người hiểm ác. Mắt sụp xuống, người béo là có ý xấu. Mắt sâu, thò thụt nằm ngang là người quá tỉ mỉ.

Mặt có vẻ nồn nóng là người bồn tẩu cạnh tranh, mặt lúc nào cũng cười là con người nham hiểm. Người hay lắc lư là người cầu thả.

Biết lấy tướng tâm để bổ sung cho tướng hình, đó là những thầy xem tướng giỏi.

Đồng ý có thể nhận thấy được trạng thái tâm lý, diện mạo, tinh thần của một người trên tướng hình. Nguyên nhân ảnh hưởng của trạng thái tâm lý rất nhiều, không thể hoàn toàn dựa vào đặc điểm tướng hình, nếu vội vã kết luận thì sẽ phiến diện sai lầm. Có lúc tướng hình bổ sung cho tướng tâm, khi tướng hình rất đẹp che dấu cho tâm địa thâm hiểm độc ác, lúc đó dù thầy tướng quan sát tỉ mỉ thế nào đi nữa cũng không phát hiện nổi, chỉ còn

chờ lúc nào đó sự thật sẽ lộ rõ, đó là tướng của loại người "Mặt người dạ thú", "Tri diện bất tri tâm". Do đó quan sát tướng tâm phải thận trọng. "Thiên tướng tâm", sách tướng của Trần Chuyển đời Tống có viết: "Tù thiện làm tướng tâm nổi tiếng. Tướng là tù tâm mà sinh ra. Tâm có thiện, có ác, có hậu, có bạc. tướng do quan hệ với tâm mà có".

CHƯƠNG VIII

KHOA HỌC NHÂN DẠNG VỚI GIÁO DỤC VÀ HƯỚNG NGHIỆP

I. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ CON NGƯỜI

Thời Hy Lạp cổ đại, nhà bác học A-rit-tốt đã đưa ra một số ý kiến về "Tuống mạo học". Nội dung mà ngành khoa học này nghiên cứu là các sinh hoạt tâm sinh lý có liên quan đến diện mạo đáng vóc, tính tình của mỗi con người cùng với các chỉ tay trong lòng bàn tay con người. Lập luận của các nhà nghiên cứu trước đây là:

Tuống mạo đã an bài cho định mạng. Sự sắp xếp cấu trúc con người là theo qui luật tự nhiên đầy bí ẩn, phải cần đến khoa học dần dần khám phá. Nhà bác học người Nga Men-đơ-lê-ép nói: "Những gì mà chúng ta đã khám phá được ngoài vũ trụ cũng như trong con người đều do khoa học tự nhiên, thành tựu đó rất lớn. Nhưng cũng còn có điều bí ẩn mà chúng ta chưa khám phá ra được, đó là

những điều huyền bí, chúng ta không nên vội vàng khẳng định hay phủ nhận. Trước đây ở Hy Lạp, nhà bác học A-rit-tốt đã đưa ra những phương pháp nhận xét tướng mạo cổ phù hợp với tướng thuật. Một số nhà khoa học phương Tây đã nghiên cứu, lý giải về sinh hoạt tâm lý có liên quan đến diện mạo, hình dáng, những chỉ tay trong lòng bàn tay con người. Cách xa nhau một khoảng thời gian hàng nghìn năm, nhưng hai quan điểm đã đồng nhất với nhau về một hướng để khám phá ra những bí ẩn trong tâm lý, cá tính và khả năng của con người, những gì mà khoa học thực nghiệm ngày nay đang từng bước lý giải được.

Những nhà hiền triết xưa và những nhà tâm lý học, tướng mạo học ngày nay đều cùng một quan điểm là khám phá những gì về nội tâm và bí ẩn trong cơ thể con người.

Tướng mạo một con người là sự tổng hợp mọi mặt, mọi bộ phận. Bàn tay, chỉ tay con người không tách rời mà kết hợp thành một hệ thống với hình dáng, với tóc, tai, mặt mũi.

Các nhà nghiên cứu giáo dục phương Tây như: Le Senne, Piaget, Binet Simon v.v... trong thực tiễn giáo dục thanh thiếu niên đã khám phá ra nhiều

động lực chi phối khả năng, cá tính trẻ em. Phương Tây có một câu châm ngôn "Trẻ em là người cha của người lớn". Nội dung câu nói tưởng hài hước, nhưng thực tế đúng như vậy, chính là vai trò quan trọng của thế hệ tương lai trong sự nghiệp giáo dục, xây dựng bản ngã con người.

Simon- Bác sỹ y khoa đo trí tuệ trẻ con qua máy móc đã đưa ra công thức:

Tuổi trí tuệ

Tuổi thực sự
để xác định trí thông minh của trẻ.

Bác sỹ Piaget chuyên khoa tâm lý đã theo dõi sinh hoạt trí tuệ, cảm giác và hành động của trẻ em, cho biết: trẻ em nếu được giáo dục tốt sẽ chuyển đổi hiện tại, tạo nên tương lai theo ý muốn.

Giáo sư y khoa Rorschach cho trẻ em nhìn vào mười nét mực được phóng to lên màn hình để các em phán đoán trả lời đó là hình gì. Mỗi hình đều có những phản ứng đối với các em, từ phản ứng đó mà biết được trí thông minh, trí tuệ của mỗi em.

Trong thực tế, màu sắc, cây cối, thú vật, có tương quan chặt chẽ hay lỏng lẻo với con người, có

khuyñh hướng chủ động hay thụ động, có nội tâm hay hướng ngoại, tất cả các câu trả lời của 10 em đều không giống nhau. Trong luận văn tiến sĩ "Kiến thức trẻ em", bác sĩ Corman đã đi sâu trình bày ý kiến nghiên cứu sự hiểu biết của trẻ em, nhận thức của các em trước một số vấn đề, từ đó ông kết luận: chúng ta có hướng giáo dục như thế nào để trẻ em có trình độ kiến thức nhanh chóng, nhạy bén.

Trong một tác phẩm khác mang tên "Hình dáng và cá tính", bác sĩ Corman đã phân tích về hình dáng, cá tính trẻ em để biết được sự phát triển thể chất theo qui luật phát triển cùng với cá tính của trẻ em.

Công trình thứ ba của bác sĩ Corman nghiên cứu là "Chẩn đoán sự thông minh của trẻ em qua các phương pháp y học".

Trong tác phẩm: "Tâm lý trẻ em", bác sĩ y khoa Piaget giải thích: Sự phát triển của trẻ em là tùy theo hình dáng, tầm vóc các em, ngoài ra còn lệ thuộc vào sự phát triển, tâm lý, sinh lý các em, từng giai đoạn phát triển trẻ em mang nhiều cá tính khác nhau. Giáo dục trẻ em phải dựa vào những giai đoạn phát triển này để uốn nắn, hướng dẫn.

Trong cuốn sách "Tính đặc trưng", bác sĩ Le Senne cho thấy: Con người hoàn toàn khác nhau, không ai giống ai và mỗi con người đều mang một cá tính riêng biệt. Khi đi sâu vào tâm lý con người, bác sĩ Le Senne có nhận xét: Tâm lý các vĩ nhân trên đời thường là muốn có được những lý thú.

Le Senne đã giành thời gian khá dài để tìm hiểu về tâm sinh lý trẻ em và lứa tuổi thanh thiếu niên. Ông có hai công trình nghiên cứu.

- 1. Bàn về cá tính học.*
- 2. Tâm lý và cá tính.*

Bác sĩ Piaget cũng là người quan tâm tích cực đến vấn đề giáo dục thanh thiếu niên, nhất là trẻ con.

Piaget có hai công trình nghiên cứu:

- 1. Sáu vấn đề nghiên cứu về trẻ em.*
- 2. Tâm sinh lý trẻ em.*

Trong công trình nghiên cứu y khoa "Y học và đức tính" bác sĩ Kretchmer đưa ra nhận xét: "Sự phát triển của trẻ em về mọi mặt có sự ảnh hưởng của y học trong đời sống tâm sinh lý của chúng, y học đã đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển và trưởng thành của trẻ em. Sự phát triển này thể hiện ở nhiều hình dáng: béo, cao, gầy, và tròn nung núc".

Trong công trình nghiên cứu "Lý thuyết về động lực học của con người", giáo sư y khoa Kurt Lewin đã hình dung con người không phải là một bức tranh thủy mặc mà như một vectơ, một mũi tên luôn luôn hướng về một chiều cố định như bị lôi kéo, thúc đẩy bởi những động lực trái ngược nhau. Nếu dung hòa, phối hợp được khả năng ấy thì con người sẽ phát triển được, nếu không khắc phục được thì tâm hồn căng thẳng, đi đến khủng hoảng; phải vượt qua được thì tâm sinh lý mới trưởng thành hay ít nhất cũng chuyển biến đến cái mới hơn.

Giáo sư y khoa Dougall, thuộc trường đại học Ha-Vớt (Mỹ) đưa ra nhận định: có 3 động lực thúc đẩy tâm lý con người trước mọi hoàn cảnh, đó là:

1. Động lực sinh lý để tự vệ và phát triển.
2. Động lực xã hội để chống trả những sự thống trị cưỡng ép và cưỡng đoạt.
3. Động lực phối hợp để dung hòa nội và ngoại giới.

Trong tác phẩm "Sự ra đời và trưởng thành của trẻ em" nhà khoa học giáo dục M. Debesse cho rằng: "Sự ra đời, phát triển của trẻ em có liên quan mật thiết với sự phát triển trí tuệ và khả năng của đứa trẻ".

Bác sĩ Arthur Conan Doyle (Anh) và N.Vaschide là hai nhà khoa học có những công trình nghiên cứu về con người, tìm hiểu tâm lý cá tính cùng khả năng của con người. Bác sĩ Conan Doyle, sau một thời gian nghiên cứu con người, chỉ thoáng nhìn qua ông có thể biết được cá tính khả năng con người đó như thế nào, thuộc loại người trầm mặc, sống động, hay gian xảo, trí trá.

II. TUỔNG MAO, HÌNH DÁNG, ĐÔI BÀN TAY VỚI VẤN ĐỀ BỆNH CHỨNG, GIÁO DỤC VÀ HƯỚNG NGHIỆP.

Khi nghiên cứu về khoa học quan sát nhân dạng, phân tích bàn tay, bác sĩ J.Ranard không chỉ tập trung khám phá bàn tay để phân biệt cá tính, đặc điểm, thời vận con người mà còn quan tâm đến vấn đề bệnh chứng, phương pháp giáo dục và hướng nghiệp cho trẻ em, thanh thiếu niên. Xuất phát từ lòng nhân đạo xã hội mà ông làm việc quên mình.

Bàn tay có thể báo trước những hiểm họa đe dọa sức khỏe con người. Bàn tay còn cho ta biết rõ tâm trạng người bệnh để thầy thuốc tìm cách chữa trị và sử dụng thuốc.

Giải phẫu một bàn tay có hai lớp, lớp ngoài da

và lớp trong da. Trong 2 lớp da có những dây máu và dây thần kinh. Dây thần kinh của bàn tay dùng để thụ cảm, truyền ngoại giác lên não, và nhận mệnh lệnh của não để hành động. Như vậy, đời sống của con người được ghi rõ trong bàn tay.

1. Bàn tay với bệnh tật.

Người có bàn tay rộng, lòng bàn tay trũng, các gò lớn, các ngón ngắn, mập, ngón tay cái như sừng phồng lên là do có bệnh chảy nước mũi, miệng chảy dãi do hạch dưới não và trán bị bệnh. Hạch ở cổ điều chỉnh một vài hoạt động của tạng, phù để làm tiêu thức ăn, tiêu mỡ béo. Nếu hạch cổ bị bệnh, chất mỡ tích lại, dồn lên mặt, bàn tay sưng, hệ thần kinh tê liệt, thể xác uế oải và tính thần mệt mỏi, thờ thần, đần độn, phải cho uống thuốc làm tiêu bớt mỡ trong cổ; mỡ tiêu, bệnh nhân nhẹ nhõm, không sưng phù. Trong tạng phù thiếu vôi và lân tinh, da ngón tay khô cứng, mỏng, dễ nứt, rách. Da tay khô, răn, dày là thể hiện bệnh sung khớp, bệnh cứng mạch máu. Thần kinh hỗn loạn cũng làm cho bàn tay sưng hay gầy một cách thái quá, thường ở người có tuổi, mắc chứng bệnh về thần kinh. Bàn tay của người về thuốc lá thường bị bệnh tê dại. Các móng tay có móng vuốt như dã thú là tùy

xương sống tổn thương. Ngón tay ngắn mập, là có bệnh về mạch máu, về tim, phổi. Bệnh nặng nhẹ tùy theo triệu chứng, hiện tượng thể hiện ở bàn tay, ngón tay hay móng tay.

Trên đây là nhận xét của bác sĩ Ranald về bệnh tật thể hiện qua bàn tay, mà ông đã quan sát phân tích. Những nhà nghiên cứu y học cổ truyền Trung Hoa, của Ấn Độ hay của Việt Nam (như Hải Thượng Lân Ông), ngoài tài năng chẩn đoán bệnh, bốc thuốc, các ông còn có các công trình nghiên cứu về tướng mạo, bàn tay con người liên quan đến tình trạng sức khỏe, bệnh lý, từ đó chẩn đoán, kết luận chính xác về bệnh lý để chữa trị như: Bàn tay người mắc bệnh tim mạch như thế nào? Bàn tay người mắc bệnh đường ruột ra sao? Từ đó bốc thuốc cho con bệnh.

2. Hướng giáo dục trẻ em.

Từ lâu, nhiều học giả trên thế giới đã có khuynh hướng giáo dục trẻ em, căn cứ theo sự phân tích bàn tay, tướng mạo. Tuy nhiên những ý kiến đó đều từ một lập luận: "Con người sinh ra đều được chỉ định thành công nhân, thầy thuốc, kỹ sư, bác học v.v..".

Nhưng với tiến bộ của khoa học và tri thức loài

người, các quan niệm chưa đúng này được xóa bỏ hoặc thay đổi vì thực tế khả năng của con người đã được phát huy và sử dụng đa dạng.

Ngày nay, khoa học phát triển, giáo dục trẻ em, thanh thiếu niên không còn là vấn đề khó khăn nữa. Chúng ta đã biết rõ năng khiếu cá tính, năng lực của từng em và định hướng cho các em đi vào tương lai, không sợ sai lầm. Vì thế, giáo dục hướng nghiệp cho trẻ em, cần áp dụng 2 thể thức song song với nhau. Đó là kết hợp Tâm lý học và Sinh lý học với Tướng mạo học, quan sát, phân tích bàn tay, chỉ tay. Điều này sẽ có hiệu quả cho giáo dục, hướng nghiệp trẻ em.

Khoa tâm lý hướng dẫn tìm hiểu đặc điểm, cá tính của trẻ em, khoa Sinh lý trang bị cho ta kiến thức về hoạt động sống của cơ thể. Thông qua quan sát, phân tích bàn tay, tướng mạo của trẻ em, ta có thể giúp đỡ, uốn nắn cho chúng, từ lúc chúng còn trẻ thơ. Cha mẹ phải có quyết tâm, thận trọng, chu đáo. Nhiều trường hợp, trẻ em có triển vọng nghề nghiệp nào đó, vô tình đã bị cha mẹ gò ép bắt buộc theo nghề nghiệp khác, làm cho trẻ em không phát triển được năng khiếu, trở nên cau có, phản ứng bằng những hành động, thái độ chống

đối hoặc im lặng nặng nề, tiêu cực, bị quan, yếm thế. Một em bé có bàn tay mềm mại với nhiều đường chỉ, em bé đó giàu tình cảm, nhiều cảm giác. Giáo dục em phải nhẹ nhàng, không được gò ép. Em bé có bàn tay nhiều đường chỉ, đường Sinh mệnh và đường Trí tuệ liền nhau chạy dài, em bé đó nhút nhát, cần được người khác che chở. Em bé có bàn tay dài, mềm, có hơi ấm, đường chỉ chạy dài, thẳng hàng, sâu đậm, hồng hào, không bị gãy nhiều đoạn, ngón tay dài. đó là biểu hiện em là người đôn hậu, đức hạnh và chân thật, thông minh. Dĩ nhiên ngoài những biểu hiện này còn phải qua tướng mạo như tướng mặt, và hình dáng, hành động. Nếu một em bé có đường Trí tuệ tốt, em bé đó sớm thông minh, mọi người phải động viên và giúp đỡ để em bé phát triển khả năng ấy.

Đường Trí tuệ và đường Sinh mệnh không dính nhau ở khởi nguồn trên cả 2 bàn tay thì bé sẽ táo bạo, tự do, nếu không hạn chế sẽ phát triển tính hung bạo. Những em bé có các ngón tay nhỏ thì tính tình ngăn nắp, nếu thiên về nữ tính sẽ nhu nhược, mềm yếu. Những em bé có ngón tay dài, thon, có tính tự giác cao, quá cứng rắn, cần khuyến khích để các em mở rộng năng khiếu để phát triển trí lực.

Những em bé có đường Trí tuệ bị gãy hoặc gặp nhiều gò nổi, chúng tỏ em bé đó nếu gặp khó khăn tinh thần sẽ sa sút ngay. Bình thường những em bé này thông minh, hiểu kỳ, học mau hiểu nhưng lại chóng quên, do đó rất cần sự trông nom, săn sóc của cha mẹ, anh chị em để vượt qua được khó khăn. Nếu duy trì được sinh hoạt bình thường, các em bé này sẽ tránh được tư tưởng bạc nhược, tinh thần sa sút trên đường đời.

Một em bé có đường Trí tuệ cong, chạy sâu về mép bàn tay, tính tình em bất thường hay nóng nảy. Cần khuyên em chọn bạn mà chơi.

Một em bé có bàn tay mềm, ngón tay nhọn, đường Trí tuệ cong theo chiều cái ngón, em bé này tính tình ngang bướng, cứng đầu cứng cổ, ưa hoạt động cũng hay mơ mộng. Đối với những em bé này, vấn đề rèn luyện thể dục thể thao là điều rất cần thiết, cần hướng dẫn các em đi vào nền nếp hoạt động chung trong xã hội, tránh mơ ước hảo huyền.

3. Hướng nghiệp cho trẻ em.

Qua tướng mạo, chúng ta có thể biết cá tính, khả năng của trẻ em, từ đó chúng ta có thể hướng nghiệp cho các em.

Khoa Tâm lý học. Tướng mạo học sẽ giúp chúng ta hướng con em chúng ta đi vào tương lai tùy theo khả năng của chúng.

Hướng nghiệp không phải là việc ép buộc, khiến cưỡng, mà là tìm ra khả năng, chỉ ra phương tiện, điều kiện để giúp trẻ em theo đuổi, hoàn thiện những khả năng có thể thực hiện được.

Thực tế đã có người phấn đấu trở thành nhà chính trị tài ba, mà trước đó gia đình cứ ép người đó phải làm một nha sĩ. Có những phụ nữ có thể hoạt động xã hội như nam giới, còn nhiều hiệu quả hơn.

Bác sĩ J.Ranald đã phân tích và xếp loại nghề nghiệp thích hợp cho từng hạng người tùy theo cá tính, khả năng tướng mạo.

Ví dụ:

- Người có ngón tay dài và thẳng: tính ngăn nắp, bền chí.

- Người có ngón tay vuông: thực tế, ít mơ mộng. Nghề nghiệp của 2 loại người này là: kế toán, kế hoạch, thủ kho.

- Người có ngón tay dài và thon, ngón tay cái to, gò mọc tinh cao thì có tư thế lãnh đạo, chỉ huy,

là công chức cấp cao. Chính ngón tay dài tạo điều kiện cho người đó ngăn nắp, bền chí. Ngón tay thon biểu hiện thông minh, giao tiếp khéo. Ngón tay cái to là giàu nghị lực.

Gò mọc tinh cao giúp cho tư thế chỉ huy vững vàng, mọi người đều phục tùng.

- Người có ngón tay ngắn phù hợp với nghề kỹ giả, ngân hàng, kỹ sư, đạo diễn...

- Người có ngón tay dài, thật thon, ngón cái thanh nhẹ phù hợp với nghề luật sư, giáo sư, diễn viên, giải phẫu thẩm mỹ.

- Người có bàn tay vừa phải, không rộng, không hẹp thì cần mẫn, kiên trì, chuyên tâm, phù hợp với nghề: kỹ sư hầm mỏ, bào chế, nghiên cứu khoa học.

- Người có ngón tay út mập, tròn phù hợp với nghề: văn chương, hội họa, thông dịch, tiếp viên...

Tóm lại, khi chọn nghề, hướng nghiệp cho trẻ em nếu biết kết hợp quan sát, phân tích kỹ bàn tay các em với tìm hiểu năng lực, năng khiếu để định hướng tương lai cho các em, dẫn dắt các em từng bước lựa chọn nghề nghiệp dưới sự theo dõi giúp của bố mẹ và anh chị em trong gia đình thì sẽ đạt kết quả cao.

Việc quan sát, tìm hiểu năng khiếu sẵn có trong lòng bàn tay cũng như việc phân tích tỉ mỉ về tính tình, trí óc sẽ hướng các em đi đến việc lựa chọn nghề nghiệp thích hợp với năng khiếu, cá tính từng em, giúp cho các bậc cha mẹ yên tâm cho tương lai con em mình.

CHƯƠNG IX

PHÊ BÌNH TƯỚNG THUẬT

Chúng ta không nên coi thường sự tồn tại của tướng thuật. Cơ bản là chúng ta có khả năng nhận xét và đánh giá được tướng thuật hay không. Chúng ta phải đánh giá cái hay, cái dở, nghiên cứu sâu kỹ ngành khoa học này, giúp ích cho đời sống loài người.

I. NHẬN XÉT TƯỚNG MẠO VỚI Y HỌC PHƯƠNG ĐÔNG.

Hình thái khí sắc của một người có thể biểu hiện lành dữ, phúc họa, cũng có khả năng chẩn đoán để biết và khắc phục bệnh tật. Cái trước là dự đoán của tướng thuật, cái sau là chẩn đoán của các nhà y học. Nếu không mổ xẻ nghiên cứu hình thể con người thì không được. Mục đích, xuất phát điểm của tướng thuật khác với Đông y; điểm dựa lý luận và phương pháp quan sát cũng khác nhau xa.

Y học phương Đông cho rằng ăn uống đóng vai trò quan trọng trong đời sống con người, nó ảnh hưởng đến sức khỏe cũng như tinh thần, "Từ bệnh mà sinh ra mệnh". Ăn uống không điều độ sẽ sinh ra bệnh đường ruột, dạ dày. Khí phát ra ngán, tinh thần kém mà sinh ra nhiệt, có lúc bốc hỏa lên mặt sinh ra bệnh dạ dày. Người mặt bốc nóng là bệnh về dương, cho nên y học phương Đông hết sức xem trọng quan hệ giữa ăn uống, chỗ ở với dưỡng sinh phòng bệnh. Ăn uống mà điều độ, chỗ ở bình thường, không ham làm quá sức, giữ được hình dáng và tinh thần ổn định có thể sống trăm tuổi.

Ăn uống điều độ cùng với làm việc vừa phải, âm hòa nằm vào Thổ và Khôn. Nếu có được khí Cốc, khí Doanh, khí Thanh, khí Vị, khí Nguyên sẽ đem lại điều tốt là khí Dương cho lục phủ, lăm khí dương không lộ ra ngoài, người như thế là hợp với trời. Nếu Thổ và Khôn nằm trong âm hòa thì là vui, dữ, giận, đau thương, lo nghĩ, sợ hãi. Khí của dạ dày không thông, làm việc quá nặng, ăn uống không điều độ, nguyên khí sẽ bị tổn thương, sẽ sinh ốm nặng.

Phương pháp nhận xét tướng mạo cho rằng qua ăn uống có thể xem xét sự sang hèn, tính tình của

một con người cũng có thể thấy được sức khỏe người đó biết được người đó, có sống lâu không.

Khí huyết mạnh, tinh mệnh tồn tại, là do ăn uống. Ăn uống không điều độ, khí không hòa. Phải có tuần tự, dung mạo phải khoan thai, làm việc điều độ mới khỏe mạnh. Khi nói phải đường hoàng, ngồi ngay ngắn, đầu thẳng, gấp nhưng không thô bạo, giữ được cử chỉ khoan thai là ứng vào tướng mạo của những người sang. Nói năng từ tốn, không giận dữ thái quá, ăn uống vừa phải không để cho béo quá, ăn ít mà không gầy, ăn chưa no vẫn khỏe, là người quý tướng.

Ăn nhiều thì loạn. Ăn vội vã là người có tính thô bạo. Ăn uống từ tốn, tính ôn hòa. Gục đầu xuống mà ăn lấy ăn để như con lợn ăn cám, con người đó tính bần tiện. Ăn mà thông thả như bò gặm cỏ là con người có phúc, có lộc. Ăn như dê là người được tôn vinh. Ăn như hổ là có quyền tướng soái cầm quân. Ăn như con khỉ ăn, là người có vị trí. Ăn mà chỉ ở đầu lưỡi thôi là con người suốt đời nghèo khổ, đói rách. Ăn mà sử dụng hết chức năng của miệng là hòa thuận. Ăn nhồm nhoàm là con người bất nghĩa. Ăn mà lộ toàn bộ răng là người khổ, mệnh ngắn. Ăn mà rơi vương vãi, là con

người có thể chết đói giữa đường. Ăn mà như chuột gặm là người đói cả đời. Ăn mà như ngựa là tướng bần tiện. Ăn mà không yên, suốt đời nghèo đói.

Ăn nhanh nhưng không thô bạo, không ồm ỉ là người làm được nhiều việc tốt.

Cũng giống tướng ăn, các nhà y học cho rằng ăn uống mà không điều độ, kết quả sẽ "sinh bệnh". Theo y học, ăn không nhai kỹ sẽ có bệnh về tỳ, vị. Tỳ vị bị tổn thương thì âm hỏa sẽ tăng, dẫn đến tính tình, hành động nóng nảy, nguyên khí sẽ tổn thương, kết quả là "tử bệnh mà sinh ra mệnh", nếu không nhờ vào y học để trị bệnh, thì tính mệnh khó vẹn toàn. Cho nên các thầy thuốc nói ăn uống mà không giữ gìn thì "chỉ được 50 tuổi, khó sống tiếp".

Nhận xét tướng mạo có nói đến tướng ăn uống, là tiếp thu một phần lô gích của các nhà làm thuốc. Tướng thuật nói về "khí huyết", "tính mệnh", "hung dữ bất hòa" là từ nguồn gốc của các thầy thuốc nói về "Tỳ vị mà hư thì thân thể suy nhược, bởi vì các khí của âm hỏa phát ra, làm cho mất huyết nhiều, khí mất, âm hỏa mà vượng, ngày càng như bị thiêu đốt, khí huyết càng ít đi". Do đó các nhà tướng thuật cho rằng người ăn uống nhồm nhoàm, háu

ăn thì sống không lâu, mệnh ngắn.

Ăn uống - tình cảm thái độ - sang hèn, đó là tướng ăn. Các nhà nhận xét tướng mạo xem cách của ăn uống, "gắp gáp, ôn tồn", "ăn lộ răng hết ra", "ăn như ngựa nhai cỏ" để chẩn đoán ý nghĩa của số mệnh, thời vận của con người. Khi bàn về quan hệ giữa ăn uống với thân thể, các thầy thuốc vẫn giữ vững lập trường ở góc độ sinh lý, sinh vật. Tướng thuật phát huy hết tinh hoa của lý luận Y học để giải thích số mệnh thời vận. Các thầy thuốc khuyên mọi người: ăn uống phải điều độ có lợi cho giữ gìn sức khỏe, phòng bệnh, đồng thời giữ được lịch sự, có văn hóa. Thầy tướng cũng khuyên như thế nhưng nhấn mạnh về thái độ văn minh, lễ nghi.

Trời đất và con người hợp nhất là nguồn gốc tư tưởng chung của y và Tướng. Trên thực tế, trời và người hợp nhất là nội dung chính của Y học phương Đông. Y học phương Đông giải thích rõ: "Trời đất có trật tự, con người phải tuân theo. Cái đạo của Thánh nhân, trên có trời dưới có đất, ở giữa là con người" (Sách Thiên Linh Khu - chương Nghịch Thuận).

Tướng của người có trời đất can thiệp vào, tương ứng với nhật nguyệt. Cái lớn của Trời Đất, con

người phải thấy để ứng xử cho hợp đạo lý.

Khí của con người là do Trời đất mà có, do 4 mùa mà thành (Sách Bảo Mệnh Toàn Hình luận).

Y học phương Đông cho rằng trong hình thể con người có một hệ thống tự nhiên hợp nhất giữa Người và Trời. Con người ứng với 9 cung là:

- Chân trái ứng với Lập Xuân: Tuất, Dần, Tỵ, Sửu.

- Suôn trái ứng với Xuân phân: Ất-Mão.

- Tay trái ứng với Lập Hạ: Tuất, Thìn, Kỷ, Tỵ.

- Yết hâu, đầu ứng với Hạ chí: Bình.

- Tay phải ứng với lập Thu: Tuất, Thân, Tỵ, Mùi.

- Suôn phải ứng với Thu phân: Tân Dậu.

- Chân phải ứng với lập Đông: Tuất, Mậu, Tỵ, Hợi.

- Vòng lưng bên dưới ứng với Đông chí: Nhâm, Tý.

- Lục phủ cùng với hoành cách ứng với Trung châu.

Dựa vào hệ thống này, các thầy thuốc có thể không trái ý trời, không phạm vào đất, để chẩn đoán bệnh tật, cho các bài thuốc hay.

Rõ ràng, khi nói trời và người hợp nhất là nói đến sự ăn ý hòa hợp với nhau về điểm này, nhận xét tướng mạo và y học nhất trí với nhau, dùng một loại ngôn ngữ như nhau. Ví dụ: Thiên môn, Thiên trung, Thiên thương, Thiên địa tương hợp, Thiên địa tương ứng, Thiên giáo, Thiên luận, Thiên đình, Thiên viên địa phương, Địa phủ, Địa các, Địa khổ...

Có nguồn gốc tư tưởng giống nhau nên trong vận hành cụ thể, tự nhiên y học và tướng mạo có nhiều chỗ tương tự hoặc giống nhau.

Quan niệm về thiện ác của giai cấp thống trị phong kiến vẫn là "quan bản vị" (lấy quan làm gốc), từ ý thức hệ đẳng cấp. Sang là những trí thức Nho giáo, hèn là nông dân, thương nhân. Trong tướng thuật đàn bà, thường người ta hay đề cập ngay đến trinh tiết hay dâm dăng, khẳng định người đàn bà nào cũng có. Trong tướng thuật có một chuyên đề thảo luận về nữ tướng, xem xét chân tơ kẽ tóc của người đàn bà để kết luận người đó trinh tiết hay dâm dăng.

Trong tập sách "Thần tướng toàn biên" quyển 11 có những chương: "Đạt ma phụ nữ tướng"; "Ma y thu trạch nguyệt luận nữ nhân", "Quý cốt tử tướng phụ nữ ca" "Nữ nhân "Luận hung tướng ca".

"Nữ đức luận" Phụ nữ quý tiện cách", "Nữ nhân cứu thiện tướng" v.v... phương thức tướng thuật hầu như đều dựa vào quan niệm đạo đức luân lý phong kiến.

Sách "Ma y thu trạch nguyệt luận nữ nhân" viết: "Người đàn bà phải hợp với nhân luân", phải có đức tính nhu mì, nói năng nhã nhặn từ tốn; tam tông tứ đức là lễ nghi của người đàn bà, như vậy mới có được chồng hiền. Nếu tướng của người đàn bà mà răng chìa, trán gồ, môi cong thì xung khắc với chồng, sống không hạnh phúc, tướng rất xấu.

Những lập luận trong các quyển sách trên đều xuất phát từ quan điểm trọng nam khinh nữ của xã hội phong kiến.

Có người nói, tướng thuật là sách giáo khoa của quan niệm luân lý phong kiến. Nói như thế hơi quá. Nhưng trên thực tế các ông thầy tướng mang dáng dấp giáo sĩ truyền giáo phong kiến.

Ngoài hai điểm nói trên, tướng thuật còn có nhiều điều khiên cưỡng, so sánh gượng ép, tự gây ra mâu thuẫn, biến mọi thứ thành bí ẩn, khác đời thường, trình bày các luận cứ không thống nhất.

Trong tập sách "Tứ lộ thiên cơ" có đoạn viết khá chính xác về nguyên nhân tướng thuật ăn sâu vào lòng người:

"Giống như tôn giáo, tướng thuật và mệnh học còn tồn tại lâu dài, có liên quan đến đời sống tinh thần của loài người. Con người có ước vọng mạnh mẽ về ý thức và hiện thực của mình. Sự phát triển của con người, một mặt có khả năng xác định những khó khăn của mình; mặt khác quyết định được những điều kiện dự đoán khó khăn do hoàn cảnh gây nên. Những điều này không định tính khiến cho số mệnh đã mang màu sắc thần bí. Chưa biết được, con người vẫn sợ, mong tự mình biết được số mệnh của mình. Do đó tướng thuật ngày càng phát triển.

Con người luôn cố gắng để nắm được số mệnh của mình, nhưng do nhiều nguyên nhân từ xã hội và những biến cố bên ngoài khiến sự cố gắng của con người với kết quả thu được có nhiều khác biệt, không có cách nào để giải thích được mối liên hệ tất nhiên nhân quả trong khi nhịp độ cuộc sống xã hội ngày càng nhanh, các nhân tố không thể đoán định được ngày càng nhiều khiến cho nhiều người sinh ra mê tín, trở thành tín đồ của thuyết "Định mệnh".

*

*

*

Để đi đến kết thúc quyển sách này xin nêu lên mấy ý kiến:

- Cũng giống như tôn giáo, phương pháp nhận xét tướng mạo và số mệnh học còn tồn tại lâu dài, có liên quan đến nhu cầu tinh thần của nhân loại. Con người có khả năng biết trước cái khó nên cũng biết cách khắc phục. Do chưa có ngành khoa học nghiên cứu chuyên sâu nên số mệnh và thời vận vẫn luôn mang màu sắc thần bí, con người tự mình chưa dự đoán được tương lai cho cá nhân. Mấy thế kỷ gần đây, tướng mạo, số mệnh, thời vận không còn đơn thuần là những triết lý khoa học để các nhà trí thức nghiên cứu, mà đã đi vào thị trường. Với ý đồ cá nhân, có kẻ đã lợi dụng sự mê tín của một số người, lấy việc xem tướng, đoán số để kiếm lợi. Dương nhiên, đã có ý xấu thì nói sai, họa hoằn mới nói được một vài ý dự đoán đúng. Bọn bịp bợm chỉ có thể lừa được những ai mê muội, không làm chủ được bản thân.

Thời đại chúng ta đang sống là thời đại khoa học ngày càng phát triển. Thần bí tướng thuật sẽ được giải đáp dần qua các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học chuyên ngành.

Thực tế hiện nay, trong xã hội có nhiều thầy

tướng hoặc công khai hoặc tùy lúc tùy thời, úp mở hành nghề. Lời khuyên của chúng tôi là tự mình nên tin mình, nếu có ý chí thì có thể tránh được những gì xấu sắp xảy ra và phát huy những cái tốt đã có, chờ đón tương lai đẹp tươi. Bằng hiểu biết khoa học, chúng ta làm sao cho tâm hồn thanh thản, làm được nhiều việc có ích cho đời, số mệnh, tướng mạo chỉ là để tham khảo./.

MỤC LỤC

Lời nói đầu	5
Chương I: Giới thiệu khái quát	7
Chương II: Các sách viết về tướng mạo	41
Chương III: Khoa học nhân dạng thế kỷ XX	70
Chương IV: Các nhân vật tài năng	78
Chương V Các loại nhân dạng	131
Chương VI: Quan sát tướng hình	151
I: Phương pháp quan sát tướng hình	151
II: Tiêu chuẩn của hình dáng tướng mạo	169
III: Tướng xương	183
IV: Tướng mặt	204
V: Tướng mạo thân thể	268
Chương VII: Các loại tướng	275
I: Tướng tay	279
II: Tướng hình dáng tinh thần	344
III: Tướng khí sắc	352
IV: Tướng động tĩnh	359
V: Nốt ruồi	368
VI: Tướng tâm	372
Chương VIII: Khoa học nhân dạng với giáo dục hướng nghiệp	391
Chương IX: Phê bình tướng thuật	406

KHOA HỌC NHÂN DẠNG
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ DÂN TỘC

Chịu trách nhiệm xuất bản:

PGS-PTS HOÀNG NAM

Biên tập: **NGUYỄN THỊ CHÍNH**

Sửa bài: **SOẠN GIÁ**

Trình bày bìa: **HÀ PHƯƠNG**

in 2.000 cuốn khổ 13x19 tại Xưởng in NXBNN
Giấy phép xuất bản số 384/CXB, trích ngang ngày 3/1/97.
In xong và nộp lưu chiểu quý III/1997

